

ĐẶC SAN CỎ THƠM ONLINE

Số 17 – Tháng 9, 2019

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:
PHAN ANH DŨNG
dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:
PHAN KHÂM
phanvyle@yahoo.com

TỔNG THƯ KÝ:
ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
dsenser@yahoo.com

WEBSITE
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA
TEL. (804) - 387- 8773
dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH.
DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG.
NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM.
NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. PHẠM THỊ NHUNG.
TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN VĂN THÀNH²³.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU.
HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY.
PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



ĐẶC SAN CỔ THƠM ONLINE SỐ 17 – THÁNG 9, 2019

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO:

- 16 - PHIÊN TÒA XÉT XỬ VUA
LOUIS 16 – TP NGUYỄN VĂN
THÀNH23
- 41 - CHARLES DARWIN và
“NGUỒN GỐC CHỦNG LOẠI”-
PHẠM VĂN TUẤN
- 65 - THƠ XUYỀN LƯU (SENRYU)
CỦA NHẬT – NGUYỄN NGỌC BÍCH
- 75 - ĐỌC “TƯỚNG NHƯ ĐÃ MẮT”
của VÕ PHÚ – NGÔ TĂNG GIAO
- 134 - BÙI GIÁNG VÀ NHỮNG BÀI
THƠ CHO MỘT NGƯỜI – PHẠM
THÀNH CHÂU
- 164 - TƯỚNG NIỆM THÁNH TỔ ÂM
NHẠC CECILIA – LINH PHƯƠNG

VĂN:

- 4 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH – PHAN
ANH DŨNG
- 7- NUÔI CON NHON TÌNH –
NGUYỄN VĂN SÂM
- 30 - HẸN MÙA HOA CÚC - UEDA
AKINARI - Chuyển ngữ: NGUYỄN
NAM TRẦN
- 53- GÁNH LO – DIỄM CHÂU CÁT
ĐƠN SA
- 70- HUNG THẦN CỦA TUỔI XUÂN
– NGUYỄN LÂN
- 82 - MẮT MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG –
T T - THÁI AN
- 93 - ĐƯỜNG NÀO LÊN THIÊN THAI
– LÊ VĂN PHÚC
- 101 - MƯA HÈ Ở SALZBURG – VŨ
NAM

- 108 - CHUYỀN TÀU “283+2” – VUU
VĂN TÂM
- 115 - VỀ ĐẬU CHIẾC BẮC NGÀY
XƯA? – ĐOÀN XUÂN THU
- 119 - ĐOÀN KẾT TRONG TRUYỆN
TAM QUỐC – TRỊNH BÌNH AN
- 126 - MÙA XUÂN TUYỆT VỜI -
PHƯƠNG DUY TDC
- 137 - CÂY TRÚNG CÁ - LÊ THỊ
KIM OANH
- 148 - CHUYỆN ÔNG ĐÒ GIÀ TRÊN
ĐẤT MỸ - TRẦN NGỌC ÁNH
- 156 - CHO TRÒN CHỦ HIẾU MỚI
LÀ ĐẠO CON – NGÔ TĂNG GIAO
- 170 - MƯA ƯỚT VỊ THÀNH –
TRƯƠNG VŨ
- 185 - VỀ LẠI DÒNG SÔNG – TRẦN
C. TRÍ

THƠ:

- 6 - BÁT CHỢT & NỢ & HOA BƯỚM
– PHAN KHÂM
- 14 - MỘT GẤ SAY THƠ – ĐĂNG
NGUYỄN
- 15 - LÀNG TÔI – DUY AN ĐÔNG
- 28 - THỜI GIAN ƠI HÃY NGỪNG
BAY- NT NGỌC DUNG
- 29 - PARIS MÙA LẠNH - TRƯỜNG
ĐÌNH
- 39 - KHÁCH QUÊ – ĐỖ BÌNH
- 40 - NHỚ TIÊU THƯ SÀI GÒN –
PHẠM THỊ NHUNG
- 51 - VƯỜN SAU CÓ ĐÓA SÀU DÀI –
TUỆNGA
- 52 - NỤ HÔN ĐỢI CHỜ - THÁI
HÙNG PGH
- 64 - REMEMBER ME – H. LAWSON /
Chuyển ngữ: NHỚ TÔI - T.M. NGÔ
TĂNG GIAO

69 - THỜ NGẪN – TRƯƠNG ANH THỤY
74 - KIM CƯƠNG TRONG ĐÓNG RÁC- TRẦN QUỐC BẢO
81 - TRÁI TIM HỒNG - NGUYỄN CHÍ THIÊN
90 - CÒN MƯA HẠ - BÙI THANH TIÊN
91 - TRI TÂM – VƯƠNG THANH
100 - VÀO THU & LÁ KHÔ – NGUYỄN VÔ CÙNG / HƯƠNG THU – HOÀNG TRÙNG DƯƠNG
106 - TIẾNG GỌI NGÀY HÈ & ĐÊM Ở CAPE HATTERAS – Y THI
107 - NHỚ NGÀY THÁNG CŨ - NGUYỄN KINH BẮC
111 - KIẾP PHÙ SINH & PHẬN BỤI TRẦN AI - HOA VẼN
114 - VU LAN NHỚ MẸ – Ỡ NGUYỄN
118 - EM CÓ NGHE – NGUYỄN THÙY
132 - CUỘC SỐNG Ý NGHĨA – CHẤM TÁ NHÂN
142 - XIN MỘT NỤ CƯỜI – YÊN BÌNH / GRANT ME A SMILE -
Chuyển ngữ: THANH THANH
169 - DÙ SAO VẼN CẢM ƠN ĐỜI – PHẠM CAO HOÀNG
184 - MƯA ĐÊM LÁT PHÁT – NGUYỄN PHÚ LONG
194 - HÀNH TRÌNH – LÝ HIẾU
196 - BÂY GIỜ - LÊ MAI / NOWSADAY -
Chuyển ngữ: THANH THANH
197 - TRÚC ĐÀO VƯỜN CŨ – QUỲNH ANH / NGƯỜI HIỀN VÀ NGƯỜI ĐẸP – HÀ BÌNH TRUNG

HỘI HOA, NHIẾP ẢNH:

1- BÌA:- RỪNG THU ĐÃ KHÉP -
Tranh: NGUYỄN SƠN
5- NGÂM NGA – Thư họa: VẤN TẤN PHƯỚC

63 - MẸ YÊU CON – Tranh: CÁT ĐƠN SA
73,80 - HOA MÙA HÈ - Ảnh: MINH CHÂU
81 - TRÁI TIM HỒNG – Tranh: THANH TRÍ
92 - SÁNG THU – Thơ: HOÀNG SONG LIÊM – Thư họa: VŨ HỒI
145 - NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH của VŨ CÔNG HIỀN
163 – ĐÓN XUÂN VẼ – Tranh: NGUYỄN THỊ HỢP
165 - CHÂN DUNG TRƯƠNG VŨ – Tranh: NGUYỄN THỊ THỊNH
179 - BÌNH MINH SAU ĐÊM MƯA – Tranh: TRƯỜNG VŨ
195 - BIÊN VẮNG TÌNH EM – Tranh: NGUYỄN SƠN

NHẠC:

39 - KHÁCH QUÊ – Nhạc: PHẠM ĐĂNG - Thơ: ĐỖ BÌNH
112 - SÓM MAI LÊN PHỐ MÂY HỒNG – Thơ: TUỆ NGA – Phổ nhạc: VĨNH ĐIỆN
133 - BẢN TANGO “POR UNA CABEZA” – HOÀNG ĐÌNH BÌNH
143 - XIN MÃI CÒN NHAU – Thơ: HỒNG THÚY – Phổ nhạc: NGUYỄN TUẤN
184 - MƯA ĐÊM LÁT PHÁT – Nhạc: DƯƠNG QUANG CÁT- Thơ: NGUYỄN PHÚ LONG

GIỚI THIỆU SÁCH:

180 - QUÊ CŨ TÌNH XƯA của THÁI HÙNG PHẠM GIA HÙNG
181 - NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP của NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
* CẨM TƯỚNG – PHẠM TRỌNG LỆ

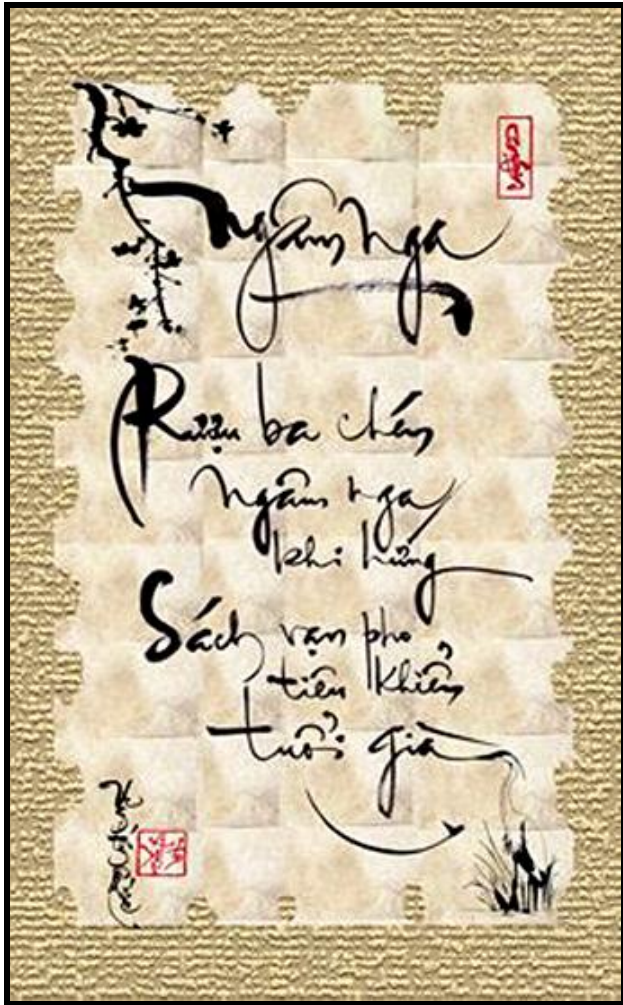
VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

- Tạp chí Cỏ Thơm số 85 đã phát hành vào ngày 30 tháng 7, 2019. Chúng tôi chân thành cảm ơn những chia sẻ khích lệ và ý kiến xây dựng của một số tác giả và độc giả về nội dung cũng như hình thức của tạp chí. Cỏ Thơm luôn cố gắng để tạp chí được tốt đẹp hơn.
- Tạp chí Cỏ Thơm số 86 dự định sẽ phát hành vào cuối tháng 10. Trong lúc chờ đợi, một số lớn tác giả vẫn theo lời yêu cầu gửi bài vở cho Đặc San Cỏ Thơm online. Trong **số 17** này, mời quý vị xem một chút về văn học Nhật Bản qua:
 - bài biên khảo thú vị về “Thơ Xuyên-Lưu Senryū” (trang 65) của cố GS Nguyễn Ngọc Bích.
 - bài chuyển ngữ “Hẹn Mùa Hoa Cúc” (trang 30) của dịch giả Nguyễn Nam Trân [nguyên tác: “Kikka no Chigiri” của Ueda Akinari (1734-1809)]. Nguyễn Nam Trân là bút hiệu của GS Đào Hữu Dũng, tốt nghiệp Đại học Tokyo và Đại học Sorbonne, Paris.
- Cỏ Thơm vui mừng được sự cộng tác của tác giả: Trần C. Trí (trang 185), Nguyễn Văn Sâm (trang 7), Trần Ngọc Ánh (trang 148, bài “Chuyện ông đồ già trên đất Mỹ” được giải Trùng Quang Viết Về Nước Mỹ năm 2019 do Việt Báo tổ chức).
- Xin giới thiệu đến quý vị 2 quyển sách:
 - “Quê Cũ Tình Xưa”, tuyển tập gồm 100 bài thơ của GS Thái Hưng/PGH – Phạm Gia Hưng (trang 180).
 - “Những Kỷ Niệm Đẹp”, tập truyện online của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, cựu Chủ Nhiệm Cỏ Thơm (trang 181) với bài cảm tưởng của GS Phạm Trọng Lệ về quyển sách gồm 30 đoạn văn này (trang 182).

PHAN ANH DŨNG

Richmond, Virginia USA



NGÂM NGA

Rượu ba chén ngâm nga khi hứng
Sách vạn kho tiêu khiển tuổi già

Thư họa:

Văn Tấn Phước - France

BẮT CHỢT

*Em vừa mới hết xuân xanh
Anh buồn ngơ ngẩn nhìn quanh hạ hồng
Môi em bắt chợt hừng đông
Ngại gì thu tới ước mong vẫn còn...*

Phan Khâm

NỢ

*Nợ đời trĩu nặng trần gian
Nợ tình giăng bầy quán ngang nợ đời
Nợ đời chơi với chơi vui
Nợ tình ngắt nghèo khóc cười nợ nhau
Nợ đời trước nối đời sau
Nợ em tóc rối, nợ nhàu áo anh
" Nợ trả dần...cháo húp quanh..."*

Phan Khâm

HOA BƯỚM

*Hoa đang mời anh đến
Bướm xua đuổi anh đi
Đêm nào tắt ngọn nến
Tình trở chứng đôi khi!*

Phan Khâm

Maryland, USA



NUÔI CON NHƠN TÌNH

**** Nguyễn Văn Sâm ****

Nắng sớm hiền từ soi cảnh vật bằng một màu vàng lọt. Ngoài đường lác đác vài người xách rổ đi chợ trễ. Bên kia, dọc theo lộ, nhiều gia đình đã bắt đầu vác đội mấy thúng lúa ra trải trên lè rồi thông thả lấy churen bang mỏng cho vừa đủ khoảng đường mình chiếm cứ. Bụi cám quện lên xuyên qua khe sáng thành hằng triệu triệu hạt nhỏ lơ lửng trong không gian.

Nhơn ngồi gó ra chút nắng ngoài sân quán. Anh mỉm cười lướt mắt theo dõi lẫn ánh sáng liềm từ từ vô phía trước thêm. Mới đây còn cách cây gòn giữa sân cả thước Tây bây giờ qua khỏi đã mấy gang tay. Anh nói với mình: Nắng càng đi nhiều là thời gian bữa nay mình đã tiêu dùng nhiều. Anh nghĩ tới số ngày mỗi người dự trữ, số ngày còn lại của đời anh. Nó đang tiêu tan từ từ, giống như mấy tay chơi từ thành phố về nói rằng trữ lượng thời gian đời của từng người như cục nước đá, không xài cũng hết mà xài thì như đem ra dang nắng, càng hết mau! Sớm mời nào trữ lượng đời của mình cũng tiêu bớt cho những cái gó bằng quơ chưa chắc đã đem lại chút nào vui buồn của người tiêu thụ nhưng mà sẽ thấy thiếu thiếu khi không xài cách đó.

Như mọi bữa, những khuôn mặt quen thuộc bao năm tháng qua, những tiếng cười hay câu châm chọc đã thuộc lòng, nghe câu trước biết câu sau. Tuy nhạt phèo nhằm chán nhưng thân thiết, như là đặc trưng của đời sống ở xóm cùng này. Nhơn rót thêm nước trà đã trở thành lạnh lẽo vô lý dầu ly chưa cạn. Ở đây nước trà khỏi tính tiền, uống một cái “xây chừng” hay “bạc xỉu”, kêu thêm cái “tẩy” nữa thì có thể thản nhiên châm thêm miễn phí hai ba bình trà nóng cho qua thời gian ngồi chờ thời. Chị chủ không nói gì mà còn mời thêm. Tiếng chị ta đon đả với bàn kế bên: “Mấy anh cứ ngồi chơi đi đã. Còn sớm mà, ngồi cho vui quán. Chật chội gì!...”. Thịnh thoảng chị gó Nhơn hỏi như săn sóc: “Thầy giáo Kỳ Nhơn bộ mắt sỏ gạo sao mặt mày cú xụ, không đáng ngàn bạc vậy? Đã là Kỳ Nhơn thì không được buồn à nhe!”

Nhơn cười nửa mép không trả lời.

Chị chỉ hỏi cho có, châm chọc người này người nọ để tạo không khí thân thiện đánh tan sự lặng lẽ hay tẻ nhạt của quán nhỏ ven đường, nên không cần có câu trả lời. Khách đà biết ý, chẳng ai bận lòng lên tiếng khi được hỏi.

Có tiếng chửi thề lớn họng của Tư Nổ xéo xéo bên kia đường, một tay quơ quơ phân bua với khán giả vô hình, một tay túm cái quần xà lỏn màu cháo lòng, rộng thình chổ hạ bộ:

“Đ.M, chạy trên thóc của người ta làm vắng tùm lum. Bộ chạy tránh chút xíu thì chết sao chứ. Mấy thằng cà chớn này chạy xe thấy phát ghét!”

Nhơn sửa lại thế ngồi, nhấp môi một ngụm nước nhỏ hίου thắm giọng:

“Tư Nổ lúc nào cũng ngang tàng, đường xe chạy, chiếm cứ để phơi thóc lại còn câu mâu thiên hạ qua đường. Mà có ai nghe, chỉ người ở đây nghe thôi!”

Tiếng ai đó bình bỗ:

“Thì nhờ chút nắng vậy mà, Xe chạy nên tránh thóc lúa của người ta.”

“Nếu ai cũng phơi lúa trong sân mình thì đâu có chuyện. Đường để xe chạy đâu phải đường để phơi lúa. Coi đó, suốt con đường này chổ nào cũng thóc lúa, xe cộ qua lại khó khăn, chạy vắng lúa thì mất lòng nhau.”

Khách khứa ngó nhau dọ ý về câu nói của Nhơn, anh tiếp:

“Con nít đi bộ càng khó hơn, leo lên lề đường thì lờm chờm đá hay cỏ ướt, đi bọc ra xa lề thì nguy hiểm. Thấy tụi học trò lóng nhóng quyết định của bước đi nhiều khi lòng bất nhẫn.”

Thằng Năm con bà bánh xèo không nói thêm nhưng vẫn ầm ừc, nói nhỏ gì đó với ba bạn thanh niên ngồi cùng bàn. Bà chủ quán nói cho vừa lòng nó:

“Bởi vậy chả mới có biệt danh là Kỳ Nhơn. Kỳ Nhơn nói hay làm gì cũng khác người ta. Tháng trước thiên hạ ai cũng mang ky này thùng kia hốt đá trải đường đem về lấp mấy lỗ trũng sần bấp hay sần trước sần sau thì Kỳ Nhơn bắt thằng cháu đem đổ đá lại chổ cũ. Cái đó mới lạ hơn thiên hạ dưới đời này, nhưng lạ mà thấy cũng phải phải. Ít ra thằng cháu chả cũng học được điều tốt nhỏ nhỏ.”

Chị đót nhang xá xá rồi vừa nhón churen gấn vô lư nhang trên trang thờ vừa nheo mắt với Nhơn.

“Ừa! Chị Ba đi đâu mà bận quần áo chỉnh tề, đầu tóc trơn tru coi *mướt* quá vậy?”

Người đàn bà gần đứng tuổi hơi bển lển:

“Đi đâu đâu nà! Ghé đặng Quan Âm Phật Đài thấp Phật cây nhang, sẵn đó cúng ảnh chén cơm. Minh lo làm ăn bỏ chổng hương tàn khói lạnh cũng tội.”

Thằng Năm nói với bạn nhưng lớn tiếng:

“Kỳ Nhơn mới dám khen đàn bà của thiên hạ là *mướt*, chứ tui thì cho kẹo cũng không dám!”

Nhơn nghe rõ hết nhưng làm bộ không nghe. Tuổi trẻ bây giờ buồn vui thất thường, nói qua nói lại, không biết sanh giặc lúc nào.

Chủ quán dặn đưa con gái coi chừng quán, dợm chun bước ra cửa nhưng bỗng quay lại chỗ Nhơn ngồi:

“Ờ mà thầy Nhơn có nghe vợ *hụt* của thầy gởi thơ về nói gì hay không? Nghe họ nói con Cảnh than là ở Hàn quốc cực khổ hơn ở đây nhiều. Phải ra vườn làm công chuyện tối ngày. Trời bên đó lại lạnh hơn đây. Chồng thì cộc cằn, la hét, mắng chửi. Thấy bộ dạng hùm hổ xí xồ xí xào thì biết là bị chửi, nhưng đâu có hiểu nó nói con mẹ gì đâu. Hàng xóm thì kỳ thị nhún trề, cần một tiếng chào, cần được một cái cười thân thiện cũng không có. Má nó đọc thơ của con mà rớt nước mắt.”

Chị ta nói một lèo dài rồi hỏi khó:

“Còn *chồng hụt* của nó nghe vậy thì sao?”

Nhơn đưa tay gãi ót.

Nghe tiếng *chồng hụt* mình không buồn mà vui vui vì nhớ đến những lúc đi phà qua Sóc Trăng coi phim ở rạp Nguyễn Văn Kiểng, canh tới gần hết giờ phà chạy mới trở về. Hai đứa đi xe đạp quá xa, mệt thở *hụt* hơi nhưng mà vui hết biết. Nói làm chi những lúc trốn học đi dạo Đường Giữa hay vô Hồ Nước Ngọt tự tình. Trời ạ, mấy chục năm rồi nhớ lại cũng còn rạo rục lòng. Giờ đây quá khứ như bốc hơi, người xưa mất dạng phương trời. Nghe chuyện bi thương của vợ *hụt* thì cũng ứa nước mắt trong tim, nhưng biết sao bây giờ! Đời là bốn biển nước mắt mà.

Anh trả lời xa xôi:

“Đất nước mình khổ, mạnh ai nấy tìm cách nhảy khỏi xuồng chìm. Hi vọng! Ai nấy đều hi vọng sống sót nhưng kẻ may người rủi...”

Chị Lành cố gắng làm cho giọng nói mình vui:

“Nhưng tôi coi bộ thiên hạ đổ đời thì hiểm, đen vận thì lia chia à nhe. Mà lạ! Khổ quá sao con Cảnh không bỏ về đây phứt, ở bên làm chi cho thêm khổ thân?”

Nhơn nghĩ nhưng không trả lời thành tiếng. Không ai qua đó mà trốn về được vì nhà chồng họ cất giấu hết giấy tờ. Tiếng tăm không rành. Đường xá không biết. Tiền bạc không ngờ. Đã vậy mà mấy ông quan chức của mình ở bên còn hù dọa nầy nọ. Làm sao mà về được? Bỏ xác xứ người trước sau thôi nếu gặp bên chồng không thương hay ác độc.

Ly nước lại được đưa lên môi như để che nỗi buồn. Một chút cạn trà bình bông ngụp lặn trên sóng gợn lăn tăn. Anh liên tưởng tới nỗi tuyệt vọng của người tình bên xứ người miền viễn. Cái xứ lạnh lẽo thản chùng kia mắt trắng đối với những con dâu ở chun trời nào tới cũng là chuyện đương nhiên.

Thân gái tha phương mang ước mộng viễn vọng về đôi đời. Niềm tin ấu trĩ như bao nhiêu triệu người ngã xuống vô ích gần nửa thế kỷ về một đất nước xanh đỏ gì gì đó nhìn bằng kính vạn hoa phóng đại. Ba tôi với cái chết trong nghèo nàn bệnh hoạn lúc cuối đời là một thí dụ.

Vách bên kia có đứa con gái hát đưa em, giọng buồn nảo nuốt:

Má ơi đừng gả con xa. Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu....

Không hẹn mà cả Nhơn và chị chủ quán đều ngó vô mắt nhau. Người đàn bà le lưỡi, rút hai vai lên cần cổ.

Lại cũng tiếng thẳng Năm con bà bánh xèo:

“Thì con Cảnh đi, má nó thế con Quê vô rồi. Hoa thơm hười mùi thơm cả cụm. Tài thiệt!”

Cầm ly nước, xách bình trà đầy, Nhơn đứng dậy xam xam đi về phía bàn của bọn thẳng Năm. Người trong quán chờ đợi một trận gậy gỗ nhưng Nhơn đưa ly lên không gian làm cử chỉ mời cả nhóm:

“Xin cảm ơn lời nhận xét của Năm Xưa, anh nhấn mạnh trên tỉnh từ Xưa. Huê có vẻ tội nghiệp tôi, muốn bắt đền giùm chị nó nhưng là 3, 4 năm trước cà. Còn bây giờ có thể là ... ai ở nhà nấy...Lâu rồi cô ta không tới xóm này, mà tôi cũng ít thời giờ lên xóm trên. Từ khi cổ sanh con....”

Anh uống cạn ly, rót thêm một ly nữa nói là uống giao hữu thể cho cả bàn với lý do thanh niên không thích uống trà sáng sớm, rồi tiếp:

“Mình cũng chẳng tài cán gì, lại thêm sợ lỗi đạo, ngày nào Huê còn nhỏ theo tò tò anh Hai, anh Hai, bây giờ.... Cho nên mình mọi chuyện đều giới hạn dầu Di Bầy má của Cảnh và Huê không nói gì.”

Nói xong Nhơn đưa tay lên trán chào thân thiện rồi chậm rãi đi trở về bàn mình, nhích cái ghế sang qua chỗ khác chút xíu, tránh nắng.

Có tiếng kèn trống đám ma từ xa lấm vọng lại nho nhỏ, len lỏi trong không gian yên tĩnh. Hình như là phía đó, phía nhà thẳng Hai Trọng Xã Đội Trưởng. Vậy là nó chết rồi à? Mới phát bệnh có một tháng thôi mà.

Con nhỏ con chủ quán lên tiếng nhắc mẹ:

“Má đi chùa, về ghé đi đám ma chú Hai Trọng nha!”

Nhơn hóng mỏ coi có gì thêm không. Chẳng thấy ai nói gì. Bà mẹ cũng không trả lời con gái, chỉ buông tiếng thở dài *ừ hự* không biết tiếc thương cho người chết hay một chút xấu mình vì mất công đi đám ma. Buồn tình Nhơn ngâm nga nho nhỏ:

Công danh phong lý chúc,

Sự nghiệp thảo đầu sương.(1)

Con nhỏ chắc không hiểu nghĩa nhưng nghe âm thanh trầm bổng chỗ miệng ra khen hay. Ngửa cổ uống hết ly nước đầy, Nhơn ngâm tiếp chuyển qua thể khác:

*Thậm tích công danh tàng thủy táng,
Khả lân sự nghiệp toại hô phi.(1)*

“Đâu Kỳ Nhơn mày *già chữ* cất nghĩa coi mày ngâm nga cái giống gì.” Bác Ba Sự, râu tóc bạc thếch mà coi còn sõi sau khi dựng xe trước cửa quán, chưa kịp bước vô đã lớn tiếng yêu cầu, Nhơn tăng háng lấy giọng:

“Có gì đâu bác Ba. Đó là câu cảm thán của người xưa trước cái chết. Chết đi là mọi thứ đều biến mất ráo trội. Tất cả những gì tranh giành trước đây về tiền bạc, quyền lợi, công danh chẳng khác nào như là *đuốc gió trước gió*, tắt ngúm, như là *sương phơi ngọn cỏ*, tiêu tan. Mất hết. Triệt buộc. Người chết có muốn đem theo cũng không tay nào mà nắm mà cầm.”

“Hay! Hay! Tới luôn bác tài!”

“Thần Chết kêu rồi thì những gì mình tranh giành để chắt chứa đầy kho, đầy nhà trước đây đâu đem theo được đâu nà! Bỏ lại hết, chẳng khác gì của *chim xuống nước sâu* hay *bay theo tro bụi*...”

Không khí yên lặng một thời gian, bác Ba Sự kè tai Nhơn nói nhỏ:

“Tao thấy con Quê ẵm đứa nhỏ dang nắng đi từ xóm dưới lên. Hồi nó cần đi Honda ôm không tao cho có giang, nó nói cảm ơn mà mặt đỏ hoe, mặt buồn hiu hiu như bánh bao chiều. Đâu bày ra trước đường đón nó coi!”

Hình như tất cả các cặp mắt đều đổ dồn vô Nhơn, thiên hạ tinh ý thiệt, từ xa xa có người đàn bà còn rất trẻ ẵm con xăm xăm tới quán.

“Ô Ánh Nguyệt giao con kìa!”

Cũng lại tiếng con bà bánh xèo. Hình như cái nghề này nó vận vô con cái khiến cho chúng nó ồn ào hay sao chớ?

Huê ngồi xụp xuống dưới chận Nhơn nói nhỏ:

“Xin gởi nó cho anh, giúp em chăm lo nó, mai em lên Sài Gòn cho người ta *coi mắt*, phải đi xa làm ăn. Ở đây đi làm tôm dưới An Thạnh Nam ngày có ngày không nên chẳng được bao nhiêu. Nghèo lại mang con đeo con thẹo, ăn bám má, bả nhicc móc tối ngày chịu đời không thấu.”

Nhơn ngó làn tóc rẽ của Huê: Trắng đẹp, ngày xưa mình ước ao biết là bao nhiêu lần được đưa tay vuốt lên đó. Muốn đưa tay kéo Huê lên nhưng thấy không tiện, nên chỉ đưa mắt nhìn lên cái ghé trống kè bên.

Huê nói:

“Em ngồi như vậy được rồi. Không dám ngang hàng với anh. Em có lỗi với anh nhiều.”

Cả hai đứa tôi đều biết con bé không phải con tôi, tôi cũng chẳng có trách nhiệm chút xíu nào trong việc thêm tay chun của bé, tôi quyết định không nói gì trong buổi gặp mặt hôm nay. Hãy để cho Huê nói hết. Tôi nắm bàn tay nhỏ nhít của bé rồi ngó vô mắt của má nó.

Huê nói ngay:

Nó tên Thương Thương, biết là nó ra đời sẽ thiếu tình thương nên đặt tên như vậy may ra!

Tên dễ thương của bé thì tôi biết rồi. Biết sớm hơn người khác. Đầu hồi lúc bé mới ăn đầy tháng lận. Tới bây giờ bé gần bốn tuổi mới thấy mặt. Ngồi trên cao tôi ngó xuống con Huê ngồi dưới chun mình, tôi hát hàm kêu nó ngồi lên ghé lần nữa. Con nhỏ lắc đầu như mắc cở khiến tôi nhớ hồi hai đứa đất nhau vô vườn ở xóm Rạch Đồi, xóm An Phú, Xóm An Thạnh 2, An Thạnh 3 hay xóm Cù Lao Nai. Bất cứ đâu cũng vậy chỉ có hai đứa trong màu xanh của cây trái xum xuê, nhiều lần mặt nó ửng hồng, mắt chớp chớp, tôi nắm tay nó biểu nhắm mắt lại, nhưng ngay lúc đó mười lần như một, tôi chợt nhớ tới con Cảnh, hai chị em có gương mặt giống in hệt nhau khiến tôi sững sờ...và tôi thở hắt ra, dẫn nó đi về .

Tôi lâu nay gần như bỏ thuốc, thấy bối rối kêu Bác Ba Sự xin điều thuốc vắn của ông ta. Con Huê đánh trống lảng nói về chuyện đám ma thằng Hai Trọng, đại ý rằng đáng kiếp người đã khiến cho chúng tôi thành dang dở. Tôi đoán biết chuyện tòi tàn này cả mấy năm nay khi bị Huê lạnh nhạt một cách vô lý, sau cái lần nó đi Honda quên đội nón bảo hiểm bị bắt, ý quen mặt, cự cãi gì đó, họ đưa lên xã và nhốt nó qua đêm.... Con người hơn nhau ở chỗ biết tránh cám dỗ để khỏi làm bậy bạ hay lo phục vụ bao tử, tuân theo lòng tham lam hoặc để thân xác dẫn dắt mình rồi tới đâu tới, tính sau.

Dầu sao mọi chuyện đã dĩ lỡ, với thời gian mấy năm vết thương không lành nhiều, chỉ mới kéo da non thôi giờ lại chắc chắn là đau nhức.

Tôi chớp mắt, nựng má Thương Thương, gạt nhẹ đầu.

Bác Hai Sự giải quyết bối rối cho tôi khi nói với những người bu quanh:

“Thôi, không có gì mà coi, thầy Nhơn kể từ bây giờ có con, phải lo cho nó học hành. Chừng nào má nó làm ăn khá trở về thì hẳn tính”

Thương Thương bồng đưa tay đòi tôi ẵm, con bé giống thằng Hai Trọng hích khuôn nhưng tôi thấy thương vô cùng, một sinh linh bé bỏng! Tôi cảm ơn Trời đã hướng đời mình qua ngã làm thầy giáo đầu là thầy giáo trường làng ở vùng xa để mình khỏi góp phần làm cho đất nước hao mòn dưới sức nặng tàn nhẫn của ích kỷ mà sống

bằng lương tâm công bằng. Nhớ những lần dẫn học trò đi thăm mấy địa danh lịch sử trong cù lao như chùa Đông Tây, chùa Hiệp Châu, lăng Ông Nam Hải, Quan Âm Phật Đài... tôi thích nhất được dẫn các em qua bến phà tới đền thờ Nguyễn Trung Trực để cho các em tự nhận xét rằng có sự không công bằng khi so sánh đền thờ nhỏ bé lụp xụp thờ người anh hùng của dân tộc với đền thờ lớn hết biết của một nhân vật đương đại ở ngay kề cạnh bên.

Tôi hun lên má con bé, đôi mắt nó còn long lanh ngấn nước tức tưởi mới khóc khi nãy vì đi trời nắng mệt.

Thằng Hai Nổ nãy giờ trốn biệt bây giờ lớn họng như thuở nào:

"Tối luôn! Hun luôn má ... má nó cái chụt biểu diễn cho bà con coi chơi nè!....."

Đã hai năm từ ngày con Huệ giao bé Thương Thương, chiều chiều Kỳ Nhơn dắt con ra hóng mát trước mặt quán của chị Ba Lành, nhìn mặt trời xuống từ từ, tới khi sụp tối mới trở về. Hôm nay là ngày đưa Ông Táo về Trời, hình như số nhà sửa soạn đón Tết ở xóm An Thạnh 3 này cũng nhiều. Những chậu bông cúc vàng được bày biện trước thềm, những thứ linh kính giữa đường giữa xá được mỗi nhà dọn dẹp gọn gàng. Không khí Tết lãng đãng trong không khí, trong lòng người ở xóm cù lao xa xôi.

Đang ngó xa xa từ hai phía như mỗi ngày, bỗng nhiên Thương Thương kéo chéo áo tía nó nói liếng thoảng:

"Tía ơi, thấy cười ghê, ai gặp tía rước con sau đó thế nào cũng hỏi tía con hay là ông ngoại. Con nói tía ruột thì họ làm thỉnh."

"Tía ơi, thấy cười ghê, có một bạn con nói sao tía bạn già còn hơn ông ngoại của mình, chắc mẹ của bạn cũng già như bà ngoại mình. Con nói Mẹ của mình đẹp lắm, nhưng mẹ mình phải đi làm việc xa."

Kỳ Nhơn vuốt tóc Thương Thương. Nó trả lời thông minh lắm. Đáng lẽ nó phải nói thêm: "Bởi vậy tía mình mới có biệt danh là Kỳ Nhơn."

Bỗng nhiên Thương Thương nắm tay tía nó dặt dặt:

"Tía coi cô bạn áo bông kia có phải là mẹ con không?"

Tiếng nó reo lên như nhiều lần mừng hụt đã qua:

"Như là mẹ con tía ơi!"

Kỳ Nhơn hướng mắt về phía bến phà Rạch Tráng xa xôi rồi ngó xuống Thương Thương với vẻ tội nghiệp con nhỏ. Trời chiều giáp Tết sụp tối thiệt mau. Quán chị Ba Lành đã lên đèn từ lâu. Gió từ cửa Tranh Đề bắt đầu thổi về mang theo khí lạnh trong mùi mần mặn tạo cho lòng Nhơn nổi xót xa riêng. Gió lạnh nhưng cái mùi đặc

biệt của con sông Cồn Cọc bao nhiêu năm nay thấm vào người anh như tình tự quê hương quyện trong không khí khiến anh thấy thân thiết với ngoại cảnh chung quanh không thể nào tả nổi.

Nguyễn Văn Sâm

(California, USA - Tháng 10, 2014)

Ghi chú: (1) Bốn câu chữ Nho trong bài được trích từ bản tổng hát bội chữ Nôm Đường Chinh Tây, hồi 23, trang 51a/b, hiện lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ, EFEO Paris, tuồng này trước giờ chưa từng được giới thiệu với học giới. (NVS)

MỘT GÃ SAY THƠ

*Gió bụi thời gian tiếp tiếp màu
Người đi trong gió cuốn đi mau
Nhân gian còn lại đời xam xám
Nhân ảnh phai mờ vạn kiếp sau.*

*Nghe sao lạnh buốt hồn man dại
Những mối u hoài nối tiếp nhau
Bốn bánh xe lăn buồn ngộ hẹp
Ai còn ai mất ai về đâu?*

*Bàng bạc sương lam chìm ảo vọng
Mùa đi mùa lại lá thay màu
Trăng khuya ló dạng đầu non lạnh
Ai cố tìm quên nẻo nẻo sâu.*

*Xứ lạ hồn đơn cô quạnh lắm
Mỗi mơn hương sắc chạnh lòng đau
Mai kia một nợ ai còn nhớ?
Một gã say thơ bạc bạc đầu.*



Đăng Nguyên - Texas, USA

LÀNG TÔI

Làng tôi có lũy tre xanh
Có con sông lớn nổi danh Thu Bồn
Con đường quốc lộ thẳng bon
Xuyên qua Nam Phước
mãi còn đẹp xinh
Cây đa rợp bóng trước đình
Chung quanh là sạp
chợ Đình bấy lâu
Có cầu dài nhất Cầu Lâu
Rời qua Bà Rén địa đầu Quế Sơn
Con đường Nam Phước-Nông Sơn
Hai hàng dương liễu
xanh mơn bốn mùa
Dưới trên chợ Quận, chợ Chùa
Trường Trung, Tiểu học
trẻ đua học hành
Nhân tài nhiều khắp nổi danh
Chống lều đổ đạt
Kinh thành xưa nay
Con đò Bến Giá hằng ngày
Dân đi phố Hội vẫy tay nhau về
Bến xe Nam Phước tề tề
Đường xe Nam Bắc
ghé về thường xuyên
Mỹ Tây quận lỵ Duy Xuyên
Rộn ràng thị trấn vui miền canh tân
Cánh đồng Vĩnh Lại-Trung Lương
Lúa đương con gái
dễ thương thế nào
Mỹ Xuyên lấm lựu, lê, đào
Khách du tới viếng
ghé vào vườn mơ

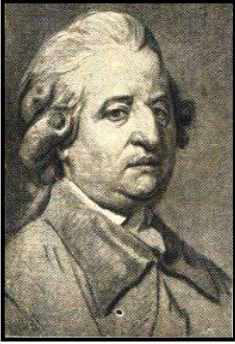
Dân làng cày cấy khai mương
Hàng năm lúa bắp
thường thường có dư
Ngoài giờ đồng áng nương dâu
Ngồi chằm nón lá đề câu thơ tình
Ươm tơ nghề nghiệp gia đình
Dệt hàng xoa, lụa,
nuôi tằm, hái dâu
Những nàng thiếu nữ Mã Châu
Vui nghề truyền thống
nay lâu đời rồi
Cái nghề thanh nhã người ơi
Khi điều khung cửi
khi ngồi kế canh
Dáng người cân xứng thanh thanh
Y trang thường mặc
lụa mình làm ra
Mặn mà tươi mát làn da
Má hồng mắt phượng
nét hoa mỹ miều
Hàng tơ sản xuất bao nhiêu
Được mang xuất khẩu
khá nhiều hàng năm
Bao chàng du khách tới thăm
Luyến lưu cô gái
tơ tằm Duy Xuyên
Dầu dĩ đây đó khắp miền
Quê hương tôi nhớ
sao quên ngày về?

Duy An Đông

California, USA



MỘT VÀI CẢM NGHĨ VỀ ÁN TỬ HÌNH PHIÊN TÒA XÉT XỬ VUA LOUIS 16



Bị cáo: **Louis 16** / Can tội: “Phản quốc” / Luật Sư Biện hộ: Crétien de L. Mealesherbes, François-Denis Tronchet và Romain de Sèze / Công Tố Viện: Hội Nghị Quốc Ước / Thẩm Phán: Hội Nghị Quốc Ước / Nơi Xét Xử: Paris, Pháp / Ngày Xét Xử: 26 tháng 12 năm 1792 / Phán Quyết: Có tội/ Bản Án Kết tội: Đưa lên máy chém Guillotine (ngày 21 tháng 01 năm 1793).

(Phác họa Louis 16 tại Tháp giam Temple, 3 ngày trước khi bị lên máy chém, của họa sĩ Ducreux. Bảo Tàng Viện Carnavalet, Paris)

Ý NGHĨA

Phiên tòa xét xử Louis 16 đánh dấu sự kết thúc chế độ cũ tại Pháp. Hình sự tố tụng (criminal procedure), với những mục đích chính trị và giễu cợt thủ tục luật định, báo trước phiên tòa trình diễn này sẽ tái diễn vào thời kỳ chế độ chuyên chính toàn trị xuất hiện trong thế kỷ 20. Louis Capet có tội không? Trả lời câu hỏi trên, ta phải lùi lại thời gian xảy ra 3 biến cố quan trọng nhất vào năm 1791 và 1792 làm nền tảng cho phe cực cách mạng Jacobin cáo buộc Vua Louis 16 can tội “phản quốc” trong phiên xử ngày 26 tháng 12 năm 1792.

Trước nhất, nhà Vua cùng gia đình chạy trốn bị phát giác và bị bắt tại Varennes gần biên thủy Bỉ quốc ngày 20 tháng 6 năm 1791, được Hầu Tước De Lafayette, Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ Cách Mạng, hộ tống buộc phải quay trở về Paris. Tiếp đến, Vua Louis 16, do sự thôi thúc của Hoàng Hậu, đã dùng quyền phủ quyết các đạo luật của phe cách mạng đưa ra với hy vọng chờ phe bảo hoàng di tản cùng quân đội ngoại quốc phục hồi chế độ cũ tại Pháp. Cuối cùng, nhà Vua phải chịu trách nhiệm về 2.100 người nổi dậy bị giết trong biến cố tấn công Điện Tuileries ngày mùng 10 tháng 8 năm 1792.

Ngoài ra, nhóm Jacobin còn buộc tội Louis, chuyển ngân qua Áo cho Hoàng Đế Joseph II, anh của Antoinette, và mua chuộc, trong cuộc cứu trợ, dân chúng bị thiên tai hay nghèo khó với mục đích đưa họ vào con đường phản lại đất nước.

Vì thiếu bằng chứng, Lãnh tụ Robespierre và phe nhóm quá khích không đề cập kết quả điều tra về cái tủ sắt nhỏ đặt trong tường Điện Tuileries, do thợ Gamain tố cáo Vua Louis đã giấu các văn thư bí mật thông đồng với nước ngoài âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Thực ra, theo nhà viết tiểu sử Joan Haslip, các tài liệu mật đó cho thấy nhiều nhân vật cộng tác với cách mạng nhưng đã bí mật gặp Vua Louis soạn thảo một Hiến Pháp Quân Chủ Lập Hiến chẳng hạn như Bá Tước Mirabeau, Hầu Tước De Lafayette, Barnave Đại Biểu vùng Dauphiné... Dưới cái nhìn của nhóm Jacobin cực đoan đang thống trị bằng khủng bố, họ coi các nhân vật trên cũng như những ai theo con đường đó đều là kẻ thù của cách mạng nên đã đưa Barnave lên máy chém, De Lafayette chạy trốn qua Bỉ thoát chết, Mirabeau đã qua đời về bệnh tim.

Tài liệu trên đã làm bối rối nhóm Jacobin cực đoan lại càng gây bối rối cho họ hơn nữa khi ủy ban điều tra phát giác ra không hề có bằng chứng minh bạch nào cho thấy Louis 16 đã thông đồng với kẻ thù nước ngoài xâm phạm nền an ninh của Pháp như cáo trạng đã hài ra. Quả cũng có những văn thư mật liên quan tới Vua hoặc chính quyền Tây Ban Nha và thuộc địa Bắc Mỹ trong cuộc chiến tranh giành Độc Lập Hoa Kỳ về việc chuyển tiền, viện trợ quân trang, vũ khí đạn dược. Chính quyền Louis 16 đã ký Thỏa Ước Thương Mại riêng rẽ với từng thuộc địa một nhưng không phổ biến điều khoản bí mật cam kết ủng hộ và viện trợ cho 13 Thuộc Địa trên chiến đấu lật đổ bộ máy cai trị của đế quốc Anh cho đến ngày chiến thắng. Đường lối này đã được chính quyền Tây Ban Nha hưởng ứng nên đã ngầm giúp Vua Louis 16 chuyển lậu vũ khí đạn dược, tiền bạc cho quân nổi dậy tại các thuộc địa Bắc Mỹ với mục đích, cũng giống như Pháp, làm suy yếu hải quân Anh đang làm chúa tể trên biển cả. Vào thời đó, hải quân Tây Ban Nha đứng hạng thứ ba, sau Pháp.

Âm mưu trên không qua mặt được tình báo Anh Quốc. Đại Sứ Anh Stormont tại Paris được triệu hồi về Luân Đôn. Tình hình khá căng thẳng giữa Anh và Pháp. Được hai cố vấn kiệt xuất Necker và Turgot trợ giúp, Vua Louis 16 áp dụng sách lược vạch ra hòa hoãn với Anh Quốc nhưng vẫn tiếp tục can dự vô hình vào cuộc Chiến Cách Mạng Hoa Kỳ tại các thuộc địa Bắc Mỹ. Sau cuộc chiến 7 năm (1756-63), cả Anh lẫn Pháp đều mệt mỏi không muốn gây ra cuộc chiến nữa. Tuy bị mất Ấn Độ và Canada vào tay Anh, Pháp vẫn còn mạnh giữ được miền Tây Ấn (West Indies) cung cấp cho mẫu quốc chất chàm (indigo), bông sợi, đường, cà phê, cacao... Mỗi năm, tỷ như năm 1773, có khoảng trên 700 tàu thuyền chuyên chở vào Pháp các sản phẩm đó.

Nhận được nguồn tin tình báo đáng tin cậy, chính quyền Louis 16 phái một hạm đội tối tân với 24 tàu chiến cùng 8.000 quân thiện chiến tới vịnh Chesapeake Bay ngăn chặn hạm đội Anh gồm 19 tàu chiến tới tiếp viện giải cứu 8.000 quân Anh đang bị quân nổi dậy bao vây tại Yorktown, Virginia. Với hỏa lực rất mạnh, tướng Hải Quân Pháp François de Grasse đánh tan hạm đội Anh phải bỏ chạy về New York sửa chữa. Chiến thắng lẫy lừng này đã thúc đẩy Anh ký Hòa Ước Versailles tại Paris năm 1783 thừa nhận nền độc lập của quốc gia non trẻ Hoa Kỳ nay là Hợp Chúng Quốc vậy.

ĐẶC ĐIỂM CỦA VỤ ÁN

Luật gia Edward W. Knappman viết trong tác phẩm nổi tiếng “Những Vụ Án Lớn Nhất Trên Thế Giới” (Great World Trials) nhận xét các Đại Biểu trong Hội Nghị Quốc Ước đảm nhiệm hai chức vụ vừa là bồi thẩm vừa là thẩm phán (sat as both judge and jury) trong vụ án Louis 16. Việc kiêm nhiệm này đã vi phạm trầm trọng luật hình sự tố tụng (criminal procedure) quy định khi nghi can bị tuyên xử kết án, thường là thẩm phán chứ không phải là bồi thẩm đoàn. Do đó, luật sư trẻ tuổi Romain de Sèze từ Anh Quốc trở về biện hộ cho Louis Capet, đã gợi ý khi ra Tòa, Louis có quyền đưa ra thỉnh cầu “tiên thẩm”, phản đối sự kiêm nhiệm này vì không bảo đảm an toàn pháp lý cho bị cáo. Louis từ chối, đáng lẽ bác bỏ cáo trạng liệt kê các tội danh của nghi can, lại biện luận Louis là người cai trị hợp pháp nước Pháp và không hề vi phạm luật pháp.

Mở đầu phần bào chữa cho Louis, luật sư trẻ tuổi Romain de Sèze, biện luận Louis Capet không phải là bạo chúa như một số đại biểu đã cáo buộc mà hiển nhiên chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh, thỉnh cầu đưa vụ án này lên Tòa Tối Cao. Luật sư de Sèze nói tiếp, “Tôi xin ngưng trước Lịch Sử, và xin phép được lưu ý quý vị rằng: ‘Bản án kết tội của Quý Ngài rồi sẽ qua đi, nhưng một ngày nào đó, Lịch Sử sẽ phán xét bản án, và chính sự phán xét này sẽ lưu lại mãi mãi cho mai sau.’” Luật sư biện hộ, cũng giống như các luật sư khác, không dám đưa cuộc tranh luận đi xa hơn vì ai cũng muốn giữ cái đầu mình, ngoại trừ cựu Bộ Trưởng trong chính quyền Louis cũng là một thẩm phán Crétien de L. Malesherbes tình nguyện bào chữa cho Louis. Trong khi đó có rất nhiều Đại Biểu được đề cử đều từ chối hết vì sợ lưỡi dao Guillotine treo lơ lửng trên đầu, Malesherbes đã đến tận nhà giam Temple gặp Louis trong sà lim, nói “Tôi sẽ chăm sóc ngài hơn cả thân tôi. Bất chấp mọi sự nguy hiểm cho tính mệnh, tôi sẽ vận động các đại biểu ôn hòa trong Nghị Hội bỏ phiếu cứu Đức Vua.” Louis đã ôm Malesherbes khóc trong ngục tối.

Luật sư Malesherbes là người duy nhất không gọi Vua Louis 16 là Louis Capet mà lúc nào cũng kính cẩn một điều thừa Ngài hay Đức Vua trước sự hiện diện của các nhân vật Jacobin đầy quyền uy trong Nghị Hội. Các Đại Biểu Jacobin rất ngứa mắt về cách xưng hô này nhưng chưa phải là lúc ra tay. Vào thời gian đó, Hội Nghị Quốc Ước là chúa tể thống trị đất nước bằng khủng bố (the Reign of Terror), từ năm 1792 đến năm 1795, nên làm ngơ không áp dụng Bộ Luật Hình Sự Mới ban hành năm 1791 cùng thủ tục hình sự thi hành nội dung của Bộ Luật Mới này trong phiên Tòa xét xử Louis Capet (xin xem The New Criminal Code of 1791 – the Tower Marie Antoinette by Antonia Fraser).

Nhóm Jacobin “cực cách mạng” (ultra revolutionaries) gồm nhiều nhà hùng biện, luật gia và chính trị gia tên tuổi không phải là không để ý tới sự vi phạm trắng trợn luật hình sự tố tụng bởi lẽ họ chủ trương giết Louis Capet chứ không cần phải thành lập phiên tòa xét xử can phạm Louis gây thêm phiền phức. Họ lập luận tỷ như Lãnh tụ độc tài Robespierre nhấn mạnh: “Louis Capet đã tự kết án tử hình bằng những hành động của mình.”

Còn luật sư trẻ tuổi Saint-Just đọc bài diễn văn đầu tiên này lữa trước Nghị Hội như sau: “Louis Capet không thể bị đưa ra Tòa xét xử bởi vì bị cáo đã tự xét xử rồi. Bị can bị xét xử, hay nếu không bị kết tội đi chẳng nữa thì quyền lực tối cao của Cộng Hòa Pháp không phải là tuyệt đối. Louis bị chết không phải vì những hành động đã làm mà chỉ vì bị cáo là một ông Vua.”

Theo sử gia Paul K. Padover, không có bằng chứng cụ thể cáo buộc Louis can tội “Phản quốc” mà cũng tuyệt đối không có chứng cứ nào biện minh cho Louis vô tội cả. Louis nhu nhược và phạm nhiều lầm lỗi. Một trong những lỗi lầm được nhắc nhở nhiều nhất về vụ Louis chạy trốn tới Varennes rồi bị bắt phải quay trở lại Paris. Louis đã rời bỏ nước Pháp, bỏ dân tộc mình như kẻ chạy trốn ra nước ngoài với ý định sẽ quay trở về như người thắng trận. Sự kiện này nếu xảy ra có thể gây ra cuộc nội chiến tại Pháp. Do đó, tất cả 749 đại biểu trong Hội Nghị Quốc Ước đều bỏ phiếu Louis có tội. Không có một đại biểu nào bỏ phiếu thuyết phục là Louis vô tội cả.

Nhưng bây giờ phải giải quyết ra sao và bằng cách nào? Thomas Paine quốc tịch Anh, người anh hùng trong cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ được bầu vào Nghị Hội như một Đại Biểu danh dự đưa ra đề nghị cho phép Louis và gia đình qua Hoa Kỳ là giải pháp thích hợp nhất. Hỗ trợ đề nghị này, Đại Sứ Mỹ tại Pháp Edmund Genet xin nhận Louis và gia đình tới cư trú tại nhà riêng của Đại Sứ ở Virginia để làm thủ tục nhập cảnh vào một nước mà Louis đã giúp trở nên một xứ sở tự do tại Tân Thế Giới vậy.

Y sĩ kiêm nhà báo Jean Paul Marat cũng là Luật Sư chuyên bên vực cho giới bình dân (the sans-culottes), thuộc câu lạc bộ Cordelier kinh địch với phe Girondin không muốn giết Capet, tố cáo Paine theo giáo phái Quaker chủ trương bãi bỏ án tử hình nên Marat kịch liệt bác bỏ đề nghị của Paine và Genet.

Tất cả 721 đại biểu thỏa thuận phải tìm một hình thức nào đó đưa Louis ra Tòa và không chấp nhận hành quyết Louis mà không đưa ra Tòa xét xử. Tuy nhiên, những nhà viết tiểu sử đưa ra sự nhận xét rằng phần đông các đại biểu cảm thấy ghê tởm chặt đầu một người không dựa vào bằng chứng minh bạch nào mà hiển nhiên người đó chỉ là nạn nhân hơn là kẻ vi phạm luật pháp. Cuộc tranh luận kéo dài vô tận được chấm dứt bằng phiên tòa xét xử và kết tội đầy kịch tính dưới đây.

XÉT XỬ VÀ KẾT TỘI

Bộ Hình Luật mới 1791 quy định Quyết Định của Bồi Thẩm Đoàn ban ra trước, rồi sau đó mới tổ chức Phiên Tòa, và Bồi Thẩm Đoàn gồm một số người hội đủ điều kiện được bổ nhiệm là hợp lệ không cần phải tất cả đại biểu Hội Nghị Quốc Ước tham dự như đã diễn ra trong vụ xét xử Louis Capet.

Chúng tôi xin trình bày tóm lược tiến trình tố tụng do Hội Nghị Quốc Ước quy định chia ra hai giai đoạn: 721 đại biểu (28 vắng mặt) bàn cãi về việc xét xử về bản án từ ngày 26 tháng 12 đến 14 tháng Giêng. Cuộc bỏ phiếu kéo dài 3 ngày. Các đại biểu lên diễn đàn trả lời câu hỏi và nêu rõ lý do. Câu hỏi “Louis Capet có âm mưu chống lại sự tự do của công chúng và có xâm phạm nền an ninh quốc gia không?” Cuộc bỏ phiếu của đại biểu Bồi Thẩm Đoàn bắt đầu. 721 đại biểu có mặt, 37 bỏ phiếu trắng, 684 bỏ phiếu “có tội”. Phán quyết của Bồi Thẩm Đoàn là một chuyện nhưng kết tội lại là vấn đề khác.

Bây giờ chỉ còn quyết định về hình phạt. Cuộc bỏ phiếu bắt đầu ngày 16 tháng Giêng lúc 8 giờ chiều kéo dài 34 tiếng. Các đại biểu, lại một lần nữa lên diễn đàn giải thích những lý do về việc bỏ phiếu. Chánh thẩm Bertrand Barrère điều khiển cuộc bỏ phiếu lưu ý các đại biểu như sau: Hội Nghị Quốc Ước có 749 đại biểu, vắng mặt 28, còn 721 người bỏ phiếu, như thế có nghĩa đa số đạt được là 361. Lần lượt theo lệnh gọi tên, các đại biểu nói tiếp nhau lên diễn đàn. Đa số đọc diễn văn giải thích dài dòng, ít người nói vắn tắt. Cũng có một số đại biểu bỏ phiếu tử hình cho rằng Vua Louis là bạo chúa, nhà độc tài, kẻ sát nhân trong biến cố tấn công Điện Tuileries ngày 10 tháng 8 năm 1792.

Nhóm Breton học cùng Trường Luật tại Bretagne, trong nội các Danton, cho rằng thật là cuộc tự sát chính trị nếu không kết tội Louis, tử như Billaud-Varenne nói cộc lốc “Tử hình thi hành ngay trong 24 tiếng”, và Camille Desmoulins nét mặt khinh khỉnh nhấn mạnh “Tôi bỏ phiếu ‘tử hình’, có lẽ quá trễ để cứu vãn danh dự cho Hội Nghị Quốc Ước.” Còn Marat kết tội Louis là thủ phạm chính trong tất cả các cuộc xáo trộn và tàn sát từ khi xảy ra cuộc cách mạng, “Tôi bỏ phiếu ‘tử hình’ thi hành ngay trong 24 tiếng.” Đến lượt gọi tên, Maximilien Robespierre lãnh tụ nhóm Jacobin quá khích lên diễn đàn lớn tiếng tuyên bố rằng “Nhà Vua phải chết để Đất Nước tồn tại (Louis 16 must die that Country may live). Tôi bỏ phiếu ‘tử hình’”.

Sau đó, lệnh gọi tên thứ 361 là chấm dứt cuộc bỏ phiếu thi hành ngay án tử hình. Người bỏ phiếu cuối cùng quyết định sự sống chết của Louis Capet là cựu Quận Công Orléans đổi tên ra Philippe Egalité, đại biểu thành phố Paris, được gọi lên diễn đàn. Đương sự đã long trọng hứa với bạn bè sẽ không bỏ phiếu vì giữ danh dự cho dòng họ và gia đình. Ngay bây giờ đây đương sự tiến gần lên diễn đàn. Tất cả mọi người đều sửng sờ và xúc động mạnh mẽ nhìn thấy Philippe Egalité giống người anh em họ ra Tòa như đức – cũng bộ mặt tròn như trăng, mũi khoằm, mắt lồi, trán hói, cằm đôi. Người anh em họ hết như Louis 16 này, cất cao giọng nói cương quyết: “Tin chắc rằng tất cả những người xâm phạm chủ quyền quốc gia đáng bị tội chết, tôi bỏ phiếu ‘tử hình’ thi hành ngay trong 24 tiếng.” Vừa dứt lời tuyên bố, Philippe Egalité rút lui.

Bỗng những tiếng la hét giận dữ của những người ở hành lang vang dội: “Con quái vật! Tên tàn ác!”. Chánh thẩm Bertrand Barrère gõ búa ra lệnh tất cả mọi người phải giữ im lặng để nghe kết quả cuộc bỏ phiếu chia ra 4 loại như sau: - Án giam cầm cố hay lưu đày: 288 - Án tử hình được hoán giảm hình phạt ra chung thân, ân xá hay ân giảm: 46 - Án tử hình được hoãn thi hành: 26 - Án tử hình vô điều kiện và thi hành ngay: 361 Chánh thẩm Barrère tuyên bố ngắn gọn “Vụ án kết thúc bằng án tử hình.”

Luật sư de Sèze bênh vực cho Louis Capet xin hoãn và phản đối cuộc bỏ phiếu kết án là phi pháp và vi hiến vì chỉ đạt được đa số quá bán mà đáng lẽ, theo Bộ Hình Luật, bắt buộc phải hội đủ ba phần tư số phiếu đối với hình phạt tử hình như đã quy định chặt chẽ trong Bộ Luật đó. Chánh thẩm Barrère hứa Hội Nghị Quốc Ước sẽ cứu xét thỉnh cầu của luật sư de Sèze xin hoãn thi hành bản án. Kết quả cuộc bỏ phiếu trên rất khít khao cho thấy đại đa số phiếu tuyệt đối chỉ hơn có “một phiếu”, lá phiếu quyết định cuối cùng này đã giết chết Louis là của Philippe Egalité, người anh em họ của Louis Capet.

HÀNH QUYẾT

Vào thứ bảy ngày 19 tháng Giêng, Nghị Hội họp để quyết định có phải đưa bản án kết tội chém đầu Louis Capet đệ trình Quốc dân phê chuẩn hay không? Kết quả cuộc bỏ phiếu của 690 đại biểu cho thấy 310 chấp thuận và 380 bác bỏ. Như vậy, Louis Capet sẽ bị hành quyết trong vòng 24 tiếng. Luật sư Malesherbes nhận được chỉ thị thông báo cho thân chủ rõ bản án kết tội tử hình và nghị quyết của Hội Nghị Quốc Ước bác bỏ đưa bản án ra Quốc dân phê chuẩn. Đồng thời Hội Đồng Cố Vấn Nghị Hội sẽ chính thức tổng đạt bản án và thân nhận thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội Capet tại ngục thất Temple.

Sau khi phiên tòa bế mạc, Malesherbes vội đến ngay ngục Temple gặp Louis Capet để làm nhiệm vụ được giao phó. Malesherbes ôm Vua Louis và quỳ xuống một hồi lâu nức nở nói: “Chúng ta đã thất bại. Đức Vua bị... kết án đưa lên máy chém Guillotine... và bị hành quyết trong vòng 24 tiếng.” Tiếp đến Malesherbes thuật lại diễn tiến cuộc bỏ phiếu và Nghị Quyết của Hội Nghị Quốc Ước. Nghe xong, Louis nắm chặt hai vai Malesherbes nâng lên, ngỏ lời cảm ơn người bạn chí tình đã hết lòng vận động phe ôn hòa bỏ phiếu cứu Louis và ca ngợi sự bào chữa tuyệt vời trước phiên xử không ngại hiểm nguy tới tính mạng. Thấy Malesherbes bối rối và lo sợ, Louis trấn an nói: “Ta không sợ chết, nhưng ta rất buồn về hành động của người anh em họ của ta, Philippe Egalité, đã xúc phạm nhánh Bourbon, sỉ nhục dòng họ và gia đình. Người bạn đích thực của ta hãy yên tâm. Ta nhắc lại: “Ta không sợ chết và ta sẽ chết một cách nghiêm trang khiến mọi người phải kính trọng.”

Nói xong Louis yêu cầu Malesherbes viết đơn xin Hội Nghị Quốc Ước chấp thuận 4 thỉnh nguyện cuối cùng dưới đây: - Cho hoãn thi hành bản án trong 3 ngày - Được gặp vợ con và người em gái Elisabeth Capet - Được chọn cha tuyên úy người Ái Nhĩ Lan, Abbé Edgeworth de Firmont (người đã nhận lễ xưng tội của Elisabeth) - Được chôn cất gần nơi hành quyết Thảo đơn xong và theo lời yêu cầu của Louis, luật sư Malesherbes rời nhà giam Temple để đi đến thư viện mượn cuốn lịch sử Anh Quốc nói về Vua Charles I lên máy chém cho Vua Louis đọc lần cuối trước khi bị hành hình.

MÁU CỦA CÁC VUA CHÚA MANG LẠI SỰ MAY MẮN

Vào 3 giờ sáng thứ bảy ngày 19 tháng Giêng, Hội Nghị Quốc Ước quyết định hành quyết Louis Capet trong vòng 24 tiếng. Sáng

Chủ nhật ngày 20 tháng Giêng, Tướng Santerre đến ngục Temple loan báo Tổng Trưởng Tư Pháp Garat và Tổng Trưởng Ngoại Giao Lebrun sẽ đến nhà giam cho đọc Sắc Lệnh của Nghị Hội ra lệnh hành quyết Louis về tội “phản quốc”, và đồng thời thấu nhận thỉnh nguyện cuối cùng của Louis Capet.

Chiều chủ nhật, Tổng Trưởng Tư Pháp Garat trở lại ngục Temple loan báo cho Louis rõ Hội Nghị Quốc Ước chấp thuận tất cả thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội nhưng phải thi hành án tử hình trong vòng 24 tiếng. Sau đó Garat ra lệnh cho giám ngục Temple đưa vợ con Louis và Elisabeth đến gặp tử tội lần chót vào đêm chủ nhật, và chỉ chấp thuận cho người hầu trung thành Cléry và Cha tuyên úy Edgeworth de Firmont ở cạnh Louis mà thôi. Do đó, khi luật sư Malesherbes tới phải giao cuốn lịch sử Anh Quốc cho giám ngục để chuyển lại cho Louis đọc lần cuối cùng trước khi lên đoạn đầu đài. Và giờ đây, Louis đọc lại lịch sử Vua Charles I Anh Quốc lên máy chém Gibbet để học cách chết với phong cách trang nghiêm khiến ai nấy đều khâm phục.

Louis và Antoinette xa nhau gần 7 tuần lễ, giờ đây vợ chồng được gặp nhau lần cuối cùng tại Temple từ 8 giờ đến 10 giờ đêm chủ nhật trong một căn phòng khá rộng với đầy đủ bàn ghế cho cả gia đình. Tất cả ngồi chung với nhau được tự do chuyện trò không có lính canh phòng và các ủy viên thuộc Công Xã Ba Lê quan sát hay một nhân chứng nào trong phòng cả. Không ai nghe thấy họ nói chuyện.

Theo cuốn hồi ký của người con gái lớn, 15 tuổi, Madame Royale, hai người thay đổi khá nhiều. Antoinette, 37 tuổi, già trước tuổi, tóc hoa râm bắt đầu có tóc bạc, bộ mặt hốc hác và xanh xao. Đôi mắt đầy vẻ kinh ngạc khi Louis ra mở cửa phòng. Antoinette nức nở và ôm chặt Louis nhưng không nói được nhiều. Louis cũng thay đổi, dáng vẻ oải với nước da xanh xao giống tựa như con thú bị thương không than vãn.

Tiếp đến, Madame Royale thuật lại thân phụ cô không sợ chết nhưng rất lo lắng về nỗi đớn đau đã gây ra cho gia đình. “Cha tôi kể cho mẹ tôi rõ diễn tiến phiến xử và không muốn báo thù những kẻ giết cha tôi.” Người cũng cất nghĩa cho mẹ tôi rõ tại sao cha tôi không đệ trình bản án để Quốc dân phê chuẩn, “bởi lẽ có thể gây bối rối cho toàn dân.” Rồi cha tôi nói với Dauphin (Vua Louis 17), 8 tuổi với đôi mắt tròn xoe, không nên báo thù cho cái chết của cha tôi, Dauphin bắt đầu khóc và nói: “Con sẽ quỳ xuống mọi nơi ở Paris để xin cho papa mau trở về với chúng con.”

Hai giờ trôi qua thật mau. Antoinette muốn tất cả ngủ lại đêm cuối cùng tại đây, nhưng Louis từ chối vì cần nghỉ ngơi và phải vượt qua thử thách tối thượng để trình diện Chúa sáng mai. Với giọng

nói nghẹn ngào, thân mẫu tôi khẩn khoản van xin thân phụ tôi hứa cho cả gia đình chúng tôi tới đây vào sáng sớm mai để chào từ giã. Bất thành linh cha tôi đứng lên và ra mở cửa. Lính canh phòng và các ủy viên Ba Lê Công Xã lặng lẽ quan sát trong khi mẹ tôi, tôi, cô tôi bám sát cha tôi và Dauphin cầm tay cha tôi, tất cả đều cầu xin cha tôi cho chúng tôi gặp vào sáng sớm mai. Cha tôi lặng thinh. Bỗng đột ngột, cha tôi lẩm bẩm một mình “Adieu, adieu” (Vĩnh biệt, vĩnh biệt) rồi vội quay trở về phòng.

Marie Antoinette không muốn để các ủy viên Ba Lê Công Xã nhử lòng thương hại. Antoinette đứng thẳng lên nói với giọng cứng cỏi: “Con yêu quý, con hãy học sự bất hạnh của cha con không trả thù những kẻ giết cha con.” Đôi mắt của Antoinette lóe lên nhìn các ủy viên Ba Lê Công Xã với sự cực kỳ kiêu hãnh rồi theo lính áp giải trở về Tháp giam. Sau khi gia đình rời khỏi phòng thăm, Louis yêu cầu lính canh phòng không cho vợ con tới gặp Louis vào sáng sớm mai. Louis cảm thấy không chịu nổi sự đau đớn xót xa trước cảnh sinh ly tử biệt. Cha tuyên úy Edgeworth dự bữa ăn tối với Louis và ngủ đêm tại Tháp giam. Tử tội Capet ăn vui vẻ và nói chuyện thân mật về buổi sáng mai. Cha Edgeworth lập một danh sách kê khai vật liệu cần thiết lập một bàn thờ trong phòng để ban Phép lành toàn xá cho cho tử tội Capet. Louis đưa bản kê khai cho ủy viên Công Xã để quyết định. Thật kỳ lạ và trở trêu thay những người cách mạng vô thần đó chấp nhận cho cha tuyên úy ra ngoài vào nửa đêm mưa gió đến nhà cha sở nhà thờ St. Francis Assisi mượn được vật liệu theo thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội Capet.

GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG

Tầng sáng thứ hai ngày 21, thời tiết ẩm ướt và lạnh. Louis thức giấc lúc rạng đông, gọi người hầu Cléry giúp Louis mặc áo quần và chải tóc cùng sửa lại cái cổ áo sơ mi sao cho cái cổ dễ thấy để sẵn sàng chờ đón lưỡi hái tử thần Guillotine. Sau đó, Louis mời Cha Edgeworth làm Lễ ban phép lành toàn xá cho tử tội Louis. Dự Lễ xong, Louis sắp xếp tất cả kỷ vật và tiền bạc đựng trong hai cái hộp được gói rất kỹ lưỡng với hàng chữ trên hộp thứ nhất, “Tóc của vợ tôi, em gái tôi và các con của tôi” và hộp thứ hai ghi, “Dành 3.000 bảng Anh cho luật sư Malesherbes”. Rồi Louis tháo chiếc nhẫn cưới ở ngón tay ra trao cho Cléry với lời dặn dò, “Đưa chiếc nhẫn này cho Hoàng Hậu. Ta thật đau khổ phải rời xa kỷ vật đó.”

Bỗng tiếng trống đánh liên hồi ở ngoài sân, các ủy viên Ba Lê Công Xã tới đi lên cầu thang Tháp nhỏ, nơi Louis bị giam giữ để chờ lên đoạn đầu đài. “Hãy thuật lại cho Hoàng Hậu” Louis nói với người hầu Cléry, “ta xin Hoàng Hậu thứ lỗi cho ta đã không để cho

Hoàng Hậu tới đây vì ta muốn tránh cho Hoàng Hậu nổi đờn đau trong cảnh chia ly”.

Vào 8 giờ 30 Tướng Santerre cùng các ủy viên Ba Lê Công Xã tới Tháp giam Temple. Trống đánh đồ liên hồi. Chiếc xe ngựa của Tổng Trưởng Tài Chánh Etienne Claviere cho mượn đang chờ ngoài sân, ủy viên Lepeletier dẫn Louis xuống Tháp để lên xe. Louis ngạc nhiên reo lên: “A! Không phải là xe tumbrel!” (tumbrel là loại xe chở đồ nặng do ngựa kéo được dùng vào thời đó để chở tử tội phạm tội hình sự đưa đi hành quyết).

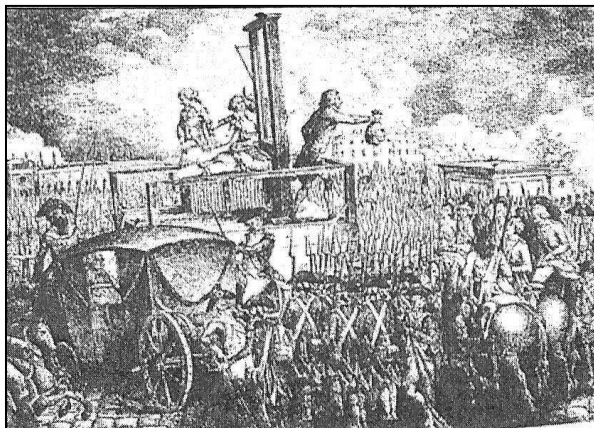
Khoác chiếc áo choàng màu nâu và đội mũ có 3 cạnh, Louis trông tựa như một trưởng giả thản nhiên và thoải mái bước lên xe. Cha tuyên úy Edgeworth ngồi bên trái Louis và đằng trước có hai sen đầm cầm cương. Chầm chậm, trong tiếng trống đập không ngừng, xe rời Tháp Temple lăn qua đường Temple và tự động 1.200 lính bộ binh trang bị vũ khí với nét mặt nghiêm khắc bao quanh chiếc xe mở đường đi tới đoạn đầu đài, nơi diễn ra cuộc cách mạng 1789 nay gọi là Quảng Trường Concorde tại Paris. Họ lái xe đi vào thành phố chết. Nếu đứng ở đường Temple phóng tầm nhìn thật xa, ta thấy các đại lộ, cầu và cổng ra vào thành phố đều bị đóng kín. Những bức tường an ninh gồm các binh lính, lực lượng an ninh, vai sát vai, cầm súng yên lặng canh gác nghiêm ngặt từ Tháp giam Temple tới Quảng Trường Concorde, nhà nhà đóng cửa, màn màn che kín, không có bóng dáng phụ nữ và trẻ em hoặc sinh vật nào ở ngoài đường phố.

Công Xã Ba Lê đã huy động từ nửa đêm 130.000 binh lính và lực lượng an ninh trấn giữ các các địa điểm xung yếu cùng đặt súng đại bác chung quanh Quảng Trường Concorde. Theo các sử gia, Công Xã Ba Lê muốn biểu dương lực lượng răn đe các tổ chức chống đối trong nước và các nước thù nghịch đừng nuôi ảo vọng lật đổ chính quyền cách mạng. Louis ngồi không quay sang bên trái hay bên phải, cầm quyển Kinh nhật tụng đọc. Khi xe đi qua Porte St. Denis, Nam tước Batz và hai thanh niên thuộc phe bảo hoàng lọt qua hàng rào an ninh hô to, “Hỡi đồng bào! Hãy cứu Vua Louis!” Ngay lập tức, hai thanh niên đó bị nhân viên an ninh đâm và chặt ra từng khúc bỏ vào bao bố, không gây ra kích động trong đám đông. Nam tước Batz chạy thoát. Xe vẫn lăn trong tiếng trống đám ma “tom, tom”, Louis không hay biết gì về chuyện có hai người trẻ khờ dại đã hy sinh mạng sống cho mình.

Vào 10 giờ 15 phút, xe tới đường Royale hướng về Quảng Trường Concorde. Binh sĩ vũ trang và nhân viên an ninh đông nghịt, vai kề vai trong bức tường người, chỉ để một lối đi vừa đủ cho xe ngựa lướt qua tới chân bậc đoạn đầu đài. Xe ngừng, Louis gấp quyển Kinh nhật tụng, ngón tay vẫn giữ trang đang đọc, nói với Cha

tuyên úy, “Chúng ta đã tới, nếu tôi không lầm”. Bình tĩnh, mở quyển Kinh ra đọc hết lời cầu nguyện cuối cùng, rồi gấp quyển Kinh trao cho Cha Edgeworth, và xuống xe dáng đi nhanh nhẹn.

Đây là lần đầu tiên Louis nhìn thấy một rừng người và những kỵ binh như pho tượng canh gác xung quanh ngay đây “cái máy”. Liếc nhanh qua trên đầu thấy con dao sáng loáng treo trên khung của hai cột gỗ hình chữ nhật cao vút, Louis quay mặt đi. Và bỗng một mệnh lệnh đột ngột ban ra “Hãy ngưng đánh trống!” Tiếng trống im bật trong khi Louis lạnh lùng bước lên bục đoạn đầu đài.



(Hành quyết Louis 16. Bản khắc trong sách giáo khoa Pháp. Thế kỷ 18)

Đứng cạnh khung cột máy chém, gần cái giỏ đan bằng mây, ba phụ tá đao phủ Charles Henri Sanson cố gắng tóm chặt hai cánh tay tử tội nhưng đều bị Louis đẩy mạnh sang bên rồi Louis tự mình cởi áo choàng ra. Ba chục ngàn người quan sát nín thở nhìn Louis cởi khuy áo sơ mi và mở phanh áo ra cho thấy cổ và hai vai. Một đao phủ nắm chặt cổ tay Louis. “Anh muốn gì vậy?” Louis giật mạnh cổ tay ra. “Tôi trói ông.” “Trói ta?” Louis thét lên “Không bao giờ!” Các đao phủ bao quanh Louis đe dọa. “Không, không, các người uổng công vô ích. Ta sẽ không bao giờ để các người trói ta.” Các đao phủ bối rối và sợ hãi về sức mạnh phi thường của tử tội Capet, nhưng họ quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Nhưng rồi Louis yếu dần, với đôi mắt ướt nhìn Cha Edgeworth với cái nhìn đồng cảm, gật đầu. “Các người muốn làm gì thì làm”, tử tội nói với các đao phủ.

Họ trói quặt 2 tay Louis ra sau lưng bằng khăn mu soa và cắt tóc. Cha Edgeworth ôm Louis và nói: “Bước lên...” Louis vững chắc bước lên 3 bậc, trước khi nằm xuống tám phản gỗ, dùng khuỷu tay đẩy mạnh đao phủ sang bên, bất thần quay mặt ra trước biển người đang dán mắt nhìn, tung ra lời nói vang dội: “Hỡi Đồng bào! Tôi chết

nhưng không hề vi phạm tất cả những tội phạm nghiêm trọng mà tôi bị cáo buộc.” (I die innocent of all the crimes of which I have been charged). Tướng Santerre nổi giận ra lệnh đánh trống liên hồi để lấn át tiếng nói của Louis nhưng hơi trể. Dao phủ Henri Sanson buộc trói Louis bằng giây da trên tấm phản hình chữ nhật, đặt cổ vào cái khoen gỗ có kính chiếu hậu rồi lướt tấm ván đứng dưới lưỡi dao Guillotine, hô to “sẵn sàng”. Tức thì, lưỡi dao rơi xuống loé lên như tia chớp, đầu Louis rơi vào cái giỏ. Nhanh nhẹn dao phủ nắm tóc đầu Louis đang nhỏ máu từng giọt bêu đầu trước đám đông. Bên kia đường, đối diện với đoạn đầu đài, Philippe Egalité, người anh em họ với Louis, bỏ lá phiếu quyết định cuối cùng giết chết Louis, đang kéo kính trên xe quan sát. Chín tháng sau, cựu Quận Công Philippe Egalité cũng lên máy chém, chính lưỡi dao Guillotine này đã chặt đầu Vua Louis 16.

Xác của Louis được chôn tại ngôi mộ không đánh số trong nghĩa trang nhỏ Madeleine, cách Giáo Đường Madeleine hai khu phố, nằm tại đường Anjou hướng về trạm xe lửa St. Lazarre, Paris.

NGUYỄN VĂN THÀNH 23 - Virginia, USA

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- (1) Law A Treasury of Art and Literature - Edited by Sara Robbins.
- (2) Great World Trials - The 100 Most Significant Courtroom Battles of All Time - Edwar W. Knappman, Editor - A New England Publishing Associated Book.
- (3) Louis and Antoinette by Vincent Cronin.
- (4) Life and Death of Louis XVI by Saul K. Padover
- (5) Secrets of Marie Antoinette by Oliver Bernier
- (6) Marie Antoinette by Philippe and Marguerite Jallut (Library of Congress - card number 70-162-666)
- (7) Bé xé ra to hay là Vụ Án của Thế Kỷ của Tiến Sĩ Luật Khoa Nguyễn Trọng Liệu
- (8) Danh Nhân và Sự Nghiệp Tập I, II và III của Soạn giả và Dịch giả Phạm Văn Tuấn
- (9) Cẩm Nang Nhân Quyền của Luật Sư Nguyễn Hữu Thống
- (10) Bài viết Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh của Biên Khảo Gia Trần Đông Phong (11) Antoinette by Richard Covington - November 2006 Smithsonian
- (12) The Last Days of Marie Antoinette by Rupert Furneaux
- (13) Marie Antoinette by Antonia Fraser
- (14) Queen of France by André Caslot
- (15) Marie Antoinette the Last Queen of France by Evelyne Lever

** Ô temps! Suspende ton vol, et vous,
heures propices!
Suspendez votre cours:
Laissez-nous savourer les rapides délices
Des plus beaux de nos jours!
* Le Lac - Alphonse de Lamartine (1790-1869)*

Bài thơ sau đây lấy cảm hứng từ mấy dòng thơ ở trên của Lamartine

THỜI GIAN ƠI HÃY NGỪNG BAY

Thời gian ơi hãy ngừng bay
Cho ta sống lại những ngày mộng mơ*

Tuổi xanh xanh thắm cánh thư
Bồng bênh mái tóc lãng du mây trời
Chiều Tà** xa vắng chơi vơi
Tiếng đàn vương vấn ngàn lời nhớ nhung

Mưa thu cứ xá lạnh lùng
Vai gầy trùu tượng ngập ngừng bước đêm
Xin mưa hãy khóc thay em
Để mi thôi ướt bên thềm cô đơn

Cung thương len lén vào hồn
Tiếng ca thâm lắng nỗi buồn xa xưa
Đường tơ tha thiết cho vừa
Ấm lòng nhau phút giây chưa dứt sầu

Trang thư ngày cũ nát nhàu
Vàng trắng thu muộn tím màu tương tư
Thời gian chờ đợi bao giờ
Thì thôi hò hẹn qua bờ không gian.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Virginia, USA - 07/01/2019)

** Serenata – Enrico Toselli (1883-1926)

PARIS MÙA LẠNH



Sương xuống mờ
chiều nay trên đường nhỏ
Người lạ xa từng sợi tóc vàng bay
Tôi lang thang
đọc bến đò không khách
Nỗi nhớ nhà chợt về sát bờ vai

Tháng năm dài,
cuối mùa còn trần trở
Bầu trời xanh lại trải thảm ưu sầu
Ngọn gió chiều
sao mà hiu hắt lạnh
Phải chăng đời
đang rũ bóng mưa ngâu

Đã bao năm
tuyết giăng đầy nhánh mộng
Đời tha phương
như biển sóng nhớ bờ
Cuộc tình trao
ngỡ chừng xa lạ quá
Bờ quanh tôi chỉ còn lại ơ thờ

Gió nghiêng bay
làm chiều thêm cay buốt
Vạt nắng tàn để đêm đến lao đao
Mưa có rơi xin hãy vào dòng chảy
Tìm trôi về thuở ký ức hôm nào

Đời tiếc nuối trên bến chờ khóc lờ
Dĩ vãng xưa
có thương cảm tháng ngày
Cơn sóng muộn
giữa khung trời nhẹ vỡ
Tiễn chiều buồn
cho bớt lạnh điều hiu

Hỡi lệ nhòa có tìm về biển nhạt
Để tình đời thao thức gọi chơi vơi
Bàn chân nhỏ về đâu trên phố lạc
Trái tim yêu cũng lạc lối cuộc tình

Trương Đình

United Kingdom,
sương mù giữa 2019

HẸN MÙA HOA CÚC

Nguyên Tác: **Kikka no Chigiri** - Tác Giả: **Ueda Akinari** (1734-1809)

Người Dịch: **Nguyễn Nam Trân**

Lời Người Dịch:

Nguyên tác *Kikka no Chigiri* (Lời ước hẹn gặp lại nhau giữa mùa hoa cúc) của Ueda Akinari (Thượng Điền Thu Thành) đã in trong *Ugetsu Monogatari* (Vũ Nguyệt Vật Ngữ) hay *Truyện Đêm Mưa Trăng Lu*. Theo lời tựa, tập truyện được viết xong vào một đêm tháng ba trời mưa trắng lu năm Minh Hòa thứ 5 (1768), lúc tác giả 34 tuổi. Bản đầu tiên in năm An Vĩnh thứ 5 (1776). Người dịch dùng bản được Asano Sampei hiệu chú và nhà xuất bản Shinchō phát hành năm 1979.

Sinh năm 1734 trong một xóm yêu hoa ở Osaka [1], Ueda là đứa con vô thừa nhận của một cô gái làng chơi. Lên bốn, mẹ bỏ không nuôi, được một thương gia giàu có và tốt bụng nhưng không con trai, đem về cho ăn học. Ông bị lên đậu ngặt nghèo, tuy thoát chết nhưng liệt hết mấy ngón tay (nên một trong những bút hiệu của ông là *Zenshi Kijin* [2] nghĩa là Quái Nhân Cụt Ngón). Sau khi sống một quãng đời thanh niên đời trụ, ông sớm thức tỉnh trở lại nỗi khiếp cha nuôi buôn dầu và buôn giấy nhưng không mấy chí thú vì vẫn mang giòng máu nghệ sĩ. Năm 1771, sau trận hỏa tai làm tiêu tan sản nghiệp, ông chuyển sang nghề đông y và viết văn. Cuối đời (1793), về sống ở Kyoto và mất năm 1809, trong nghèo túng, vợ chết, không con cái và hầu như mù.

Tên tuổi Ueda Akinari gắn liền với văn xuôi Nhật Bản cận đại. Ảnh hưởng của ông rất sâu đậm đối với *Kyokutei Bakin* (1767-1848), tiểu thuyết gia số một thời Edo và những thế hệ đi sau [3]. Phần ông thì chịu ảnh hưởng của các tiểu thuyết gia đời Minh như *La Quán Trung* [4], *Phùng Mộng Long* [5] ... Riêng *Hẹn Mùa Hoa Cúc* đã mượn đề tài truyện “*Phạm Cự Khanh Kế Thực Sinh Tử Giao*” [6] sưu tập trong tiểu thuyết bạch thoại Trung Quốc của họ Phùng, *Cổ Kim Tiểu Thuyết*, quyển thứ 16. Akinari thích viết truyện quái đản vì nó là loại văn phổ biến nhất trong quần chúng đương thời nhưng có thể một phần do bản chất thần bí của chính ông. Suốt đời, ông hay viếng đền thần chôn Inari vì tin thần đã cứu mạng lúc mình lâm bạo bệnh.

Giáo sư René Sieffert đã dịch truyện này sang Pháp văn (xem *Le Rendez-vous aux Chrysanthèmes* trong *Contes de pluie et de lune*, Unesco, Folio, Paris, 1956). Xin để ý lời văn trong truyện này tuy có dụng công nhưng chung qui rất thô phác, cổ kính, ngay khi đã được chuyển ra kim văn. Niên hiệu An Vĩnh (An-ei, 1772-1781) bên Nhật, lúc tác phẩm ra đời, tương đương với thời Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc phủ Lê diệt Trịnh ở nước ta.

Liều mùa xuân xanh mơn mớn nhưng xin đừng trồng liều trong vườn nhà. Cũng như chớ kết giao với hạng người khinh bạc. Dương liễu xum xuê đầy nhưng không chịu nổi trận gió đầu thu, khác nào người khinh bạc dễ nhạt mỗi giao tình. Liều kia còn thắm lại lúc xuân về chứ người khinh bạc một đi không hề trở lại.

Ở trạm Kako xứ Harima có người hàn sĩ học rộng tên gọi Hasebe Samon. Cam cảnh thanh bần, chỉ làm bạn với sách vở, trong nhà không của cải phiến toái. Mẹ già đưa thoi khác nào Mạnh mẫu [7], suốt ngày chẳng rời giường cửi, nhưng mong giúp con đạt chí nguyện bình sinh. Cô em gái út đã về làm dâu họ Sayo cũng chốn làng nước. Nhà Sayo của cải ỨC VẠN nhưng vốn biết mẹ con Hasebe là hiền nên mới xin kết thông gia và rước cô ta về. Đôi lúc họ mượn cớ này việc nọ để đem đồ biếu xén nhưng mẹ con cho rằng « chớ vì miếng ăn mà phải lụy người » nên vẫn thoái thác.

Một hôm, Hasebe Samon đến thăm người bạn tên Mỗ cùng thôn, trong lúc hai bên đang cao hứng bàn chuyện xưa nay bỗng nghe cách vách có tiếng rên rỉ bi ai. Samon bèn hỏi thăm. Chủ nhà trả lời : «Người này xem ra gốc gác ở miền Tây, nhân không bắt kịp bạn đồng hành để lỡ độ đường, mới xin tôi cho tá túc qua đêm. Tôi thấy ông ta tướng mạo đường đường như con nhà vũ sĩ nên nhận lời. Chẳng ngờ từ đêm hôm đó bị lên sốt nặng, nằm li bì, đáng thương lắm. Đã ba bốn bữa rồi cứ như thế, tôi lại chẳng biết nhà cửa quê quán ông ta, nghĩ mình thật vụng tính. Bây giờ có hơi hối». Samon nghe qua mới bảo : « Thế thì tội nghiệp quá. Bác có lo lắng cũng đúng. Mang bệnh vào thân giữa đồng đất nước người không ai quen biết thì cơ khổ. Thôi để tôi khám xem sao ». Nói xong, đã thấy chủ nhà lên tiếng : « Tôi nghe bệnh dịch hay lây, trẻ con trong nhà còn không cho bước vào phòng đó. Đừng mang họa vào thân ». Samon mới cười : « Sống chết tại trời, ai truyền bệnh được. Thiên hạ không biết cứ nghe, mình tin theo làm gì!» . Rồi đẩy cửa đi vào. Samon thấy người khách đang nằm, đúng như nhà chủ nói, có phong thái khác phàm nhưng đang nhuốm bệnh nặng nên mặt mày vàng vố, người gầy đen, co quắp dưới một mảnh chăn cũ. Người ấy nhìn Samon với vẻ mừng rỡ, miệng nói « Làm ơn cho xin miếng nước nóng ». Samon ngồi sát con bệnh và bảo “Xin tôn ông chớ lo,

thế nào tôi cũng chữa cho khỏi ». Thật bỏ rơi cũng chẳng nỡ, mới xin phép nhà chủ khám bệnh xong, tự mình cho toa, bốc, sắc thuốc, lại đút cháo, lo lắng trông nom đủ điều chẳng khác ruột thịt. Người võ sĩ thấy Samon tận tụy, cảm động ứa nước mắt thưa: « Ông đối xử tốt như thế đến cả kẻ trôi dạt này sao ? Tôi có chết cũng chẳng báo đáp nổi tình thâm ». Samon mới can: « Tôn ông thốt chi những lời bi quan thái quá. Phàm bệnh dịch tất phải chịu đựng ít hôm. Tai qua nạn khỏi còn sống dai nữa đấy. Tôi sẽ qua đây trông nom ông mỗi ngày ». Đúng như lời hứa chân tình, Samon săn sóc thật tận tâm nên dần dần, người võ sĩ cảm thấy bệnh thuyên giảm, thân thể nhẹ nhõm hẳn, nồng nhiệt tỏ lòng cảm tạ. Vì kính mến công ơn, người ấy mới hỏi thăm gia cảnh Samon và thuật cho nghe gốc gác của mình: « Tôi tên Akana Sôemon, sinh trưởng ở vùng Matsue xứ Izumo, vốn thông hiểu chút binh pháp nên được ngài Enya Kamon-no-suke, quan trấn thủ thành Tomita, tôn làm thầy. Nhân có việc cơ mật, ngài Enya mới gửi tôi đi gặp Sasaki Ujitsuna ở Ômi. Lúc đang ở công quán dưới đó chợt nghe tin chức trấn thủ cũ là Amako Tsunehisa kéo bọn Yamanaka về hòa, nhằm đêm giao thừa bất ngờ leo vào chiếm thành, giết hại chủ tôi. Nguyên lai, vùng Izumo vẫn là đất phong của họ Sasaki, còn ngài Enya phụ tá việc cai trị. Tôi mới khuyên Sasaki Ujitsuna « Xin hãy giúp bọn Mizawa và Mitoya tiểu trừ bè đảng Amako Tsunehisa họ ». Khổ nỗi Ujitsuna bề ngoài xem ra dũng mãnh, bên trong chỉ là kẻ khiếp nhược ngu tối. Tôi bắt buộc nán lại Ômi. Thấy mình ở đó lâu cũng chẳng được việc, tôi mới lên trốn về xứ, ai ngờ giữa đường lâm trọng bệnh, để nhọc lòng ông, thật thân này may có phước phần. Trong nửa đời còn lại, nhất định có ngày báo đáp ». Samon gạt đi :” Tôi giúp tôn ông là vì tình người, thấy kẻ hoạn nạn làm ngơ không đành, đâu thể nào nhận lời cảm ơn quá nồng hậu của ông. Ông cứ nán lại nghỉ ngơi cho khoẻ đã ». Câu nói chí tình như thêm sức nên lần hồi con bệnh hoàn toàn bình phục.

Samon có cảm tưởng mình đã tìm ra người tri kỷ. Những lúc ngày đêm trò chuyện, nhân bàn đến kinh điển bách gia chư tử, cách đặt vấn đề cũng như lối giải đáp của Akana chứng tỏ ông ta không hề thiếu kiến thức. Đặc biệt khách lại giỏi binh thư, mỗi lần bàn bạc, hai bên đều tâm đầu ý hợp, rất ư vui thoả nên cuối cùng, họ ước với nhau kết nghĩa anh em. Akana lớn hơn năm tuổi, nhận lễ làm anh,

xong hướng về Samon nói: « Cha mẹ ngu huynh mất đã lâu, mẹ già của em tức là mẹ anh. Vậy anh xin phép đến vái chào để mẹ nhận tấm lòng thành của anh xin được làm con». Samon khôn xiết vui mừng đáp: « Mẹ hằng tội nghiệp em một thân một mình. Nếu được như huynh trưởng nói, chắc mẹ vui mà tăng tuổi thọ ». Họ đưa nhau về nhà, bà mẹ mừng rỡ tiếp đón: « Thành con của mẹ bất tài, lại bỏ công đi học những chuyện chẳng hợp thời, đường mây lối bước. Chỉ xin anh chớ ghét bỏ mà dạy dỗ nó hộ ta». Akana vui mừng cúi lạy : “Đại trưởng phu xem trọng nghĩa khí, chứ coi công danh phú quý có ra chi. Nay tôi được mẹ yêu, em kính, không dám trông mong gì hơn”, rồi ở trọ lại nhà đó ít lâu.

Hoa trên non mới nở hôm nào nay đã bay tả tơi, gió hây hây lẫn tẩn ngọn sóng, không nói cũng biết trời đã vào hè. Akana mới thưa với hai mẹ con: « Tôi trốn khỏi Ômi cũng vì có chủ đích về Izumo thăm dò động tĩnh. Tôi sẽ xuống đó ít lâu nhưng cố gắng chóng quay lại đây và dù rau cháo qua ngày cũng cố gắng báo đáp ân tình. Vậy xin từ biệt ». Samon mới hỏi: « Thế huynh trưởng đã định ngày nào trở lại đây chưa? ». Akana bảo: “Ngày tháng như tên bắn, chắc nội mùa thu này thôi, em ạ ». Samon lại hỏi: “Có thể nào hứa trước với em ngày anh về được không? ». Akana nói: «Anh định về giữa tiết trùng dương, có được không ? » Samon thưa: « Huynh trưởng đừng sai hẹn nhé. Em sẽ ngâm sẵn một cành hoa cúc trong vò rượu nhạt để đợi anh». Sau khi đã thành thực ước hẹn với nhau như thế, Akana mới sang miền Tây.

Bóng câu thắm thoát, những nhánh thù du dưới thấp đã sẫm màu, chen với cúc đại vàng tươi lưng đậu, tháng chín đến rồi. Ngày mùng chín, Samon dậy sớm hơn thường nhật, quét chiếu nhà cỏ cho sạch, chưng trong lọ con hai ba nhành cúc vàng cúc trắng, vét cạn hầu bao bày cơm rượu.

Bà mẹ bảo: “Mẹ nghe Yakumo ở tận cùng xứ San-in bên kia núi cách đây đến cả trăm dặm đường, anh con làm sao về cho kịp. Vậy chờ khi nào anh ấy đến nơi hãy sửa soạn!”. Samon thưa: “Anh con là người trọng chữ tín, thế nào cũng giữ lời hứa. Nếu đợi anh ấy về mới hấp tấp bày tiệc thì thật đáng thẹn ”. Bèn mua rượu ngon, nấu cá tươi để sẵn trong bếp.

Ngày hôm đó trời quang đãng, nhìn ngút mắt không lấy một gợn mây. Bọn lữ khách gối đất màn sương nhập bọn trên đường khát với nhau “Ai thượng kinh hôm nay nhằm ngày tốt đấy. Trời quang mây tạnh là điềm buôn bán có lời”. Một người vũ sĩ xấp xỉ năm mươi nói với một anh trai trẻ khoảng hai mươi ăn mặc cùng một kiểu: “Trời đẹp thế này, nếu từ Akashi mượn được thuyền mà rong buồm đi sớm thì chiều chắc kịp qua đêm ở cửa Ushimado. Chỉ vì bọn trẻ ngại sóng gió, mình đành chịu tốn kém.” Anh kia vừa đi, vừa vuốt giận ông bạn: “Lúc lệnh bè trên nhà ta lên kinh, từ đảo Shôzujima qua bến Murozu, ngài cũng gần chết khiếp. Cứ theo lời bọn tùy tùng học lại, vùng biển này đáng sợ lắm đấy. Thôi đừng tức tối nữa. Để sang bến Uogahashi, tôi mời bác tô mì”. Một gã dốt ngựa đang phát cáu với con vật: “Cái con chết chương này, sao đi mà không chịu chong mắt ra cho ông nhò!”, nói xong sắp ngay ngắn bọc hàng trên yên rồi đẩy ngựa bước tới. Quá ngọ vẫn chưa thấy bóng Akana. Rồi mặt trời ngã sang đoài, khách bộ hành ai nấy đều rảo bước tìm chỗ qua đêm. Mỗi Samon mắt vẫn dăm dăm nhìn về xa xôi, ruột gan nóng như nung.

Bà mẹ gọi Samon bảo: “Chỉ mong lòng người không thay đổi như trời thu chữ hoa cúc đầu chỉ thắm mỗi hôm nay. Như anh con giữ chữ tín quay về thì dù phải chờ đến khi mưa lạnh báo thu tàn, con cũng chẳng có gì để trách anh. Thôi vào nhà nghỉ đi, mai hẵng đợi”. Samon không dám trái ý, mới cùng lui vào trong, mời mẹ đi ngủ trước, rồi ra ngoài cửa nhìn lên, thấy bên sông Ngân là vàng trắng bạc soi mỗi bóng mình, lòng lại thêm buồn. Chỉ nghe tiếng sữa của con chó giữ nhà và tiếng sóng vỗ ngoài bến vọng tới. Đến khi trăng lặn bên sườn núi, đang nghĩ mình quên chưa đóng cổng, bất chợt nhìn lên thì thấy trong khoảng đêm đen có một bóng người lay động theo làn gió lại gần, nhìn mãi mới biết chính là Akana Sômon.

Samon mừng rỡ nói như reo :” Tiểu đệ đợi từ sáng sớm đến giờ. Anh giữ lời ước về được thật không gì vui hơn. Mời anh vào trong cho!”. Nghe nói thế, Akana chỉ gạt đầu mà không ừ hử. Samon đi trước dẫn đường, mời Akana ngồi vào chỗ dưới song cửa sổ phía nam, xong thưa:” Huynh trưởng chậm về, mẹ già không chờ được, e rằng anh mai mới đến nơi nên đã vào trong nghỉ rồi. Để em đánh thức mẹ nhé!”. Akana lắc đầu một lần nữa ngăn Samon lại nhưng

vẫn chẳng nói chẳng rằng. Samon mới thưa: “Anh lặn lội đêm hôm, hẳn nhọc mệt vì đường xá. Vậy xin anh uống chén rượu mừng cho lại sức”. Bèn hâm rượu, bày biện mấy món dưa cay. Akana nâng tay áo lên che mặt, làm như ngán mùi tanh của thức ăn.” Cơm này do chính tay em tuốt lúa giã gạo. Tuy chẳng có gì nhưng là chút lòng thành. Xoi một miếng cho em vui”. Akana vẫn không trả lời, chỉ thờ dài buồn bã, mãi lâu mới lên tiếng: “Hiền đệ tiếp đón ân cần, anh từ chối sao đặng. Tuy thế, anh không thể lừa dối em. Cho anh thưa thật và tuyệt đối đừng ngạc nhiên. Anh không còn là người trên dương thế nữa mà chỉ là một cô hồn vất vưởng hiện ra trong thân xác vay mượn này thôi.”

Samon hoảng kinh. “Huynh trưởng nói chuyện gì lạ lùng thế nhỉ. Em không thể tin được.” Akana mới bảo: “Khi anh từ biệt hiền đệ về đến quê nhà rồi, thấy người nước này sợ oai lũ giặc Tsunehisa, đều quên ơn ngài Enya mà ngã theo chúng. Anh liền đến thăm Akana Tanji, người anh em họ trong thành Tomita. Hắn ta giải bày điều lợi hại và đưa anh đến gặp Tsunehisa. Anh bèn nhân cơ hội ấy dò xét quân tình. Quan sát thật kỹ mới biết tên Tsunehisa sức địch muôn người, lại khéo rèn luyện sĩ tốt. Tuy nhiên, về mặt mưu trí thì vì tâm địa đa nghi như chồn cáo nên hẳn không có một ai gọi là gan ruột nanh vuốt. Ở lâu không tiện, anh mượn cớ ước hẹn với hiền đệ phải về cho kịp tiết trùng dương để xin kiếu. Chẳng ngờ Tsunehisa đâm ra oán ghét và hạ lệnh Tanji giữ riệt anh tận đến bữa nay, không cho lọt khỏi vòng thành. Anh sợ sai hẹn thì hiền đệ chẳng còn coi anh là người tín nghĩa nữa. Hết sức khổ tâm mà không biết tính sao. Cổ nhân có câu: Con người không ai đi nổi nghìn dặm mỗi ngày nhưng hồn phách thì thừa sức. Nhớ lời dạy đầy đạo nghĩa ấy, anh tự đâm cổ chết để đêm nay hồn nương theo luồng gió lạnh cõi âm về cho kịp lời ước hẹn gặp nhau giữa mùa hoa cúc. Hiền đệ đã thấu lòng anh chưa?”. Nói xong nước mắt ràn rụa: “ Từ đây, chúng mình sẽ mãi mãi chia tay. Mong em thay anh chăm sóc mẹ già”. Mới thấy vừa đứng dậy khỏi chiếu tiệc, thoát đã biến mất.

Samon lật đật chặn lại thì ngón âm phong đã che mắt tối sầm, không nhận ra phương hướng nữa. Anh ta trượt chân bổ sấp, rồi cứ thế mà khóc lớn. Bà mẹ choàng tỉnh, đứng dậy nhìn ra chỗ con ngã thì thấy anh ta đang nằm giữa đồng chén bát, bình rượu, đĩa cá,

trên chiếu tiệp. Bà mới đến bên cạnh nâng dậy, hỏi “Gì thế hở con?” thì chỉ thấy Samon khóc vùi, nấc nghẹn chẳng thốt được câu nào. Bà mẹ bảo : «Nếu mày buồn khổ vì anh mày lỡ hẹn thì ngày mai, lúc nó đến hãy nói cho nó biết. Cứ khóc thế này có phải gốc không nào!”. Trước lời quở trách nghiêm khắc, Samon vội phân trần :” Đêm hôm nay, huynh trưởng nhớ lời hẹn cúc hoa đã về đến nơi đấy chứ. Con đem rượu và thức nhắm ra mời, anh ấy hai ba bận từ chối và kể sự tình xảy ra như thế nào, vì không muốn bội ước nên đã tự đâm cổ để linh hồn vượt trăm dặm tìm về”. Nói xong, anh ấy biến mất. Chính vì vậy con đã làm kinh động giấc ngủ của mẹ. Cúi xin mẹ tha thứ!”. Thấy nước mắt con lăn chã, bà mẹ mới bảo: ”Người trong ngục tối mong được cời gông. Kẻ đang khát chỉ ước có miếng nước mát mà nhấp. Chắc con đang mang tâm trạng ấy. Hãy lấy lại bình tĩnh đi!”. Nghe thế, Samon lắc đầu:”Không phải mộng mị gì đâu mẹ. Huynh trưởng con có về thật đấy!”. Nói xong lại khóc đến quì xuống. Lúc ấy bà mẹ mới hết nghi ngờ và cũng oà theo. Đêm hôm ấy cả hai mẹ con cùng khóc than không dứt.

Rạng ngày, Samon dập đầu thưa với mẹ :”Con từ thuở nhỏ theo đòi nghiên bút nhưng ở chốn làng nước chưa tỏ điều trung nghĩa, trong nhà không tròn đạo hiếu kính, sống cũng như thừa. Nay anh Akana đã hủy tính mạng để giữ lời hẹn ước thì đứa em như con cũng phải lên đường đi Izumo nhặt nắm xương tàn của anh cho tròn chữ tín. Cho phép con đi một thời gian và nhớ bảo trọng mình vàng”. Bà mẹ lại nói: “Con có đi cũng cố về sớm sớm kẻo mẹ già tựa cửa. Đừng để lần từ biệt hôm nay thành ra cuộc chia ly vĩnh viễn.” Samon mới thưa: ”Kiếp người bèo bọt, giữa ban mai nào biết được buổi chiều, nhưng con đi xong việc sẽ chóng quay về”. Nói xong lau nước mắt ra cửa, tạt qua bên Sayo nhờ chăm sóc mẹ già chu đáo, xong phẳng phẳng xuống Izumo. Trên đường đói chẳng buồn ăn, rét quên choàng áo, giữa giấc mơ cũng gào khóc, chỉ có mười hôm đã đến bên chân thành Tomita.

Việc trước tiên là tìm tới ngay phủ đệ của Akana Tanji, xưng tên xin gặp. Tanji bước ra nghênh tiếp, ngạc nhiên hỏi gặng: “Nếu không có tin nhận đưa thư thì làm sao ông biết chóng vánh như thế”. Samon trả lời: “Kẻ sĩ không luận bàn chuyện phú quý hay là tình huống thế nào mà chỉ lo giữ điều tín nghĩa. Nay huynh trưởng

Sôemon trọng lời thề thốt, chẳng tiếc thân, hồn thu đường đất trăm dặm tìm về cho nên tôi mới ngày đêm không nghỉ mà tới nơi đây. Tôi chỉ xin đem chuyện sách vở để hỏi một điều, mong ngài giải đáp cho. Xưa khi Công Thúc Tọa [8] nước Ngụy nằm trên giường bệnh, vua Ngụy đến thăm, thân cầm tay hỏi: “Nhờ mai khanh có mệnh hệ nào thì lấy ai làm người chống đỡ xã tắc”. Tọa mới tâu: “Thương Ưởng tuy tuổi trẻ nhưng là bậc kỳ tài. Vương nếu không dùng hẳn thì hãy giết đi chứ đừng để hẳn ra ngoài cõi. Nếu cho hẳn đi nước khác, chắc chắn mai sau sẽ rước họa”. Thực bụng tâu như thế xong, Tọa mới ngằm kêu Thương Ưởng vào bảo nhỏ: “Ta đã tiến cử người nhưng nhà vua có ý không dùng. Ta lại bảo đã không dùng người thì phải giết. Đó là đạo trước lo cho vua sau mới lo tới bầy tôi. Vậy người nên mau mau trốn qua nước khác kẻo bị hại”. Câu chuyện nói trên nếu đem so với tình cảnh giữa ngài và Sôemon, hỏi khác nhau thế nào?” Tanji chỉ biết cúi gằm, không có lấy một câu.

Samon mới xích người lại gần hơn: “Anh Sôemon của tôi không chịu khuất thân thờ Amako vì nghĩ tình cựu giao với ngài Enya. Còn ngài bỏ chủ cũ Enya đi hàng Amako là không làm tròn đạo nghĩa của người võ sĩ. Anh Sôemon giữ lời hẹn cúc hoa mà xả thân, hồn đi trăm dặm tìm về, coi chữ tín nặng nhường nào. Còn ngài, để làm đẹp lòng Amako, đã hành hạ cả cốt nhục để người ấy phải sát thân, quả không xứng đáng là một chiến hữu. Tsunehisa dù có ngăn chặn thế nào đi nữa, ngài há không vì chút tình cố cựu mà ngằm giúp như Công Thúc Tọa đã đối xử với Thương Ưởng được hay sao? Chỉ lo sự phú quý cho riêng mình đâu phải là nền nếp vũ gia, có chăng chỉ là cách sống của bọn Amako mà thôi. Không hiểu sao anh ta lại không biết thế mà còn đưa chân đến chốn này làm gì? Ta hôm nay có mặt ở đây cũng vì đặt lòng trung nghĩa lên trên mọi sự. Còn mi, mi sẽ chuốc lấy cái tiếng bất nghĩa thối tha.” Nói chưa hết lời đã tuốt kiếm chém Tanji [9] một nhát chết lẩn tại chỗ. Thừa lúc bọn cận vệ còn đang nháo nhác bèn trốn đi không để lại dấu vết. Amako Tsunehisa nghe việc đó, thầm phục lòng trung tín của hai anh em, không hạ lệnh đuổi bắt Samon.

Ôi, chính vì thế mà ở đời, không nên kết giao với hạng người khinh bạc.

Dịch xong ngày 21 tháng 10 năm 2003

Nguyễn Nam Trân

[1] Xóm Sonezaki, nơi Ueda Akinari chào đời là bối cảnh nhiều tiểu thuyết của Ibara Saikaku (1642-1693) và tuồng hát của Chikamatsu Monzaemon (1653-1724), hai nhân vật kiệt xuất của văn học Nhật Bản tiền cận đại và bậc thầy của Akinari.

[2] Ngoài biệt hiệu này, ông còn đặt nhiều bút hiệu có tính chất tự trào như Wayaku Tarô (anh chàng dịch ra văn Nhật), Muchô Kôji (người ngang như cua) hoặc Shiki Kôjin (kẻ học đòi khoác lác).

[3] Tiêu biểu có Kôda Rôhan và Higuchi Ichiyô, hai nhà văn tên tuổi thời Meiji, Akutagawa Ryunosuke và Satô Haruo thời Taishô, ngoài ra còn kể đến Izumi Kyôka, Hayashi Fumiko, Okamoto Kanoko, Ishikawa Jun vv...

[4] La Quán Trung tên thật là La Bản (?-?), sống vào thế kỷ 14, cuối Nguyên đầu Minh, tác giả các tiểu thuyết bạch thoại như Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, Tùy Đường Lương Triều Sử Truyện, Đường Ngũ Đại Sử Diễn Nghĩa, Bắc Tống Tam Toại Bình Yếu Truyện, Thủy Hử Truyện. Nhiều thuyết cho rằng Thủy Hử là tác phẩm của Thi An (tự Nại Am), người được xem như thầy của họ La.

[5] Phùng Mộng Long (1574-1646), sinh năm Vạn Lịch triều Minh và mất năm Thuận Trị triều Thanh, tác giả các tập đoản thiên tiểu thuyết bạch thoại Cổ Kim Tiểu Thuyết, Tinh Sử Loại Lược, Cổ Kim Tiểu, Tinh Thế Hằng Ngôn, Dự Thế Minh Ngôn, Cảnh Thế Thông Ngôn.

[6] Truyện chàng Phạm Cự Khanh từ cõi chết về dự bữa cơm thịt gà với người sống

[7] Mạnh mẫu, mẹ thầy Mạnh Kha, từng chặt đứt khung cửi (đoạn cơ) và dọn nhà ba lần để cảnh tỉnh con (tam thiên chi giáo).

[8] Xem truyện Thương Ưởng trong Sử Ký Tư Mã Thiên.

[9] René Sieffert cho rằng chữ trung Nhật Bản cũng có giới hạn vì người đáng bị chém phải là Amako Tsunehisa chứ không phải Tanji, một kẻ chấp hành.



KHÁCH QUÊ

*Gió thổi chiều xoay trên xứ mẹ
Em về thăm lại mấy hàng tre.
Thuở đi những tưởng tha hương mãi,
Đêm vẫn thăm nghe tiếng võng hò*

*Đà Lạt sương mờ giăng phố núi
Bồng bênh mây phủ nỗi buồn vui?
Thác reo còn luyến thời con gái...
Hay đắm chìm theo giấc ngủ vùi?*

*Đứng giữa trời quê mà thấy lạ...
Phải chăng hồn nước đã bay xa?
Người quen, lối cũ... bao kỷ niệm
Chẳng lẽ thời gian cũng xóa nhòa?*

*Tháng chín bên này hoa tím nụ,
Nhụy tàn ta cảm kiếp phù du.
Cửu Long bến nhạt màu nhung nhớ,
Tráng sĩ đờ ngang... bóng khuất mù!*

Đỗ Bình

France

NS Phạm Đăng phổ nhạc và hát:

https://www.youtube.com/watch?v=JT09f_crb88



NHỚ TIỂU THƯ SÀI GÒN



*Nắng Cali nhớ trời Sài Gòn
Áo lụa bay ôm dáng em thon
Nụ cười e ấp sau vành nón
Ánh mắt nhung huyền bao luyến thương!*

*Trời Cali có gái tóc mây
Áo khoe ngực đầy, đôi chân thon dài
Hồn nhiên nói cười, rộn ràng tiếng ngọc
Mắt biếc sáng ngời, sức sống tràn đầy.*

*Trời Cali bên bờ biển xanh
Dập dìu lại qua, gái lịch trai thanh...
Tôi đi tha thân nghe lòng nhung nhớ
Đã bao năm trường chỉ nhớ riêng em!*

*Nhớ người em, tiểu-thư Sài Gòn!
Nhớ người em, cô gái Việt-Nam!
Từng trải đường đời, năm châu bốn biển
Hình ảnh em còn ngự mãi trong tim!*

*Từng trải đường đời, năm châu bốn biển
Hình ảnh em còn ngự mãi trong tim!*

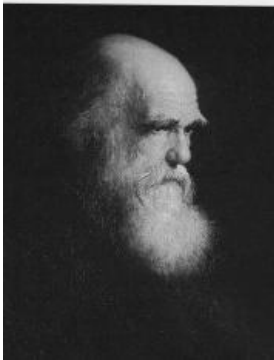
California, bờ biển Santa Monica (09-08-1998)

Phạm Thị Nhung

France

CHARLES DARWIN (1809–1882) và Tác Phẩm “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” ** Phạm Văn Tuấn **

1809 là năm chào đời của các danh nhân trên thế giới như Abraham Lincoln, vĩ nhân giải phóng nô lệ, Charles Darwin, nhà sinh vật học lừng danh, William Gladstone, Thủ Tướng của nước Anh, Felix Mendelssohn, nhạc sĩ tài hoa, các thi nhân như Edgar Allen Poe, Elizabeth Bannett Browning, Alfred Tennyson.



Trong số các danh nhân kể trên và trong số hàng triệu người ra đời trong thế kỷ 19, ngoại trừ Karl Marx, **Charles Darwin** đã làm thay đổi các khuynh hướng tư tưởng của Nhân Loại, tạo nên một hướng nhìn mới. Cuốn sách “Về Nguồn Gốc của các Chủng Loại do Cách Chọn Lựa Tự Nhiên” (On the Origin of Species by Means of Natural Selection) của Charles Darwin đã là một khúc quanh của nền Khoa Học mới, tạo nên một lý thuyết gây chấn động cho tới thời gian gần đây, ảnh hưởng sâu đậm không chỉ vào phạm vi suy nghĩ Khoa Học mà còn tới các địa hạt Triết Học, Tôn Giáo và các ngành tư tưởng khác.

Ngày nay, các nguyên tắc căn bản của lý thuyết Darwin hầu như được toàn thế giới khoa học chấp nhận nhưng khởi đầu, lý thuyết này đã gây nên sóng gió trong gần một thế kỷ. Khởi đầu vào năm 1860 là vụ tranh luận tại thành phố Oxford, với rất nhiều cuộc tranh cãi khác rồi tới năm 1925 là “vụ kiện con khỉ” (Monkey trial) tại tiểu bang Tennessee, Hoa Kỳ, và các tranh luận chỉ nguôi dần qua thời gian.

1/ Vụ kiện “Con Khỉ”

Vào năm 1925, tiểu bang Tennessee của Hoa Kỳ thông qua Đạo Luật Butler (the Butler Act) ngăn cấm việc giảng dạy Thuyết Tiến Hóa tại các trường học trong tiểu bang. Các chống đối đã diễn ra và một vụ kiện được đưa ra trước Công Lý. Bị lôi ra trước Tòa là ông John T. Scopes, 24 tuổi, giáo sư Khoa Học kiêm ông bầu của đội banh bầu dục. Ông Scopes thú nhận rằng mình đã vi phạm luật do

giảng dạy lý thuyết của Charles Darwin. Vì vậy vào tháng 7 năm đó đã xảy ra “vụ kiện Scopes con khỉ” (Scopes Monkey Trial) mà các nhà sử học về Luật Pháp coi đây là vụ án của thế kỷ.

Vụ án này là tiêu đề lớn nhất trên toàn quốc Hoa Kỳ, đã chế ngự mọi loại thông tin, các báo chí, các hệ thống truyền thanh, đã làm sáng tỏ các lý lẽ liên quan tới Hiến Pháp Hoa Kỳ, tương tự như vấn đề ngăn cách Nhà Thờ và Quốc Gia (separation of church and state), như nền tự do học vấn (academic freedom) cũng như việc diễn đạt Tu Chính Án Thứ Nhất (the First Amendment). Nhưng chính các nhân vật trong vụ tranh cãi đã khiến cho vụ án trở nên một màn kịch.

Luật sư bên bị là ông Clarence Darrow, đã đối đầu với một nhân vật đã từng ba lần làm ứng viên Tổng Thống và cũng là một tín đồ Thiên Chúa Giáo thuần thành, đây cũng là nhà hùng biện danh tiếng William Jennings Bryan. Sau khi quan tòa ngăn cản việc đưa ra nhân chứng là các chuyên gia khoa học, luật sư Darrow đã kêu gọi công tố viên Bryan đứng làm chuyên gia về Thánh Kinh.

Trong sức nóng bức của tháng 7, ông Darrow không ngừng đặt các câu hỏi về Thánh Kinh khiến cho cuối cùng ông Bryan phải thú nhận rằng “sự sáng tạo ra con người có thể cần tới hàng triệu năm” mà không phải chỉ trong 6 ngày, theo như Sách Sáng Thế (Genesis). Như vậy nhiều người đã tin rằng luật sư bên bị đã thắng vẻ vang về lý thuyết Tiến Hóa. Chiến thuật của bên bị là đặt vấn đề bất hợp hiến của Đạo Luật Butler, còn bên nguyên truy tố ông Scopes đã vi phạm luật.

Cuối cùng bồi thẩm đoàn kết luận rằng ông Scopes “phạm tội” (guilty), đây chính là điều bên bị mong muốn! Bản án “phạm tội” này được chống án lên Tòa trên, là nơi sẽ tiêu hủy Đạo Luật Butler chống Thuyết Tiến Hóa. Tuy nhiên việc chống án chỉ được xét xử vào năm 1967 trong khi các hội đồng giáo dục của vài tiểu bang Hoa Kỳ đã bỏ thăm không đề cập tới Thuyết Tiến Hóa trong các câu hỏi thi trắc nghiệm khi mà việc giảng dạy lý thuyết này còn trong vòng tranh cãi.

2/ Thời kỳ đi học và đi khảo sát của Charles Darwin

Charles Robert Darwin là cháu của hai người ông danh tiếng và giàu có sống trong thời đại Victoria của nước Anh. Ông nội Erasmus Darwin là một vị thầy thuốc và nhà tư tưởng phóng khoáng, còn ông

ngoại Josiah Wedgwood là nhà sáng lập lò gốm Wedgwood và cũng là một nhân vật hàng đầu trong cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ tại nước Anh. Cha của Charles Darwin là ông Robert Darwin, một bác sĩ tài giỏi còn mẹ là bà Susannah Wedgwood. Charles Darwin chào đời vào ngày 12 tháng 2 năm 1809 trong gia đình có người anh Erasmus lớn hơn 4 tuổi. Gia đình này sống trong một tòa nhà lớn bên ngoài thị xã Shrewsbury.

Khi còn nhỏ tuổi, Darwin không tỏ lộ một hứa hẹn nào rằng sau này sẽ trở nên một nhà khoa học lừng danh trên Thế Giới. Tuy xuất thân từ một gia đình gồm các học giả và nhà chuyên môn nhưng Darwin không phải là một học sinh xuất sắc. Tại trường tiểu học, cậu Charles chán nản trước tiếng La Tinh và chương trình giáo dục cổ điển kém uyển chuyển. Cậu bị vị hiệu trưởng trách mắng vì đã phí thời giờ vào các thí nghiệm hóa học hay vào công việc thu thập các côn trùng, các mẫu đá.

Theo bước chân của cha, Charles được gửi tới trường Đại Học Edinburg vào tuổi 16 để theo học Y Khoa. Sau hai năm học tại trường này, cậu nhất định rằng ngành Y Khoa không thích hợp nên được chuyển sang Đại Học Cambridge để sau này phục vụ cho Nhà Thờ Anh Cát Giáo.

Charles Darwin đã coi ba năm dài tại trường đại học sau này là phí phạm thời gian nhưng dù thế, Darwin đã hưởng lợi to lớn nhờ quen biết hai vị Thầy nhiều ảnh hưởng, đó là ông John Stevens Henslow, giáo sư môn Thực Vật, và ông Adam Sedgwick, giáo sư môn Địa Chất. Nhờ hai vị Thầy này chỉ dẫn, Darwin đã trải qua nhiều thời giờ trong các cuộc du khảo, thu lượm các loại côn trùng và thực tập cách quan sát thiên nhiên.

Nhờ sự giới thiệu của Giáo Sư Sedgwick, Darwin được đề nghị đảm nhận chức vụ nhà tự nhiên học (naturalist) trên con tàu hải quân Beagle đi thực hiện một chuyến khảo sát kỹ càng miền Nam Bán Cầu. Tàu H.M.S. Beagle là một con tàu nhỏ, dài 90 ft, rộng 24 ft nên căn phòng dành cho Darwin rất chật hẹp. Nhiều năm về sau khi nhìn lại cuộc hành trình này, Darwin đã coi đây là “một biến cố quan trọng nhất trong đời của tôi”.

Trong 5 năm trường từ 1831 tới 1836, con tàu biển Beagle đã ghé vào hầu như tất cả các lục địa và các hòn đảo chính khi nó chạy vòng quanh trái đất. Darwin đã phục vụ bằng các công việc của nhà địa chất, nhà thực vật, nhà động vật và một nhà khoa học

tổng quát, đây là một chuẩn bị đầy đủ dành cho cuộc đời khảo cứu và viết sách của ông sau này. Tại mỗi nơi đi qua, Darwin đều thu lượm thật nhiều cây cỏ và thú vật, các vật hóa thạch và các sinh vật, các hình thức sống trên mặt đất hay dưới biển.

Ông đã nghiên cứu bằng con mắt của một nhà tự nhiên học các hệ thực vật và hệ động vật (the flora and fauna) của nhiều miền đất và miền biển, tìm kiếm thật nhiều mẫu vật trên các cánh đồng hoang của xứ Argentina, trên sườn núi khô cằn của rặng núi Andes, nơi các hồ muối hay các sa mạc của xứ Chile và Australia, trong rừng rậm của xứ Brazil, Tierra del Fuego và Tahiti, trên hòn đảo Cape Verde trơ trụi. Các nơi khảo sát của Darwin còn là các cấu tạo địa chất của bờ biển và miền núi Nam Mỹ, các ngọn núi lửa đang hoạt động hay đã tắt trên các hòn đảo hay đất liền, các đảo san hô, các hóa thạch của động vật có vú nơi miền Patagonia, các dấu vết suy tàn của con người tại Peru và cả các thổ dân của miền Tierra del Fuego và Patagonia.

Nhưng qua tất cả các miền đã từng thăm viếng và khảo cứu, không nơi nào gây ấn tượng mạnh tới Darwin hơn quần đảo Galapagos, nằm cách bờ biển Nam Mỹ 500 dặm về phía tây. Trên hòn đảo cô lập, không người cư ngụ này, chỉ gồm các ngọn núi lửa trơ trụi, Charles Darwin đã nhìn thấy các con rùa khổng lồ, các con thằn lằn thực to lớn chưa từng thấy trên thế giới, các con cua và sư tử biển lớn quá cỡ. Ông cũng đặc biệt nhận thấy rằng các con chim tại nơi đây tương tự như thú chim trên các hòn đảo bên cạnh nhưng không giống hệt. Ngoài ra đã có sự thay đổi trong các loại chim khác nhau từ hòn đảo này sang hòn đảo khác.

Hiện tượng lạ lùng của các sinh vật trên quần đảo Galapagos cộng với các sự kiện chắc chắn đã được ghi nhận trước kia tại miền Nam Mỹ đã tăng cường các ý tưởng về tiến hóa bắt đầu hình thành trong đầu óc của Darwin. Ông Darwin đã ghi trong sổ tay như sau: *"tôi đặc biệt ngạc nhiên thứ nhất vì các hóa thạch của động vật có vú như loại armadillo hiện có, thứ hai vì cách thức các động vật liên hệ gần đã thay thế nhau trên lục địa khi đi dần về phía nam và thứ ba, các sinh vật đổi thay khác nhau đôi chút trên các hòn đảo Galapagos dù cho các đảo này không rất cổ theo ý nghĩa địa chất"*.

Charles Darwin đã không hiểu ngay ý nghĩa của sự thay đổi hình thức bên ngoài của các sinh vật, ông đã ghi chép tất cả nhận xét để sau này nghiên cứu khi trở về nước Anh. Ông không chấp nhận các

giáo điều trong Sách Sáng Thế (Genesis) theo đó mọi chủng loại đã được tạo nên cùng một lúc và không thay đổi qua thời gian.

Sau khi trở về nước Anh, Charles Darwin cho xuất bản vào năm 1839 cuốn “Tạp Chí Khảo Cứu Địa Chất và Khoa Học Tự Nhiên của các Quốc Gia khác nhau do chuyến đi trên con tàu Beagle” (Journal of Researches into the Geology and Natural History of the Various Countries Visited by H.M.S. Beagle) và ông bắt đầu suy nghĩ về lý thuyết của sự tiến hóa hữu cơ (organic evolution) theo đó các chủng loại thay đổi không chỉ từ nơi này sang nơi khác mà còn qua các thời đại địa chất, ông muốn khám phá ra lý do của các thay đổi và đồng thời, Darwin viết cuốn sách “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” (The Origin of Species).

Bản phác thảo đầu tiên gồm 35 trang viết vào năm 1842, qua năm 1844 đã được nói rộng thành 230 trang. Từ đầu, bài toán bí ẩn là làm sao cất nghĩa đời sống hữu cơ (organic life) đã bắt đầu phát triển kể từ thời khởi đầu của trái đất, cất nghĩa sự xuất hiện và biến đi của các loài vật. Tại sao các loài vật đã sinh ra, bị thay đổi qua thời gian, phân chia thành các ngành khác nhau và thường khi biến mất hoàn toàn?

3/ Lập gia đình và nghiên cứu Khoa Học

Vào ngày 19/1/1839, Charles Darwin kết hôn với cô em họ gần tên là Emma Wedgwood. Cặp vợ chồng này cư ngụ tại Bloomsbury trong một căn nhà chứa nhiều mẫu vật giống như một viện bảo tàng rồi 3 năm sau, họ dọn qua làng Downe thuộc hạt Kent, một miền quê hẻo lánh. Ông bà Darwin đã có 10 người con, 2 đứa trẻ đã bị chết yểu, một người con gái tên là Annie được yêu thương nhất đã qua đời năm lên 10 tuổi, còn lại 7 người con khác đều có cơ thể yếu đuối.

Trong 20 năm trường, Charles Darwin đã biên soạn cuốn sách “Nguồn Gốc” kể trên, cụ thể hóa các lý thuyết của mình. Ông đã đọc vô số tài liệu: tạp chí, sách du lịch, sách thể thao, sách dạy trồng hoa, sách dạy nuôi súc vật và sách lịch sử tự nhiên. Ông đã nói chuyện với nhiều nhà gây giống cây và thú vật, đã gửi câu hỏi tới nhiều người hiểu biết. Ông sưu tầm các bộ xương của các con vật đã được thuần hóa, so sánh chúng với xương của các con vật hoang dã. Ông đã khảo cứu các trái cây và hạt giống nổi và di chuyển trên mặt nước biển. Ông đã dùng các dữ kiện thu lượm

được trong cuộc hành trình trên con tàu biển Beagle để giải đáp nhiều bài toán liên quan tới thực vật học, động vật học, địa chất học, cổ sinh vật học...

Charles Darwin đã dùng cách chọn lựa nhân tạo (artificial selection) của các con vật và cây cối thuần hóa: chó, mèo, ngựa, lúa mì, lúa mạch, các loại hoa vườn... mà con người đã lai tạo để có được thứ giống vật có lợi cho nhu cầu. Như vậy nhiều chủng loại mới đã được phát triển do chọn lựa. Ông đã lý luận rằng nếu sự tiến hóa được thực hiện do cách chọn lựa nhân tạo thì thiên nhiên cũng có thể hoạt động theo cùng một phương thức do cách chọn lựa tự nhiên (natural selection)?

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh thiên nhiên, đã xảy ra cuộc tranh đấu để sống còn. Ông đã quan sát thấy một số lớn chủng loại đã bị chết đi, chỉ một phần nhỏ sống sót. Vài loại động vật là thức ăn của các loại động vật khác. Sự tranh đấu tiếp tục không ngừng và cuộc cạnh tranh dữ dội đã diệt đi chủng loại nào không thích hợp với sự sống còn. Các thay đổi về chủng loại đã xảy ra để đáp ứng các điều kiện cần thiết vì sự sống còn (survival).

4/ Lý thuyết Tiến Hóa ra đời

Chìa khóa của lời bí ẩn đối với Darwin do đọc cuốn sách “Khảo Luận về Dân Số” (Essay on Population) của Thomas Robert Malthus. Malthus đã cho biết sự việc cung cấp thực phẩm đã kiểm soát mức độ gia tăng dân số và số tăng thêm của con người trên trái đất bị chặn lại vì các hạn chế tích cực như tai nạn, bệnh tật, chiến tranh và nạn đói kém. Như vậy các yếu tố tương tự có thể áp dụng vào các sinh vật và thực vật. Darwin đã viết: *“Từ sự quan sát lâu dài các thói quen của sinh vật và thực vật, tôi nhận ra rằng trong các hoàn cảnh sống, các chủng loại thích nghi thường được duy trì và các chủng loại không biết thích nghi sẽ bị tiêu diệt. Kết quả của sự kiện này là các chủng loại mới được sinh ra”*.

Như vậy đã ra đời Chủ Thuyết Darwin danh tiếng về “chọn lựa tự nhiên” (natural selection), “tranh đấu để sống còn” (struggle for existence) hay “sự sống còn của kẻ thích hợp nhất” (survival of the fittest), và đây là nền móng của cuốn sách “Nguồn Gốc của các Chủng Loại”.

Charles Darwin đã cố gắng thiết lập các chứng cứ rất đồ sộ khiến cho ông không vội phổ biến công trình nghiên cứu cho tới thập niên

1850 bởi vì bà vợ Emma của ông là một người rất sùng đạo Thiên Chúa, bà đã khiến chồng thường xuyên phải đóng góp cho nhà thờ, giúp đỡ các kẻ nghèo khó và biểu lộ tấm lòng mộ đạo. Nhưng rồi do sự thúc dục của các bạn thân, Darwin chuẩn bị một tác phẩm nhiều tập.

Công trình được nửa chừng thì một tiếng sấm lớn vọng tới. Charles Darwin nhận được một bức thư từ Alfred Russel Wallace, một nhà khoa học tâm niên, hiện đang thám hiểm về sinh học tại quần đảo Mã Lai. Wallace cho biết rằng ông ta đang suy nghĩ về nguồn gốc của các loài vật và giống như Darwin, cũng bị ảnh hưởng khi đọc tác phẩm của Malthus. Bức thư của ông Wallace có đi kèm với một khảo sát có tên là “Khảo luận về chiều hướng biến đổi vĩnh viễn xuất phát từ loài gốc” (Essay on the Tendency of Varieties to Depart Indefinitely from the Original Type). Đây cũng chính là lời minh xác của Darwin.

Charles Darwin hiện đang ở trong tình trạng khó xử. Rõ ràng là cả hai nhân vật này do nghiên cứu độc lập với nhau, đã đi tới cùng các câu kết luận giống nhau, trong khi Darwin đã bỏ ra nhiều năm suy nghĩ và tìm kiếm, còn ý tưởng của Wallace được dẫn tới do trực giác. Nhiều nhà khoa học có cảm tình với Darwin muốn ông được ghi công do các nghiên cứu lâu dài đã qua, nên đã xếp đặt một buổi công bố các công trình của hai nhà khoa học tự nhiên. Darwin và Wallace được mời trình bày các tìm kiếm của mình trước Hội Khoa Học Linnaean (the Linnaean Society) và văn bản đầu tiên về Lý Thuyết Tiến Hóa (the theory of evolution) được phổ biến vào buổi chiều ngày 01 tháng 7 năm 1858. Sau đó cả hai bài khảo sát được đăng trên Tạp Chí của Hội Khoa Học Linnaean.

Do sự việc tìm kiếm của ông Wallace, Charles Darwin ngưng việc soạn thảo một tác phẩm thật lớn mà viết một sách khảo cứu tóm lược. Vào cuối năm 1859, tác phẩm của Charles Darwin đã trở nên một cái mốc của Lịch Sử Khoa Học và được ông John Murray xuất bản tại thành phố London. Ấn bản đầu tiên gồm 1,200 cuốn đã bán hết trong vài ngày đầu. Các ấn bản khác chỉ bán tại nước Anh đã lên tới 24,000 cuốn và đã được dịch sang hầu hết các ngôn ngữ chính.

Bản gốc của tác phẩm của Charles Darwin có tên là: “Về Nguồn Gốc của các Chủng Loại do Cách Chọn Lựa Tự Nhiên” (On the Origin of Species by Means of Natural Selection), hay “Sự Duy Trì

các Dòng Giống thích ứng trong cuộc Tranh Đấu vì Lẽ Sống” (The Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life). Nhan đề dài của cuốn sách đã được rút gọn thành: “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” (Origin of Species).

Các căn bản của lý thuyết của Darwin đã được thảo luận trong 4 chương đầu của tác phẩm “Nguồn Gốc”. Các chương sau đề cập tới ngành địa chất học, việc phân phối thực vật và sinh vật, các sự kiện thích hợp với sự phân loại, hình thái học và phôi thai học, và cuối cùng dẫn tới phần kết luận.

Tác phẩm “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” từ phần đầu đã mô tả các thay đổi nơi thú vật và cây cỏ do con người kiểm soát, các biến đổi do “chọn lựa nhân tạo” so với các thay đổi trong thiên nhiên hay “chọn lựa tự nhiên” và chủ thuyết Darwin đã kết luận rằng mỗi khi có đời sống, đều có đổi thay và không có hai cá nhân nào hoàn toàn giống nhau. Trong sự biến đổi, còn có sự tranh đấu để sinh tồn và tốc độ gia tăng theo cấp số nhân.

Tác phẩm “Nguồn Gốc” còn cho thấy nguyên tắc “chọn lựa tự nhiên” đã hoạt động để kiểm soát độ gia tăng của số lượng sinh vật. Một số cá nhân trong một chủng loại sẽ có sức mạnh hơn, chạy nhanh hơn, thông minh hơn, ít bị bệnh tật hơn, có khả năng chịu đựng các khắc nghiệt về thời tiết. Các cá nhân này sẽ sống còn và các sinh vật yếu đuối hơn sẽ suy tàn. Loại thỏ trắng trường tồn trên miền bắc cực còn loại thỏ nâu sẽ bị loại chôn, sói ăn thịt. Các con hươu cao cổ nhờ cổ dài, sẽ sống còn do ăn các lá cao trên ngọn cây trong khi loại hươu cổ ngắn bị chết đói. Như vậy các hoàn cảnh thay đổi đã chi phối sự sống còn của các sinh vật có khả năng nhất. Charles Darwin cũng đề cập tới sự chọn lựa truyền giống (sexual selection) với các con đực thích nghi được nhiều nhất trong môi trường sống, sẽ để lại nhiều hậu duệ nhất.

Khí hậu cũng là một yếu tố quan trọng. Các sinh vật chịu đựng nổi sức nóng và độ lạnh, lại có khả năng kiếm ăn, sẽ trường tồn. Tất cả các hình thức phức tạp của cuộc sống phải theo đúng với các định luật tự nhiên và tác phẩm “Nguồn Gốc” đã trình bày cuộc tiến hóa không ngừng.

5/ Tranh cãi về Thuyết Tiến Hóa

Trái ngược với điều mà mọi người hằng tin tưởng, Charles Darwin không phải là nhân vật đầu tiên tìm ra lý thuyết Tiến Hóa.

Các nhà khoa học xuất sắc như Buffon, Goethe, Erasmus Darwin (ông nội của Charles Darwin), Lamarck và Herbert Spencer đã ủng hộ lý thuyết này. Nhưng công trình đóng góp của Charles Darwin là ông đã thu lượm đầy đủ các dữ kiện để chứng minh sự tiến hóa và ông cũng đi xa hơn trong lý thuyết chọn lựa tự nhiên do cách cắt nghĩa phương pháp tiến hóa.

Tác phẩm “Nguồn Gốc các Chủng Loại” đã xuất hiện như một tia chớp đánh vào vựa rơm. Nếu lý thuyết mới và mang tính cách mạng này có giá trị, thì câu chuyện trong Thánh Kinh về Chúa tạo ra con người sẽ không còn được chấp nhận. Giáo Hội Thiên Chúa vì thế đã coi luận đề của Charles Darwin là nguy hiểm cho tôn giáo, nên đã gây ra một trận bão tố phản đối. Dù cho Charles Darwin đã cẩn thận tránh né việc áp dụng lý thuyết của ông vào nhân loại nhưng lời buộc tội đã coi tác giả cho rằng con người bắt nguồn từ con khỉ. Nhiều lời diễu cợt đã được dùng làm cách bác bỏ lý thuyết của Charles Darwin. Tạp chí Quarterly Review đã gọi Darwin là một con người nông nổi, làm ô danh Khoa Học. Ông Darwin còn bị tố cáo là đã thu thập nhiều dữ kiện để cụ thể hóa một “nguyên tắc sai”. Tại ngôi trường cũ, Đại Học Trinity ở Cambridge, ông William Whewell đã không cho phép một ấn bản nào của tác phẩm “Nguồn Gốc” được đặt trong thư viện của nhà trường.

Trong số các nhân vật bảo thủ chống đối, có ông Robert Owen, nhà xã hội và kỹ nghệ tại nước Anh và ông Louis Agassiz, nhà động vật học và địa chất học người Hoa Kỳ, cả hai đều cho rằng lý thuyết của Charles Darwin là một tà thuyết khoa học, chẳng bao lâu sẽ bị quên lãng. Nhà thiên văn lừng danh người Anh Sir John Herschel đã mô tả lý thuyết này là “một định luật bừa bãi”. Vị giáo sư địa chất cũ của Darwin là ông Sedgwick, đã coi chủ thuyết Darwin là sai lầm nặng nề.

Tuy nhiên Charles Darwin đã không thiếu người bênh vực đầy can đảm. Đứng hàng đầu trong số nhân vật này là Sir Charles Lyell, nhà địa chất, Thomas Huxley, nhà sinh học, Sir Joseph Hooker, nhà thực vật học và Asa Gray, nhà thực vật học danh tiếng của Hoa Kỳ. Trong số các vị uy tín này, Darwin nhờ tới ông Huxley nhiều nhất. Darwin đã không xuất hiện trước công chúng để bênh vực lý thuyết của mình. Phần lớn sự bảo vệ là do khả năng của ông Huxley và đấu trường là buổi họp của Hội Anh Quốc (the British Association)

tại thành phố Oxford vào năm 1860 với chủ đề là Chủ Thuyết Darwin (Darwinism).

Đứng đầu phe đả phá là Tổng Giám Mục Wilberforce của miền Oxford. Trong bài diễn văn kết luận, vị Tổng Giám Mục này tin rằng có thể đê bẹp lý thuyết Darwin nên đã hướng về ông Huxley và hỏi một cách châm biếm: “Tôi hỏi Giáo Sư Huxley, liệu có phải phía ông nội hay bà nội của ngài có nguồn gốc từ loài khỉ phải không?”. Ông Huxley quay sang một người bạn và nói nhỏ: “Chúa đã giao ông ta vào tay tôi rồi!”. Ông Huxley bèn đứng lên và phát biểu: “Một người không có lý do gì phải xấu hổ khi có một con khỉ là ông nội. Nếu tôi xấu hổ chỉ vì có một ông tổ trí thức gặp một câu hỏi không biết rõ, làm mờ tối câu hỏi này vì lời hùng biện không chủ đích, làm lãng trí các người nghe bằng các lời lẽ lạc đề lại khéo léo dùng tới thành kiến tôn giáo”.

Trên đây chỉ là một vụ trong các đụng độ diễn ra trong nhiều thập niên giữa Nhà Thờ và Khoa Học về Chủ Thuyết Darwin. Qua tác phẩm “Nguồn Gốc”, Charles Darwin đã đề cập một cách nhẹ nhàng về nguồn gốc của con người nhưng về sau, qua cuốn sách “Dòng dõi của Con Người” (The Descent of Man), một khối lượng lớn dữ kiện của Darwin đã chứng minh rằng con người cũng là sản phẩm của định luật Tiến Hóa, từ các hình thức thấp kém hơn.

Định Luật Tiến Hóa của Charles Darwin dần dần được coi là chính xác, đã ảnh hưởng tới rất nhiều phạm vi học thuật chính. Chủ thuyết Tiến Hóa Hữu Cơ (the organic evolution) đã được chấp nhận bởi các nhà sinh học, địa chất, hóa học, vật lý, nhân chủng, tâm lý, giáo dục, triết học, xã hội học và ngay cả các nhà sử học, khoa học chính trị, ngữ văn (philologists). Charles Darwin đã làm cách mạng không chỉ đối với bộ môn Sinh Học, mà còn ảnh hưởng sâu rộng tới các phạm vi Khoa Học khác, từ Thiên Văn tới Lịch Sử, từ môn Cổ Sinh Vật tới Tâm Lý Học, từ ngành Phôi Thai Học tới Tôn Giáo. Vì vậy ông Charles Ellwood đã tuyên bố rằng Charles Darwin xứng đáng với hàng danh dự cao nhất dành cho Nhà Tư Tưởng đã mang lại các kết quả sâu rộng nhất trong Thế Kỷ 19.

Qua thế kỷ 20, Chủ Thuyết Darwin với ý tưởng chọn lựa tự nhiên, đã bị chế độ Đức Quốc Xã dùng vào việc tuyên truyền và tiêu diệt một số dân tộc thiểu số. Các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia đã được biện hộ một cách sai lạc rằng đây là một phương tiện để diệt trừ các kẻ yếu, và về sau khi tranh giành quyền lực, các người Cộng Sản Mác Xít cũng áp dụng lý thuyết tranh đấu để sống còn vào chủ trương “đấu tranh giai cấp” của họ.

Charles Darwin qua đời vào ngày 19/4/1882 vì bệnh tim. Tin buồn này được nhiều tờ báo đăng tải bởi vì vào thời kỳ này, lý thuyết của ông đã được nhiều người công nhận. Nhật báo London

Standard đã viết rằng: “Các tín đồ Thiên Chúa Giáo chân chính có thể chấp nhận các sự kiện của Luật Tiến Hóa giống như họ đã làm đối với ngành Thiên Văn và ngành Địa Chất, không vì các thành kiến do các niềm tin lâu đời và được ưa thích”.

Charles Darwin mong muốn được an táng trong ngôi làng Downe, hạt Kent, nhưng giới Khoa Học của nước Anh đã đặt di cốt của ông tại Tu Viện Westminster danh tiếng, bên cạnh ngôi mộ của một nhà khoa học khác lừng danh trên Thế Giới, là Sir Isaac Newton./.

PHẠM VĂN TUẤN - Virginia, USA



VƯỜN SAU CÓ ĐÓA SẦU DÀI

*Lệ trời nhỏ xuống hồn đơn
Khi không bỗng dậy
nổi hồn mênh mang
Gửi lòng theo mây quá giang
Chuỗi thu sầu,
chuỗi đa đoan phận người,*

*Cành cao mấy lá bồi hồi ...
Giọt sương đọng,
phải lệ trời đó ư,
Buồn, Vui, có phải đã từ
Từ nguồn cội Mẹ
thiên thu xót đời!*

*Bâng khuâng
làm kiếp con người;
Hữu thân, hữu khổ!
Mệnh trời những ai!
Vườn Sau Có Đóa Sầu Dài
Nỗi Sầu Vạn Cổ!
U hoài thế nhân ...*

*Phân vân, Tiếng Gió, phân vân,
Hình như
Gió cũng thì thầm ... với ta
Cõi nhân gian, cõi ta bà
Buồn, Vui,
chính tự Tâm ta hỏi mình ...*

*Là hữu tình? Là vô tình?
Ai trong dặm mỗi
U minh lạc loài?
Giọt Sương, hay Giọt Lệ Trời?
Lệ Sầu! nhân thế thương đời,
thương ta;
Ảo Chân, Ngộ, thoáng sát na
Đường Về Bến Tĩnh
Liên Hoa nở vàng,
Mây Trời Tươi Đóa Kim Cang ...*

TUỆ NGÀ
Oregon, USA

NỤ HÔN ĐỢI CHỜ

*Con đâu nhớ nỗi đa đoan
Ru con hãy ngủ mau ngoan đừng rầy.
Đêm nghe con khóc ngất ngây
Kéo dài cả tháng, sao đây liệu chừng?*

*Những đêm con khóc không ngừng
Mẹ, Cha lo lắng sợ chừng con đau
Cha bồng Mẹ bế thay nhau
Hay ăn, chóng lớn mai sau cậy nhờ?*

*Thời gian qua lẹ không ngờ
Sáu mươi năm tới bây giờ còn yêu
Quê người nhiều lúc cô liêu
Buồn ngồi tựa cửa khi chiều mưa rơi.*

*Các con đi khắp muôn nơi
Tình cha mẹ tựa mây trời hoàng hôn
Mừng vui Con, Cháu lớn khôn
Ông, Bà, Cha, Mẹ "Nụ hôn" đợi chờ.*

*Tình thương vô bến vô bờ
Ngàn năm vẫn đẹp không chờ thời gian.
Tuổi vàng cuộc sống thanh thang
Niềm vui hạnh phúc nhân gian do mình.*

THÁI HƯNG/PGH - Virginia, USA



GÁNH LO

**** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) ****

Thế là Định nhất quyết trở về thăm Việt Nam, cho dù tiền trong nhà để dành cho những khi đau ốm chỉ còn dư ra chút đỉnh sau khi Định đã lấy ra mua vé máy bay cho hai vợ chồng.

- Thôi, nếu vậy em không đi, vì em đâu còn ai mà phải về thăm!
- Em không sợ mấy cô gái ở bên bắt mắt chồng à?
- Em không sợ gì, chỉ là cho anh có thêm tiền để chi tiêu...

Cái lý do mà Định nhất quyết về Việt Nam là vì mẹ của chàng đang đau nặng. Đứng ra thì nghe nói bà đau nhiều năm nay, nhưng vì lý do mắc đi làm, lại nghe nói ở bên nhiều lơo nên Định cũng ngần ngại chưa muốn về! Mỗi lần gọi phone, vẫn thấy mẹ ngồi đấy thôi. Thêm nữa là những mẫu tin nhắn hay thư từ viết qua rớt cuộc cũng chỉ là hỏi tiền, khiến cho Định càng thêm nghi ngờ!

- Khi về đó, không có nhiều thì anh cứ lấy thêm tiền riêng của em mà xài, vì mấy tháng nay em không mua gì!

Trong nhà này, vợ chồng có bỏ ra một số tiền nhỏ chia làm hai, cho mỗi người nửa để mua sắm những thứ cho riêng mình. Bởi cả Định lẫn Linh đều đi làm, mà Linh chỉ làm công việc bán thời gian, vì nàng có con nhỏ phải giữ. Cũng may là Linh quen với một chị hàng xóm, chị bị tàn tật không đi lại được, chỉ ở nhà coi nhà. Do đó Linh gửi bé Cún cho chị. Cún đã hai tuổi nên cũng biết tự ăn uống, lại hiền lành không phá phách quá như những đứa trẻ linh động khác, cho nên chị ấy cũng vui lòng mà giữ với số tiền ít ỏi.

Hàng ngày Linh đi làm nail, nhưng không phải dũa nail mà là làm giặt giũ, vệ sinh sạch sẽ trong tiệm. Mỗi ngày bốn tiếng, từ mười giờ sáng cho đến 2 giờ chiều. Đến nhà Linh đưa con về tắm rửa, lo dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn, cho nên tiền bạc không dư dả cho lắm. Quen sống tiện tặn nên số tiền 50 đồng cho mỗi tháng tiêu xài, Linh thường để ra một góc phòng thân, trong lúc Định thì tháng nào hết tháng đó, nhiều khi còn không đủ.

Nghề nghiệp của Định là làm bảo vệ cho một building vào ca tối. Cứ 11 giờ đêm đến 8 giờ sáng là ra khỏi nhà, thế nên hai vợ chồng ít khi đụng mặt nhau ngoại trừ ngày Chủ Nhật. Đi làm về ăn xong là Định ngủ một giấc cho đến bốn giờ chiều mới thức dậy. Ăn thêm một lần nữa rồi thế nào cũng ra ngoài tiệm cà phê cô Sáu để tán dóc với đồng hương. Nơi đây có nhiều khuôn mặt vô công rồi nghề

hay ngồi mòm ghé để nói chuyện thiên hạ... nhất là cửa cấm cô Sáu dù quá lúra vẫn còn độc thân!

Không như đàn ông khác thích phụ nữ, Định chỉ góp mặt để được nghe đủ thứ tin trên trời dưới nước, tin vịt hay tin thiệt cũng thú vị như nhau. Định biết hễ dính vô mấy bà mấy cô là tốn tiền, gia đình xào xáo... nên không bao giờ cạnh tranh với các bạn trong chuyện này. Câu chuyện hôm nay nổ ra khi có ông cho hay một tin đáng chú ý:

- Có một ông Mỹ đi Việt Nam về viết bài nhận định có nhiều điều đáng ghét ở Việt Nam!
- Viết làm sao? Ai vậy?
- Tác giả của bài này là một anh Mỹ tên Craig Heimbarger qua Việt Nam du lịch với vợ. Vì những đụng chạm thực tế phũ phàng ở đó, khiến anh ta đã viết bài đó!
- Anh ta viết làm sao?

Ông bạn lấy kiếng lão đeo lên mắt, rồi lôi trong túi ra một trang báo, đọc lớn:

- **Lý do số 1:** *Tôi ghét sự gian dối ở Việt Nam. Thật mệt mỏi bởi bị lừa lọc. Nó dường như là thói quen phải có của người dân xứ này. Tôi bị lừa khi tôi hướng dẫn người lái xe đưa chúng tôi từ sân bay tới một khách sạn mà tôi đã đặt phòng trước. Khi đến nơi, có một người đàn ông chạy ra bảo rằng khách sạn đã hết phòng, và yêu cầu tôi đến một khách sạn khác ở một cái góc quanh nào gần đó. Tôi bị lừa khi muốn nhận lại một chiếc ba lô không có gì quan trọng lắm mà tôi đã bỏ quên ở một khách sạn Hà Nội, chiếc ba lô được cột ở một góc phòng dưới chân bàn trong phòng tiếp tân, cùng với việc một nhân viên cứ cố moi ở tôi 30 đô cho việc giữ đồ trong vài ngày đó. Chúng tôi bỏ đi, bỏ luôn chiếc ba lô và không trả gì hết.*

Tôi thường bị lừa như một kẻ ngu ngốc, thật đơn giản bởi những ngón nghề vớ vẩn tầm thường. Như là lúc tôi mua mấy tấm thiệp hay hay ở một cửa tiệm nhỏ ngoài khu dành cho du lịch. Tatiana, vợ tôi hỏi cách làm những tấm thiệp đó, và người phụ nữ bán hàng đã ra hiệu rằng do chị ta tự làm bằng một con dao. Hoàn toàn bịa đặt, bởi tôi thấy được hầu như cả những vạch in còn lại từ máy laser khi thiệp được sản xuất với số lượng hàng loạt. Có phải vậy không! Thật quá nhiều bợn lừa đảo dơ bẩn.

- **Lý do số 2:** Ghét kiểu nói thách ở Việt Nam. Mặc dù ở nhiều nước khác cũng có, nhưng giá cả dành cho người nước ngoài thay đổi xoành xoạch thể hiện rõ nhất ở VN. Cùng một chuyến đi, khách du lịch phải trả 100 ngàn đồng, hỏi người Việt ngồi cạnh thì họ trả có 80 ngàn đồng. Còn khi mua hoa quả, cái giá cuối cùng tôi trả vẫn cứ cao gấp đôi so với gánh hàng bán bên cạnh, bởi người bán đã thổi phồng giá gốc lên 400%. Hầu hết người nước ngoài được coi là mục tiêu cho họ có cơ hội hành động. Cùng món hàng du khách phải trả 100,000 đồng trong khi địa phương chỉ phải trả 80,000 đồng. Theo lời ông Nguyễn Hữu Việt, trưởng phòng bộ phận du lịch Hà Nội, bán thách giá cho du khách nước ngoài không hẳn là một kiểu lừa lọc, nhưng nó là một phần “văn hóa”. Đây là một trích dẫn về bài báo (Giá cả không hề ổn định) *The price isn't quite right*: “Khách du lịch người Mỹ và người Nga rất hào phóng, nhưng hào phóng nhất vẫn là khách hành từ Nhật Bản, họ hầu như không mặc cả gì hết” Thu Hương người làm việc trong một sạn lưu niệm nhỏ ở phố cổ nói. “Thậm chí với cái giá cao hơn gấp 10 lần, khách hàng người Nhật vẫn coi vậy là rẻ. Nhưng người Ý hay Đức họ chỉ xem và cười.” Vô tư hơn nữa với những khách du lịch loại này được coi là “gà béo”, đây là một từ lóng dành cho những người mua phải cái giá 100\$ cho một chiếc đồng hồ nhái Rolex của Trung Quốc trị giá chỉ 10\$ hoặc 40\$ cho một chuỗi hạt ngọc trai nhân tạo chỉ với giá 5\$. “Thành thật mà nói tôi không quan tâm lắm tới những tiệm lưu niệm hay là hoa quả khi họ cố lấy thêm chút tiền từ khách nước ngoài, việc mặc cả hàng hóa giống như một phần của trò chơi vậy”, Daniel Lewenstein luật sư người Mỹ thường qua lại và sống ở Việt Nam suốt 10 năm qua đã nói vậy.

“Nhưng thực sự là rất phiền khi giá cả đã được ấn định, và người ta cứ cố tìm cách móc túi du khách, như lần trước tôi tới sân bay Nội Bài, người lái taxi cứ cố đòi ở tôi 280 ngàn VND cho chuyến đi vào thành phố trong khi giá đề rõ trên biển là 150 ngàn đồng.”

- **Lý do số 3:** Tôi ghét sự ồn ào ở Việt Nam. Có vẻ như đất nước này phát triển hay gia tăng mọi kiểu cách để hủy hoại môi trường bằng tiếng ồn. Cấp độ âm thanh đạt đến đỉnh điểm trên đường phố, nơi tôi phải bịt tai đến khi về lại khách sạn vẫn còn nghe những tiếng còi “eeeeeeeeeeing”.. Hàng trăm hàng ngàn thứ âm thanh xe cộ âm âm như xe không được gắn ống bô trên mọi con

đường. Còi xe gắn máy thì kêu liên tục, trung bình cứ 5 đến 7 giây như vậy. Họ bấm còi khi vượt qua người khác, bấm còi khi quay xe, bấm còi sau khi đi đái, bấm còi khi vui vẻ, bấm còi khi người ta đi chậm, họ bấm còi ngay cả lúc họ đi ngược chiều, họ bấm còi chỉ để khoe cái còi của họ, và họ bấm còi chỉ vì người khác cũng bấm còi. Tôi nhìn và lắng nghe thì thấy họ cứ bấm còi xe khi họ rẽ vào đại lộ. Ở Hà Nội, lúc nào trong ngày bạn cũng nghe thấy tiếng còi xe, không cần biết là ở đâu hay ngay trong phòng khách sạn. Ở Hà Nội loa phường được đặt khắp mọi nơi phát thanh nhiều lần trong ngày, cứ nhồi vào tai người du lịch cho tới khi cái tai phải chảy máu. Những bản phát thanh cả giờ đồng hồ về tin tức, thời tiết và thông tin quảng cáo quá lớn, át cả tiếng còi xe, tôi cảm thấy thật ghen tỵ với những người bị điếc.

- **Lý do số 4:** Tôi ghét tiếng Việt. Cách diễn tả hay nhất về tiếng Việt là nó nghe giống như tiếng mèo rú nó gào khi nó đang ăn mà bị ai chọc phá.... “meruughh-meowruugh-rruughh.” Còn giọng người đàn ông thì nghe giống như tiếng vịt đực của 1 thằng cha bị bệnh tâm thần.
- **Lý do số 5:** Tôi ghét giao thông ở Việt Nam và sự khổ khi đi bộ. Hơn một triệu rưỡi xe gắn máy ở Hà Nội và hơn bốn trăm ngàn xe ở các vùng phụ cận, với chỉ số tăng trưởng 14% hàng năm. Éo mẹ nó sao nhiều xe gắn máy thế! Số lượng xe cộ đông đúc như thế là 1 minh chứng cho tình trạng nguy hiểm của người đi bộ. Những lối đi cho người đi bộ bị nênm cứng bởi những người bán lẻ và các hộ gia đình ở đây khi họ cố tình lấn chiếm lòng lề đường để nơi rộng thêm diện tích sử dụng ở tầng dưới đường với mục đích kinh doanh. Điều đó đồng nghĩa với việc người đi bộ phải đi vào phía đường xe chạy. Lúc nào họ cũng có thể cảm nhận được gió tạt ngang gần như bị té khi bị những chiếc xe gắn máy hoặc ô tô vượt qua. Việc băng sang đường, dù có hoặc không có đèn đường, cũng có thể ví von như cảm giác mình đang đóng phim “Indiana Jones khi nhẩy xuống vực từ miệng hang Đầu Sư Tử” (Indiana Jones jumps from the Lion’s Head Leap of Faith). Nếu ví luồng giao thông như một dòng sông chảy xiết, thì khi đó bạn chỉ như một hòn đá chuyển động chậm chạp, luồng giao thông sẽ té ra khi bạn di chuyển.

Việc này đã gây ra mối bất an cho Tatiana vào ban ngày, khi em lo sợ cho sự an toàn của đứa trẻ đang nằm trong bụng mỗi khi em

phải liều lĩnh ra khỏi khách sạn. Đối với Tatiana, việc đi lại ở đây là một thử thách lớn. Em cảm thấy hoang mang khi phải nghĩ đến việc bị đâm bởi một xe máy chạy ẩu. Tôi lúc nào cũng phải giữ chặt tay em, đứng giữa em và luồng xe đang chạy đến, giống như che chắn bằng hình nộm người. Tôi không thể trách vì em có thói quen dừng lại khi tưởng xe cộ như nó đang đâm xầm vào người, phản ứng đó hoàn toàn sai khi ở VN. Không được dừng lại. Không được chạy. Điều đó đã thành luật. Bạn phải thoát khỏi nỗi sợ hãi như thể bạn sắp phải nhảy ra khỏi máy bay và tin rằng mọi thứ vẫn tốt đẹp.

- **Lý do số 6:** Tôi ghét giá cả làm hộ chiếu nhập cảnh vào Việt Nam. Tôi ghét giá là bao nhiêu khi làm hộ chiếu vào quốc gia này, và để có được giá rẻ hơn một chút thì tôi phải đau thốn cái lỗ đ. như thế nào!
- **Lý do số 7:** Tôi ghét những tòa nhà ồm nhách ồm nheo ở Việt Nam. Bạn phải trèo lên những cầu thang có những nấc thang dài đến vô tận. Người Việt thích xây dựng khách sạn có chiều rộng như một phòng ngủ độc thân nhỏ làm tôi muốn dẹp m. nó đi cho rồi. Tôi buộc phải thuê phòng sang hơn nhưng chúng ở tầng thứ 8 mà Tatiana thì đang có bầu gần 7 tháng nên chỉ cần leo đến tầng thứ 3 là nàng dường như muốn bị trúng gió.
- **Lý do số 8:** Tôi ghét cái lối người Việt làm cản trở lối ra vào các hàng quán. Cái thói quen dân tộc tánh của việc đậu xe gần máy chóan hết cả lối đi vào ngay trước cổng hàng quán, nhà hàng mà tôi muốn đi vào làm tôi muốn phát điên lên. Sự thiếu suy nghĩ và mất lịch sự đối với người khác được thấy rõ nét trong cách thức đậu xe ngoài đường phố. Chen lấn xô đẩy để tìm lối đi bất kể nào đó được xem như là sự thành công của chính mình. Tôi nhận ra rằng không phải ai cũng chỉ nặng có 43 kg như một thằng cha Ninja mà có thể di chuyển dễ dàng ở đây, hãy nhìn xem Tatiana với cái bụng bầu chình ình thì hiểu được nàng coi như bị cấm đi chuyển ở đây.
- **Lý do số 9:** Tôi ghét món tôm hùm ở Việt Nam. Tôi tin rằng tôi thật sự nhận được món ăn giống như tôm hùm với giá \$3, những gì tôi được ném trên đĩa là một con quái vật dạng con tép và con tôm như tôi đã từng thấy kèm nước sốt nằm trên đĩa đồ biển. Tôi không dám nhìn khi Tatiana khều ra những miếng thịt vụn dầu trong bộ xương con tôm.

- **Lý do số 10:** Tôi ghét cái ghế, con gián và bệnh dịch tả ở Việt Nam. Tôi biết rằng dân Việt nhỏ con nhưng tại sao tôi lại thường bị buộc khi đang ăn thì phải ngồi trên cái ghế dành cho trẻ con 4 tuổi? Gián trên khắp đường phố, gián trên các phương tiện di chuyển, gián trong đồ ăn đã được nấu. Đúng là chẳng ngạc nhiên chút nào khi quốc gia này vẫn còn bệnh dịch tả.
- **Lý do số 11:** Tôi ghét cái nón cối thường được dùng ở Việt Nam. Nón cối ở Việt Nam được đội giống như nón chơi baseball ở Mỹ. Đàn ông con trai mọi lứa tuổi thường xuyên đội nón cối. Hình ảnh đó làm tôi xốn xang bức bối con mắt, có cảm giác như tôi đang ở sau trận tuyến quân thù, bị bao vây bởi quân đội Bắc Việt và trạng thái tôi lúc đó, tôi có lẽ sẽ không ngần ngại lượm cây súng lên chĩa vào hình ảnh đầy gây hấn như thế, chỉ là để xem cái vật tượng trưng cho VC của một cuộc chiến đã qua rớt xuống dưới đất.
- **Lý do số 12:** Tôi ghét tài xế ở Việt Nam. Cửa xe, kiếng chắn xe luôn luôn khóa chặt và tôi thường xem bản đồ cho đoạn đường tôi muốn tới trước khi tôi gọi taxi. Khi người ta không chú ý họ thường bị lờng gạt, bị ăn chặn, hay tệ hơn thế nữa. Tài xế taxi nước nào cũng thế toàn bọn đá cá lặn dưa. Ở Việt Nam, thật sự là nơi tệ hại nhất cho mỗi cuộc taxi. Đây là một quốc gia được biết chuyên gắn đồng hồ tính giờ giả mạo (mà đếm giờ phút cao hơn). Mẹ kiếp, người ta luôn tìm mọi cách trốn lộn bạn trên đường phố thì không có lý do nào tài xế taxi lại ngoại lệ. Tôi cho bạn biết bằng cách nào mà một tài xế taxi tính tiền tôi đến trên 8 phút cho đoạn đường 2 km lòng vòng Phố Cổ thay vì lái trực tiếp thẳng đến địa điểm chúng tôi muốn đến. Tôi kêu hấn ta dừng lại nửa đường, và nhìn xem hấn ta nói cho biết vì xe cộ đông đúc nên không cho phép xe đi thẳng mà phải chạy lòng vòng. Tôi biết thừa rằng có nhiều dịp cho hấn nếu hấn ta muốn đi thẳng. Người ta cứ chạy lòng vòng và giả đồ không biết đường đi đến (cũng có thể họ ngu như thế). Khi chúng tôi biết thừa ra rằng đoạn đường như thế chỉ giá 18,000 đồng, và cái đồng hồ, và địa điểm đến của chúng tôi nói giá 25,000 đ, 48,000 đ, hay 55,000 đ. Chúng tôi từ chối trả tiền theo như họ đòi và chúng tôi ném tờ giấy 20,000 đ vào mặt tài xế rồi bỏ đi. Hấn ta không chịu rồi chạy bộ đuổi theo chúng tôi. Chúng tôi gọi cả 2 hãng taxi, hãng mắc tiền và rẻ tiền nhưng kết quả đều tương tự. Chính sách hiệu quả nhất là kệ m. họ nói gì làm

gì, mình cứ trả đúng số tiền mà mình nghĩ là công bằng nhất không cần biết cái đồng hồ tính tiền nằm trên cái dashboard nó ghi bao nhiêu kệ m. nó.

- **Lý do số 13:** Tôi ghét món ăn ở Việt Nam. Những món ăn Việt ngon nhất mà tôi từng nếm qua thì không thấy có ở VN. Tatiana có gặp đôi cảm nghĩ của tôi như thế. Tôi biết miền Nam rất khác với miền Bắc, nhưng nguyên tắc là “nếu thấy nghi ngờ, hãy thử trước cái đã xem sao” nhưng rất khó mà tin được ở một nơi nào khác trên đất nước này có chỗ ăn khá hơn. Rất dễ ăn luôn 3 bữa món ăn Thái mỗi ngày cho cả tháng, nhưng khó làm được như thế nếu ăn món Việt ở VN.
- **Lý do số 14:** Tôi ghét thói vô ý vô tứ của dân Việt Nam. Tatiana than phiền rằng nàng rất ghét khi người ta đụng chạm đến người nàng. Nàng hiểu rằng đó là một phần của dân tộc tính khi nắm tay, kéo tay người ta trên đường phố để mời chào người ta mua hàng. “Tại sao họ không chịu hiểu điều đó làm tôi khó chịu?” Với tư cách cá nhân tôi không cho phép làm như thế từ một tên ăn mày hay một tên nào đó. Tatiana ghét nhân viên bán hàng trong tiệm cứ đi theo nàng quá gần “nàng cảm giác hơi thở của hắn ta trên cần cổ”.
- **Lý do số 15:** Tôi ghét sự thiếu khả năng về kiến thức, thông tin, hay sự diễn đạt vấn đề của người Việt. Đầu tiên là nỗ lực thất bại của tôi để tìm ra 1 trong số vật cổ nhất trên một vùng đất nào đó của thế giới mà vùng đó có nhiều món này: Đó là một cái chày và cối, dụng cụ dùng để tán nhuyễn, và trộn lại một chất liệu nào đó. Tôi muốn xay những viên thuốc bỏ cho Tatiana uống vì nàng không nuốt nổi những viên thuốc to, thay vì cứ nhìn nàng lấy kéo cắt nhỏ ra rồi hòa với nước mà uống. Tôi quyết định tìm mua một cái cối và cái chày để nghiền thuốc ra. Con bà nó, tôi đã đi không biết cơ man nào là tiệm thuốc tây, siêu thị để tìm mua nó. Ở tất cả các tiệm thuốc tây tôi ra sức diễn tả món tôi muốn mua, nào là “thuốc viên” “thuốc vo viên” “thuốc” và “bột”. Một tay tôi ra dấu là cái ly, tay kia như nắm đấm và làm động tác xay tròn. Tôi đã tra tự điển Anh/Việt từ “xay” và diễn tả cho người bán hàng biết, thế mà họ chẳng hiểu cái gì cả. Lần thử thứ 2 là khi Tatiana bị ngứa, ngứa bụng vì có bầu. Chúng tôi đi từ thuốc tây này đến thuốc tây nọ, cố tìm ra kem trị ngứa. Ở một tiệm nọ, nàng cố gắng giải thích món nàng cần tìm. Nàng đã viết xuống tên cả loại kem đó –

Caladryl. Tên này được viết khắp mọi nơi, nhưng ngừa phòng trường hợp, nằng dùng cả tên khoa học: *hydrocortisone*. Nhân viên bán hàng cái mặt ngớ ra, vì thế Tatiana giả làm như bị ngứa rồi gãi ở ngay phía cái bụng bầu. Đứa con gái bán hàng nói: “Bà có bầu hả?” Và Tatiana gật đầu nhanh nhẹn trả lời nghĩ rằng cô gái đã hiểu. Và đúng là ngu như lừa, cô gái đưa cho Tatiana hộp thuốc... ngừa thai!

- **Lý do số 16:** Cảm tưởng. Tôi đã tới Việt Nam như nhiều quốc gia khác, với tấm lòng cởi mở trong tâm trạng hiếu kỳ. Thật là kỳ lạ khi gặp phải những điều bực bội như thế, nhưng đồng thời bên cạnh đó cũng có những điều tuyệt vời làm hài lòng khách phương xa.

Một ngày nọ, tôi ngạc nhiên khi người bán hàng ở Hà Nội trao vào tay tôi một nắm tiền rồi bảo rằng tiền này là tiền họ đã tính quá lố trong lần tôi đến mua hàng cách đây 2 ngày, và bây giờ họ muốn trả lại. Hay, tôi đã dùng số tiền này để mua thêm thực phẩm từ cửa hàng của họ. Tôi cũng rất hài lòng khi thương lượng để tìm được phòng trọ rẻ hơn ở Bangkok. Bạn phải nỗ lực hơn nữa để có thể có được phòng trọ bao gồm luôn WiFi, tủ lạnh, phòng tắm, nước nóng, giường chiếu lớn hơn, truyền hình trực tiếp từ vệ tinh và dĩ nhiên phòng gắn máy lạnh với giá từ \$7-13 US. Thật là thú vị khi nghĩ rằng bạn có thể thả bộ lang thang thoải mái giữa lòng thủ đô của một nước vừa mới bị tàn phá bởi chiến tranh cách đây không lâu lắm. Đúng đó quý vị, tôi là một người Mỹ đang ở Hà Nội. Tôi thật sự thích thú 1 chút khi thấy món thịt nướng trên lò than/thịt nướng vỉ trên những lối đi dành cho bộ hành. Vào ban ngày ở một góc đường nào đó bạn thấy vắng vẻ trống trơn như vào đêm khi trời vừa tắt nắng bạn sẽ ngửi được mùi xào nấu thơm lừng. Và một trong những kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi trong những ngày ở Việt Nam là khi gặp gỡ được bạn gái cũ của Aaron, bạn tôi. Nàng ta trông ngọt ngào, thông minh, ăn nói duyên dáng và là một nhà văn nhà báo hạng quốc tế, cũng không dễ dàng gặp được nàng ta vì nàng thường hay đi Mỹ & Thái Lan. Tatiana và tôi rất vui mừng có được nàng trong đêm hội ngộ đó. Nàng phục vụ chúng tôi ăn uống no say đến tràn hống. Nàng cũng hiểu rõ tất cả những điều phiền toái mà tôi đã gặp phải và kể ra ở trên. Nàng tìm mọi cách để làm cho chúng tôi quên đi đồng thời tha thứ cho những chuyện đó, phần nhiều là như thế. Tôi không thể nói

đến tôi đã từng giới thiệu đến du khách viếng thăm quốc gia này cho bất kỳ ai. Nếu bạn có ý định tò mò muốn khám phá cái gì mới mẻ thì đó sẽ là kinh nghiệm cho chính bạn, ngoài ra chẳng có gì khác. Tôi không thể kể ra đây hết được vô số những điều bực bội mà tôi đã từng chịu đựng. Vì thế bạn cứ đi đi rồi biết, hãy đi Việt Nam chừng vài ba tuần lễ gì đó để rồi khi trở về... trở về ... chàng về... chàng về nay đã... cụt chân... !!!

Câu chuyện về Việt Nam bạn đọc cho Định nghe cũng thú vị, nhưng tác giả là người Mỹ, cho nên thiên hạ, nhất là dân Hà Nội mới nghĩ là họ không biết gì, dễ lừa tiền! Hên là Định không về Hà Nội mà chỉ đến Sài Gòn, thành phố được mang danh “Hòn Ngọc Viễn Đông” ngày xưa. Dù sao thì Sài Gòn vẫn thoáng hơn Hà Nội rất nhiều. Là 1 người biết quý trọng đồng tiền, sờ dĩ lần này Định muốn về thăm nhà là có lý do. Chàng muốn nhìn tận cảnh sống của gia đình mình coi có như trong thư kể lể hay không? Mẹ có đau nặng, có lừa gạt như chuyện quanh bàn cà phê hay bàn tán hay không? Vì vậy chàng dặn Linh:

- Em đừng cho ai bên nhà biết anh về thăm lần này. Vì anh muốn có sự ngạc nhiên...

Xuống phi trường Tân Sơn Nhất, chỉ có một vali nhỏ kéo theo, nên Định nhảy lên xe ôm về một khách sạn nhỏ gần kế bên nhà, ở đó vài ngày để coi tình hình.

Buổi sáng, Định thả bộ đi lại gần căn nhà của mẹ, nơi có tiệm cà phê và máy hàng quà nên rất dễ dò xét. Bà hàng cà phê thấy Định lạ mặt, lại chăm chú nhìn ngôi nhà trước mặt thì bắt chuyện:

- Chú quen ai ở nhà đó hả?
- Có, tôi biết cô Kim và bà Phái...

Nói xong Định móc túi trả tiền cà phê, cố ý đưa tờ 1 trăm ngàn khỏi thói, Bà hàng mau mắn:

- Cô Kim giờ này chưa dậy đâu, cô đi làm gì đó ở vũ trường về khuya lắm, chỉ có mẹ cô là hay ăn sáng ở tiệm hủ tiếu kế bên nè, rồi bà đi chợ luôn...

Bà hàng nhìn qua tiệm hủ tiếu rồi chỉ:

- Đó, bà kia... nghe nói bà có đứa con ở bên Mỹ hay gửi tiền về nên sướng lắm, ăn rồi chỉ có chơi đánh bài tứ sắc, có người nấu cơm đem đến, không phải động móng tay!

Định nhìn theo ánh mắt của bà hàng, và nhận ra mẹ mình đang ngồi ăn ở đó, dáng bà vẫn khoẻ mạnh chứ không có vẻ gì là đau yếu cả. Rồi theo lời bà hàng thì mẹ Định cũng hay uống cà phê bên đây, bà kể rằng muốn con gởi tiền thì phải than thiệt nhiều vào, nó mới động lòng gởi cho!

Định nghe kể đã thấy bất nhẫn trong lòng! Trong lúc tháng nào cả nhà cũng nhín tiền để gởi cho mẹ và em một hoặc vài trăm theo sự đòi hỏi, mua thuốc, đi bác sĩ, nhà thương... cứ tưởng rằng cuộc sống bên đây khổ sở lắm, ai ngờ họ sướng hơn mình nhiều! Khi thấy mẹ đi chợ, Định cũng đứng lên đi theo. Bà Phái không hề biết thằng con đang giám sát mình. Ra chợ bà mua những món thịt cá ngon lành, mà ở Mỹ chưa chắc Linh dám tiêu pha như thế. Nghĩ đến vợ con Định lại thấy tội nghiệp, không bao giờ biết ăn tôm cua cá bơi lội trong hồ là gì, toàn là mua cá chết, cá đông lạnh cho hợp túi tiền!

- Cho một chén chè bông cau Tám ơi...

Bà Phái ngồi xuống gọi chè vừa kể chiến công:

- Con trai tui nó là kỹ sư điện tử đi làm rất nhiều tiền, bận quá nên không về thăm mẹ được, chỉ biết gởi tiền về cho mẹ vui...
- Chị may mắn quá... chắc nhớ con lắm hả!
- Ôi có đâu, để cho nó ở bên đi mần, nhớ chi cho mệt, gởi tiền là được rồi!

Định nghe mẹ mình nói mà tức đến lộn ruột! Vậy mà lâu nay cứ nghe than là lại động lòng thương, rồi thì bòn lén, giấu diếm mỗi thứ một ít... để gởi về cho mẹ! Hoá ra sự thật thế này!

Định về khách sạn gọi phôn cho Linh:

- Anh về sớm hơn hai tuần, ở chơi 10 ngày đủ rồi.... để dành tiền em ạ... mà em muốn mua gì không?

Linh đoán chắc có sự gì xảy ra nhưng không tiện hỏi, chỉ trả lời:

- Anh mua cho em một bộ áo dài may sẵn size 4, với cho bé Cún 1 bộ 3 tuổi luôn, hai mẹ con cùng màu mặc đi chơi cho giống nhau.

Trong những ngày còn lại ở Việt Nam, Định đi chơi với vài đứa bạn cũ, cũng trở lại quán cà phê trước nhà mẹ để thấy Kim sang trọng được bạn trai chở đi làm trên chiếc xe chiến... Hôm ra sân bay sớm hơn hai tiếng, vào bên trong rồi Định mới gọi cho mẹ:

- Con về thăm mẹ nhưng họ không cho vào, bắt phải trở về Mỹ, vậy con “bye” nha mẹ...
- Ủa con về hả... để mẹ ra sân bay gặp con, ráng chờ mẹ nhé...

Chỉ nửa tiếng sau là hai mẹ con có mặt, mẹ trùm khăn kín mít. Định đứng bên trong nói vọng ra:

- Nghe nói mẹ đau nặng nên con ráng kiếm tiền về thăm, mẹ giữ gìn sức khỏe nhé...
- Họ không cho vào hả con, sao vậy? Con có mang tiền về cho mẹ chữa bệnh không?
- Vì phải kiếm tiền để mua vé máy bay về đây, nên con không có mẹ à, xin lỗi mẹ!

Mẹ nổi giận:

- Mà làm cái gì mà cứ hỏi là lại than không có tiền! Về làm gì tốn tiền máy bay rồi không được vô... sao không gọi tiền là được rồi! Ở bên đó không biết làm cái quái quỷ gì mà lại không được vào Việt Nam! Đồ ngu như bò! Thôi về Kim, phiền quá!

Mẹ giật cái khăn trùm đầu, dáng đi không còn chập chập xiêu vẹo như khi đến... Máy bay lên cao, Định thở phào như trút được một gánh lo!...

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

California, USA



Mẹ Yêu Con – Tranh: **Cát Đơn Sa**

REMEMBER ME

Remember me but never cry
Remember me
when you see a dove fly
Remember me
when the roses glisten
With the drops of dew
For I am forever with you
Remember me but do not grieve,
For it's God's will for me to leave.
Remember me, but not in sadness.
Remember me only in gladness
For all we shared
in laughter and fun.
For now my purpose
on Earth is done.
So go your way.
Find a new tomorrow.
Never think of me with sorrow.
Make each new day the best
Before you come
To that heavenly rest.
Remember me.

H. Lawson

NHỚ TÔI

*Xin người hãy nhớ đến tôi,
Nhưng đừng để giọt lệ rơi chan hòa.
Nhớ tôi vào lúc phương xa
Thấy bồ câu vỗ cánh qua chân trời.
Nhớ tôi khi thấy hồng tươi
Long lanh với giọt sương rơi
rạng ngời
Vi tôi luôn ở bên người
Bên nhau mãi mãi tứ thời còn chi
Nhớ tôi xin chớ sầu bi,
Ý Trời đã muốn tôi lìa dương gian.
Nhớ tôi xin chớ buồn than.
Vui cùng kỷ niệm ngập tràn khi xưa
Minh cùng vui thú sớm trưa
Tiếng cười rộn rã, trò đùa rộn chung
Giờ tôi nhiệm vụ đã xong
Nghịệp trần đã trả,
cõi lòng thanh thoi.
Đường đời riêng bước chân người
Hãy tìm về hướng tương lai rạng màu
Tưởng niệm tôi đừng muộn sầu
Mỗi ngày mới hãy
mau mau hoàn thành
Điều thánh thiện, việc tốt lành
Trước khi người tới
bước quanh cuối đời
Thiên thu an giấc thanh thoi
Nhớ tôi xin nhớ những lời trao nhau.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Virginia, USA
(chuyển ngữ)



THƠ XUYỀN LƯU (SENRYŪ) NHẬT-BẢN

**** Nguyễn Ngọc Bích ****

Từ những năm đầu thập niên 60 của thế-kỷ trước, tôi đã mê thơ Nhật đến nỗi đi học tiếng Nhật để có thể dịch và giới-thiệu nền thơ ca độc-đáo này tới các độc-giả Việt-nam. Những thử nghiệm đầu tiên của tôi là dịch thơ *tanka* (đoản-ca) hay còn gọi là *waka* ("Hoà-ca," Hoà ở đây nghĩa là người Nhật), 5-7-5-7-7 âm-tiết, mà tôi được làm quen qua các bản dịch sang tiếng Anh của Arthur Waley. Sau biết nhiều tiếng Nhật rồi, tôi mới khám-phá ra cái thiên-tài của Nhật-bản trong thơ là đi đến chỗ ngày càng cô đọng.

5-7-5-7-7, thể thơ cổ-diễn chiếm-ngự thi-đàn được cả 5-6 thế-kỷ, từ thời *Man'yōshū* ("Vạn-diệp-tập," TK thứ 8) đến những tuyển-tập nổi tiếng như *Kokinshū* ("Cổ-kim-tập," TK thứ 10) rồi *Shinkokinshū* ("Tân Cổ-kim-tập," TK thứ 13), tới thế-kỷ thứ 14-15 mới bắt đầu thấy độc-quyền của mình bị thách-thức để bẻ ra thành những liên-khúc 5-7-5 7-7 5-7-5 7-7... có thể dài đến vô tận mà sẽ được gọi là *renga* ("liên-ca"). Song *renga* thì vui như một thú chơi tao nhã hay càng về sau thì càng nghịch ngợm, bỡn cợt, mất đi cái thanh tao của thơ.

Chính vì vậy mà khi Matsuo Bashō ("Ba-tiêu," 1644-1694) xuất hiện vào thế-kỷ thứ 17, ông đã đem lại cái đậm đà, sâu lắng với vị thiền của thơ đúng nghĩa, đưa hình-thức thơ 5-7-5, lúc đầu còn gọi là "phát-cú" (*hokku*) tức 3 dòng đầu của một bài *renga*, lên một chiều cao để trở thành một thể thơ độc-lập gọi là *haiku* ("bài-cú," thỉnh thoảng cũng viết thành "hài-cú").

Cũng vào thập niên 60 của thế-kỷ trước, tôi đã bỏ khá nhiều thời giờ ra dịch nguyên một tuyển-tập thơ *haiku* sang tiếng Việt, chủ-yếu dựa trên tuyển-tập dịch sang tiếng Anh của Harold G. Henderson, *An Introduction to Haiku* (Garden City, N.J.: Doubleday, 1958) tuy tôi dịch thẳng từ tiếng Nhật. Dù đến năm 1975, trên đường đi tỵ nạn, tôi bị cướp mất tuyển-tập đó, khi sang đến Mỹ tôi vẫn còn gặp không ít bạn bè của tôi vẫn nhớ một số bản dịch của tôi như:

Cảnh cô-độc
Chú đến xem không?
Độc một lá đồng...

Đây là Bashō viết cho một đệ-tử tả cảnh mùa thu, lá cây ngô-đồng rụng hết, trên cành chỉ còn lại độc một chiếc lá... không biết sẽ bay đi lúc nào. Hoặc một cảnh khác, cũng cùng mùa như là tàn-thu:

Cành củi khô
Một cánh quạ vừa sà:
Chiều tàn thu.

Và nhất là bài thơ nổi tiếng nhất của ông:

Ao tù cổ
Một con ếch nhảy vô:
Nghe động tiếng.

Chả trách sau ông, không còn ai muốn làm *haiku* bốn cọt nữa vì sợ mất tiếng. Những tên tuổi như Buson (1716-1783), Issa (1763-1827), v.v. tuy có viết khác ông nhưng vẫn ở trong tinh-thần ngậm ngùi, sâu thẳm... cái mà người Nhật gọi là *mono no aware*, một thứ ngậm ngùi về sự đời. Cũng vì thế mà người ta đã tôn ông (Bashō) lên thành "thi-thánh."

Trong một thời-gian thật lâu, vì tôi mất cả hai tập thơ dịch *waka/tanka* và *haiku* ở Phú-quốc nên tôi đã như muốn bỏ cuộc. Nhưng rồi nhà thơ Trương Anh Thụy không chịu cho tôi quên. Hồi chị làm thơ Thiên (VN), chị cứ nhất quyết bắt tôi phải nói về thơ Thiên, thơ *haiku* Nhật-bản cho chị ấy nghe. Bất đắc dĩ, tôi lại phải đi dịch lại một số thơ đó nên chẳng mấy lúc cũng gom lại được cả mấy trăm bài... để một ngày nào đó, chắc cũng phải cho chúng ra mắt độc-giả thôi.

Nhưng rồi cao-điểm của thơ *haiku* cũng chỉ được mấy thế-kỷ thôi, chủ-yếu là nổi bật lên khoảng hai thế-kỷ 17-19. Sau đó, các thi-sĩ thời-danh của Nhật cũng quay sang các thể thơ khác, và đến cuối thế-kỷ 19 đầu thế-kỷ thứ 20 thì quay hẳn sang những thể thơ học được của Tây-phương, không khác gì cách mạng Thơ Mới ở Việt-nam vào những năm 1930-40. Người ta vẫn tiếp-tục làm các loại thơ cổ-truyền như *tanka* hay *haiku*, nhưng hiếm lắm mới có người nổi bật lên như Yosano Akiko (1878-1942), một nữ-thi-sĩ viết *tanka*, đôi khi rất táo bạo, hay *haiku* của Masaoka Shiki (1867-1902).

Còn người bình-dân thì họ ít làm thơ mới, họ tiếp-tục truyền-thống thơ cổ-truyền nhưng vì không có cái thâm sâu của Bashō hay Buson, Issa... nên họ trở lại làm loại thơ ít chiều sâu, có phần tình nghịch mà người ta gọi là thơ "xuyên-lưu" (*senryū*, có thể gọi là loại thơ lưu loát tựa như "nước chảy"). Nhưng không phải vì thế mà thơ *senryū* không có cái nét riêng của nó, nhất là cái nét cô đọng, ngộ nghĩnh của thơ Nhật.

Và đây là mấy bài thơ *senryū* tôi mới dịch, mong là "mua vui cũng được một vài... chấm than!"

*Tsuru iwaku
mō medetasa ni
akimashita
--Shūjin*

Con hạc than:
"Chán quá mất cái vụ
Mừng tuổi hạc!"

*Fuji ni wakareta kara
tabi ni
hone ga ore*

Rời Phú-sĩ xong
thì tất cả chuyến đi
đâm uể oải...

*Namekuji ni
kuchi o suwareta
ishi Jizō*

Tượng Ông Địa
bị con sên hôn lên
ngay nơi mép.

*Waga mono to
omoeba karushi
ōzutsumi*

Vừa nghĩ tới
cái bị là của mình
thấy nhẹ hẳn!

*Kamakiri no
mōzen to shite
shinde yuki
--Shōtarō*

Con bọ ngựa
mạnh dạn
hiên ngang đi
vào chỗ chết.

*Chi no ana o
nokoshite
kyokubadan wa
tachi*

Đám Sơn Đông
Mãi Võ vừa ra đi
Để lại một lỗ

*Kagerō wa
chotto sekai o
mi ni umare*

Con phù du
sinh ra được thấy đời
đúng một thoáng.

*Samazama no
na o motsu hanabi
mina kemuri
--Keisen*

Có gọi là pháo gi
đi chẳng nữa cũng
vẫn chỉ là khói.

*Hana saite
itemo zassō
hiki-nukare
--Kōbō*

Có nở hoa
đi chẳng nữa cỏ dại
vẫn phải nhỏ.

*Isshō o
kon na kagami de
haha sugoshi
--Kimiko*

Cả một đời
mẹ bỏ ra ngắm nghía
loại gương này.

*Massugu ni
yuku ni chōchō
hima ga ari*

Một con bướm
dù có bay đi thẳng
vẫn nhờn nhờ.

*Ochitsuite
hara o heraseru
hikigaeru
--Shittarō*

Lặng như tờ
anh ếch ta vẫn thấy
bụng đói meo.

*Kōkai wa
shitemo chawan wa
warete iru*

Hỏi cách mấy
thì chén trà cũng đã
vỡ mất tiêu.

*Yagate shinu
kehiki wa mienu
semi no koe*

Kêu không dứt
khi nào chúng chết
nhỉ?
Tiếng ve sầu.

*Meisō no
baka o suro koto
tōkarazu*

Danh tăng thì
danh tăng, chuyện
xuẩn ngu
đâu xa mấy!

*Hae no koi
hito wa mujō no
hae tataki*

Chúng đang làm tình
vậy mà người vô tình
đập ruồi chết.

*Watashi-mori
mainichi hitottoko
de kogi*

Anh lái đò
ngày này qua ngày
nọ
chèo một chỗ.

*Gejigeji ni
zazen no oshō
tobi agari*

Thấy con rết
ông sư đang tọa
thiền
nhảy đống lên.

*Asagao wa
kane o konomanu
kaki ni saki*

Chẳng ham tiền
hoa bìm bìm cứ nở
nơi hàng giậu.

*Byōnin ga
mite oku isha no
hana no ana*

Con bệnh nằm
thấy thật rõ lỗ mũi
ông thầy lang.

*saboten wa
shirenu nari*
Cây xương rồng
là cây? cành? hay lá?
Khó mà biết.

*Hara no ii
tombi kōkū ni
takaku mai*

Bụng no tròn
con điều bay lên mãi
cao thật cao.

*Kata-ashi ni
natte aki tatsu
kirigirisu*

Con châu chấu
gặp thu về nhảy múa
mất một chân.

*Goinkyō mo boke
neko mo boke
shizuka nari
- Santarō*

Cả bà già
lẫn con mèo đều lẫn
nên im ờ.



Nguyễn Ngọc Bích (1937-2016)

Viết xong đêm 24/X/2013

Khu Đồng Xuân, Bang Trinh Nữ

Hoa Kỳ Quốc

THƠ NGẮN

**** Trương Anh Thụy ****

NHÀN

Nằm ngủ dưới am mây
quên chẳng cài then trúc
sáng nghe chim gọi...
Dậy!

VẮNG

Chim rĩa lông
trên đồi trọc
nhìn bầy sóc
quảng, gheo, chòng...
Choé!

TĨNH

Điều vi vút
muối vo ve
gió rì rào
giọt sương tre
Độp!

CAO

Dưới chân làng mạc nhỏ
trên đầu mây chấm vai
người tìm ta chẳng thấy
thấy... lóa đốm sao mai.

XA

Lên cao trên đỉnh núi
trong suốt cõi bao la
nhìn ra ngoài vạn dặm
thấy cả... trời, đất, ta...

NGỒI XUÔNG

Ta đứng giữa bao la
trong sát na vô thường
chẳng tìm ra chân ngã
đành tắt đuốc ngồi suông.

LƯNG CHỪNG

Chân chôn trong trì giới
chân cột vào đỉnh chung
chỉ cần cơn gió nhẹ
là ta ngã như không.

MỘT CHÂN DUNG

Một túi thơ đầy ắp
một bầu rượu trắng trong
dưới chân đôi dép cỏ
tít mắt ngạo cuồng phong.



*A deer runs through the woods
with the silence of night.
snow flakes start falling...*
(Nguyễn Long Quang)

Hương băng rừng
trong tăm tối lặng đêm.
tuyết bắt đầu đổ...
(Nguyễn Ngọc Bích dịch)

HUNG THẦN CỦA TUỔI XUÂN

** NGUYỄN LÂN **

(Đề tặng cựu nữ sinh Gia Long Nhã Lan, xướng ngôn viên LSR và HVTV của Little Saigon Nam California, người đã gợi ý cho bài viết này)

Sinh, bệnh, lão, tử - bốn giai đoạn của đời người, có ai thoát được không? **Sinh**, **Tử** - điều dĩ nhiên của Tạo Hoá. **Bệnh** - có người suốt đời bệnh rề rề, có người đương khỏe bất thần xuất hiện căn bệnh nan y, tháng trước còn mạnh cùi cùi, tháng sau đã gục ngã vì căn bệnh ung thư hiểm nghèo, tháng trước còn khiêu vũ lả lướt, tháng sau bò lết vào cầu tiêu vì nang Vertige chợt đến hành hạ, đi đứng loạng choạng, ngã nghiêng, tháng trước còn thuyết trình, nói năng hùng hồn trước máy vi âm tháng sau đứng trước cử tọa không biết mình nên nói gì, nên nói như thế nào, nhìn những người quen mà như chưa từng biết. Ôi! Alzheimers tới, làm sao chặn được?! Chỉ có **Lão** là có người thoát được. Tôi biết một người, một anh bạn rất thân cùng tuổi với tôi mà trông trẻ hơn tôi đến cả hai thập niên từ vóc dáng đến làn da, mái tóc. Chúng tôi đều bước đến “bát tuần thượng thọ” nhưng anh trông không quá 60! Anh chưa bao giờ đã động tới chuyện “cái già xồng xộc nó thì theo sau” nhưng thế nào tôi cũng phải tìm ra bí quyết của người tránh được hung thần của tuổi xuân này.

Một lần gặp gỡ, tôi hỏi: “Anh ơi! Sao hung thần của tuổi xuân không đến thăm anh? Sao bác sỹ giải phẫu thẩm mỹ tồi tệ nhất, tàn nhẫn nhất là Thời Gian lại né anh?”

Anh trầm ngâm, rồi nhỏ nhẹ: “Nhiều lý do lắm. Vấn tất thôi nhé.

- Thứ nhất là vệ sinh ăn uống. Mình là loại ăn tạp. Thịt, cá, rau, đậu, đồ biển (nếu không bị dị ứng), ăn hết nhưng với số lượng vừa phải. Sau bữa ăn, nhìn thức ăn phải còn thấy khoái khẩu, chớ tham ăn quá hay nể bạn nể vợ ép ăn đến căng bụng. Các loại rau xanh đa phần đều cần cho bộ máy tiêu hoá, thuộc loại hàn, âm tính. Ớt vàng, ớt đỏ thuộc loại nhiệt, dương tính. Nếu bộ máy tiêu hoá của mình tốt, nên ăn hết các loại thực vật đủ màu. Theo đông y là để giữ cho âm dương quân bằng. Màu vàng, màu đỏ thuộc dương, màu xanh thuộc âm. Nhưng nếu cơ thể yếu ăn ớt vàng, ớt đỏ nhiều dễ sinh bụng. Kefir-một loại nấm mà dân vùng Himalaya đã sử dụng như một loại thuốc tăng cường sức khỏe từ mấy trăm năm nay. Kefir là loại thực phẩm rất tốt cho bộ máy tiêu hoá. Blackstrap Molasses-mật mía cần cho những người ngoài 50 hay lớn tuổi đã bắt đầu bị Arthritis. Mình dùng những thứ này càng sớm càng tốt

tránh được đau nhức. Đại khái là thế. Nếu muốn biết kỹ lưỡng phải tham khảo thêm với chuyên viên dinh dưỡng.

- Thứ hai là tập thể dục thường xuyên. Mình đã cao tuổi đầu cần tập tạ đòi cơ bắp cuộn cuộn. Chỉ cốt sao cho thịt tay chân khỏi nhão, bụng không phát triển vượt ngục. Đi bộ hàng ngày. Mùa đông, đành đi bộ trong nhà ít nhất 20 phút. Cái hay là nhà ai cũng có gương soi, càng lớn tuổi dáng người càng gù, lưng càng còng. Đi ngang qua gương thấy dáng trông già và khòm, mình sửa ngay, cố giữ cho lưng thẳng, hai vai không xệ. Nếu bạn vận nhạc và uốn mình, tay chân cho dẻo dai hàng ngày thì càng tốt. Thường phong cách trẻ trung làm mình bắt mắt thiên hạ, trông đẹp hơn.

- Thứ ba, giữ cho tâm hồn được thanh thản, sáng khoái. Đây là yếu tố quan trọng nhất. Trong cuộc sống luôn luôn chúng ta bị căng thẳng, bị dồn nén với bao nhiêu điều bất như ý từ trong gia đình ra ngoài xã hội. Là người nhạy cảm, cầu toàn càng dễ đau khổ, bực tức, cay cú, giận hờn. Là người luôn luôn mong muốn hơn người, ham danh lợi dễ vọng động trong bon chen, tranh đua tại trường đời đưa đến ganh ghét, tị nạnh, chèn ép, ích kỷ, nhỏ nhen. Nghĩ xấu cho ai, vu khống người khác để giành phần thắng đều làm "tâm" mình cần đi, trái tim khô cạn. Đừng nghĩ là vượt thiên hạ, hơn ai là mình sung sướng. Cái buồn sẽ đến mau chóng, cái hối hận sẽ kéo mình quỵ dần. Mình sẽ chóng già! Đấu trí, đấu lực, thoát mới nghe có vẻ hách, có hùng khí. Nhưng theo tôi, những cái đó chính là nguyên nhân đẩy chúng ta xuống vực sâu, lao đao tinh thần, héo mòn thể xác. Phải chăng đó là cách mời mọc hung thần của tuổi xuân đến thăm sớm hơn trời định?

Tôi chọc quê: "Vậy thì chỉ có đi tu thôi"

Anh cười nhẹ: "Thế đấy. Nhưng cứ gì phải "đi tu" hay ở chùa, trong tu viện. Mình tu thân, tu tâm, cố rèn luyện tư tưởng, sửa đổi cung cách đối đãi tha nhân, biết tội nghiệp thương yêu người mà cũng chính là biết tội nghiệp thương yêu mình. Tránh chỉ trích, chê bai, so sánh. Thấy điều bất như ý thà cứ lờ đi còn hơn gân cổ bàn cãi để mất đi một người bạn. Xét thấy đối tượng là người có thể chung ý kiến với mình không, là người có nhiều tự ái không, lúc nào nên lựa lời khuyên nhủ. Tình người vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Mấy ai tịch cốc tu tiên hay sống đơn độc xa lánh nhân loại? Trong xã hội càng quen biết nhiều cũng dễ được thương yêu, dễ gặp may mắn mà cũng dễ đối đầu với bi lụy. Thế nào mà chẳng có lúc đụng chạm. Nhẫn nhịn - không dễ đâu. Nhưng làm được điều này mình thấy hãnh diên cho bản thân. Nóng nảy, thô lỗ, cục cằn - phải cố sửa - cũng khó lắm. Nhưng sẽ được yên lòng khi mình chuyển hóa, thắng được những điều làm người khác phiền lòng.

Tươi tắn, một nụ cười trên môi - chẳng phải ai cũng có - nếu không tập luyện. Được như vậy, chính bản thân sẽ tràn đầy hạnh phúc vì cảm thấy sự hiện diện của mình là món quà đáng quý cho kẻ khác, lòng ta sẽ được “an nhiên tự tại”.

Tôi hỏi tới: “Còn gì nữa không?”

Anh nghiêm chỉnh: “Còn nhiều... nhiều lắm. Đại loại thì thế. À! Tính tiểu lâm, có tinh thần khôi hài cũng cần để ngăn chặn hung thần tuổi xuân tránh đến gặp mình nữa. Chuyện gì trên đời cũng có thể kéo theo một chút cười. Dù là cười nụ, cười mỉm chi nhưng là cái cười sâu sắc, hiền hòa mà dễ thương. Nhưng mấy ai bẩm sinh đã sẵn duyên dáng, cuốn hút, làm người khác vui? Cái này phải học, đúng hơn, phải sống nhiều, phải đọc nhiều và có tâm hồn thứ tha.

Bạn ơi! Bạn có mê giàu sang phú quý không? Bạn có cật lực kiếm tiền không? Nếu có, nó là con dao hai lưỡi. Giàu có, danh vọng làm bạn mất mặt với thế gian, nhiều khi lấy được những tia nhìn tán phục, nhưng rất dễ lôi kéo sự chú ý của hung thần tuổi trẻ. Lao vào công việc nhiều, suy tư lắm chỉ đưa tới tâm hồn căng thẳng. Cố gắng làm sao cho vừa đủ sống. Mà biết thế nào là “vừa đủ”? Nghĩ đi! Sự thư giãn, thoải mái không có thì làm sao chẳng chóng già nua? Dao, kéo, độn, cắt, vá, khâu, bơm, hút... sửa sắc đẹp với thời gian chỉ đưa tới tội tệ hơn!

Bạn ơi! Người có tâm hồn thi nhân, lãng mạn, đa cảm, dễ bén nhạy, dễ hờn giận mà cũng dễ quên. Những người yêu chuộng cái đẹp, cái đẹp thu hút tuyệt diệu của vũ trụ, của thiên nhiên, cái đẹp lãng mạn của văn chương thi phú, cái đẹp đầy màu sắc sống động của các loại cảm thú và đương nhiên, cái đẹp của con người từ thể xác đến tâm hồn là những gì mà các bác sĩ sửa sắc đẹp tàn nhẫn thế mấy cũng không thể tạo những vết nhăn, những rãnh cày, những cặp mắt đục ngầu với tia nhìn đờ đẫn trên mặt chúng ta được. Đấy là bừa bối khiến hung thần của tuổi xuân phải chào thua. Mặc cảm tự tôn hay tự ti đều làm ta cần cỗi. Tự tôn dễ đưa ta tới kiêu ngạo, coi rẻ người khác. Như vậy sẽ vấp phải lòng đố kỵ của tha nhân và dễ bị xa lánh ghét bỏ. Tự ti sẽ đưa ta tới cử chỉ khúm núm, tính sợ hãi. Như vậy sẽ vấp phải sự khinh thường, lạnh nhạt của người đời. Chúng ta, ít nhiều ai cũng mang mặc cảm. Với tôi “Trông lên tuy chẳng bằng ai. Nhìn đi, nhìn lại chẳng ai hơn mình”, bạn ạ! Thôi thì, ráng tập dần, loại bỏ mặc cảm từ từ để bản thân nhẹ nhàng, thoải mái, tự nhiên khi tiếp xúc với đời. À! Tôi thường tránh gồng mình, tránh về kẻ cả để lấy “oai”, để “hù” thiên hạ!

Điểm quan yếu là có thể lịch sự, tử tế, dễ thương với bất cứ ai như với những người ta thương yêu không? Tình mến trọng của tha nhân cho ta cũng như sự thương yêu của ta với nhân loại sẽ làm ta thấy vui vẻ, thấy sung sướng, thấy mình hữu ích, thấy mình đáng

giá hơn lên. Đó là chân hạnh phúc. Đó là tình người. Tình người chính là vũ khí tự vệ chống lại hung thần của tuổi trẻ, bạn ạ!

Lối sống trong tĩnh lặng, thanh bình, thân ái, nhân hậu, khiêm nhường, nhã nhặn dễ mang Hạnh Phúc tới hơn là suốt đời chỉ đeo đuổi sự thành công và quên đi sức khoẻ của chính mình. Kinh nghiệm đã mở mắt cho tôi thấy như thế.

Nhưng trên hết, điều mà ta không thể đoán biết, trù liệu là Thiên Định. Làm đủ mọi cách nhưng “cái già xồng xộc nó thì theo sau” thì đó- Dieu seul le sait (chỉ có Trời biết) số mệnh của ta Trời định cho như thế. Đây cũng là hậu quả của những việc ta đã và đang làm. Có phải là nghiệp chướng?

Cảm ơn bạn. Tôi đã hiểu tại sao chúng ta cùng tuổi, đời sống tương đương, gia cảnh không chênh lệch nhiều mà trông bên ngoài tôi già hơn bạn đến hai chục tuổi, cả một thế hệ! Hung thần của tuổi xuân xa lánh bạn. Mừng cho bạn!

Đáng mừng nhưng... sợ rằng cũng không được lâu đâu! Trông bề ngoài có vẻ trẻ trung yêu đời thế nhưng thật sự nội tạng của tôi cũng... kém rồi, chẳng hơn những người cùng trang lứa. Trời chưa cho cái bên trong vì trên đời này làm gì có sự toàn hảo!

Thời gian không chờ ai đâu, bạn ạ!

NGUYỄN LÂN (Virginia, USA)

Cựu Giảng Nghiệm Viên Parasitology- Đại Học Y Dược Sài Gòn

Cựu Giáo Sư Vạn Vật chương trình Tú Tài-Nữ Trung Học Gia Long Sài Gòn



Ảnh: **Minh Châu** (Virginia, USA)

KIM CƯƠNG TRONG ĐỒNG RÁC



Cuộc thi Hoa-Hậu, ở bên nước Thái
Đoạt Vương-Miền
là cô gái rất nghèo
Mười bảy tuổi hoa,
nhân sắc mỹ miều,
Mint Chalida,
chuyên nghề nhặt rác!
Lễ Đăng Quang,
giữa tung bừng hoan lạc

Phỏng vấn em;
Em thẳng thắn trả lời:
- “Lượm đồ phế thải,
là nghề của tôi,
Tôi giúp mẹ, hàng ngày đi nhặt rác
Hai mẹ con tôi, sống đời đạm bạc
Bán ve chai
nhưng lương thiện cuộc đời!”



Lại hỏi em:
- Nay Vương-Miền đoạt rồi
Liệu Hoa-Hậu,
có bỏ nghề nhặt rác?
Em thưa rằng:
- “Chưa hề nghĩ gì khác,

Vẫn trở về nghề cũ, giúp mẹ tôi
Nếu kiếm thêm tiền,
thì cũng tốt thôi!

Tôi mong ước
được vào trường Đại Học
(rồi em cười...)
nhặt rác tuy khó nhọc,
Nhưng sống tử tế, có gì xấu đâu!”
Em lại cười rạng rỡ, chẳng ưu sầu
Khiến mọi người yêu em
đều cảm động!

Chalida... gương mặt hoa lồng lộng!
Tâm hồn em...
Ôi! đẹp biết bao nhiêu!
Lễ Đăng Quang bé mạp,
vào buổi chiều
“Nữ Hoàng Sắc Đẹp” trở về khu rác
Bà Mẹ nghèo
nhìn sững con, kinh ngạc!



Chalida sụp xuống, lạy Mẹ Hiền
- “Thân xác này,
nhờ ơn Mẹ mà nên
Tạ ơn Mẹ, Mẹ hiền... Con lạy Mẹ!
Hai Mẹ con ôm nhau, mừng rơi lệ
Cả bầu Trời Hạnh Phúc,
phủ chung quanh!

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia USA

Độc Tập Truyện Ngắn “**Tường Như Đã Mất**” Của Võ Phú

**** Tâm Minh NGÔ TÀNG GIAO ****



Võ Phú

“**Tường Như Đã Mất**” là một tập truyện ngắn của Võ Phú. Tất cả gồm 20 truyện. Suối Nguồn xuất bản năm 2003.

Đa số các truyện đều xoay quanh đề tài liên quan đến mối liên hệ giữa các nhân vật nam và nữ, tất cả đều trẻ tuổi. Bối cảnh là môi trường chung cư, ký túc xá hoặc học đường. Điểm tô thêm vào đó là các hoài niệm về vượt biển, về con Mỹ lai, về trại tù ‘học tập cải tạo’...

*

1) Tác giả viết về Tình yêu nam nữ. Tình yêu khi thì hồn nhiên như trong truyện ‘**Tường rằng đã quên**’ Trâm phản ứng khi nghe bạn trai tỏ tình: *‘Trâm e thẹn, mặt đỏ bừng, tai nóng hổi. Trâm cúi gằm mặt xuống. Nàng cảm thấy rạo rực khó tả. Tịnh nắm lấy tay Trâm và nhích lại gần ngồi bên nàng. Tịnh đặt một nụ hôn nóng bỏng, nồng cháy, lên môi Trâm. Trâm hoảng hồn, cúi gằm mặt bỏ chạy về lều.’* (tr.47).

Tình yêu khi thì trong trắng như trong truyện ‘**Đêm Noel và con gấu nhồi bông**’. Phụng đi chơi với bạn trai. Phụng chơi trò gấp đồ chơi và gấp được một con gấu. Phụng khoe với bạn. Sau này nhân dịp về gia đình ăn tết Noel Phụng đã tặng lại cho bạn. Chàng bạn trai nhớ lại kỷ niệm đó: *‘Con nhỏ liếc tôi rồi cười. Tôi im lặng đi bên nó cho đến lúc chúng tôi về đến khu chung cư. Nó và tôi chia tay ai về phòng nấy.’*(tr.52).

Tình yêu khi thì lãng mạn một chiều như trong truyện ‘**Tình bong bóng nước**’. Thùy yêu ông thầy kèm mình học thuở xa xưa. Giờ đây tâm sự: *‘Đứng nhìn mưa rơi, tôi nhớ anh da diết. Có lẽ tình anh dành cho tôi chỉ là tình thầy trò, không hơn không kém. Đơn thuần chỉ có vậy mà thôi! Chỉ riêng tôi, tôi đã thương thầm anh. Một mối tình bong bóng nước dễ vỡ. Nhìn những dòng nước lan dài trên mặt kiếng cửa sổ, bóng anh bỗng mờ dần qua làn nước...’* (tr. 94).

Tình yêu đôi lúc đượm buồn dĩ vãng như trong truyện ‘**Chiếc khăn quàng cổ trong đêm Giáng Sinh**’. Phú nhớ về người yêu đã khuất: *‘Sau khi trao cho tôi chiếc khăn được hai tháng thì Em lại bỏ*

tôi ra đi. Em đi không lời từ biệt, trừ lá thư do chị Ngọc trao lại. Tôi nghe Em đi mà lòng buồn lặng lẽ. Nghe chị Ngọc kể, Em đi trong bình an. Không đau đớn. Không tiếc nuối. Em mỉm cười hạnh phúc về với Chúa, về nơi vĩnh hằng. Phải, em đã mang bệnh, một căn bệnh hiểm nghèo. Nhưng em không hề nói, cho đến khi tôi biết ra thì Em đã không còn nữa'. Lời Phú than thở trong đêm Chúa ra đời: 'Giáng Sinh ơi! Bảo làm sao ta vui cho được khi Giáng Sinh là một kỷ niệm buồn trong tim và đã làm ta rỉ máu' (tr.105).

Nhiều khi tình yêu lại cao thượng và đầy từ tâm như trong truyện '**Tường như đã mất**'. Chàng Ngọc chung sống với cô Trâm. Trâm quen sống cuộc đời trác táng: party, bia, rượu, thuốc, bài bạc, trai gái... Ngọc luôn tìm cách giáo hóa Trâm vì thương Trâm. Tình thương đã làm Trâm hoàn lương: 'Nghe Ngọc lo lắng đến Trâm, khiến lòng Trâm vừa cảm động vì tấm lòng trắc ẩn của Ngọc. Nàng vừa tủi nhục cho tấm thân nơ nhuốc, những lỗi lầm của mình, nàng bưng mặt khóc thút thít như đứa trẻ' (tr.88). Trâm đã hồi tâm, nhận chân được cái xấu xa của mình và thốt lời: 'Cám ơn anh, nhưng em không thể, em cảm thấy không xứng đáng để anh xót thương. Em không xứng đáng để anh yêu. Em nơ nớp, em sẽ làm bẩn anh.' (tr.90). Con người đã trở lại với cái tính cố hữu là 'nhân chi sơ tính bản thiện'. Hoa từ tâm đã bùng nở thành một đóa nhiệm màu: 'Hai người trao cho nhau những nụ hôn nồng nàn hơn bao giờ hết. Ngoài kia mặt trời đã ló rạng, bắt đầu cho một ngày tươi sáng hơn.' (tr.90).

Tình yêu chân thật luôn luôn hàm chứa sẵn sự hy sinh. Trong truyện '**Tình đầu tiếc thương**' chàng Tùng yêu Vi nên ngỏ lời xây dựng: 'Anh yêu em. Anh muốn em mãi mãi là của anh. Minh đính hôn em nhé?' (tr.63). Tiếc thay Vi mang bệnh hiểm nghèo nên nói lời hy sinh: '... bác sỹ nói em đã bị ung thư màng óc. Em đã đến thời kỳ thứ ba rồi. Bác sỹ đã bó tay. Thời gian này, em muốn sống vui vẻ bên anh hết chuỗi ngày còn lại. Em không muốn anh khổ. Anh có hiểu không?' (tr.64). Mấy tháng sau Tùng nhận được thư của Vi: 'Đây là lần đầu, cũng như lần cuối, em gọi anh bằng hai tiếng 'anh yêu!'. Chắc lúc anh đọc lá thư này thì em cũng không còn trên cõi đời này nữa.' (tr.65).

Từ tình yêu đến tình dục tác giả đã kiểm chế ngòi bút của mình, tránh mô tả những hình ảnh chỉ thuần túy khơi lên dục vọng thấp hèn của con người. Trong '**Câu chuyện tình buồn**' Võ Phú viết: 'Chàng hôn lên từng phần da thịt trên mặt Hồng Phấn và quên bằng

đi không gian và thời gian. Quên đi cả bản thân mình, quên cả chuyện tương lai trên con đường công danh mà chàng đã sắp đặt. Trước mắt chàng, giờ đây chỉ có một Hồng Phấn. Hồng Phấn của lòng chàng, của sự trinh nguyên tươi mát... Tình yêu thật sự giữa hai con tìm hòa vào nhau' (tr.37). Đoạn kể tiếp là: 'Rồi Huân Nguyên từ tốn cởi nhẹ cúc áo trên người Hồng Phấn. Nàng nằm yên. Huân Nguyên cúi xuống hôn lên phần cổ nõn nà, trắng nõn. Cả hai quện vào nhau...' (tr.57). Đến phần kết cuộc: 'Hồng Phấn đã trở thành người đàn bà sau đêm hôm ấy...' (tr.57).

Võ Phú đã xây dựng truyện của mình trên một căn bản tôn trọng tinh thần tôn giáo và đạo lý đông phương. Khi chàng trai đề nghị phá thai: 'Chúng mình còn quá trẻ để có con mà. Anh mới hai mươi, còn em thì mới mười chín chớ mấy. Thôi, hay là em hãy...' (tr.39) thì lập tức cô gái chống đối và có phản ứng mãnh liệt: 'Không đâu, em không thể nào làm vậy. Em không thể nào làm chuyện ấy được. Nó vô nhân đạo quá. Dù gì đi nữa nó cũng là con của em, con của chúng ta. Anh không có quyền làm vậy...' (tr.39). 'Nàng ôm bụng khóc và nói thầm cốt chỉ nàng nghe, 'Không ai có thể hủy hoại con được...' (tr.39). Để rồi sau đó tình mẫu tử bùng nổ rạn vỡ như một đóa hoa hương dương: 'Hồng Phấn lâm bồn và hạ sanh một cậu con trai thật kháu khỉnh. Nó là niềm an ủi còn sót lại bên cạnh nàng. Nhìn con nằm bên cạnh, nàng ôm con vào lòng nghẹn ngào nức nở khóc. Nàng nhìn đứa bé đỏ hồng và khẽ gọi thầm, 'Con yêu của ta. Con yêu của mẹ...' (tr.40)

2) Tác giả ca ngợi Tình Người. Tình người với người như Dạ Lan trong truyện '**Nàng thiên thần tóc ngắn**': 'Ước mơ của Lan là trở thành y tá, một y tá không sống vì tiền. Một y tá của tình thương. Một y tá như một người mẹ...' (tr.22). Dạ Lan tâm sự: 'Tại sao trên đời ai cũng ích kỷ hết vậy? ... hầu hết mọi người chỉ biết sống cho mình, không nghĩ cho người khác. Trên thế giới biết bao nhiêu người khổ đau, sao không chia sẻ với họ? hãy nhìn Châu Phi kìa, một ngày không biết bao nhiêu đứa trẻ chết vì đói, chết vì bệnh, chết vì thiếu cách giáo dục chăm sóc của y tế...' (tr.22).

Sau này Dạ Lan gặp nạn và chết khi làm nhiệm vụ cứu người. Bạn nàng đến thăm để vĩnh biệt: 'Dạ Lan, cô bé có mái tóc ngắn, nằm đấy. Dường như cô vẫn còn nở trên môi một nụ cười, như nói với tôi rằng: 'Anh thấy đó, đời người có là bao. Tuy tôi không còn,

nhưng hạnh phúc của tôi... Tôi vẫn thấy mình hạnh phúc vì đã làm được những gì mình ước muốn. Tôi vui lắm anh à. Không buồn điều gì cả...' (tr.25).

Tình người với súc vật như trong truyện **'Tình thương con nhỏ'**. Hai sinh viên sống chung trong một căn nhà. Nàng yêu thương súc vật. Hết nuôi chó lại đến nuôi mèo rồi nuôi gà... Chàng thoát tiên bực mình phản đối rồi cuối cùng đã xuôi theo tâm từ của cô: *'Nhưng thú thật, khi không có con chó nhào ra mừng mỗi lúc tôi đi học về, không có con mèo quấn chân lúc tôi nấu ăn, và thiếu tiếng gà con chim chirp trong phòng tắm lúc tôi học bài, mà chỉ có cái mặt chủ ụ của con nhỏ đi ra đi vào, tôi cảm thấy bứt rứt khó chịu vô cùng. Mấy hôm sau, chính tay tôi lại đem về cho con nhỏ mấy con vịt con...'* (tr.33)

3) Tác giả đề cao đạo đức. Truyện **'Cây viết hero'** đã nêu ra nhiều tiêu chuẩn đạo đức như phương châm xử thế của con người.

Không nên trộm cắp. Thằng bé tên Em nhà nghèo, muốn có tiền mua cây viết *'Nhiều lần nó có ý định nong nổi như đi ăn cắp trứng vịt nhà hàng xóm, nhưng vì lời ba mẹ dạy nó 'giấy rách phải giữ lấy lề' nên nó bỏ hẳn ý định đó'* (tr.67). Về sau nó kiếm tiền bằng cách khổ công đi bắt chim bìm bịp bán cho người ta ngâm rượu.

Phải biết lo cho gia đình. Sau khi bán chim thằng bé có tiền mua bút như mong ước nhưng cũng không quên nghĩ đến người thân: *'Nó tính trong đầu sẽ dùng một ngàn mua năm ký gạo giúp nhà, năm trăm đưa cho mẹ đi chợ, còn năm trăm còn lại nó sẽ mua năm ổ bánh mì chan thêm tí xì dầu về cho ba, mẹ, anh Nghĩa, thằng Quý, và nó mỗi người một ổ...'* (tr.71).

Tình con đối với mẹ tràn đầy. Khi nghĩ đến cảnh chim mẹ mất con nó lại nghĩ về hoàn cảnh mình: *'Nó chợt thấy thương mẹ nó vô cùng, lẽ mà trong lúc bắt chim Bìm Bịp nó có bề gì, chắc là mẹ nó cũng sẽ đau đớn như chim mẹ mất con kia'* (tr.73).

Tình mẹ đối với con dạt dào. Nó định đem trả cây viết và mang tất cả tiền về cho mẹ. *'Một lần nữa mẹ nó ôm nó vào lòng rồi khóc và mẹ không cho nó đem trả cây viết. Mẹ nó nói: Đó là phần thưởng của con, con nên có. Mẹ xin lỗi con vì mẹ không mua được cây viết cho con'* (tr.76-77).

Trong truyện **'Cái ống ăn trầu của bà Chín'**. Thằng con Mỹ lai nhớ tình người mẹ nghèo khổ nuôi mình, mang theo cái ống ăn trầu

của bà đi Mỹ như một vật kỷ niệm quý báu. Nó nghĩ: *‘Mới đây mà hấn rời khỏi bà đã ba năm rồi. Ba năm trôi qua, hấn nhớ bà lắm. Nhiều lúc nhớ bà, hấn không biết làm gì ngoài ngắm vật kỷ niệm mà hấn đã trộm lấy trước khi hấn rời khỏi quê hương...’* (tr.114). Khi có đồng lương đầu tiên là đưa con lai đã vội vàng mua đồ gửi về cho mẹ. Sau đó đích thân về nước thăm mẹ thì than ôi, mẹ đã qua đời.

Tình anh em cũng thấm thiết như trong truyện **‘Quà Tết’**. Thăng Thanh vất vả cố công đi vào rừng chặt một cành hoa mai về trưng Tết vì biết em gái mình từ lâu ao ước cành hoa này. *‘Thanh quyết định sẽ đi theo những người đốn mai rừng và sẽ đốn về cho An một cây mai vào dịp tết. Thanh nghĩ, khi An trở về từ nhà dì Hương chắc An sẽ mừng lắm’.* (tr.139). *‘Thanh định vứt bỏ cành mai để đuổi kịp theo những người phía trước, nhưng nghĩ tới khuôn mặt rạng rỡ của con An, Thanh cảm thấy phấn khởi và cố gắng hấn’.* (tr.141).

Luôn luôn tôn trọng những tiêu chuẩn đạo đức tác giả gián tiếp lên án sự ngoại tình. Trong truyện **‘Chán’**, Liên đã có chồng con nhưng vẫn ngoại tình. *‘Cứ mỗi cuối tuần là Liên đến với hấn. Mặc cho bạn bè, người thân dị nghị. Mặc cho luân thường đạo lý. Mặc cho tất cả.’* (tr.108). Tác giả dàn cảnh để đưa đến cái chết như một sự trừng phạt cho kẻ tội lỗi. Hấn đang nghĩ về chuyện đòi truy này lúc lái xe thì *‘Hấn đụng xe. Đến khi người ta lôi hấn ra khỏi xe, hấn chỉ còn là cái xác không hồn’.* (tr.109).

4) Tuy hãy còn trẻ tác giả đã có một cái nhìn khá vững về Triết lý. Tác giả bày tỏ quan niệm ‘vô thường’ về cái chết trong truyện **‘Tinh đầu tiếc thương’** khi tả cảnh ngoài trời lúc Tùng nghe tin người yêu qua đời: *‘Ngoài kia những chiếc lá vàng rơi nhẹ xuống mặt đường như tiễn đưa người quá cố. Quả thật, đời người như những chiếc lá nọ, cứ phải rơi về nguồn, về lòng đất mẹ.’* (tr.66). Cuộc sống phải có ý nghĩa như trong truyện **‘Mục đích’**. Lờ một nhân vật khi nghe tin vợ của một người làm chung sở qua đời. *‘Người ta sống chỉ là để dọn đường cho cái chết mà thôi. Sống lồi nào để khi chết được người đời tiếc thương, cảm nhớ.’* (tr.132).

Phẩm hạnh của một cá nhân không do chiếc áo. Như người xưa thường nói ‘chiếc áo không làm nên thầy tu’. Trong truyện **‘Đi tìm cái hư không’** vị ẩn tu mặc áo cà sa lên tiếng: *‘Chắc cậu cũng giống như những người khác, coi trọng chiếc áo nhà sư này. Ai mặc nó vào sẽ lập tức được kính phục ngay. Người nào mặc nó mà không hành xử như một vị chân tu thì sẽ làm người đời thất vọng.’*

Cậu phải nhớ rằng, chiếc áo chỉ là vật che thân, không thể nói lên được giá trị của người mặc nó.’ (tr.158).

5) Tác giả đề cao Tiếng Việt một cách rất nhẹ nhàng. Trong truyện ‘**Cổ tích con đốt đèn**’ chàng Quỳnh nghe Vân Anh nói chuyện mà lòng lưu luyến: ‘*Tiếng dạ của con Nhỏ sao mà dễ thương lạ. Đã lâu lắm rồi tôi mới được nghe tiếng ‘dạ’ thoát ra từ một người con gái nhí nhảnh như con Nhỏ. Thay vì tiếng ‘yeah,’ ‘uh... huh...’ hay ‘oh... yeah...’ của những người bạn mà tôi quen biết, thì đó là một tiếng ‘dạ’ ngọt ngào và đậm đà.*’ (tr.11). Ông bố của Vân Anh cũng la rầy con: ‘*Bố đã dạy con rồi. Khỏe chứ không phải là well...*’ (tr.12).

*

Võ Phú trong tác phẩm truyện ngắn đầu tay đã đưa ra những cái nhìn đúng đắn về tình yêu nam nữ, ca tụng tình người, đề cao những tiêu chuẩn đạo đức và bộc lộ suy tư về triết lý xác đáng. Quả thật tư tưởng đã trưởng thành hơn tuổi tác.

Mặt khác với hai chục truyện ngắn viết bằng tiếng Việt khá chính xác, đối với một sinh viên còn trẻ như Võ Phú, trong môi trường học đường và sinh hoạt ở nước ngoài, thì đây là một biểu hiện của lòng yêu quê hương nồng nàn đáng được khen ngợi và khuyến khích. Đáng được nêu gương cho lớp trẻ Việt Nam sống tại hải ngoại trong công cuộc duy trì, bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ.

Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO - Virginia, USA
(Bài nói chuyện trong buổi giới thiệu ra mắt sách ngày 6 tháng 7 năm 2003 tại Fairfax, Virginia, USA)



Ảnh: **Minh Châu** (Virginia, USA)



Trái tim hồng - Âm bản tranh của **Thanh Trí**, California USA

Trái tim hồng

Ta có trái tim hồng
Không bao giờ ngừng đập
Căm giận, yêu thương
tràn ngập xót xa
Ta đương móc nó ra
Làm quà cho các bạn
Mấy chục năm rồi
Ta ngồi đây
Sa lầy trong khổ nạn
Như con tàu
vượt trùng dương mắc cạn
Mơ về sông nước xa khơi
Khát biển, khát trời
Phơi thân xác trong mưa mòn,
nắng gỉ

Thân thể tàn theo thế kỷ
Sương buồn nhuộm sắc
hoàng hôn
Ký ức âm u vắt vẻo
những âm hồn
Xót xa tiếc nuối
Ta vẫn chìm trôi
trong dòng sông đen tối
Lều bều rác rưởi tanh hôi
Hư vô ơi, cập bến tới nơi rồi
Cõi bụi chờ mong chi nữa!
Một trái tim hồng
với bao chan chứa
Ta đặt lên bờ dương thế
trước khi xa...

Nguyễn Chí Thiện
(1939-2012)

MẮT MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG

** TT-Thái An **

Ông Châu sinh trưởng tại miền Trung, trong một gia đình trung lưu, nề nếp gia phong tốt. Châu là con trai út, trên có hai chị gái và một anh trai. Là con út và học giỏi nhất nhà nên cha mẹ cưng quý lắm.

Năm 1950, Châu được 19 tuổi, thi đậu tú tài toàn phần và được cha mẹ gửi ra Hà Nội học ở Đại học Đông Dương, ban Văn Khoa.

Mỗi năm đến tết hay nghỉ hè Châu lại về quê thăm gia đình và bạn bè. Có những người bạn đậu xong trung học thì đi làm vì cần giúp đỡ cha mẹ. Lần nào về Châu vẫn theo gia đình đi nhà thờ vào mỗi Chủ Nhật, Châu vẫn còn quyến luyến các bạn từ thời học chung lớp nhi đồng, giờ đã lớn, có đứa đã có vợ, có chồng.

Riêng cô Thảo, con gái ông bà ĐỂ mà Châu để ý từ thời trung học nhưng chưa dám ngỏ lời. Hình như cô Thảo cũng để ý đến Châu. Thấy Châu đến hỏi thăm, cô có vẻ vui lắm. Cha mẹ Châu thấy thế hỏi dò ý con:

-Con có để ý cô nào trong nhà thờ thì cho cha má hay. Nếu thấy được thì cha má đi hỏi cho. Khi nào con ra trường thì làm đám cưới.

Chờ có thể, Châu thưa ngay:

-Thưa cha má, cha má thấy cô Thảo thế nào?

Má vui mừng nói ngay:

-Má thấy cô đó được lắm, vừa xinh xắn vừa yêu mến Chúa, cũng đậu xong bằng thành chung. Con gái học vậy cũng đủ rồi. Ông bà ĐỂ cũng là người tốt. Con có mắt nhìn lắm đó.

Cha cười, nói thêm vào:

-Vậy để cha má đem chút lễ vật qua nhà ông bà ĐỂ làm lễ chạm ngõ. Kỳ hè sau con về thì làm đám hỏi. Khi con tốt nghiệp thì về làm đám cưới. Vậy là nhị hỉ, vừa đỡ trạng nguyên, vừa cưới vợ.

Ông Cường, cha của Châu vừa nói xong thì cả hai vợ chồng cùng cười vang, ra chiều hoan hỉ lắm. Châu cũng cười theo, rồi nói:

-Con cảm ơn cha má nhiều.

Thế là mùa hè đầu tiên về thăm nhà, Châu đã được cha mẹ dẫn qua nhà cô Thảo để làm lễ chạm ngõ. Hai bên gia đình đều hài lòng với sự kết hợp của Châu và Thảo.

Đến năm 1954, đất nước chia đôi. Cũng may, Châu ra trường vào mùa hè năm này. Chàng trở về quê nhưng chưa muốn lấy vợ ngay vì chưa có việc làm. Chàng nói với cha mẹ:

-Cha mẹ cho con vào Sài Gòn kiếm việc làm. Khi nào ổn định con sẽ về cưới Thảo.

Ông bà Cường thấy con trai biết suy nghĩ nên vui lòng đồng ý.

Châu nộp đơn xin việc làm tại lãnh sự quán Anh và được gọi phỏng vấn, được cho việc làm. Châu cho họ hay phải về quê cưới vợ, hai tuần sau sẽ chính thức nhận việc làm.

Gọi là tam hỷ mới đúng, vừa tốt nghiệp, vừa có việc làm tốt, vừa cưới vợ. Ôi! Có ai hạnh phúc như Châu không nào? Châu thời thời về quê chuẩn bị cưới vợ.

Cả hai bên nhà trai, nhà gái đều đồng ý nhà trai sẽ đến nhà gái rước cô dâu ra nhà thờ làm đám cưới. Làm lễ cưới xong thì ra sau nhà tiếp tân của nhà thờ làm tiệc trà, mời cả hội thánh ở lại chung vui. Như thế vừa đơn giản, vừa được mọi người trong hội thánh đến tham dự. Mấy em thanh niên, thiếu niên trong nhà thờ cũng lo giúp mọi thứ, bày bàn, dọn tiệc, dọn dẹp v.v.

Đám cưới xong, sau một tuần trăng mật, Châu để vợ ở tạm lại nhà cha mẹ. Chàng trở lại Sài Gòn đi thuê căn nhà ở Tân Định, rồi biên thư nhắn vợ vào.

Sau hai năm làm việc ở lãnh sự quán Anh, ông Châu mua được một căn nhà hai tầng gần căn nhà thuê. Thảo thấy mình có phước quá, lấy được người chồng trí thức, hiền lành. Lúc nào cũng nhỏ nhẹ và yêu thương vợ hết lòng. Đời sống kinh tế lại được bảo đảm, không lo thiếu trước hụt sau.

Chủ Nhật nào hai vợ chồng cũng đi nhà với nhau. Người trong nhà thờ gọi họ là ông bà Châu. Khi đi nhà thờ, ông luôn mặc côm lê, thắt cà vạt. Bà thì lúc nào cũng mặc áo dài.

Bà Châu sanh ba năm hai đứa. Sau mỗi lần sanh lại lên cân một chút. Sau bốn lần sanh thì bà Châu đã đầy đà, nặng cân hơn thời con gái khá nhiều. Riêng ông Châu vẫn mảnh dẽ, dáng dấp thư sinh như ngày mới ra trường.

Hai vợ chồng ông bà Châu có vẻ hạnh phúc lắm. Có lẽ vì đời sống hôn nhân của họ viên mãn, chẳng có gì ưu phiền, nên bà Châu ăn uống vô tư, chẳng sợ chồng chê sồ sề, ụt ịt. Tánh nết bà cũng xuề xòa, nhưng xốc vác như đàn ông. Lại chăm lo cho chồng con chu đáo.

Ông Châu lại có máu thi sĩ, thỉnh thoảng ông làm thơ ca tụng Chúa lên đọc cho hội thánh nghe. Khi đọc, ông sửa giọng thật điệu, chưa hẳn là ngâm thơ, nhưng đọc kéo dài và lên xuống giọng từng câu. Có người nói đùa hai vợ chồng ông Châu đổi tánh của nhau: Ông yếu điệu, dịu dàng như đàn bà; còn bà thì to con, xốc vác như đàn ông.

Đến cuối năm 1972, tối hôm đó có hai người đàn ông lạ đến nhà ông Châu gõ cửa. Vợ ông ra mở cửa, họ bước vào yêu cầu bà gọi ông Châu ra. Ông vừa bước ra, họ còng ngay tay ông dẫn đi vì bảo rằng có đủ bằng chứng ông liên lạc với Việt cộng. Họ bước vào kiểm ngay cái túi xách vải ka ki mà một người đàn ông vừa đem đến gửi nhờ tối nay. Họ dắt ông đi trước mặt vợ con. Bà hoang mang lo sợ và khóc lóc kêu van. Bà bảo rằng:

-Các ông bắt nhầm người rồi. Chồng tôi đời nào theo cộng sản. Ông lãng mạn làm thơ làm văn mà sao ưa cộng sản được.

Mặc kệ bà kêu la, họ thản nhiên dắt ông đi. Bà hỏi chồng:

-Sao anh không nói gì hết vậy? Anh có làm gì không mà họ bắt anh?

Ông Châu chỉ yên lặng cúi đầu. Ông không có lời gì để nói với vợ.

Năm mẹ con bà đứng trông theo khóc lóc và sợ hãi. Ngày mai sẽ ra sao? Ông Châu bị bắt đi đến bao giờ? Dù vợ chồng bà cũng đành dùm được một ít để sống một năm không có lương của ông. Nhưng bà hoang mang lo sợ, bồng chốc bà và các con phải xa chồng, xa cha. Bà lo hơn nữa là sinh mạng của ông sẽ ra sao?

Bà ở nhà chạy chọt, nhờ người này người kia tìm kiếm ông. Sau vài tuần, bà được biết họ giam ông ở khám Chí Hòa. Bà kiếm cách đi thăm nuôi ông mỗi tháng. Bà hỏi gì ông cũng bảo họ bắt oan, vì bạn ông để nhờ cái túi, đựng gì ở trong ông không biết.

Một năm sau, nhân ngày lễ Giáng Sinh, chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa khoan hồng những tù nhân hạng nhẹ như ông. Ông trở về nhà trong sự ngạc nhiên và mừng rỡ của vợ con. Tối hôm lễ Giáng Sinh, ông theo vợ con đi nhà thờ. Khi ông bước vào bên trong nhà thờ, mọi người trông thấy ông đều chạy lại chúc mừng, hoan hỉ đón ông trở lại. Nhưng trông ông gầy hơn trước và xanh xao quá.

Bà Châu vui ra mặt vì chồng được thả tù. Việc làm cũ đã mất vì ông đi tù cả năm. Nhưng ông Châu nộp đơn xin việc ở tòa đại sứ Nhật, lại được họ cho việc làm. Đời sống gia đình trở lại bình yên

hạnh phúc như ngày nào. Sau vài tháng ra khỏi tù, ông phục hồi nhanh nhờ được vợ săn sóc chu đáo.

Ông Châu làm cho tòa đại sứ Nhật được hơn một năm thì Ba mươi tháng Tư, 1975 đến. Nhiều người trong nhà thờ di tản hay vượt biên ra nước ngoài. Ông có cơ hội đi mà lại chọn ở lại.

Nhưng từ đó ông không đi nhà thờ nữa. Ông cũng không cho vợ con đi nhà thờ. Thì ra, bây giờ ông mới công khai ra mặt là Việt cộng nằm vùng. Ông hoan hỉ đón mừng đoàn quân cộng sản Bắc Việt tiến vào Sài Gòn, ông vỗ tay khi xe tăng Việt cộng ủi xập cổng dinh Độc Lập mà vào tiếp thu cái tòa nhà to tướng đó.

Được vài năm sau, ông lại đau đớn khi thấy nhan nhản cảnh nghèo đói, túng quẫn của dân chúng miền Nam, nhất là trong Sài Gòn. Và đau đớn hơn khi thấy cán bộ lớn nhỏ thi nhau tranh dành nhà cửa, của cải của dân chúng. Cảnh đòi tiền đút lót công khai lộ liễu. Cảnh cán bộ bỏ vợ già ngoài Bắc, lấy vợ bé trong Nam và tham ô vợ vét để có tiền bao bồ nhí, bao vợ lẽ con thêm hoặc để xây cất biệt thự, tậu xe hơi.

Ngày trước, thấy cảnh tham ô của một số người trong chánh phủ miền Nam, ông ghê tởm và nghĩ rằng cộng sản liêm khiết hơn nhiều. Cộng sản theo một chính thể khác, nhưng ít ra họ không tham nhũng, hối lộ, ăn chơi đàng điếm như những người nắm quyền hành trong Nam. Đó là ông mơ mộng nghĩ thế. Nhưng bây giờ thì trắng đen đã rõ ràng. Những con người cộng sản còn ham mê tiền bạc vật chất, loại tiền dơ, tiền bẩn, tiền máu xương của người khác hơn bất cứ loại người nào trên trái đất này.

Ông Châu thất vọng với chế độ cộng sản, với những lãnh đạo cộng sản, với những cán bộ cộng sản, và với giáo điều cộng sản. Ông không muốn các con ông phải bị nhồi nhét mớ lý thuyết giả dối, gian ác và hoang tưởng này vào đầu. Thế này thì ông phải ra đi, chẳng còn gì để tiếc. Ông nộp đơn lên tòa đại sứ Anh xin đi tị nạn chính trị.

Nước Anh quả thật rất nhân đạo với ông, tuy ông chỉ là cựu nhân viên của lãnh sự quán của họ và mất việc vào cuối năm 1972, trước khi miền Nam thất thủ tháng Tư, 1975. Đơn xin đi tị nạn chính trị của ông được chánh phủ Anh chấp nhận. Thế là sau bảy năm ở lại với cộng sản, ông đau lòng dẫn vợ con bỏ nước ra đi. Nhưng ông cảm thấy mình còn may mắn hơn vạn người khác, có biết mình sai

lạc cũng ngậm bồ hòn làm ngọt, phải khép nép sống qua ngày vì họ không có phương tiện để ra đi.

Qua nước Anh, cái gì cũng mới lạ. Dù Anh văn của ông rất vững, nói năng dễ dàng, nhưng vợ ông thì không biết gì cả. Các con ông thì như cá gặp nước vì chúng đã học Anh văn từ nhỏ. Bây giờ chúng được tiếp tục lên đại học ở Anh là điều ông an tâm nhất.

Điều khiến ông sung sướng nhất là hít thở cái không khí tự do mà ông đã mất từ bảy năm qua. Các con ông không đến trường để bị nhồi sọ tuyên truyền cho một mớ giáo điều cộng sản nữa. Ở đây, trẻ con được học tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng mọi người và được mọi người tôn trọng. Chúng không bị học tập ca tụng một chủ tịch nào, không bị học tập đề cao một đảng phái nào.

Khi ra đường ông lại thấy nhiều chuyện lạ, những chuyện mà ở các xứ Á Châu như Việt Nam chưa bao giờ thấy. Đó là hai người đàn ông hay hai người đàn bà âu yếm nhau công khai ở nơi công cộng. Ông lại cảm thấy ở đây thật sự tự do, tuyệt vời quá! Và ông bắt đầu mơ mộng trở lại. Những ước mơ thầm kín của ông lại ùa về.

Thời gian đầu gia đình ông được chánh phủ Anh cấp nhà cho ở và cấp tiền an sinh xã hội mỗi tháng. Ông cũng được cơ quan xã hội giúp kiếm việc làm. Ông đi làm cho một hãng buôn lo giấy tờ mậu dịch với các nước Á châu.

Từ khi đi làm ở hãng mậu dịch, ông quen biết rộng. Thịnh thoảng được đi tiệc tùng với hãng hoặc đãi tiệc khách hàng.

Dần dà ông quen George, một người đàn ông lớn hơn ông năm hay sáu tuổi. George mời ông đi ăn thường xuyên. Lúc đầu chỉ là việc làm ăn, nhưng sau vài lần thì George có vẻ săn sóc ông như một người tình, luôn dịu dàng, ngọt ngào và vuốt ve ông. Ông Châu cảm nhận được điều này, ông hồi hộp đón chờ từng cử chỉ săn sóc của người kia. Ông cảm thấy hạnh phúc khi được người đàn ông này săn sóc ân cần. Thế rồi, khi George mời ông về nhà nghe nhạc, ông đồng ý ngay. Tối hôm đó, ông đã rơi vào tay George dễ dàng. Ông chẳng còn thiết về nhà với vợ.

Bà Châu chờ cửa mãi tới khuya chả thấy chồng về, bà phải đi ngủ trước. Sáng ra vẫn chẳng thấy chồng ở nhà. Bà lo lắng không biết hỏi ai, vì hôm nay là sáng thứ Bảy, sở đóng cửa nên không gọi vào sở của chồng được. Bà phải chờ đến trưa mới thấy ông Châu về. Bà hỏi ngay:

-Tối qua anh ở đâu sao không gọi cho em hay? Em lo cho anh quá.

Ông Châu giả vờ:

-Tối qua anh hơi say nên ngủ lại nhà bạn.

Bà Châu ngạc nhiên hết sức. Từ ngày lấy ông, có bao giờ ông uống rượu đâu. Bà hỏi ngay:

-Ừa, anh tập uống rượu hồi nào vậy?

Ông Châu nói ngay:

-Anh có tập gì đâu, người ta mời mãi thì mình cũng thử xem sao. Ai ngờ say thật.

Bà Châu tin chồng từ bao nhiêu năm nay nên không hỏi nữa.

Thế rồi, “ăn quen biết mùi ăn mãi”. Lúc đầu, hễ tối thứ Sáu thì ông đi luôn tới trưa thứ Bảy. Từ từ, ông ở nhà George từ tối thứ Sáu đến sáng Chủ Nhật mới về nhà. Bà Châu lại hỏi, ông lại nói quanh co. Nhưng bà Châu vẫn không hề nghi ngờ chồng đang có tình nhân bên ngoài. Và tình nhân của chồng lại là một người đàn ông. Nhưng George không chịu đứng lại tại điểm đó. George đề nghị thẳng với ông Châu phải tiến đến hôn nhân. Hắn không muốn ông Châu đi đi về về giữa hai bên.

Bây giờ ông Châu phải cân nhắc xem bên nào nặng cân hơn. Rốt cuộc, ông chọn đi với George. Vì ông lý luận rằng mình đã sống cho vợ con hơn nửa đời người rồi. Mình chỉ còn sống độ hai chục năm nữa thôi thì phải sống cho mình và cho người mình yêu.

Vì thế, ông về nhà nghiêm chỉnh thú thật mọi sự với vợ. Bà Châu đau đếng nhìn chồng như một người xa lạ chưa từng quen biết. Bà tự hỏi “Ông này là chồng tôi đây sao?” Sau đó bà bật khóc tức tưởi. Khóc không cầm giữ được nỗi đau quặn thắt lòng. Ông Châu nhìn vợ khóc, lòng cũng áy náy không yên. Ông chỉ biết xin lỗi vợ, xin vợ tha thứ cho ông để ông yên tâm dọn ra.

Thế là sau 35 năm chung sống với Thảo, ông Châu đã ly dị vợ để đi lấy chồng khác lúc tuổi đã gần 60.

Các con xúm lại an ủi bà Châu. Không gì đau lòng bằng bị chồng bỏ để đi theo một người đàn ông khác. Nhất là nơi đây xứ lạ, tiếng tăm bà không rành, trăm sự đều nhờ đến ông. Ông như tảng đá cho bà che nắng đụt mưa. Mỗi ngày bà chờ chồng đi làm về để chuyện trò hủ hỉ như đôi bạn đời gắn bó bên nhau. Vậy mà bây giờ, nơi xứ lạ, ông bỏ bà ngang xương chẳng khác nào đem con đi bỏ chợ. Bà cảm thấy bơ vơ, trợ trợ và chới với.

Tháng ngày qua mau, con trai lớn di cư qua Canada, con gái lớn theo chồng qua Mỹ. Chỉ còn bà và hai đứa nhỏ ở lại Anh. Nhưng

chúng nó cũng lớn lên, lập gia đình và ở riêng. Bà phải dọn vào nhà già ở với mấy ông già bà lão người Anh. Nhưng lúc này niềm đau mất chồng đã nguôi ngoai. Bà bình thần chờ ngày về với Chúa. Thỉnh thoảng mua được cái thẻ gọi điện thoại miễn liên, bà lại gọi qua Mỹ nói chuyện với bạn cũ ngày xưa. Người ta có hỏi thăm về ông Châu, bà bình thần trả lời: “Ông ấy vẫn ở với ông chồng mới.”

Hơn mười năm sau, một hôm, George gọi cho bà Châu báo tin ông Châu đau nặng đang nằm ở nhà thương, có lẽ không qua khỏi. Bà Châu vội gọi qua Mỹ và Canada báo tin cho hai con.

Bản thân bà cũng vào nhà thương thăm ông Châu. Bà nhìn ông chồng cũ của mình nằm liệt trên giường, mặt mày xám xịt, chẳng còn chút sự sống trên khuôn mặt. Nhưng ông Châu còn tỉnh táo nhận ra vợ cũ, ông cười chào bà. Bà hỏi thăm ông:

-Ông đau bao lâu rồi, sao không báo sớm cho tôi hay để tôi báo cho mấy đứa nhỏ đến thăm ông.

Ông Châu thều thào:

-Báo làm gì chớ.

Bà Châu thương hại ông, có lẽ ông sợ các con còn giận ông nên không muốn nói cho các con hay. Bà Châu lại hỏi:

-Ông bệnh gì vậy?

Ông Châu trả lời:

-Viêm gan B.

Bà Châu muốn nói với ông rằng ông hãy ăn năn với Chúa đi, vẫn còn kịp để ăn năn. Nhưng bà không nói nên lời. Bà dặn ông:

-Tôi đã báo tin cho con Huyền và thằng Trí về thăm ông gấp. Chúng nó sẽ về tới nay mai. Ông cố gắng chờ nghe ông.

Dặn dò ông Châu thêm đôi lời rồi bà từ giã ra về. Lòng bà nặng trĩu khi nghĩ đến thân chết đang lờn vờn bên cạnh ông Châu.

Hai hôm sau, Huyền, con gái thứ hai của ông Châu từ Mỹ bay qua Anh, vào ngay nhà thương để gặp cha. Huyền đến gần giường nhìn thấy cha đang ngủ. Nó đánh thức cha dậy. Ông Châu mở mắt ra trông thấy Huyền, nhưng gương mặt ông đã bất động. Huyền hỏi ngay:

-Ba nhận ra con không?

Ông Châu vẫn nhìn con, nhưng không còn nói được. Huyền nói ngay với cha:

- Ba ơi! Ba ăn năn đi ba. Con muốn ba xin Chúa tha tội cho ba để ba còn cơ hội lên thiên đàng. Con không muốn ba bị quỷ sứ kéo xuống địa ngục.

Ông Châu vẫn nằm im, mặt ông không lộ một phản ứng nào. Có lẽ ông chẳng còn nghe được gì. Hai mắt ông tuy mở, nhưng chúng nhìn vào khoảng không mù mờ. Huyền thút thít khóc lo lắng cho linh hồn của cha. Một lúc sau, đôi mắt ông Châu lại nhắm lại. Huyền biết cha sắp sửa ra đi vĩnh viễn nên càng lo; chỉ còn biết nhắc cha: “Ba ơi! Ba ăn năn đi ba.”

Trí đến kịp để chờ ông Châu trút hơi thở cuối cùng. Cả hai anh em ngồi cạnh giường cha mà lo lắng cho linh hồn của cha. Chỉ hơn một giờ sau, ông Châu tắt thở. Huyền òa lên khóc thảm thiết:

-Ba ơi! Ba ơi! Sao ba không ăn năn để bây giờ không còn cơ hội nữa. Ba ơi, cha con mình không bao giờ còn gặp lại nhau nữa. Ba bị quỷ sứ kéo đi rồi. Con đau lòng quá ba ơi!

Cứ thế Huyền khóc ngất vì thương xót cho linh hồn cha. Cha mình mà, làm sao không thương? Huyền không hề oán trách cha, vì Huyền biết cha chỉ là người phạm, yếu đuối đi theo con đường riêng của mình, xa cách Đức Chúa Trời.

Huyền vẫn trung tín với Chúa dù những năm ở Việt Nam sau 1975 cha không cho đi nhà thờ nữa. Mấy mẹ con bà Châu vẫn cầu nguyện với Chúa mỗi ngày. Bà Châu và các con vẫn đọc kinh thánh hằng ngày. Vì thế Huyền biết rất rõ bản tính của Đức Chúa Trời, Ngài rất yêu tội nhân, nhưng rất ghét tội lỗi. Và luật pháp của Ngài không bao giờ thay đổi. Ngài chờ tội nhân ăn năn để Ngài tha thứ. Nếu không ăn năn thì Ngài không thể tha tội cho họ được.

Ở nơi có nhiều tự do, luật pháp của loài người thay đổi luôn để đáp ứng với lòng dân, vì chánh phủ là do dân bầu mà. Cùng là một điều, thời xưa loài người cho là tội, nhưng bây giờ được luật pháp cho phép thì không kể là tội nữa.

Nhưng thôi, hồn ai nấy lo. Cộng sản hoặc những người vô thần không tin có linh hồn, chết là hết; làm gì có địa ngục hay thiên đàng mà lo việc bị sa địa ngục. Cũng có người tuy có tín ngưỡng nhưng lại lý sự rằng Đức Chúa Trời nhân từ thì đời nào bỏ ai vào địa ngục! Đúng vậy, ĐCT không bỏ người ta vào địa ngục, chỉ có quỷ sứ là lính của Satan bỏ người của nó vào đó thôi.

Chỉ có Đức Chúa Trời có quyền xét tội loài người. Nhưng Ngài nhìn xuống thế gian không tìm thấy một người nào vô tội cả. Vậy thì, ai

cũng là tội nhân trong cái nhìn của Đức Chúa Trời. Đã là tội nhân, không ai có thể xét đoán tội nhân khác.

Đức Chúa Trời đã tạo ra loài người và ban cho họ sự tự do chọn lựa một hướng đi cho linh hồn mình.

Bà Châu và các con đến dự tang lễ của ông Châu như những người khách khác. George, ông chồng của ông Châu lo cho tang lễ của vợ từ đầu đến cuối. Ông Châu hưởng được những ngày hạnh phúc bên người chồng mới thật ngắn ngủi. Ở thế giới bên kia, sau cái chết, đời sống của linh hồn mới thực sự vô tận. Nhưng ông Châu đã chọn lựa nơi không có Đức Chúa Trời.

Bà Châu và các con luôn đau đớn khi nghĩ đến đời sống của ông ở bên kia thế giới. Vì họ còn thương yêu ông hết lòng.

TT-Thái An

Virginia, USA - 4/20/2019



CƠN MƯA HẠ

*Cơn mưa hạ đưa ta vào nỗi nhớ
Ngàn yêu thương cháy rục
cả con tim*

*Lòng mênh mang tha thiết
buổi chiều im
Bao hình bóng yêu kiều
nơi viễn xứ...*

*Hạt mưa nào quyến chân
người lãng tử
Butchart Gardens mộng thơ
đầy quyến rũ
Khăn quàng cổ tặng em,
hương quá khứ
Vườn cây xinh
nghe tiếng má hồng phai...*

*Dàn hoa tươi đầy lối,
vẻ trang đài
Môi em thắm tô thêm bờ cung ái
Tay đan tay như trao gởi nụ tình*

*Gió biển nhẹ
lãng lãng màu kỷ niệm...*

*Cơn giông tới bất ngờ,
chân mây tím
Đợt mưa chiều
mở dấu lớp son môi
Nét hoang vu hiu hắt đã lâu rồi
Cành mai núi ... nhớ em...
mưa mùa hạ!*

*Sóng trong lòng
bồng mềm hơn lệ đá
Em nhìn tôi âu yếm
thoáng mùi hoa
Hơi thở ấm...
tình dâng lên ngây ngất
Uống môi em...
nghe man mác niềm say...*

BÙI THANH TIỀN

Virginia, USA

TRI TÂM

Biển mang hoài niệm sơ khai
Cát vàng lặng lẽ in dài bước chân
Sóng đêm vọng khúc nhạc trầm
Đầu non, bóng nguyệt nghiêng nằm đợi ai

Rượu nồng giữa chốn thiên nhai
Tri tâm ai đó, những ai xưa giờ
Trong lòng vũ trụ mịt mờ
Tiền thân hư ảo mơ hồ là đâu ...

Đường trần bao cuộc bể dâu
Mộng xưa chừ đã nhạt màu thời gian
Nghiêng hồ tửu giữa canh tàn
Ngược dòng tìm thức về ngàn năm xưa
Mơ cùng họ Lý say sưa
Ba trăm chén rượu chưa vừa cuộc vui

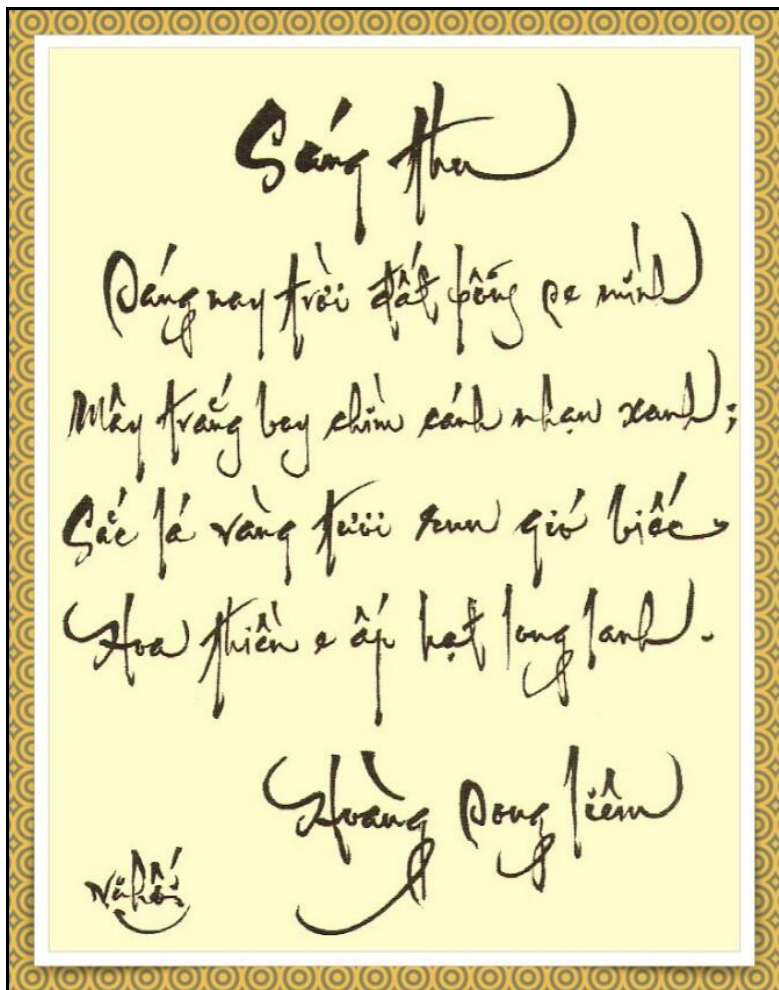
Sông Hoàng ra biển chẳng hồi
Tơ xanh buổi sớm, tối thời tuyết sương
Sầu vạn cổ, áng từ chương
Giai nhân, danh sĩ, vô thường bóng mây

Rượu thơ ngàn chén không say
Bỏ sau lưng nỗi u hoài nhân sinh
Nhà ai trắng sáng lung linh
"Mười hai tháng sáu" lệ tình mưa rơi
Chàng Say xin chớ ngậm ngùi
Nơi đây thơ rượu mời Người cạn chung

Tri tâm hà xứ tương phùng
Trong dòng biển hóa vô cùng Thời Không ...



vương-thanh
Thiên Nhai, 2016
Oregon, USA



SÁNG THU

Sáng nay trời đất bỗng se mình
Mây trắng bay chìm cánh nhọn xanh
Sắc lá vàng tươi run gió biếc
Hoa thiên e ấp hạt long lanh.

Thơ: **Hoàng Song Liêm** - Virginia, USA

Thư họa: **Vũ Hối** - Maryland, USA

ĐƯỜNG NÀO LÊN THIÊN THAI?

Thiên thai - cái tên nghe réo rất mê ly quyến rũ - theo tự điển nghĩa là "chỗ tiên ở" gọi tắt là "tiên giới" hay "cõi tiên".



Cõi tiên, nhìn lên một cách lạc quan thấy các đặc điểm sau đây:

Một rằng, vị trí đồn trú của tiên giới ở vào một khoảng cách khá xa phàm trần, có lẽ để khỏi bị ô nhiễm không khí trần gian và tạo thành một chiến tuyến không rõ lằn ranh giới.

Hai rằng, vị trí trên thường là đỉnh non cao, đường đi không tới hoặc hang động ngoằn ngoèo hiểm hóc chông gai, thường làm nản lòng khách tục.

Ba rằng, nghe đâu trên cõi ấy toàn tiên. Từ tiên ông, tiên bà tới tiên đồng ngọc nữ, tiên nào cũng đẹp như tiên, tức là đẹp không thể tả được.

Bốn rằng, Các tiên họp lại thành một khối, kêu bằng "Khối tiên". Khối này không có chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký. Tuy gọi là khối nhưng không phân ra "khối đa số" hay "khối thiểu số", tức không chia phe phái đấu tranh như hạ giới. Có lẽ họ được bài học của thế gian nên chấn chỉnh lại chăng?

Năm rằng, các tiên sống với nhau trên thuận dưới hòa, êm ru bà rù, không có những cú tranh bá đồ vương, chấp chính, lật đổ chính phủ. Không có vụ mua quan bán tước, không có ai làm xếp lớn của ai. Coi như sống trong thế giới đại đồng.

Sáu rằng, các tiên tuy khác phái tính mà lại giống nhau ở chỗ chỉ ưa sống vui vẻ, không có chuyện thừa kiện ồn ào, nam nữ thọ thọ rất thân. Tiên không có vụ cấm đa thê, ghen tuông nhỏ nhặt như rài truyền đơn, đốt nhà, tổng tiền, gài bẫy. Cũng không có vụ đánh ghen tạt át xít, đốt chông hoặc cắt chim chông như kiểu "Bóp Bít".

Bây rằng, cõi tiên hình như là cõi thọ, ai có đủ điều kiện phúc đức được vào cõi tiên là cầm chắc trong tay chữ "thọ", không bao giờ phải quay lại cõi trần tục nữa.

Tám rằng, chẳng những đeo chữ thọ, các tiên còn đi ngược thời gian, tinh thần thể chất lúc nào cũng hồng hào tươi tốt, chẳng bao giờ phải đi bác sĩ, nha sĩ khám tổng quát, chữa trị gì cả.

Tiên nào trẻ thì gọi là "*tiên đồng*" "*ngọc nữ*" lúc nào cũng phơn phớt, không cần đi thẩm mỹ viện. Tiên nào già thì gọi "*tiên ông*" râu tóc bạc phơ, tinh thần tráng kiện; "*tiên bà*" thì dáng dấp dịu hiền, cốt cách như ...tiên!

Chín rằng, cõi tiên hình như không ăn mặn. Cõi tiên chỉ "*ngả mặn*" một mục ái tình. Thực phẩm chính là hoa trái trong vườn thượng giới. Hoa trái không tưới bón bằng phân hóa học hay trồng trong nhà kính nên toàn trái ngọt thơm lành. Tuyệt nhất là những trái đào tiên.

Mười rằng, cõi tiên hình như không vương vấn nợ ưu phiền. Ai vào đó là như sống vĩnh viễn, không bị trục xuất. Ngoại trừ một thiểu số tiên nữ phạm lỗi nặng phải đầy xuống trần gian.

Tạm xét qua 10 điều trên, cõi tiên quả nhiên là cõi chỉ dành cho những nhân vật xuất chúng, có tiền duyên với chốn thanh cao lý tưởng.

Còn như cõi chúng ta đang đi cày cấy, mang cái tên chả lấy chi làm đẹp cho lắm: Nó chính là "*cõi tục*" vậy.

Nếu lại nhìn từ lăng kính bi quan thì nó như vậy (theo vần ABC tân thời):

Amoco: Cõi tục không cao cả như cõi tiên nên dân chúng sống trên mặt đất hay trên mặt nước. Vì sống trên mặt đất và trên mặt nước nên mới nhận nơi mình ở là "*đất nước tôi*".

Bingo: Khởi thủy, theo thánh kinh, là Adam và Eva sống rất tự nhiên theo thiên nhiên. Sau đến Tarzan đóng khổ đu giây. Rồi sau nữa mới chế biến quần sa rông, quần áo, khăn yếm, sù chiêng, sù líp, quần áo tây, com lê cà vạt, khăn choàng, áo lông thú, son phấn phụ tùng tạp lục.

Congo: Cõi trần là cõi sinh ra ai cũng ở trần đã đành, mà khi lọt lòng thoáng trông thấy cuộc đời trước mặt đã khóc ré lên rồi, như kẻ sắp sửa bị quăng vào chảo dầu vậy. Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều ai oán trong "*Cung Oán Ngâm Khúc*" một khúc rằng:

*Thảo nào khi mới chôn nhao
Đã mang tiếng khóc bùng đầu mà ra.*

Cõi trần đau thương dường ấy, cho nên ai cũng tìm một lối sống riêng cho đỡ cực. Vậy cõi trần là một "*cõi buồn*".

Domino: Sống trong cõi trần là phải nói đến tranh đấu để sống còn. Nên mới đặt ra vấn đề quyền lợi. Từ quyền lợi mới nảy sinh ra chuyện phe phái tranh dành để chiếm phần thắng thế.

Thế giới loài người đã phân chia ra phe tư bản, phe cộng sản, phe tự do; nước văn minh, nước chậm tiến. Lại họp nhau thành những giáo phái như Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Phật Giáo...

Vậy cõi trần là cõi ganh đua, chèn ép.

Eldorado: Cõi trần tạm coi là cõi "*nhân chi sơ, tánh bản thiện*". Ai đã học dăm ba chữ thánh hiền đều được dạy dỗ ít điều lành, ít chuyện xưa tích cũ đáng làm gương về trung hiếu tiết nghĩa, tứ đức tam tông, quân sự phụng... để làm hành trang cho cuộc đời trước mặt.

Vậy mà vẫn còn xảy ra những hỉ nộ ai lạc ái ô dục, vẫn còn những bạo chúa, nịnh thần, những kẻ ác nhân ác đức, những đứa vong ân bội nghĩa, những tên phản thầy dối chủ, hèn mạt tiểu nhân.

Những phần tử ấy đã làm cho xã hội phân hóa, suy đồi.

Vậy cõi trần cũng là cõi loạn!

Flamingo: Cõi trần tuy có khổ lụy đắng cay, đấu tranh quyết liệt bạo tàn nhưng bù lại, được ru ngủ vỗ về như có những liều thuốc an thần, những viên kẹo bọc đường mật ngọt. Như trong lãnh vực ái tình thì hứa hẹn "*Em hứa yêu anh suốt một đời*", "*Em là tất cả của đời anh*". Như trong lãnh vực chính trị thì "*Đồng bào hãy bầu cho tôi. Tôi cam đoan bảo vệ hiến pháp*", "*Tôi thề ở lại với toàn dân, toàn quân tranh đấu đến giọt máu cuối cùng*"...

Từ đó suy ra, cõi trần là cõi chuyên môn hứa cuội, hứa ầu.

Gogo: Cõi trần là cõi luôn luôn hô hào đoàn kết, thương người như thể thương thân, anh em bốn bề một nhà. Vậy một khi đã hô hào rất cổ bồng hòng như thế để thắt chặt tình đoàn kết quốc gia thì phải hiểu rằng tình đoàn kết quốc gia rất ư lỏng lẻo, rời rạc! Tinh thần "*duy ngã độc tôn*" của người mình đã là một trở ngại lớn lao. Vì lẽ nhuốm một ít cái tính ác của xã hội nên ta cứ hay kèn cựa, chỉ trích, bới móc, phá đám chia bè kết đảng hơn là góp sức chung lo xây dựng. Thành thử ra cõi trần đâu có thực là cõi sung sướng gì cho cam. Nó chính là cõi khổ lụy.

Hapkido: Cõi trần là cõi không ai sống lâu, sống dai như ông Bành Tổ cả. NẾu ai cũng sống lâu như thế thì trần gian này còn đâu đất sống, làm gì còn chỗ đứng nữa? Giống như bốn mùa xuân hạ thu đông thời tiết đổi thay, có mầm sinh mầm dưỡng, có trưởng thành thì cũng có cằn cỗi, đào thải. Lớp này qua lớp khác theo lẽ tuần hoàn.

Thì con người cũng vậy, "*trăm năm còn có gì đâu, chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì*". Sống trăm năm là trường thọ. Còn trung bình thì "*Em ơi, có bao nhiêu, sáu mươi năm cuộc đời*" đã coi là tạm mãi nguyện rồi!

Socrate nghiền ngẫm về số phận con người đã cay đắng trong tam đoạn luận này:

Là người, phải chết
Socrate là người
Vậy Socrate phải chết.

Đến như Socrate mà cũng phải chịu trận thì thử hỏi chúng ta là cái thá gì mà dám đòi hỏi trường sinh bất tử?

Cõi trần "*từ đó suy ra*" là cõi tạm, sống gửi thác chuồn.

Bởi suy diễn lằm chằm như trên, ta thấy cõi trần coi mòì khó khá.

Muốn khá phải làm sao lên được cõi tiên mới mong thoát được ưu phiền. Nhưng phiền một nỗi, cõi tiên đâu phải là chỗ ai cũng nhảy tốt được vào?

Cho đến bây giờ, dù khoa học hiện đại, văn minh vượt bậc cũng chưa ai quả quyết được là có cõi tiên hay không.

Thiêng thử ra, chúng ta vẫn cứ nghi nghi ngờ ngờ, chỉ nhớ đến chuyện xưa tích cũ, gọi là huyền thoại để ru ta vào mộng.

Như chuyện này ai cũng biết:

Rằng xưa thiệt là xưa, có hai gã bạch diện sinh viên chưa có bạn gái, hai chàng đực rựa mới rủ nhau la cà vào chốn rừng sâu. Có sách bảo rằng họ đi hái thuốc trường sanh, lại có sách nói rằng hai chàng đi tìm vắn thơ sầu rụng. Duyên kiếp thế nào đến nỗi lạc lối dương trần, gặp ngay mấy nàng tiên cánh trắng dụ khị đem về động tiên sống không hôn thú, phè phỡn mấy năm rất là thỏa lòng mong đợi.

Tuy sống phây phây ngồi mát ăn bát mì như thế, hai chàng vẫn nhớ đến cõi trần. Rồi vì đã được hưởng cõi tiên hơi ngấy, lại nhớ cõi tục hơi nhiều nên hai chàng nằng nặc đòi về chốn cũ.

Bà xã không giữ nổi người tình, đành gạt nước mắt mùa thu, tiễn anh lên xe về xứ mẹ.

Khi hai chàng trở lại mái nhà xưa thì làng thôn đã đổi thay ráo trội. Đảo khắp nơi, chả còn ai quen thuộc họ hàng. Hỏi mấy cụ già râu tóc bạc phơ về gia đình mình thì các cụ nói rằng ngày xưa nghe đâu cụ tổ mấy đời là Lưu Thần và Nguyễn Triệu lạc lối lên tiên. Không thư từ, điện tín, tê lê phôn, không gửi quà cáp tiền bạc gì về nhà cả. Tới nay đã mấy trăm năm, ít ai còn nhớ chuyện.

Hai chàng tính ra lên cõi tiên sơ sơ mới có vài niên mà ở cõi trần đã mấy trăm năm! Hèn chi mà nhìn ai cũng lạ hoắc.

Thấy mình lạc lõng vì thuộc thế hệ khác, không còn ai thân thích họ hàng, họ buồn tình rủ nhau tìm đường trở về tiên giới.

Nhưng nào thấy bóng dáng tiên nga, mà chỉ thấy:

*Cửa động, đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi...*

Một tích nữa là cái "ca" của quận trưởng Từ Thức, ngày nọ coi hội hoa mầu đơn, thấy một người con gái đẹp tên Giáng Hương bị cảnh sát bắt vì làm gãy một cành hoa. Chàng ra tay nghĩa hiệp, cởi ngay áo "vết" chuộc tội cho nàng (?). Xong đường ai nấy đi. Chàng không kịp hỏi địa chỉ, số phôn hay điện thoại cầm tay của nàng để liên lạc nữa.

Một thời gian sau, quận trưởng Từ Thức đi chơi trong hang động, lò dò làm sao mà lạc ngay vào một động tiên thì Giáng Hương như chờ sẵn đó tự bao giờ. Thế là tục với tiên như có cái duyên tiền định. Đôi bên hứ hí với nhau rất là thú vị tinh thâm.

Một lần Giáng Hương đi họp định kỳ tại dinh Thánh Mẫu, Từ Thức ở nhà một mình mới tho thẩn ra cửa động đầu non nhìn về đường xưa lối cũ thì dưới kia xa xa là "*quê nhà ta chiều khi nắng êm đềm*", động lòng nhớ cố hương. Chàng mới xin vợ cho cái phép đặc biệt để về quê cũ. Giáng Hương giải thích rằng thì là, hể "*ra đi là hết rồi*", không có ngày trở lại non tiên nữa đâu! Chàng vẫn nặng nạch đòi về. Giáng Hương can không nổi, nuốt lệ thờ dài tiễn anh đi.

Từ Thức trở lại quê xưa thấy cảnh vật đã đổi thay hết trội, bà con họ hàng chẳng còn ai. Chàng muốn trở lại cõi tiên nhưng biết đường nào lên thiên thai?

Đường nào lên thiên thai?

Mà chỉ còn "*cửa động đầu non*" và "*bóng trăng thơ thẩn*" muôn đời...

Đọc chuyện xưa như thế, ta bật mí ra rằng:

Khi sống ở cõi trần thì mơ ước được lên cõi tiên. Khi lên đến cõi tiên rồi lại nặng nạch đòi xuống, chả ai xin định cư ở lì trên đó làm gì.

Thế thì, ta tự hỏi cõi tiên quả thực có phải là cõi ước mơ, lý tưởng không? Nếu nơi đó y boong là chân thiện mỹ, là hạnh phúc tuyệt vời thì tại làm sao hai sinh viên Lưu Thần, Nguyễn Triệu và cả đến quận trưởng Từ Thức là những kẻ từng mơ ước lên tiên, từng khao khát gặp người đẹp mà lúc được thỏa thuê, thỏa mãn và thỏa đáng rồi lại muốn phe lờ người đẹp non tiên để trở về quê cũ?

Chốn tiên ở là nơi thanh cao, tưng bừng nhã nhạc, vui sướng âm êm. Còn nơi quê cũ ở cõi tục lụy thì chân lấm tay bùn, cây sâu cuộc bầm, quanh năm vất vả nghèo nàn.

Tại sao kẻ lên tiên lại chối bỏ mộng thiên đường để tìm về chốn cũ?

Có lẽ thiên thai cũng chỉ là một cõi phàm với những tình cảm như con người hạ giới, nhưng cao đẹp hơn, tinh khiết hơn mà thôi.

Chắc vì thế mà cuộc sống cõi tiên hóa ra uế oải, nhàm chán, vô vị chẳng? Nếu không, sao có kẻ đòi về?

Đường lên thiên thai, do đó chẳng phải là tuyệt đỉnh ước ao hạnh phúc.

Nếu cho rằng hạnh phúc là điều mong muốn bình thường giản dị, tự cho là đủ, an phận thủ thường, vui với cái vui mình có, chấp nhận cái buồn mình bắt buộc phải mang, làm sao cho thân tâm luôn được bình an thoải mái nhẹ nhàng thì nào cần chi phải lặn lội lặn mò diệu vợi xa xôi?

Thiên thai, hoặc cõi tiên ở ngay trong cõi tục nhân gian, ở ngay trong lòng mình đấy chứ!

Và thiên thai như Từ Thức, Lưu Thần, Nguyễn Triệu đã một lần chối bỏ cõi tiên để tìm chốn "*đích thực thiên thai*" thì nào có xa lạ gì đâu!

Nơi đó, chính là quê hương ta. Quê hương của những ai đang lạc nẻo thiên đường...

LÊ VĂN PHÚC

Virginia, USA



Mời nghe ca sĩ **Mai Hương** hát "THIÊN THAI" của **Văn Cao**:

<https://www.youtube.com/watch?v=YlwI2fUyIkW>

VÀO THU

Làn gió thu về úa cỏ hoa
Sương chiều áp ủ mảnh tình xa
Ngó bao lá rụng giăng đầy ngõ
Nghe những buồn rơi ngập kín nhà
Một ý thơ chìm trong khói tỏa
Trăm niềm nhớ đọng giữa mù sa
Chuyển mưa có tiếng gầm rung động
Trời đất ô hay cũng khóc òa!

nguyễn vô cùng - Virginia, USA

LÁ KHÔ

lá khô vun đống nằm chơi
vùi thân cho bớt lẻ loi phận người
gió lên một trận toại bờ
chiếc về cội, chiếc bên trời phiêu du
lạc nhau giữa cõi sa mù
trách chi mấy cụm mây thu hững hờ



nguyễn vô cùng

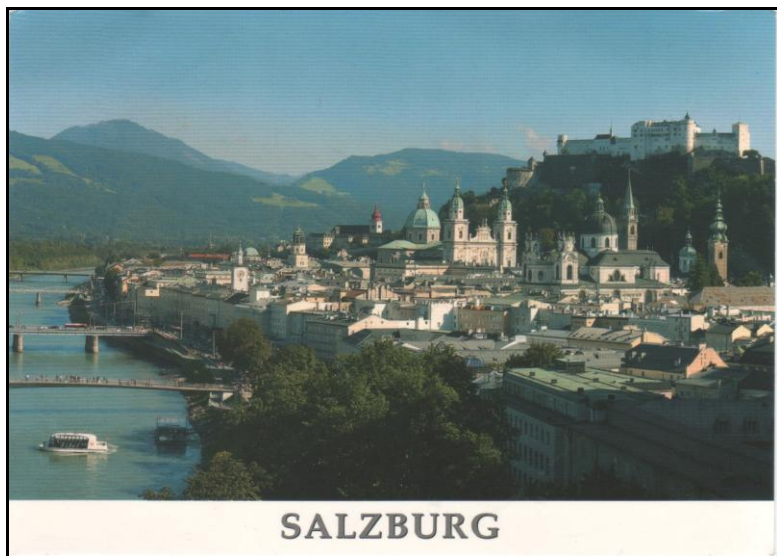
HƯƠNG THU

Hoa vàng cùng với bướm vàng
Mang mùa thu đến nhẹ nhàng tỏa hương
Hương bay khắp nẻo mười phương
Thi nhân hội ngộ trong vườn tình yêu
Trăm hoa hương sắc mỹ miều
Phong lưu tài tử diễm kiều giai nhân
Tâm giao bằng hữu tình thân
Hân hoan thêu dệt những vần thơ hoa
Lời thơ trau chuốt mượt mà
Tình thâm tri kỷ đậm đà duyên thơ
Nắng thu vàng óng như tơ
Sắc trời đẹp như mơ dưới trần

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG (1949-2008)

MÙA HÈ Ở SALZBURG

** Vũ Nam (Germany) **



Sau khi đọc bài viết về nhạc sĩ thiên tài người Áo, Wolfgang Mozart - trên báo Cỏ Thơm của nhà biên khảo Phạm Văn Tuấn - người viết lấy một ngày cuối tuần để đi đến thành phố Salzburg, xem nơi nhạc sĩ ra đời, cảnh trí, đời sống ra sao.

Trên toàn nước Đức đã lâu rồi có những chuyến xe lửa đi cuối tuần giá rất rẻ, lại đi được mỗi lần một nhóm 5 người. Cứ lựa chọn, hoặc đi và về trong ngày thứ bảy, hoặc chủ nhật. Còn ngủ qua đêm thì hôm sau lại phải mua một vé mới. Đó là trên toàn nước Đức. Còn ở mỗi tiểu bang cũng có những vé đi về trong lãnh thổ tiểu bang, trong một ngày, cũng cho 5 người.

Thành phố Salzburg của nước Áo tôi nghe từ lâu nhưng chưa có dịp đến. Salzburg nằm cạnh ranh giới với nước Đức, góc đông nam. Một lần từ Đức đi thành phố Linz của Áo, xe có chạy ngoài xa lộ ngang qua ngoại thành của Salzburg, nhưng bận việc nên tôi không có thời giờ ghé vào thành phố.

Trên đường đến Linz, có những thảm cỏ bao la. Rất ngạc nhiên khi lần đầu thấy những con hươu, con nai nhỏ gặm cỏ thành thoi bên dòng đường xa lộ đầy xe. Ở Đức không có thấy cảnh này. Trông những con vật hình như không biết sợ xe, sợ người. Hình

ảnh vài con hươu đứng gặm cỏ dưới bầu trời xanh, hoặc đang nhìn ngơ ngác những chiếc xe chạy trên đường, xa xa là rặng núi Alpen, tôi thấy được cả sự yên bình của nước Áo. Trong hồn tự nhiên lâng lâng niềm an ổn, quên đi nơi đây là đất nước nổi tiếng vì tuyết, vì lạnh, vì có ngọn núi cao và trùng trùng điệp điệp những hàng núi đan khít nhau, ngọn cao ngất ngưởng. Cho tị nạn ở đây chắc... chết vì lạnh! Trên chót vót của những ngọn núi cao này, dù mùa hè nhưng vẫn còn tuyết đóng trắng. Ai đi bằng đường xe hơi từ Đức ngang thành phố Innsbruck đi về hướng Venedig của Ý sẽ thấy cảnh này. Nếu Thụy Sĩ có vẻ đẹp nhờ hồ và những con thiên nga, thì ở Áo lại có vẻ đẹp khác từ hai vùng. Một vùng nhờ bình nguyên đồng cỏ và những chú hươu nai, và một vùng nhờ những ngọn núi cao trong dãy Alpen đầy tuyết.

Ngày đi từ Ý về Đức ngang Áo của những năm trước gặp cơn mưa mùa hè nhỏ nhưng đủ làm áo ướt, thì tháng trước khi đến Salzburg sau cơn nắng nóng tôi cũng chịu cơn mưa hè nhỏ đủ tưới tẩm trên lá cây và vườn hoa Mirabellgarten trong thành phố.

Salzburg đẹp có lẽ nhờ dòng sông Salzach chảy ngang qua thành phố và dãy núi chạy dọc sông. Với tôi, nhà ở Salzburg cũng vậy thôi. Những lâu đài cổ ở đây cũng vậy thôi, cũng giống những lâu đài ở miền nam nước Đức, cũng ngất ngưởng trên đồi núi cao. Cũng người người đi bộ, đi xe kéo, lục đục từ dưới đi lên để thăm viếng lâu đài. Có sông và núi ở Salzburg là đẹp.

Người viết thích nhất là dòng sông và những băng ghế, thảm cỏ, dọc theo hai bên bờ. Đi bộ ở bờ bên này nhìn bờ bên kia là những đồi núi xanh, những lâu đài và những ngôi nhà được cất chơ vơ trên vách núi. Đi bên bờ bên kia nhìn bên này là những dãy nhà to lớn, những khách sạn, quán ăn và ngôi nhà thờ cổ. Không biết nhà của ông Mozart ở mé nào của dòng sông? Cứ cách vài trăm mét lại có một cây cầu bắc ngang sông cho khách qua lại.

Cứ phải "khen người chê mình" hoài cũng kỳ! Nhưng thú thật, dọc dòng sông nơi đây có những nơi vệ sinh công cộng mà sạch sẽ tôi không thể ngờ, chớ không như ngược lại: tôi đọc vài bài viết của những tác giả về Việt Nam, đi chơi những nơi có nhà nước đứng ra tổ chức kinh doanh, vậy mà vào toilette một lần ra là tởm đến già không dám mò vào lần nữa. Một lần đủ tởm! Còn ở Đức, những nơi công cộng, có nơi thật sạch thì cũng có nơi không được sạch lắm, nhưng không đến nỗi phải sợ mỗi khi cần đi!

Chúng tôi đi vào những con đường nhỏ trong thành phố. Cảnh bán buôn cũng giống như nước Đức. Có khác là hình như thỉnh thoảng bắt gặp một tượng hình ông Mozart. Lúc ở công viên, lúc đứng nơi trung tâm mua sắm giữa thành phố. Hình nhỏ gọn, màu đồng đen. Có thể nhờ tiếng tăm ông mà Salzburg có nhiều du khách đến thăm. Nhưng dù tài năng viết nhạc lầy lừng với thế giới như vậy nhưng trong phố, quê ông, tượng ông người ta cho dựng cũng nhỏ, cũng bình thường như một con người, không có nét gì là vĩ đại cả!

Đói bụng, chúng tôi vào một lần ở quán cóc bên đường, ăn xúc-xích Áo và uống bia. Bia nước Áo làm quá ngon, người bạn đi chung với tôi khen như vậy. Tôi cũng thấy vậy. Vợ chồng người chủ quán cóc người Áo vui vẻ với hai anh Á châu, dù chắc họ không lạ gì với những người đến từ Việt Nam, bởi Áo cũng có dân tị nạn. Mặc dù khác biệt về màu da, về ngôn ngữ nhưng họ đối xử rất thân thiện. Có thể là vì nghề nghiệp của họ nhưng vẫn để lại trong lòng người khách niềm vui và những "ấn tượng" lâu dài, không như vài hàng quán ở Hà Nội hôm nay, đọc những bài viết trên internet về các quán ăn, cách phục vụ người ta thấy hơi ối: *Muốn thêm tí nữa hả? Hãy về nhà mà ăn nhá! Cút! Xéo!*

Một lần chúng tôi vào quán người Thổ để ăn Kepab và cũng uống bia Áo. Bia Đức uống thường rồi. Đến Áo mới có dịp uống bia Áo. Bia có nhãn hiệu nền trắng chữ đỏ. Các bạn khi ở xa đến Áo du lịch thử uống bia này, coi có ngon không?

Vòng vòng trên đường phố khá lâu, chúng tôi tạt vào một quán cà phê nằm ở giữa phố, cạnh dòng sông. Quán cà phê đầy người. Những tà áo mùa hè của các thiếu nữ người Áo và những cô gái từ nước khác vào Salzburg du lịch. Quần áo đủ màu. Tiếc thay, nhìn không được lâu những màu sắc mang lại cho đời những sức sống đó, vì trời làm giông và cơn mưa hạ đổ xuống. Mọi người bật dù che, hay cuống quýt chạy núp dưới những tàn cây có những cành nhánh rậm để che mát con đường. Trời đang nắng, bỗng âm u và có mưa. Nhưng trên dòng sông chiếc tàu chở du khách cứ chậm rãi tiến bước. Tàu có mái che nên những dải nắng, những hạt mưa vẫn không làm hành khách trên tàu phải bận rộn. Họ yên tĩnh ngắm mây trời hoặc những hạt mưa sa xuống mặt sông trong ngày hè đang oi bức.

Gần ba mươi năm ở trời Âu. Vì ở miền nam nước Đức nên tôi có dịp đi nhiều ở những vùng Nam Âu, chưa có dịp nào đến Bắc Âu, ngoại trừ một lần đi đến một thành phố Đan Mạch, nằm cạnh biên

giới Đức. Tôi thấy các nước phía Nam Âu châu này mỗi nước có một vẻ đẹp riêng. Do trời đất tạo, nên họ có những khác biệt. Thụy Sĩ đẹp nhờ hồ, núi. Hồ ở Thụy Sĩ đẹp như một bức tranh. Mặt hồ phẳng lặng như mặt gương. Nhưng khi có một chiếc thuyền du lịch chạy qua thì mặt hồ rẽ ra hai làn sóng con con đều đặn ở hai bên thuyền. Đứng từ mũi thuyền mà nhìn mặt hồ phía sau thuyền, sau khi thuyền đã đi qua, giờ như một thân cây cho hai bên hai hàng nhánh cây mỏng đều đặn trên mặt nước. Nước Ý đẹp nhờ biển và nắng ấm. Nước Áo đẹp nhờ gì? Nhờ những rặng núi cao của dãy Alpen và những bình nguyên cỏ có hươu nai đứng ngơ ngác cạnh đường. Xứ Hy Lạp đẹp nhờ nhiều đảo nhỏ. Từ trên phi cơ nhìn xuống các hòn đảo cứ nối nhau thật ngoạn mục. Những đường viền màu trắng của sóng biển quanh đảo hiện rõ trong ánh nắng ban trưa. Mặt nước biển màu xanh dương trong trẻo với đủ loại thuyền tàu lớn bé đi về khắp mọi nơi trên biển. Xứ Hoà Lan có gió biển, những con đê đồ sộ và nghêu sò ốc hến đầy trên bãi biển. Tiệp Khắc có những đồng cỏ hoang và những cô gái mũ nhỏ gọn, đẹp. Còn Đức và Pháp ắt cũng có những cái đẹp. Người Việt tị nạn ở Ý khi qua Đức họ khen Đức đẹp nhờ xa lộ, những rừng thông, rừng cây sồi cây dẻ và những lâu đài cổ. Còn Pháp đẹp chắc là ngoài những bãi biển dài đẹp họ còn có những thành phố nổi tiếng. Và nhất là Paris bao giờ cũng quyến rũ du khách trên khắp địa cầu này. Dòng sông Seine, tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn... là những thắng cảnh của Paris. Còn Việt Nam mình đẹp nhờ gì? Chắc nhờ bãi biển dài, những ngày hè mặt biển lóng lánh ánh nắng mặt trời. Nhờ núi non trùng điệp ở miền bắc và miền trung. Nhờ phù sa sông ngòi miền tây với những cánh đồng lúa vàng bắt tận.

Trên đường từ Salzburg trở về nhà, ánh nắng chiều óng ả rải xuống những cánh đồng dưới rặng Alpen. Mặt cánh đồng uốn lượn như những triền sóng trên mặt biển ngày tôi đi vượt biên. Mặt biển ngày ấy, khi ra gần đến hải phận, có màu xanh âm u buồn thảm. Hành trình còn xa với vợ, chưa biết ngày mai sẽ ra sao, khi chiếc ghe nhỏ nhoi đang chập chùng trên sóng nước, lúc đang thả neo để cho máy nghỉ ... Xe lửa đang chạy chậm chậm qua vùng miền đông nam nước Đức. Nhìn những đàn bò sữa xa xa đang cúi đầu gặm cỏ, trong ánh nắng chiều vàng nhạt, tôi nhớ lại cuốn truyện Sữa Mùa Thu (Herbstmilch) của tác giả nữ Anna Wimschneider. Đây chính là vùng mà tác giả, cũng là nhân vật chính trong truyện kể lại cuộc đời bà, nơi quê hương bà, trong những ngày trước và sau Thế Chiến Thứ Hai. Sinh ra và lớn lên trên một quê hương đầy băng tuyết, những ngày còn nhỏ trong mùa đông cũng phải đi về vài cây số để đến trường học và trở về nhà. Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ,

đã phải chịu cùng chung số phận với dân tộc quê hương, phải chia tay người tình là nông dân, để anh đi vào chiến trận, với nỗi mong chờ đêm ngày cho ngày trở lại khi chấm dứt chiến tranh. Kết thúc của câu chuyện rất có hậu. Sau chiến tranh anh đã trở về lành lặn, đám cưới, một mái gia đình, anh bỏ việc làm nông gia, vào làm trong nhà máy, có tiền hưu trí sau mười năm làm việc. Những quang cảnh tôi thấy và đọc trong phim, truyện Sữa Mùa Thu, bây giờ tôi đi ngang nó đây.

Tôi thật sự bàng hoàng trước cảnh đẹp của vùng này khi xe lửa chạy qua. Những cánh đồng cỏ màu xanh phẳng lì. Những cánh rừng thông đứng thẳng hàng, chụm lại từng khu, từng khu. Xa xa có vài ngôi nhà. Những khe suối chạy ngoằn ngoèo. Nếu nói giống "y chang" như một bức tranh vẽ thật không ngoa chút nào. Ở Âu châu có những hình ảnh đẹp như tranh! Những họa sĩ Việt Nam đang ở đâu? Chắc họ đang bận vẽ những mái tranh nghèo sống ven sông với đời người tạm bợ, ngật nghèo; những mẹ già da má nhăn nheo; những em nhỏ hai bàn chân không "lội" đi bán vé số suốt ngày trong thành phố. Hay họ vẽ những tay nhà giàu thời đổi mới đang học làm sang trong những sân quần vợt; quần vợt, áo "cá sấu", giày vớ trắng tinh, hay đang "chơi golf" trên những sân golf vừa lập ra rẫy đầy trên đất nước. Hay họ đang bận vẽ những cô gái vẫn còn còng lưng trên những cánh đồng để cấy cho xong những mảng lúa vàng, cây mang nặng hạt. Họ hãy đến đây để vẽ những cánh rừng thông, những đồng cỏ phẳng hoặc cánh đồng lúa chín bạt ngàn, mà nhiệm vụ gặt chỉ có 3 chiếc xe có cùng chung một nhiệm vụ cấy cày bừa gặt v. v... Một đất nước mà chỉ sau ngày chấm dứt chiến tranh khoảng 20 năm ai ai ở Việt Nam không nghe và biết đến "made in West Germany". Trông người mà nghĩ đến ta!

Hai đất nước, hai tình cảm, tôi cứ bị cảm tù trong cách suy nghĩ so sánh hết sức là... mệt! Tự nhủ lòng không để hận thù trải lên trang giấy, nhưng sự phân biệt rạch ròi phải trái tôi đã học được từ người Đức qua gần ba mươi năm ở xứ người, làm cho tôi không thể còn là người "sao cũng được" được. Chắc các bạn Việt Nam đang ở Đức cũng thấy vậy. Nhưng ở Việt Nam từ mấy chục năm trước cũng đã có những câu thơ "yêu cứ bảo là yêu, ghét cứ bảo là ghét ..." kia mà. Sự trùng hợp bao giờ cũng có, thời nào cũng có. Như mấy năm trước, trời ở Đức chỉ thấy "mưa ngẫu" như ở Huế, Hà Nội quê mình, thì nay, đang nắng, mây đen từ đâu kéo về, một đám mưa rào thật mạnh đổ xuống làm mờ mịt đất trời. Chốc lát trời lại khô rang, nắng lại lên. Y như những cơn mưa ở Sài Gòn. Khí hậu nước Đức bây giờ "hơi giống" Việt Nam rồi. Global hết rồi!

Gió mùa thu đã về. Trời gần cuối tháng tám đã có những buổi chiều hơi lạnh. Trước nhà, trên đường những chiếc lá đã rời cành, nằm rải trên đường. Cuộc sống cứ tuần hoàn. Vui hay buồn trước mỗi sự việc; dừng dưng hay thấy có lửa trong hồn trước mỗi hoàn cảnh chắc là tùy vào cách sống của mỗi cá nhân. Đó là Tự Do của mỗi con người.

Vũ Nam (Germany)



Tiếng Gọi Ngày Hè

*Mùa hè tháng bảy bạn qua đây
Trại dựng lều giăng tạm mấy ngày
Rả rích ve kêu nồng giấc ngủ
Rì rào gió thổi loãng cơn say
Thành thơ giữa cảnh thiên nhiên ấy
Thoải mái trong lòng với cỏ cây
Một khoảng trời thơ nhiều mộng đẹp
Đoàn viên mở hội tiệc sum vầy**

Y Thi - First Landing VAB – 07.27.19

* Truyện Kiều Nguyễn Du (Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy)

Đêm Ở Cape Hatteras

*Cuối buổi chiều hôm sẽ ghé qua
Giăng lều tạm nghỉ thay cho nhà
Đêm nay gió gọi vàng mây đến
Treo trên đỉnh đầu ánh trăng non...
Cỏ xanh ta lót giường em ngủ
Sóng biển dạt dào tựa lời ru
Sao trời rớt hạt đêm thanh vắng
Hải âu tìm đến chốn hoang vu...*

Y Thi - Cape Hatteras 07.06.19

NHỚ NGÀY THÁNG CŨ

Nghe tiếng đàn ai dạo phím tơ
Ngậm ngùi nuốt tiếc chuỗi ngày mơ
Sông xa thuyền giặt chưa về bến
Chồn cũ người đi đã khuất bờ
Một cõi hồn hoang sầu lắng đọng
Hai hàng cây lặng đứng chờ vợ
Bao mùa tiếp nối gây thương nhớ
Để khách phong trần nặng với thơ

Thơ vẫn theo từng bước viễn phương
Nửa vòng trái đất, mấy trùng dương
Chẳng quên áo trận thời chinh chiến
Và nhớ sân chơi chốn học đường
Có kẻ tha hương sầu mắt nước
Hận ngày lịch sử giờ sang chương
Ba mươi năm lẻ còn luân lạc
Mái tóc xanh giờ đã điểm sương

Sương đêm hiu hắt lạnh lòng rơi
Nhớ cảnh càng thêm chạnh nhớ người
Tâm sự mệnh mang trầm lắng xuống
Giòng đời nghiệt ngã lặng lờ trôi
Ôi hình ảnh cũ còn nguyên vẹn
Mà ý thơ suông khéo vẽ vơi
Lòng đã bao lần như muốn hỏi
Sao còn biền biệt cách đôi nơi ?

Nơi ấy ra đi tận xứ này
Nào ai cùng nhấp chút men say
Đồng tâm thuở trước còn bao kẻ?
Tri kỷ bây giờ được mấy tay?
Thân phận lưu vong nhòa mắt lệ
Tình người lữ thứ giặt bèo mây
Tranh danh, đoạt lợi cùng xấu xí
Thì cảnh đoàn viên chẳng đến ngày

Ngày xưa... cùng đứng dưới cờ vàng
Khởi lửa tôi bởi lúc hạ sang
Đã chẳng sá gì bom đạn nổ
Nào còn quản ngại nắng mưa dang
Bình hùng nên nổi khi tàn cuộc
Tướng giỏi vì đâu phải rã hàng
Đất nước thanh bình, ôi thống nhất!
Dân lành thống khổ khắp thôn trang

Trang thơ viết vội lúc chong đèn
Thơ viết chưa rồi, dạ chẳng yên
Ý vẫn rạc rời toan gác bút
Lời càng chua xót để sầu nghiên
Phương xa vơi vợi chìm tăm cá
Chồn cũ cơ hồ bật dẫu quyền
Biết đến bao giờ ta trở lại
Tìm trong giấc mộng cũng hư huyền

Huyền hoặc bao lời nói, cũng nghe
Người đi lẩm kè đã quay về
Nương thân tị nạn còn say đắm
Quên kiếp dân lành vẫn thâm thê
Nhìn giặc tham tàn trên khắp cõi
Mặc ai điều đứng đứ trăm bề
Đổi đời, mục tử lên ngôi chủ
Dép lỏp tha hồ dẫm nát què

Quê vẫn là quê lúc tuổi hoa
Những ngày tháng cũ đã lùi xa
Thu sang chớm có hơi may thổi
Đông đến đâu nhìn sương tuyết pha
Đón hạ nở bùng bao cánh phượng
Vui xuân thường ngoạn mấy tranh gà
Bạn bè ai mất, ai còn nhỉ?
Vó ngựa thời gian vụt lướt qua

Qua rồi kỷ niệm thuở xuân xanh
Như thể song thừa gió lọt màn
Đã chẳng đi xa tìm gác tía
Sao đành quên lúc ở chòi tranh
Dấu đem thân nợ vùi chân ẩm
Vẫn nhớ năm nào ngủ chiếu manh
Khúc nhạc ly hương buồn bã thế?
Cho lòng xao động giữa đêm thanh

Thanh vắng từng đêm ở xứ người
Bao giờ mới thấy ánh xuân tươi
Những năm luân lạc sầu khôn dứt
Một thuở lưu đày hận khó vơi
Ai vẫn đợi chờ trên bến nước
Ta đang phiêu bạt ở bên trời
Gửi niềm tâm sự qua trang giấy
Nghe nổi u hoài chợt réo sôi.

Nguyễn Kinh Bắc

(Massachusetts, USA – 2010)

CHUYẾN TÀU “283+2”

** VŨU VĂN TÂM (Germany) **



Tháng tư năm 1982, sau đợt cứu vớt người vượt biển, tàu Cap Anamur quay về Palawan như đã hẹn từ trước. Lần đó, ông Wangnick - vị thuyền trưởng gặp ít nhiều trở ngại, vì trại đã quá đông thuyền nhân. Nhưng cuối cùng, chính quyền trên đảo vẫn cho phép số người của năm chiếc ghe được vớt đầu tiên và một số hoàn cảnh đặc biệt như già yếu, bệnh tật và trẻ nhỏ được nhập trại. Sau đó, ông cho tàu rời bến để có thể tiếp tục cuộc hành trình. Thời tiết lúc ấy sóng yên biển lặng nên số người vượt biển gia tăng và cũng được cứu nguy kịp thời. Tổng cộng số người cũ và mới: 283 người!

Khi trở lại Palawan lần thứ hai, ông phải đối phó với cái khó khăn còn hơn lần trước nữa. Chính quyền sở tại không cho thuyền nhân nhập trại vì họ chưa nhận được tiền từ Cao Ủy Tị Nạn. Sau cuộc thương thuyết không mang lại kết quả khả quan nào, tàu âm thầm nhổ neo và chuyển hướng Singapore. Khi đến nơi, thuyền nhân cũng không được phép lên bờ vì trại không còn chỗ! Ông Wangnick phải đích thân bay từ Singapore về Tây-Đức để xin phép chính quyền bên ấy. Một tuần sau, ông quay trở lại cũng là lúc tàu rời hải cảng Singapore.

Sau ba ngày đêm rong ruổi, ông mới thông báo cho các thuyền nhân được biết:

- Chúng ta đang trên đường về Tây Đức. Như mọi người đã thấy, không còn một trại tị nạn Đông Nam Á nào chịu nhận thêm thuyền nhân Việt-Nam nữa. Đây là giải pháp cuối cùng của tôi sau khi đã

bàn bạc với các y bác sĩ cũng như sau khi xin được phép từ chính quyền bên Tây-Đức!

Ngay sau đó, không khí trên tàu “nổi sóng”. Rất nhiều các thuyền nhân đã lớn tiếng và nặng lời chê trách:

- Chúng tôi không muốn đi Tây Đức, chúng tôi chỉ muốn đi Mỹ!
- Chúng tôi thà chết chứ không đi Tây-Đức!
- Hãy thả chúng tôi xuống một hòn đảo nào đó trong vùng Đông-Nam-Á hay một hoang đảo để chúng tôi được đi Mỹ!

Họ là những sĩ quan trong chính phủ VNCH, họ là vị bác sĩ thuyền nhân tự nguyện làm thông dịch trên tàu, họ đã từng có thời gian đi du học trên xứ người. Họ dùng Anh ngữ cũng như Pháp ngữ để “chất vấn” vị thuyền trưởng và phái đoàn y bác sĩ với thái độ thiếu lịch sự và những ngôn từ kém nhã nhặn. Những người không biết sinh ngữ cũng hăm hở góp tiếng và la ó bằng tiếng Việt để góp tiếng chung với các vị kia:

- Hãy dừng tàu lại cho chúng tôi nhảy xuống!

Trước đó không bao lâu, họ mới vừa được cứu vớt từ cõi chết và giờ đây, họ quay lại đay nghiến và khó dễ những ân nhân của mình! Tôi bùi ngùi nhớ đến câu ngạn ngữ đã được học từ lớp vỡ lòng: “cứu vạt vạt trả ơn, cứu nhân nhân trả oán”!

Hơn 30 năm đã trôi qua, nhưng trong tôi vẫn chưa hề quên được đôi mắt đỏ ngầu của vị thuyền trưởng cũng như gương mặt buồn bã và thất vọng tột cùng của phái đoàn y bác sĩ và thủy thủ trên tàu ngày ấy ! Một đại diện trong họ đã ôn tồn nói:

- Chúng tôi đã cứu vớt được hàng trăm chiếc ghe vượt biển từ Việt-Nam. Chúng tôi đã giành lại trong tay thần chết chín, mười ngàn sinh mạng, nhưng đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp phải hoàn cảnh “trái ngang” này! Theo luật hàng hải quốc tế cũng như tình đồng loại, chúng tôi không thể nào trả quý vị về một đảo hoang nào đó, sau khi đã khó công cứu được quý vị thoát khỏi ranh giới giữa hai bờ sanh tử. Chúng tôi không làm được như vậy, mong quý vị hiểu và thông cảm cho. Khó khăn lắm ngài thuyền trưởng mới xin được chính quyền bên ấy cho phép đưa một lượt mấy trăm người về Tây-Đức!

Đọc đường, hai em bé sơ sinh được chào đời khỏe mạnh trong sự ân cần chăm sóc của các y bác sĩ trên tàu. Sĩ số thuyền nhân tăng lên 285 người. Lúc đi ngang kinh đào Suez chúng tôi không được phép ở trên boong vì nơi đó đang xảy ra “chiến tranh vùng vịnh”. Nằm dưới sàn tàu mà tôi hồi tưởng lại những giờ học Địa-Lý năm xưa. Tôi cũng không ngờ được rằng trong cuộc đời mình lại có

ơ hội đi ngang chôn này, giống như một giấc mơ bước ra từ trong sách vở. Ngày xưa, tôi chỉ có thể tưởng tượng nơi này qua tấm bản đồ thế giới treo trong lớp học cũng như qua những lời giảng dạy của các thầy cô. Ngày nay, tôi được hồi sinh từ lòng nhân đạo của hội Cap Anamur và tấm lòng bác ái của nước Tây Đức và các nước phương Tây.

Trên đường từ hải cảng Singapore về Tây-Đức, chúng tôi lênh đênh trên biển đúng một tháng trời. Tháng 7 năm 1982, tàu cập bến cảng Hamburg. 285 người được chia đều ra trên 12 tiểu bang nước Tây-Đức[1]

Đó cũng là chuyến ra khơi cuối cùng của con tàu Cap Anamur I [2]

36 năm lặng lẽ trôi nhanh, tóc tôi đã phôi phai màu sương khói. Con cái tôi đã học hành thành tài và trở thành người hữu ích trong xã hội. Tôi mang ơn đất nước này đã cho gia đình tôi một cuộc sống tự do, hạnh phúc. Tôi nhớ đến mấy tháng trời tạm dung trên chiếc tàu cứu mạng Cap Anamur. Tôi nhớ lắm những chuyện vui buồn, cười ra nước mắt, giống như chỉ mới hôm qua, như chỉ mới hôm nào. Tôi bù ngùi nhớ đến vị thuyền trưởng tốt bụng năm xưa - cho dù ông đã đi xa lắm rồi, cũng như phái đoàn y bác sĩ ngày ấy đã cứu vớt và hết lòng chăm sóc chúng tôi thoát khỏi lưỡi hái tử thần cũng như bàn tay bọn hải tặc tàn hung. Tôi biết, dù có dùng lời lẽ hoa mỹ nào tôi cũng không thể nói hết tấm lòng biết ơn vô hạn này. Trong cuộc sống, tôi chỉ biết cố gắng để làm người tử tế, giống như ngày ra đi, ba tôi đã bảo:

“Dù đi đến đâu, con cũng phải ráng sống cho tử tế!”

VUU VĂN TÂM (Germany - 28.05.2018)

[1] Vì phải tiếp nhận 285 người một lúc nên chính phủ Đức đã hoãn lại những chuyến định cư của tất cả các thuyền nhân đã được tàu Cap Anamur cứu vớt trước đó và đang sống nơi trại tạm cư Palawan và Bataan. Họ phải chờ từ 14 đến 18 tháng mới đến lượt lên đường đi Tây-Đức!

[2] Sau đó ít lâu, tàu Cap Anamur II được ra đời và hoạt động trong một thời gian khá ngắn ngủi!

KIỆP PHÙ SINH

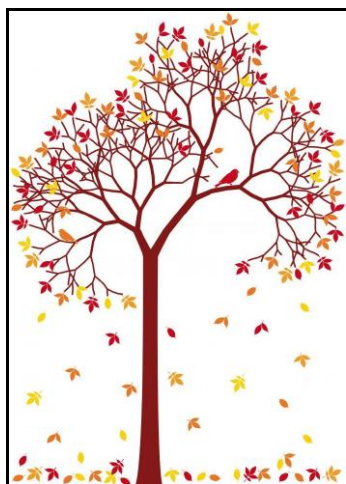
Một ly này nữa thôi Em nhé,
Là phút chia tay cũng tới rồi
Mai một chắc gì còn gặp lại
Đời người như chiếc lá thu rơi.

Buổi tiệc vui nào rồi cũng hết,
Cuộc Tình nào cũng phải chia tan
Chữ KHÔNG đã có trong Vô Thức
Thôi tiếc làm chi chút mộng tàn.

Chiếc lá mùa thu đến tuổi về,
Một cơn gió nhẹ cũng bay đi
Ta như chiếc lá mùa thu ấy
Ôi kiếp Phù Sinh có nghĩa gì!

Một ly này nữa thôi Em nhé,
Đừng luyến lưu chi để khổ sầu
Đã biết đời người là thế đó
Thì Tình xin Đẹp đến mai sau...

Hoa Vãn



PHẢN BỤI TRẦN AI

(*Thân tặng các Anh: PvT, TqB, NpL
và PaD. – HV*)

Tôi mãi tìm tôi trong bóng ai,
Tình thơ duyên bút giấc mơ dài
Trăm năm chưa hết sầu nhân thế
Phấn bụi hồng trần nặng trĩu vai.

Tôi mãi tìm tôi trong bóng ai,
Bỗng dưng thân thế ần u hoài
Nghe đời đầy ắp tình thương cảm
Còn mãi trong lòng chẳng nhạt phai.

Tôi vẫn tìm tôi trong bóng ai,
Tình Em như ngọc lúc ban mai
Long lanh trong nắng bùng tâm thức
Em trái tim tôi mãi tuyệt vời.

Tôi vẫn tìm tôi trong bóng ai,
Hỡi Em yêu dấu tóc buông dài
Đã hương trầm toả vàng mơ ước
Giữa cõi thơ hồng những sớm mai.

Tôi vẫn tìm tôi trong bóng ai,
Như tình trong nắng đẹp sương mai
Như đời lên mộng từng con chữ
Vẫn đẹp tình xa vẫn miệt mài...

Hoa Vãn

(Virginia, USA - 7/23/2019)

SỚM MAI LÊN PHỐ MÂY HỒNG

Thơ : *Tuệ Nga*
Nhạc : *Vinh Điện*

Boston ♩ 02



Còn tôi với khối sầu dài. Là tôi hệ lụy, là người đa đoan. Ốc



trong hải đảo lạng cãm. Tôi trong thao thức âm thầm nỗi tôi. Sáu mươi



năm, Giác mơ đời. Sáu mươi tuổi lẻ mây trôi hững hờ. Chút gì tôi gửi trong



Thơ. Phải Chùm Mây Nổi bên bờ Hư không. Chút gì tôi giữ trong



lòng. Giọt sương trên những cánh Hồng mùa xa. Tôi trong Cõi Nhỏ nhạt



nhòa. Tôi trong Cõi Thức xót xa thơ dề... Một đời nghiệp chướng u



mê. Gọi Thơ tri kỷ, bốn bề tịnh không. Sớm Mai Lên Phố Mây



Hồng. Suối nguồn Bát Nhã, Tráng dòng Hoa Nghiêm. Chẳng còn hệ lụy ưu
 phiền. Lại nghe Chim hót một miền thanh phong. Nâng lung linh, Hồ tĩnh
 trong. Suối Hoa bát ngát, Xanh dòng Huyền Vi... Tưởng như trời biển thăm
 thì. Kinh vô ngôn đẹp lối về Giác Hoa. Không còn Thơ, Chẳng còn
 ta! Tĩnh Không như huyền... la đá khói sương... Bút nào Viết Chữ Vô
 Thường. Bút nào Gọi Gió Muội Phương góp vãn. Chợt
 nghe lắng Phím Đàn Tâm, Nửa Cung Tài Mệnh, mấy Vân Thơ Hoa. Mệnh
 Mang Một Giải Ngân Hà... Mệnh Mang Một Giải Ngân Hà...

Mời nghe **Hương Giang** hát: **SỚM MAI LÊN PHỐ MÂY HỒNG**
 Thơ: **Tuệ Nga** – Phổ nhạc: **Vĩnh Điện** (Pennsylvania, USA)

<https://www.youtube.com/watch?v=B2pnMY1zR8g>



VU LAN NHỚ MẸ

Vu Lan lễ hội từng bừng
Tưởng nhớ tới mẹ
tận cùng sót thương
Ô hay! Cái lý vô thường!
Cớ sao con mãi vấn vương dạ sầu
Khắc ghi dáng mẹ ăn sâu
Lời khuyên hiền mẫu
tìm đâu bây giờ
Thong dong bóng mẹ mờ mờ
Lúc hiện lúc khuất mơ hồ lao xao
Tính tình hiền hậu hôm nao
Mẹ từng khuyên dạy
con nào dám quên
Vu Lan Báo Hiếu kể bên
Mẹ về trong giấc ngủ yên hiền hòa
Nước da bóng mượt lụa là
Tóc trần mẹ vấn hài hòa thanh xuân
Hàm răng đen nhánh tuyết trần
Môi trầu thắm đậm
bội phần tặng duyên
Bạn bè xưa vẫn thường khen
Mẹ như con gái đầu tiên trong nhà
Bố thương mẹ tính thiệt thà
Cần kiệm, chu đáo
việc nhà ngoài trong
Cơm nước, dọn dẹp hết lòng
Mẹ nhanh thoăn thoắt
chớ hồng than van

Đất Thanh lánh nạn gian nan
Gia đình nương náu
muôn vàn đắng cay
Cơm ăn áo mặc hằng ngày
Đều do tay mẹ no đầy tháng năm
Những đêm trời rét căm căm
Thiếu chăn thiếu áo mẹ nằm co ro
Xác thân ốm yếu gầy gò
Tảo tần lận lội thân cò bờ sông
Yêu chồng một dạ chiều chồng
Thương con mẹ vẫn
một lòng lo toan
Mẹ tôi vốn dĩ đảm đang
Hai vai gánh vác
giang san bên chồng
Hàm Rỗng tháng lạnh mùa đông
Quán ăn Tô Hiệu ven sông thuở nào
Mẹ tôi đứng mũi chịu sào
Biết bao khó nhọc
mẹ nào quên công
Hôm nay lễ hội “Bông Hồng”
Tưởng nhớ đến mẹ
đôi dòng kính yêu

Mẹ ơi ... Con nhớ mẹ nhiều.

Ỡ Nguyễn (Maryland, USA)

Mùa Vu Lan Báo Hiếu 2019



VỀ ĐÀU CHIẾC BẮC NGÀY XƯA?

** Đoàn Xuân Thu (Melbourne, Australia) **

Thuở xưa Trấn Di, tức Cần Thơ, thuộc tỉnh Vĩnh Long, một trong Lục tỉnh Nam Kỳ, bên kia bờ sông Hậu, hãy còn nê địa sinh lầy. Từ Miệt Trên xuống, muốn qua bên đó, vượt sông bằng ghe bầu, ghe chài hay từ những bến đò ngang vắng vẻ ở miệt Trà Ôn, Cái Vồn, Tân Quới, Tân Lược.

Nhà văn Sơn Nam đã làm thơ: “Trong khói sóng mênh mông. Có bóng người vô danh. Từ bên này sông Tiền. Qua bên kia sông Hậu. Mang theo chiếc độc huyền. Điệu thơ Lục Vân Tiên...” Tui e rằng ông bà mình từ Miệt Trên xuống Miệt Dưới khẩn hoang, mở đất mà chỉ mang theo đờn độc huyền để nói thơ Lục Vân Tiên, trong túi lại hồng có tiền, thì muốn qua sông chắc phải xin ‘quá giang’ (chùa) quá ta!

Rồi Tây cho phóng lộ trải đá, từ Sài Gòn đi Cần Thơ, Rạch Giá vào năm 1915. Khoảng năm 1918, chiếc Bắc (Bac, tiếng Pháp, nghĩa là đò ngang) đầu tiên, nối những bờ xa, chỉ đơn sơ, bé mọn trên dòng sông mênh mông, vàng quạch phù sa như màu của chè sương sa mình ăn hồi nhỏ vậy! Bắc Cần Thơ ngang sông Hậu dài 1,840m, trong đó, phía Cần Thơ, cầu Bắc tại Cái Khế, phía Vĩnh Long, cầu Bắc tại Cái Vồn, quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Chiếc Bắc đầu tiên ấy nhỏ xíu, chỉ có một đầu, chở được vài chục người với chiếc xe mui rùa của quan Tây mũi lõ. Chạy bằng máy hơi nước, có nồi súp de, chụm bằng những cây tràm to cỡ cườm chân. (Hồi đó, tướng Hòa Hảo, Trần Văn Soái (1889-1961) biệt danh là Năm Lửa, vì chuyên môn chụm lửa).

Mỗi lần Bắc cập bến, từng chiếc xe xuống ponton (phao nổi), bốn nhân viên dùng tay quay bàn cầu, có hình chữ thập, sao cho đúng vị trí mỏ Bắc để xe de xuống. Lúc cập phía bên kia, xe chạy thẳng lên bờ mà khỏi phải quay đầu.

Tài công của chiếc Bắc ngồi trong buồng lái trên cao cho dễ quan sát thuyền bè qua lại hay lúc cập vào bờ. Còn thợ máy phải làm việc dưới hầm tối om om để chạy máy. Mỗi lần nghe tài công giựt dây, chuông kêu leng keng, thì căn theo tiếng keng, thợ máy nắm cây ‘càn’ giảm tốc độ để Bắc từ từ rấp vào gờ phao nổi.

Năm 1946, Bắc Cần Thơ chỉ có 6 chiếc loại nhỏ, mui trần, mỗi chiếc chở được hai chiếc xe đò. Trên mỗi chiếc Bắc thường có 6 nhân viên phục vụ, thời gian Bắc chạy chỉ từ 4 giờ sáng đến 10 giờ đêm mỗi ngày. Dần dần, máy hơi nước cỡ lỗ sĩ được thay bằng máy chạy dầu diesel. Mãi đến những năm đầu thập niên 1960, mới có Bắc 25 tấn, 30 tấn, ghé được hai đầu, cuối cùng thêm được bảy chiếc 100 tấn chở được nhiều hơn, tới cả chục chiếc xe lớn nhỏ, và

cả hàng trăm hành khách qua sông một lần. Việc đi lại, qua sông thì phải lụy đò của người đồng bằng đã bớt nhiều khê.

Từ năm 1965 trở đi, chiến sự trở nên ác liệt, Cần Thơ thành Tây Đô, thủ phủ của vùng Châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long, nơi đặt bản doanh của Quân đoàn 4 và Quân khu 4. Xe quân vận ngày nào cũng ào ạt, chuyển quân hay tiếp tế đạn dược ra chiến trường nên Cần Thơ có thêm vài chiếc Bắc chỉ dành riêng cho quân đội.

Sau 75, những chiếc Bắc ngày xưa giờ máy móc dần cũ kỹ, không có phụ tùng thay thế, đèn đuốc không đủ, dầu nhớt cũng không, xăng dầu khan hiếm phải nằm ụ. Chiếc nào còn lết lết được thì mùa nước đổ nước sông chảy xiết dữ dần, có lúc vượt sông phải mất tới cả tiếng đồng hồ. Một tài công, sau 75 còn được lưu dụng, ('dung' chớ hồng phải 'dụng' nhe thầy cò) than thở nghe thấy thương luôn: Lần nọ, Bắc chỉ còn cách bến 50m thôi mà cứ loay hoay hoài, lên ga miết rồi mà nó vẫn ì ạch không cập bến được. Buộc lòng phải chạy sát vào bờ, nơi nước ít chảy. Cập bến được mất cả nửa tiếng đồng hồ, hành khách liếc nửa con mắt nhìn lên 'cabin', làm bầm: "Tài công khùng!" Ngay cả cồn cát do phù sa bồi lắng, nổi lên cạnh bến cũ phía Cần Thơ cũng thiếu phương tiện nạo vét. Mỗi lần nước ròng, Bắc phải chạy né, vòng xa lên bên trên do sợ mắc cạn! Bà con hành khách không thông cảm, lại xì xẹt: "Chạy kiêu gì vậy cha nội?" "Tài công bị dân chửi như cơm bữa, ngày nào mà hồng nghe chửi bới là về ăn cơm không có ngon!"

Sau 10 năm ngấn sông cấm chợ theo sáng kiến của nhà thơ (Tố Hữu), đầy mộng mơ, lại khoái đi làm kinh tế làm dân 'kinh đến thế' Đáp lại lời khẩn thiết: "Chào ông đi qua, chào bà đi lại!" Đan Mạch cho hai chiếc Bắc tải trọng tới 200 tấn! Một cho Bắc Mỹ Thuận và một cho Bắc Cần Thơ vào năm 1998 để 'bến phà ta', qua cơn thất ngạt. Xưa qua sông mất cả tiếng đồng hồ, giờ chỉ còn 15, 20 phút. (Chiếc Bắc, tiếng Tây thực dân, bà con Lục tỉnh Nam Kỳ mình quen xài xưa giờ, bị đổi thành 'Phà' để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?)



Lần này một cựu thù, Quân phiệt Nhật, cho tiền xây cái cầu Cần Thơ dài gần 3 cây số để thay cho cầu Bắc ngày xưa. Tháng Ba, năm 2010, cầu Cần Thơ nối liền đôi bờ sông Hậu đã xây xong. Dân, đa số, là vui mừng vui quá vui, nên xô tiếng Nhật là: "Arigatou

gozaimasu” tức ‘méc xi bố cu’ cái thằng Nhựt Bồn. Trái lại, cũng có người xưa giờ sống nhờ vào cầu Bắc để kiếm cơm hàng ngày lại buồn! “Từ ngày có cầu, tụi tôi đâu biết làm gì ngoài chuyện làm thính!”

Trong ánh nắng hiu hắt buổi chiều, Bến Bắc Bình Minh, phía Vĩnh Long, khi xưa lúc nào cũng đông nghẹt người và xe, tắt bật suốt ngày đêm... thì nay là một xóm nhà heo hút với những hàng quán cũ trôi vào đìu hiu hoang phế! Ôi! Bà con mình đã từng bán cơm dĩa, trà đá, bán cóc, ổi, mía ghim, bắp luộc, vé số... giờ biến mất vào cõi mịt mờ.

Bao nhiêu tình mộng, ‘anh đi mau kéo trễ chuyến phà đêm qua Bến Bắc Cần Thơ’, ngang qua bến sông này để dạt về Mũi Cà Mau, qua đường sông Ông Đốc tìm đường vượt biển, giờ cũng đã chìm vào miền viễn!

Tui nhớ em bán bắp luộc: em Ba người Chợ Bà, Tân Lược đã dúi vào tay tui chục bắp còn nóng hổi! “Anh đem theo xuống thuyền cặp đờ, để đừng bị say sóng... Tới đảo là nhớ tới em nhe!” “Ngày đi, em đưa tui qua đò chiều, em hứa bao điều mãi đợi chờ nhau. Nhưng mà sao em lại quên?”

Em không chờ tui ngày trở lại, mà đi ụng đại cái thằng Hai Gà lôi, chạy xe lôi Bình Minh Tân Lược... “Để con đò buồn hiu quạnh bến quê. Chẳng còn ai nhớ mong mình về?”

Thưa xa quê đã lâu, đêm cuối năm, tui nhớ về em Ba Chợ Bà mà tình đã dờ dang, tui lại nhớ: “Tới Bắc Cần Thơ rồi, bà con xuống xe đi bộ, qua Bắc”.

Tui nhớ em Ba, nhớ nhà, nhớ người chiến hữu thương binh mù đôi mắt, bàn tay mất cả năm ngón, chỉ còn lại cái cánh tay, mà bác sĩ quân y Mỹ nó ráng mổ, chẻ đầu xương ra làm hai để anh có thể gắp vào cái lon sữa bò đựng tiền xin được khi hát rong ngày ngày trên chiếc Bắc qua sông.

“Phà Cần Thơ! Vậy là xong! Chỉ còn con sông! Chiếc phà xưa đã đi vào lịch sử! Không còn phà! Không còn mỗ bàn đờ! Không còn cả ponton! Không còn đèn pha... mù mù tối. Không còn ai bước vội. Cho kịp chuyến phà đêm!

Không còn người nghệ sĩ mù trên chiếc phà năm cũ. Cây đàn ghi ta phím lõm và cái nhịp song lang. Không còn “Xuân này con không về.”

Cần Thơ cất cầu nhưng rầu cho chiếc Bắc. Ruột thắt với lòng đau. Cầu Bắc xưa sẽ nằm trong ký ức. Xa xứ về! Chiếc phà cũ giờ đâu?”

đoàn xuân thu (Melbourne, Australia)

EM CÓ NGHE ...

Ôi Em, hỡi Em
Em có nghe
Riu riu trong Em
Dòng máu đỏ
Róc rách len qua từng mạch nhỏ
Lên hồn
Tắm sáng
Sớm trưa chiều
Từng sợi ý
Mênh mang ?!

Ôi Em, hỡi Em
Em có nghe
Khí quản
Phập phồng hơi thở ấm
Chở vào tim
Tình mộng
Nâng lòng Em
Lớn rộng vô biên ?!

Em có nghe
Màu nắng thủy tinh
Tuôn vào Em
Đôi mắt sáng
Mắt tròn xoe
Thần thoại sao đêm
Chuyện ngày xưa cổ tích
Rủ rê về
Sáng soi

Màu ngọc bích
Dung nhan ?!
Em có nghe
Từ từng cao vời vợi
Hương từng trời
Vào ướp tóc Em thơm
Tóc tha thướt
Như chùm tia nắng sớm
Sáng lòng anh
Lòng Em
Và sáng cả chung quanh ?!

Ôi Em, hỡi Em
Em có nghe
Tình anh
Vời vợi
Vào trong Em
Nắng mới
Mưa hồng
Kết tinh lời vũ trụ
Nâng tình Em
Bay bổng
Đến
Vô cùng !?

Nguyễn Thùy
France



ĐOÀN KẾT TRONG TRUYỆN TAM QUỐC

**** Trịnh Bình An ****

Lời ngỏ: Khi được hỏi "Đoàn Kết là gì?" thì hầu như ai cũng biết Đoàn Kết 團結 là sự hợp lại với nhau của một nhóm người nhằm đạt được một mục tiêu nào đó. Do vậy một nhóm bạn hợp nhau để cùng đi chơi thì không được gọi là đoàn kết, chỉ khi nào họ hợp với nhau để cùng làm một việc khá khó khăn thì mới là đoàn kết.

Trong tác phẩm "Tam Quốc Diễn Nghĩa", so với hai nước Ngụy và Ngô, Thục là nước nhỏ nhất và yếu nhất. Tới khi Tào Tháo và Tôn Quyền vửng vàng với đất rộng sông dài thì Lưu Bị cùng nhóm người của ông vẫn còn lang thang không chốn dung thân. Thế nhưng cuối cùng, nhóm người nhỏ bé ấy vẫn hùng cứ một phương, cũng làm nên kỳ tích. Nhờ đâu họ được như thế? Tiểu luận này xét đến khía cạnh đoàn kết của nhóm Lưu Bị, ở đó có những cá nhân chấp nhận dẹp bỏ "cái tôi" để thực hiện mục đích chung. (TBA)

Lưu Bị cảm thấy đầu nhức như búa bổ...

Đạo này ông thấy tinh thần sa sút. Kể từ ngày khởi quân, chưa lúc nào ông thấy bất an đến thế. Tình hình thật nguy nan, Tân Dã chỉ là một vùng hẻo lánh nghèo nàn, không thể là nơi trú ẩn lâu dài. Nhưng đó vẫn chưa phải là điều làm Lưu Bị lo lắng. Cái làm ông lo nhất là tình hình quân cơ, tình hình nhân sự trong nhóm người của ông.

Kể từ khi Lưu Quan Trương kết nghĩa vườn đào, lúc này là lúc có nguy cơ rạn vỡ nhất. Dĩ nhiên trong bọn họ vẫn thường xảy ra những lúc không đồng ý với nhau, thậm chí cãi vã to tiếng. Trương Phi tánh nóng như lửa, đụng chút là thượng cẳng chân hạ cẳng tay, lại là cái hũ rượu, rượu vào thành ẩu xị. Còn Quan Vũ tuy nghĩa khí hơn người, nhưng quá cứng nhắc, cái chiếu trải không ngay không ngồi, chuyện gì không đồng ý thì phải thuyết phục mướn mồ hôi mới nghe thủng.

May còn có Triệu Vân!

Nghĩ tới Triệu Vân, Lưu Bị bỗng dưng cảm thấy khoan khoái! Quả là một trang hảo hán trí dũng song toàn. Lưu Bị không bao giờ hết kinh ngạc ông may mắn có được một chiến hữu tài giỏi như Triệu Tử Long.

Nhớ lúc đi phó hội bị Thái Mạo tìm cách ám toán. May nhờ Y Tịch vốn ái mộ nên ngầm báo cho biết, Lưu Bị mượn cơ đi thay áo rồi ra ngoài cõi ngựa bỏ chạy. Đến bờ sông Đàn Khê không có cầu, cũng không có thuyền, tưởng đã bỏ mạng, ngờ đâu con Địch Lô nghe ông than bồng soái vó phóng một cái qua bờ sông bên kia. Thật hù vía!

Triệu Vân cùng đi với Lưu Bị nhưng bị mời qua tiệc khác. Khi quay trở lại không thấy chủ tướng, lo lắng, hỏi thăm. Thấy người ta trả lời loanh quanh, Triệu Vân không nói gì, lảng lảng đi vòng quanh dò xét. Đến bờ sông, Triệu Vân thấy nhiều dấu chân ngựa. Có dấu chân còn in lõm sâu vào bờ đất ẩm, sâu đến mức làm đất chung quanh lở cả ra. Triệu Vân ngẫm nghĩ một hồi rồi ra về. Quả thật, Lưu Bị đã về trước.

Nếu như hôm đó không phải Triệu Vân mà là Trương hay Quan thì thôi rồi! Chỉ mới nghe qua loa vài câu hai người thế nào cũng vác thanh long đao, xà mâu kích ra phang loạn xạ. Triệu Vân thì khác hẳn, kiên nhẫn. biết quan sát, chịu khó suy nghĩ, không làm ẩu.

Cái tình huynh đệ kết nghĩa thật sâu đậm, Lưu Bị nghĩ lại không khỏi cảm thán. Quan Trương hai người đã hy sinh biết bao nhiêu cho ông và cho lý tưởng của ông. Thế nhưng chính cái tình anh em lại làm ông khó xử. Có những lúc cứ anh anh em em em bá vai bá cổ rồi chẳng ra gì! Không lẽ những lúc đó Lưu Bị lại thành người mặt sắt đen sì quân pháp bắt vị thân với hai nghĩa đệ của ông sao? Thật nan giải!

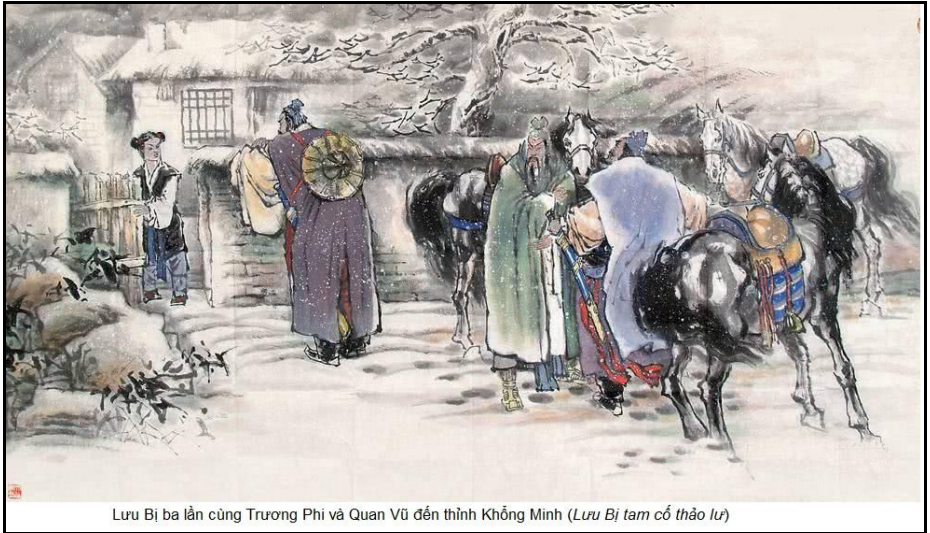
Và nếu không thay đổi thì đám quân của ông rồi ra cũng chỉ là một đám người ô hợp. Không kỷ luật thì làm sao đối đầu với Tào Tháo, quân lệnh như núi, nghiêm minh đến điều.

Nghĩ đến Tào Tháo, Lưu Bị không khỏi thờ dài. Quả là một người tài ba thao lược lại dũng khí hơn người. Cứ nhớ vụ Tào Tháo dám lặn dao, một mình đi hành thích lão bụng phe Đổng Trác mới biết Tháo có gan lớn. Tháo lại còn trí tuệ và thao lược. Giá như Tháo cùng với ông thành một phe thì hay biết bao.

Bỗng một suy nghĩ chợt loé lên như tia chớp. Đúng rồi, Lưu Bị cần tìm được một người giống như Tào Tháo, một người cũng trí tuệ, cũng mưu lược và cứng rắn. Một người có thể làm “bàn tay sắt” để cho Lưu Bị là “bàn tay nhung.” Chỉ có như thế mới chấn chỉnh được đám quân lè nhè thày ba chú bảy của ông.

Thế nhưng, làm sao tìm cho ra? Kiếm được người đó khó như hái sao trên trời. Làm sao có người vừa như Tào Tháo về tài mà lại giống Lưu Bị về tính: vừa nhân nghĩa vừa uyên bác thao lược. Khó lắm thay!

Và như thế Lưu Huyền Đức vẫn tiếp tục nhức đầu. Chỉ cho đến khi....



Lưu Bị ba lần cùng Trương Phi và Quan Vũ đến thành Khổng Minh (*Lưu Bị tam cố thảo lư*)

Khổng Minh nôn nóng thúc dục tả hữu đi nhanh. Trên đường về kinh ông được tin Bàng Thống đã đến Kinh Châu, ra mắt Lưu Bị, rồi chỉ được giao cho một chức huyện quan. Kỳ lạ thật!

Thống với ông vốn là bạn thân. So về tài, Thống không thua kém ông. Mà chẳng lẽ Lưu Bị không nghe tiếng đồn trong dân gian hay sao? “Ngọa Long - Phụng Sồ” - Gia Cát Lượng là rồng thì Bàng Thống là phụng, có kém chi? Vậy sao Lưu Bị lại làm chuyện như thế? Lại còn nghe Lưu Bị nói với tả hữu rằng Thống trông xấu xí quá, không có vẻ gì là “hiền nhân”.

Khổng Minh tự nghĩ mình đã rất cẩn thận. Dù biết Lưu Bị vốn nổi tiếng cầu hiền đãi sĩ nhưng Khổng Minh vẫn đưa cho bạn một lá thư giới thiệu, lại dặn dò khi cần nhớ đưa ra. Thế mà mọi sự vẫn hỏng bét!

Bàng Thống ở Lô Dương chẳng thềm làm việc, tối ngày say sưa. Lưu Bị nghe vậy liền phái ngay Trương Phi tới "hỏi thăm sức khỏe". Trương Phi đến nơi lập tức nổi trận lôi đình. Ngờ đâu sau đó Bàng Thống trở tài, trong một ngày giải quyết hết mọi việc tồn đọng. Trương Phi hoảng hồn, lập tức báo tin về. Lưu Bị vội vã mời Bàng

Thống trở lại tư dinh. Không biết Lưu Bị rồi sẽ tính sao với Thống? Nếu giao cho Thống chức vị không xứng nữa e Thống bực tức, bỏ đi. Thế là lại càng hỏng bét!
Càng nghĩ Gia Cát càng nôn nóng, càng thúc hối mọi người đi mau mau...

Gia Cát Lượng về tới. Vừa xuống xe ông đến ngay dinh Lưu Bị. Thấy Gia Cát, Lưu Bị vui mừng:

- Lượng đó à?
- Thừa vâng!

Sau khi vẫy tay cho tả hữu ra ngoài, Lưu Bị đưa tay đỡ Gia Cát đứng lên.

- Người vừa về tới đã vội vào đây, chắc vì chuyện Bàn Thống?
- Thừa phải.
- Cũng đã nghe chuyện Thống và Trương đầu đà?
(Lưu Bị vẫn gọi Trương Phi như thế với những người thân cận).

- Thừa vâng.
- Người nghĩ sao về chuyện đó?
- Lượng nghĩ chủ công tất có ý.

Lưu Bị liếc nhìn Gia Cát và mỉm cười:

- Hắn ta thật xấu trai so với người...

Gia Cát cũng mỉm cười:

- Thần không dám nghĩ mình đẹp trai.

Lưu Bị nói nhanh:

- Xấu trai không thành vấn đề. Vấn đề là người trẻ mà “máu” quá. Không tốt!
- Chủ công thấy Bàn Thống có tính nóng nảy?

Lưu Bị lắc đầu:

- Nóng nảy thì nói làm gì, đây là tính tự phụ háo thắng. Nắm trong tay sinh mạng ngàn người đâu thể vì cái muốn của riêng mình để định việc.

Sau một thoáng im lặng Gia Cát nói:

- Tôi trước đây cũng háo thắng, tự ví mình là con rồng nằm ẩn, lại chẳng muốn giao du với loại người tầm thường, chỉ bầu bạn với đám Từ Nguyên Trực, Bàn Sĩ Nguyên... (1)

Lưu Bị nhìn người đàn ông trẻ:

- Cái lúc đó ta cần sự ngạo mạn của người để dẫn dắt đám người của ta. Họ ở lâu thành lão làng, ngông ngông nghênh nghênh, chính ta cũng không cách gì cải sửa được họ. Nên khi có được người, vừa trẻ, vừa tự tin, khiến cho trên dưới xanh mặt. Cũng may người có tài thật nên được mọi người kính nể.

Gia Cát thở nhẹ ra:

- Lượng này may mắn được chủ công dạy bảo mới được như ngày nay.

Khổng Minh nói thật với lòng. Nhớ những ngày đầu binh tướng của Lưu Bị khi thấy Gia Cát được đặc biệt ưu đãi đã không ngớt xàm xi. Quả thực Gia Cát chỉ là một gã thư sinh cây ruộng, suốt ngày chỉ biết đọc sách, lại chưa từng xông pha trận mạc. Một người như thế lại được đưa ngay lên làm quân sư, bảo sao thiên hạ không phục. Thế nhưng, sau những thành công liên tiếp của Tây Thục, nhất là sau khi cùng Ngô Quyền đại thắng Tào Tháo ở Xích Bích và chiếm được Kinh Châu thì ai ai cũng ca ngợi Ngọa Long tài trí hơn người.

Chỉ riêng Gia Cát hiểu được nhờ đâu ông có được những thành công ấy. Lưu Bị tuy là chủ tướng, lại lớn tuổi hơn Gia Cát nhưng không bao giờ tỏ vẻ ta đây, vẫn luôn lắng nghe và bàn bạc tỉ mỉ chuyện quân cơ với ông. Tuy nhiên, Lưu Bị thẳng thắn chỉnh sửa Gia Cát những điều ông còn non kém, như những thực tế của chiến trường, của đời sống. Không những thế, Lưu Bị còn bỏ thì giờ ra nói chuyện về những chiến hữu của mình, từng người một, nhờ thế Gia Cát hiểu được tính tình, khả năng, sở đoản, sở trường của họ, từ đó có thể tùy người tùy việc mà hành xử một cách hợp tình, hợp lý. Mọi người cứ nghĩ Khổng Minh cái gì cũng giỏi, họ đâu biết rằng nếu không có Lưu Bị chỉ vẽ cho thì ông chỉ là một gã hủ nho mọt sách mà thôi.

Gia Cát học được một điều quan trọng: *Phải thực sự quan tâm tới những người đang làm việc chung với mình và phải biết học hỏi những người ấy.* Ông đã thực hiện được đúng như thế. Khi mọi người thấy Gia Cát tuy có tài nhưng không phách lối, nên từ xa cách đổ kị, họ dần cảm mến người quân sư trẻ tuổi.

- Vậy ra Bàng Thống đã bị “huấn nhục”?

Gia Cát hỏi.

- Hắn ta cứ huyền huyền hoang hoang thì mau chết. Đưa hắn vào chức quan hèn ít lâu cho hắn bớt kiêu ngạo đi.

Gia Cát mỉm cười:

- Từ nay thiên hạ sẽ bảo chủ công không có “con mắt xanh.” (2)

Lưu Bị lắc đầu:

- Thiên hạ thường vẫn như thế. Ai có tâm thì thức, ai có trí thì tuệ. Hơi đâu lo!

Ngưng một lúc khá lâu, Lưu Bị bỗng cất tiếng:

- Ta sẽ phong cho Bàng Thống làm Tả Quân Sư, còn người là Hữu Quân Sư.

Gia Cát không trả lời.

Lưu Bị nhìn xoáy vào mắt Khổng Minh:

- Người không bực chứ?
- Thần nghĩ chủ công đã có ý.

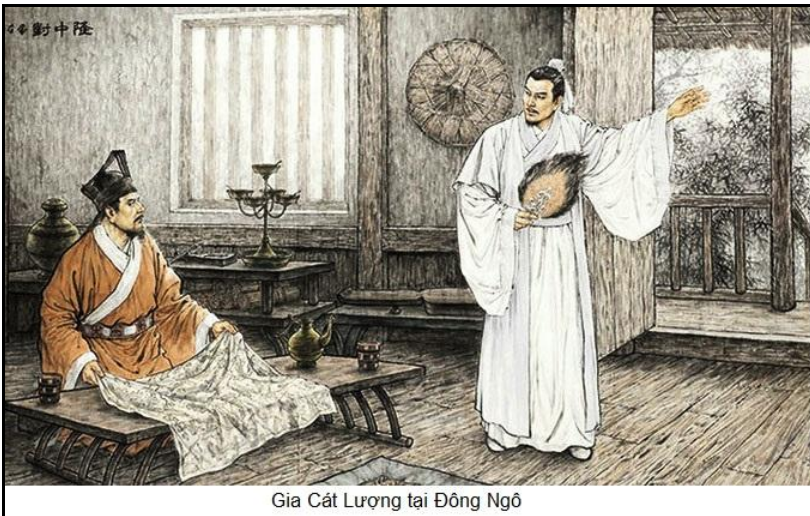
Lưu Bị trầm ngâm:

- So về “tâm” hẳn ngang người, so về “trí” hẳn thua người. Thế nhưng thiên hạ vẫn có câu ca ngợi “Ngọa Long Khổng Minh - Phụng Sồ Bàng Thống”, nếu bây giờ ta để cho hẳn dưới người thì đúng là làm hấn mất mặt, thế thì hẳn còn làm tướng chỉ huy được với ai.

- Thần chưa bao giờ nghĩ Bàng Thống không đáng mặt quân sư.

Lưu Bị than:

- Gia Cát Lượng ơi Gia Cát Lượng, ngày trước người vin vào câu thơ của Tào Thục vịnh Đồng Tước Đài nên mới khích tướng được vua quan Đông Ngô, thành ra người được nổi danh. Nay cũng vì lời đồng dao mà người đành chịu thiệt thòi. (3)



Gia Cát Lượng tại Đông Ngô

Gia Cát lặng thình một hồi. Rồi đáp:

- Chủ công đừng quá bận tâm. Lượng tôi tuy vẫn chưa học được sự an trảm của chủ công nhưng cũng cố gắng ráng giữ bình tĩnh trong mọi sự.

Lưu Bị không dấu được vẻ vui mừng, ông đưa tay khế vỗ vai người bạn trẻ:

- Tốt lắm. Thật ta chẳng nhìn lầm người!

Rồi Lưu Bị nói tiếp:

- Có người vừa đem tới một con ba ba rất lớn, trên lưng nó có nhiều đường vân kỳ lạ. Nghe nói người giỏi về bói Dịch, ra xem thử coi.

Hai người cùng bước ra sân, bỏ lại phía sau ngổn ngang thế sự...

Trịnh Bình An (Virginia, USA)

Chú thích:

(1) Từ Nguyên Trực tức Từ Thứ, Bàn Sĩ Nguyên tức Bàn Thống, các bạn của Khổng Minh trước khi ông ra phò tá Lưu Bị.

(2) Điển tích "mắt xanh": Tương truyền Nguyễn Tịch, đời nhà Tấn, khi tiếp khách hễ là hạng quân tử thì ông nhìn bằng trông mắt xanh; trái lại nếu khách là kẻ tầm thường thì ông nhìn bằng đôi trông trắng. Trong tác phẩm "Đoạn Trường Tân Thanh" lúc Từ Hải gặp Thúy Kiều ở thanh lâu, Từ Hải đối đáp với Kiều, đã nói với nàng: "*Bấy lâu nghe tiếng má đào - Mắt xanh chẳng để ai vào có không? - Một đời được mấy anh hùng - Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi!*", ý nói chưa người đàn ông nào xứng đáng với nàng, chỉ toàn là loại tầm thường (như cá trong chậu, chim trong lồng).

(3) Tào Tháo có xây một cái đài tráng lệ, đặt tên Đông Tước, rồi tuyển gái đẹp khắp nơi vào đó. Con là Tào Thực làm bài phú "Đông Tước Đài", trong có hai câu: "*Liên nhị kiêu vu đông tây hê - Nhược trường không chi để đống*", nghĩa là "*Bắc hai cầu tây đông nói lại - Như cầu vòng sáng chói không gian*". Nhưng tại Đông Ngô, lại có hai cô gái tuyệt đẹp tên Đại Kiều và Tiểu Kiều là vợ của Tôn Sách và Chu Du. Đến khi Khổng Minh qua Ngô bàn việc hợp tác đánh Ngụy, ông sửa hai câu thơ này thành: "*Lâm nhị Kiều u đông nam hê - Lạc triệu tịch chi dữ cộng*", nghĩa là "*Tim hai Kiều nam phương về sống - Vui cùng nhau giấc mộng hồi xuân*". Đổi chữ "kiêu" thành "Kiêu", Khổng Minh chủ ý chọc tức Chu Du (Nhưng Chu Du có thực sự bị mắc lừa? Hoặc có thể, Chu Du cũng vin vào cớ ấy vì biết như thế mới thuyết phục phe "chủ hòa" của Đông Ngô lâm chiến, và như thế mới có dịp thi thố tài năng?)



MÙA XUÂN TUYỆT VỜI

** Hồi ức của **Phương-Duy TDC** **

Qua khung cửa sổ, Phương nhìn ra khu vườn. Những cây mai đầy nụ hoa vàng. Những chậu hoàng cúc, những chậu thược dược, chậu hồng đã lần lượt khoe sắc hương. Ngôi biệt thự “*villa Phi-Anh*” nằm cuối con đường *Courbet* nhìn ra kho dầu hăng *Shell* bên bờ Sài-giang này do bố Phương mua lại của cụ Hường Sáu, một Hồng lô tự khanh bán lại khi cụ nghỉ hưu và muốn trở về sống gần cố đô Huế.

Khu vườn khá rộng trồng rất nhiều loại cây ăn quả như xoài tượng, nhãn lồng, thanh trà, ổi xá lị, lê-ki-ma, lê, mận, mít, dứa... Phía sau khu vườn là một cái ao thiên nhiên có rất nhiều cá rô, cá tràu, tôm và ốc bươu. Bao quanh ba mặt của ao là những hàng tre già ngợp bóng và những bụi trúc xanh vàng vươn cao. Mỗi mùa hè, khi mùa nước cạn, mọi người trong nhà cùng các bạn hướng đạo của Phương hẹn nhau một ngày rảnh rỗi, cùng nhau lấy đất và bùn đắp những bờ đê ngăn ao cá thành từng ô nhỏ, dùng gàu sòng và gàu giai tát cạn nước.... rồi lội xuống ao tha hồ bắt cá, tôm nhất là lượm ốc bươu. Có năm bắt được ba bốn thùng thiếc ốc bươu. Đôi khi cũng tóm được hàng chục chú ếch bà mập. Ốc bươu và ếch là hai món ăn khoái khẩu nhất của Phương.

Phía bên phải ngôi nhà nhìn ra vườn là một hồ sen nhân tạo trồng nhiều sen hồng. Một giàn nho leo trên che phủ hồ sen có những chùm nho xanh, vàng, nâu lẫn lộn thòng xuống trông rất bắt mắt. Bố của Phương luôn luôn nhắc nhở bà con, bạn bè phải trông chừng rắn lục (cùng màu với lá nho) mỗi khi muốn hái vài chùm nho rất ngọt để ăn chơi. Có một buổi trưa hè, ông bố bắt vớng nằm đọc sách dưới bóng cây gần giàn nho đã thấy hai con rắn lục ẩn hiện trong lá nho cùng màu. Ông báo động, trai bạn trong nhà đều chạy ra vườn để đuổi rắn đi chứ không thể bắt rắn được vì rắn ở trên vị trí cao và di chuyển lẹ lăm.

Phương thích nhất là cây ngọc lan cao lớn ngày ngày cho nhiều hoa thơm ngát và hai cây nhãn rất sai trái và ngọt như đường phèn. Cuối tuần được nghỉ học, các bạn hướng đạo sinh thường đến nơi này để họp bạn và sinh hoạt thanh niên với anh em Phương. Lại là dịp trái cây trong vườn được các bạn trẻ tận tình chiêu cố. Phương lấy làm lạ vì theo ý nghĩ của chàng thì những dái mít non mới nảy ra trên cành mít, chỉ to bằng ngón tay cái, vị chác, có gì ngon đâu thế mà các cô bạn gái của Phương cũng ngất xuống rồi chắm với đường cát mà nhâm nhi. Trông miệng với đôi môi xinh xinh của các cô khi thưởng thức loại trái cây này cũng làm Phương

riệu nước bọt theo vì thềm thường. Riêng cây ngọc lan, hàng ngày được các cô thanh thiếu nữ láng giềng đến làm quen với người quản gia chăm sóc vườn xin hái vài hoa ngọc lan để ngửi mùi thơm nhẹ của loại hoa này. Theo các cô mùi thơm của loại hoa thiên nhiên này các cô thích hơn mùi nước hoa “*Rêve d’or*” nữa. Nhờ biết được chuyện này, nên Phương không còn ngạc nhiên như những lần trước đây khi đến gần chuyện trò với mấy cô gái trẻ xinh đẹp và “thơm tho” này nữa. Như vậy mùi thơm mà Phương nhận thấy từ thân thể các cô tỏa ra mà theo vài ông văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ thời bấy giờ ca tụng “mùi trinh nữ” giống mùi thơm dễ chịu của hoa ngọc lan không phải chính thân thể các cô sản xuất mà vay ở cây ngọc lan của nhà chàng. Chàng nghĩ “đã vay thì mang nợ, mà mắc nợ thì phải trả!” theo luật nhân quả. Như vậy trong số các cô này có người phải trả nợ cho chủ nợ. Mà người đại diện cho chủ nợ chính là Phương. Nhưng cuộc chiến dai dẳng nhiều năm trên quê hương, đã xóa bỏ món nợ vô hình này khi mỗi cô bạn láng giềng lần lượt dời chỗ ở đi nơi khác theo nhu cầu sinh sống hoặc đến vùng an toàn hơn.

Phía bên trái ngôi *villa* của bố Phương là một biệt thự rất đồ sộ của một người Pháp. Ngôi nhà này kiến trúc theo lối dinh thự bên Âu châu trông rất hùng vĩ và rất mỹ thuật. Sống gần nhau nhiều năm mà gia đình Phương chưa người nào có dịp qua thăm ngôi nhà đó để thấy bên trong như thế nào. Khu vườn nhà này rộng gần gấp đôi bên vườn của Phương. Ngày ngày chỉ thấy ra vào một cặp Ông Tây, bà Đầm cao tuổi và một hai người giúp việc, không có con cái gì vì Phương chẳng thấy cậu tây con hay cô đầm nhí nào xuất hiện theo mong ước của chàng. Vườn chỉ trồng nhiều cây cùng một loại ngô đồng mà người địa phương gọi tên cây vông đồng. Thân cây to, cao có nhiều gai nhọn như vỏ quả mít và cho cành lá rất sum sê. Một kỷ niệm làm Phương nhớ đời đó là lần Phương bị mấy người trẻ tuổi xa lạ đi ngang qua khu nhà Tây này xúi dục Phương nhặt vài trái ngô đồng này ăn.

Anh ta bảo: “trái này ăn rất ngon và béo”. Phương nghe bùi tai nên ăn thử hai hột. Thấy béo béo, nhưng sau đó bị “Tào Tháo” đuổi, chạy không kịp, suýt chết. Làm bố Phương phải chở Phương đi bệnh viện cấp cứu vì bị chứng tháo dạ (tiêu chảy). Những năm về sau Phương mới biết hạt ngô đồng trong đông y là loại thuốc hoạt trường (thuốc xổ).

Vài ba năm kế tiếp, không rõ chủ nhân người Pháp này dọn đi chỗ nào khác hay về lại cố hương. Một đêm lửa bốc cháy thiêu rụi ngôi biệt thự và trong những năm khu vườn này bỏ hoang, người ta đồn khu vườn ấy có ma. Không những ma hiện ra lúc trời bắt đầu tối

cho đến sáng sớm mà có người còn kể lại thấy ma hiện ban ngày nữa, nhất là những buổi trưa đúng giờ Ngọ. Thuở đó Phương là con một sách, thích đọc những truyện ma như Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh do cụ Đào Trinh Nhất dịch, truyện ma của nhà văn Phạm Cao Cung, truyện đường rừng của nhà văn Lan Khai, truyện trinh thám của nhà văn Thế Lữ, truyện ma và kinh dị của Edgar Poe nên chàng khoái ma lắm. Nhất là ma nữ xinh đẹp đa tình diễn tả trong bộ Liêu Trai. Phương mong ước có ngày hoặc đêm nào đó được nhìn ma qua đôi kính cận thị rất dày của chàng, phải sờ thân thể ma để biết ma như thế nào mà mấy ông văn sĩ đề cao quá. Chờ mãi mà không gặp. Hai năm kế, gia đình Phương dọn đi chỗ khác. Tiếc thật! Phải cả chục năm sau, khi đã là sĩ quan có *Colt-12* và xe *Jeep*, Phương mới nhìn thấy được con ma nữ mang tên Pháp là *ma femme*, gốc Hà Nội xâm nhập hái trộm hoa ngọc lan trong ngôi nhà từ đường của dòng họ chàng ... ma này quyến rũ hấp hồn chàng và ghen dữ lắm may mà chàng có thụ huấn qua khóa huấn luyện võ thuật cận chiến, xáp lá cà, xung phong... ở trường võ bị nên chàng dùng *atêmi hạ knock out*, bắt được con ma này và chiêu hồi thành người nhà. Thế mà quân đội không tuyên dương công trạng của chàng trước toàn thể quân đội với Anh Dũng Bội Tinh ngành Dương Liễu mà chỉ cho hưởng thêm lương “nội tướng thực thụ” mà thôi.

Những ngày cuối mùa đông của tháng chạp âm lịch năm Mậu Tý 1948 chậm chậm trôi qua. Chỉ còn vài tuần lễ nữa là đón Xuân mới Kỷ Sửu. Như thường lệ hàng năm bố mẹ của Phương thường nhận quà của anh em, bạn bè ở xa gửi về cho gia đình Phương vui Tết. Bà thím từ lâu sang lập nghiệp ở Hương Cảng, mở công ty xuất nhập cảng, gửi cho nhiều cân lạc xưởng ướp rượu Mai quế lộ, nhiều cân hạt dưa, hồng khô, táo tàu khô cùng những bánh pháo toàn hồng khoanh tròn dài mười mét đốt lên tiếng nổ rất lớn.

Anh em Phương thích nhất là những *phong pháo tiếu*, còn gọi là pháo chuột chế tạo bên Hongkong tặng riêng cho anh em Phương vui xuân. Món hàng này lúc đó chưa nhập cảng vào Việt Nam, nên bạn bè của Phương đều dặn Phương lúc nào đốt pháo thì nhớ ới một tiếng cho bạn bè đến xem chung vui. Bà cô ở đường Hải Thượng Lãn Ông Phan Thiết năm nào cũng không quên quà cho các cháu bằng thổ sản địa phương như nước mắm, khô mực, mút chà là, mút me và dưa hấu. Nhưng món quà mà anh em Phương mong nhất lại không phải là do các người bà con trong tộc họ gửi về mà do một người bạn thân của bố gửi cho. Món quà của ông Bác này là *ước mơ tuổi thơ đến từ ông già Nô-en trong truyền thuyết*

vậy.

oOo

Năm 1947, ông Trúc Viên từ thành phố Phan Thiết lần đầu tiên ra Hội-An thăm các bạn thường giao dịch buôn bán với ông từ nhiều năm trước. Hai bên chỉ giao dịch bằng thư từ hoặc điện đàm, chưa có dịp diện kiến để bàn bạc công chuyện làm ăn. Một bên chuyên cung cấp thổ sản của tỉnh Bình Thuận như mắm, cá khô, nước mắm Phan Thiết, gạo chở ra bằng những chiếc ghe bầu. Rồi sau khi giao hàng lại chở thổ sản tỉnh Quảng Nam như quế Trà Mi, cau khô Tiên Phước, lòn bon Đại Lộc, Yến sào cù lao Yến, chiếu cói Bàn thạch về lại Bình Thuận. Lối trao đổi thổ sản địa phương này đã diễn ra nhiều năm giữa hai công ty thương mại lớn của hai tỉnh miền Trung. Thời gian này Việt Minh không quấy phá, tình hình chiến sự tương đối bình yên, nên gần Tết dân chúng đi lại an toàn khắp vùng quê.

Lần đầu có bạn từ xa đến chơi, bố của Phương đón ông bạn Trúc Viên về *villa* Phi-Anh ở và những ngày kế tiếp mời ông bạn làm một chuyến du lịch bằng thuyền ra khơi thăm cù lao Chàm, cù lao Yến là một trong những nơi thu hút du khách từ mọi miền mỗi khi đến phố cổ Hội An. Năm 1947, ông Trúc Viên từ thành phố Phan Thiết lần đầu tiên ra Hội-An thăm các bạn thường giao dịch buôn bán với ông từ nhiều năm trước. Hai bên chỉ giao dịch bằng thư từ hoặc điện đàm, chưa có dịp diện kiến để bàn bạc công chuyện làm ăn. Một bên chuyên cung cấp thổ sản của tỉnh Bình Thuận như mắm, cá khô, nước mắm Phan Thiết, gạo chở ra bằng những chiếc ghe bầu. Rồi sau khi giao hàng lại chở thổ sản tỉnh Quảng Nam như quế Trà Mi, cau khô Tiên Phước, lòn bon Đại Lộc, Yến sào cù lao Yến, chiếu cói Bàn thạch về lại Bình Thuận. Lối trao đổi thổ sản địa phương này đã diễn ra nhiều năm giữa hai công ty thương mại lớn của hai tỉnh miền Trung. Thời gian này Việt Minh không quấy phá, tình hình chiến sự tương đối bình yên, nên gần Tết dân chúng đi lại an toàn khắp vùng quê. Lần đầu có bạn từ xa đến chơi, bố của Phương đón ông bạn Trúc Viên về *villa* Phi-Anh ở và những ngày kế tiếp mời ông bạn làm một chuyến du lịch bằng thuyền ra khơi thăm cù lao Chàm, cù lao Yến là một trong những nơi thu hút du khách từ mọi miền mỗi khi đến phố cổ Hội An.

Từ sáng sớm, mẹ của Phương đã thức dậy sớm vo gạo nấu cơm. Hôm nay bà làm món “cơm lát”. Phương thấy mẹ nấu cơm nhiều hơn thường ngày. Cơm chín, bà đổ cơm ra rổ. Bà lấy tấm khăn bằng vải trắng trải ra trên bàn. Lấy tấm vải thưa đặt lên trên. Dùng muổng lớn múc cơm đổ lên trên lớp vải thưa rồi cuộn tròn lại. Nắm

và nhồi cơm thật chặt thành hình tròn dài như đòn bánh tét. Khi nào ăn thì dùng dao cắt từng lát cơm ra như cắt bánh tét hay cắt bánh mì baguette vậy. Các lát cơm này cầm ăn với cá hộp *sardine à l'huile et à la tomate* chính hiệu chế tạo nhập cảng từ *Maroc* khi lênh đênh trên biển, gió biển thổi mát lành lạnh làm cho du khách cảm thấy đói bụng nên cảm thấy ngon hơn ăn với bánh tây nữa.

Bố của Phương chuẩn bị các cần câu cá và mồi câu. Ông có biệt tài câu cá. Hàng ngày ông câu được nhiều cá ở sông cũng như ở biển. Một lò than hồng đặt trên thuyền để nướng các con cá vừa câu được, tỏa ra mùi cá nướng rất thơm. Trên hải trình, gặp những thuyền đánh cá từ ngoài khơi trở về, bố Phương hỏi mua những con mực ống rồi cho luộc ngay để ăn với nước mắm pha gừng. Những chai *bia lùn* chế tạo theo gu bia Đức mang nhãn hiệu *Kronenbourg* nhập cảng, sản xuất từ vùng *Alsace-Lorraine* giữa Pháp và Đức được khai ra nhậu với cá nướng, khô mực, mực luộc... thật hết ý. Khách và chủ cụng ly giờ này qua giờ khác quên hết đời là bể khổ! mà chỉ thấy một tình bạn tuyệt vời. Giữa biển trời mênh mông, chiếc thuyền gió căng buồm tiến rất nhanh. Những đoàn "cá Vượt" bơi đua với thuyền không biết chán và mệt. Sở dĩ loại cá này mang tên cá Vượt vì thích bơi đua với ghe thuyền trên biển và lúc nào cũng vượt lên phía trước ghe thuyền. thỉnh thoảng một vài con cá chuồn *flying fish* bay lên khỏi mặt nước biển xanh, có lúc rơi vào thuyền. Khoảng gần trưa thì thuyền cập bến cù lao Chàm. Mọi người lên bãi biển xem sinh hoạt của những người chuyên sống về nghề biển. Những trái dừa mới hái từ trên cây xuống, nước ngọt lịm. Những con cua, tôm, cá, con mực ống, cá thu nấu vừa chín cuốn với bánh tráng và rau sống, ăn thật ngon.

Ban đêm cả nhà kéo ra bãi biển, gom củi, cây khô rồi đốt lên như những hướng đạo sinh chơi trò cắm trại. Lửa hồng rực sáng tỏa hơi nóng ấm. Khô mực, nghêu, cá ... nướng trên lửa than đỏ hồng, mùi thơm bay lan rất xa. Ngày hôm sau khi ăn điểm tâm xong, mọi người lại xuống thuyền đi đến cù lao Yến để xem sinh hoạt của những người chuyên môn trèo vào các hang động để lấy yến sào (tổ yến). Những công nhân chuyên môn này trèo vào những lỗ hang thiên nhiên trên cao rồi lách vào những khe núi, dùng dây buộc chặt thân người để đu đưa vào hai bên vách núi gỡ những tổ yến bám chặt vào vách. Họ làm rất nhanh nhẹn và chuyên nghiệp, thao tác dễ dàng và hiệu quả. Sau một ngày ghé thăm cù lao Yến, gia đình Phương cùng người bạn trở về đất liền. Chuyến đi chơi hải đảo cù lao Chàm và cù lao Yến lần này thật đáng nhớ đời.

oOo

Khi gặp bố Phương, ông bạn Trúc Viên đề nghị: “Tôi với ông cùng họ, tuy không phải là bà con cùng huyết thống, nhưng tôi muốn chúng ta kết nghĩa làm anh em cùng họ, ai cao tuổi hơn là anh, ai kém tuổi là em, ông bạn có đồng ý không?” Bố Phương vui vẻ nhận sáng kiến này ngay. Và nhận ông Trúc Viên làm ông anh họ vì ông Trúc Viên lớn hơn vài tuổi. Từ sau đó, năm nào gần dịp Tết đến, bác Trúc Viên không bao giờ quên gửi quà ra cho Phương, đưa cháu họ thông minh có nhiều tài vật như đàn mandoline khá hay, vẽ phác họa rất nhanh, đẹp và học giỏi được bác thương nhất. Quà của Bác Trúc Viên gửi ra bằng phong bao đầy tiền lì xì “mừng tuổi” rất xộp với món tiền kékch xù! Phương xem Bác Trúc Viên như “ông già Noel rộng lượng” vì trong năm, Phương muốn mua sắm thứ gì thì ghi vào giấy trước để khỏi quên, khi nhận tiền lì xì của bác Trúc Viên thì đem mua ngay.

Năm nay, nhờ bác Trúc Viên không quên Phương, nên Phương được làm chủ một cuốn tự điển từ lâu Phương thường mơ ước: *Le Petit LAROUSSE Illustré* cùng bộ *Sách Hồng* do các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn viết. Từ tiệm bán sách về nhà, không kịp làm việc gì cần khác, Phương mở ngay cuốn tự điển Larousse ngắm những lá cờ, những hình vẽ, những bản đồ đầy màu sắc rực rỡ ... in trong các trang sách, rồi nhìn những hình ảnh tháp Eiffel, cầu Golden Gate, Thành phố Shanghai, những nhà chọc trời ở New York, đường phố đầy nước như dòng sông nhỏ xinh đẹp, thơ mộng của thành phố Venice in trong tự điển ... Phương mơ một chuyến đi du lịch khắp thế giới khi chàng trưởng thành... thật tuyệt vời.

Mùa xuân năm này đến sớm hơn, nụ trong lòng phấn khởi của một cậu bé trong tuổi thanh xuân cách đây gần sáu mươi năm. Có những kỷ niệm hoặc ước mơ rất giản dị nhưng thật tuyệt vời mà suốt đời không làm sao quên được.

PHƯƠNG-DUY TDC (California, USA)



CUỘC SỐNG Ỡ NGHĨA

Dù sẵn sàng hay còn chưa chuẩn bị
Một ngày kia bạn cũng sẽ ra đi.
Cái thế giới
bạn vẫn sống thường khi
Sẽ biến mất, không còn gì tồn tại.
Sẽ không còn
ánh mặt trời sáng chói.
Cũng không còn
một ngày mới, bình minh.
Và không còn
những ấm áp mùa xuân.
Không còn cả những bạc tiền,
danh vọng.
Quyền lực mấy
cũng chỉ là trống rỗng.
Chẳng có gì
còn quan trọng nữa đâu!
Có chẳng là những tích tụ từ lâu
Của những phong cách thanh cao,
hành xử
Mà bạn đã suốt cuộc đời chia sẻ
với tha nhân
hay thân hữu quanh mình.
Có chẳng là những đóng góp
chân thành,
Những kiến thức,
những gì mình đã học
Cho mọi người
bạn sẵn sàng truyền đạt.
Những gì bạn đã kiếm được
trong đời,
Những thứ bạn gom góp
khắp muôn nơi,
Đều vô nghĩa khi bạn rời dương thế.
Cái cho đi mới thật là đáng kể.
Quan trọng lắm
những cử chỉ, hành vi,

Thái độ trong cuộc đời bạn đã ghi,
Đã khắc dấu
trong tâm tư người khác.
Một nụ cười,
hay một lời khuyến khích
Lúc khó khăn,
hay trong lúc hoang mang,
Lúc lo âu, hay phiền muộn,
chán chường,
An ủi họ, làm yên lòng, ấm dạ.
Một nắm tay, một đỡ nâng khi ngã,
Cũng có thể thành vô giá không ngờ
Trong cõi lòng bè bạn, cả thân, sơ.
Đừng thức mắc
đến bao giờ bạn được
Mọi người chung quanh bạn
còn nhớ, tiếc.
Hãy quan tâm đến sự việc người ta
Nhớ tiếc gì về bạn những năm qua.
Quen biết nhiều
chẳng phải là quan trọng,
Trong suốt cả chiều dài cuộc sống,
Ỡ nghĩa hơn,
với số lượng những người
Khi bạn mất lòng họ sẽ bùi ngùi.
Vậy bạn ơi,
trong cuộc đời đang sống
Hãy nhìn quanh,
với tâm hồn trong sáng,
Lòng yêu thương,
ươm đầy những cảm thông.
Sự hiểu biết ấy sẽ đem ánh hồng
Rất diệu kỳ trải đều trong cuộc sống!

CHẤM TÁ NHÂN

phóng tác
(Texas, USA - 08/23/2012)

(Bài thơ này của nhà thơ Chấm Tá Nhân tức Mùi Quý Bồng gửi khi được tin anh Dương Thiệu Toàn qua đời ngày 20-7-2019 tại Maryland)

POR UNA CABEZA

Por Una Cabeza (By a head) là một bản nhạc Tango Argentina với phần giai điệu của ca nhạc sĩ kiêm diễn viên điện ảnh Carlos Gardel (công dân của 3 nước: Pháp, Uruguay, Argentina) và phần lời của Alfredo Le Pera.

Đây cũng là một trong vài bản Tango nổi tiếng trên thế giới như La Cumparsita ... v v Bản nhạc cũng đã xuất hiện trong nhiều bộ phim như Scent of a Woman, Schindler's list, Titanic, Frida v.v...

Bản nhạc được ra đời năm 1935 cũng là năm với sự ra đi của cả Carlos Gardel và Alfredo L. Pera (trong chuyến lưu diễn dọc theo các nước Nam Mỹ và tai nạn phi cơ đã xảy ra tại vùng Medellin thuộc Columbia khi phi cơ chuẩn bị cất cánh, đâm vào một chiếc máy bay khác khiến mọi người đều thiệt mạng.)

Huyền thoại Carlos Gardel đã ra đi nhưng Điệu Tango vẫn còn ở lại mãi mãi trong lòng người. Tuy nhiên khi nhắc đến thể điệu này, chúng ta cũng không quên một tên tuổi vĩ đại khác cũng xuất phát từ đất nước Argentina (đất nước của Tango và đá bóng): Astor Pantaleon Piazzolla.

Để tưởng nhớ đến Carlos Gardel, người nhạc sĩ tài hoa nhưng bạc mệnh (được xem như là người đem thể điệu Tango đi xa hơn trong thời kỳ vàng son của Tango), mình vừa thu tiếng đàn guitar và mandola cùng dàn nhạc nền (đem về từ internet) sau đây:

<https://www.youtube.com/watch?v=8PxQ2PeuHHI>

Chúc Phan Anh Dũng cùng toàn ban Cỏ Thơm luôn an mạnh và tiếp tục duy trì cũng như gìn giữ những giá trị nghệ thuật vì nó đã góp phần không nhỏ trong việc nuôi nấng và bồi dưỡng những giá trị tinh thần của chúng ta.

Hoàng Đình Bình

Louisiana, USA



Carlos Gardel

BÙI GIÁNG VÀ NHỮNG BÀI THƠ VỀ MỘT NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

**** Phạm thành Châu (Virginia, USA) ****

(Câu chuyện văn học - Tưởng niệm ngày mất của Bùi Giáng 7 tháng 10 năm 1998)

Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại làng Thanh Châu, xã Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Thân sinh ông là cụ Bùi Thuyên, thuộc một giòng họ danh giá ở Quảng Nam. Mẹ ông là cụ Huỳnh thị Kiên, là cháu Tổng đốc Hoàng Diệu. Tên thật của ông là Bùi Khắc Giác, khi đi học, thầy sửa lại là Bùi Giáng. Trong gia đình thường gọi ông là Sáu Giác. Bùi Giáng có mấy câu thơ "Ừa, phải anh là Sáu Giác đó không? Và cô có phải là cô Bông năm nào? Anh còn nhớ rõ, ôi chao. Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh". Theo lời kể thì từ xa xưa, trong giòng họ Bùi của ông, mỗi thế hệ đều phải có một người tâm trí bất thường mới khá được. Vì ông phải chịu sự thiệt thòi đó nên gia đình dồn hết tình thương cho ông.



Bùi Giáng & Đình Cường

Kể từ năm 1945, nước Việt Nam trải qua rất nhiều biến cố, những người trong gia đình Bùi Giáng không nắm vững hành tung của ông, vì ông thường đi đây đi đó, khi thì Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi khi thì ra tuốt Liên khu Tư, Hà Tĩnh, đến năm 1952 ông vào Sài Gòn. Đối với cá nhân Bùi Giáng, vì bệnh tâm thần, nên ông cũng không nhớ rõ ngày tháng nào, mình ở đâu, làm gì!

Vì giới hạn bài viết, chúng tôi chỉ nêu ra đây một số tài liệu liên quan đến những bài thơ mà Bùi Giáng viết về một người đã khuất. Ngoài sách báo, chúng tôi còn tham khảo lời kể của những người quen thân với ông, nhất là từ ông Phạm văn Hòa, em ruột bà Phạm thị Ninh, vợ Bùi Giáng. Ông Phạm văn Hòa, hiện ở tại số nhà 38 Nguyễn thị Minh Khai, Hội An, Quảng Nam, có kể rằng. Khoảng 1945, Bùi Giáng học trường Viên Minh, trọ học tại nhà bà mẹ ông Hòa (bà Phán Trai). Đây là một quán cơm ở đầu kiệt Nhị Trưng (gần Vĩnh Hưng Hotel bây giờ). Quán cơm này, tầng dưới làm phòng ăn, trên lầu là phòng ngủ cho học trò trọ học. Năm 1945, Bùi Giáng cưới cô Phạm thị Ninh, là con gái của chủ quán. Gia đình ông

từ Vĩnh Trinh, đi ghe, theo sông Thu Bồn về Hội An rước dâu về. Như vậy cho rằng gia đình chọn vợ cho Bùi Giáng là không đúng. Người ta kể rằng, bà chủ nhà trọ có hai cô con gái. Cô chị tên Ninh, cô em tên T. Khi cô T. chuẩn bị lên xe hoa thì Bùi Giáng bỏ về Vĩnh Trinh. Một tuần sau, Bùi Giáng về lại Hội An, thưa với bà chủ quán rằng "Con muốn cưới Ninh". Bà chủ quán nói với Bùi Giáng: "Hai đứa chúng nó coi con như anh trong nhà, sao bây giờ con lại nói kỳ vậy?". Nghe nói thế, Bùi Giáng tuyên bố: "Nếu bác không gả Ninh cho con, con sẽ đốt nhà bác". Bà mẹ bèn xuống nước: "Thôi thì bây giờ con ra hỏi Ninh, nếu nó chịu thì bác gả". Bùi Giáng xin được gặp riêng cô Ninh. Sau nửa giờ, cô Ninh vừa khóc vừa gật đầu đồng ý. (Trích trong "Bùi Giáng Nhà Thơ Kỳ Di"). Sau này gia đình cô Ninh được biết là Bùi Giáng và cô T. (em cô Ninh) yêu nhau, vì cô T. rất đẹp và Bùi Giáng, lúc đó rất hào hoa (con nhà giàu), nhưng họ cũng nêu nghi vấn rằng: trước đó có bắt gặp những trang giấy của Bùi Giáng viết đầy tên cô Ninh. Năm 1945, gia đình Bùi Giáng và gia đình bên vợ (cô Ninh) tản cư lên Trung Phước. Theo tài liệu thì sau đó ba năm, vợ Bùi Giáng (cô Ninh) chết vì bệnh lâu năm và sinh non. Đứa bé cũng chết.

Theo lời ông Phạm văn Hòa, em rể Bùi Giáng thì Bùi Giáng chăn dê từ năm 1945 đến năm 1948 ở Trung Phước. Điều này có lẽ đúng vì lúc đó gia đình bà Ninh (bên vợ Bùi Giáng) còn (ở) tản cư tại Trung Phước. Theo lời ông Phạm văn Hòa "Ông anh rể tôi kỳ lạ lắm. Hồi đó ổng mua một đàn dê khoảng 100 con và rủ tôi đi chăn cùng. Buổi sáng ổng thường lừa dê vào Giáp Nam, Gò Om, sau đó hai anh em rủ nhau xuống khe (suối) Le ngồi dưới bóng của các lùm tre và đọc thơ suốt buổi... Đặt biệt Bùi Giáng rất thương vợ. Sáng nào ổng cũng vắt một bát sữa dê đem chưng lên cho vợ uống... Chuyện Bùi Giáng chăn dê mọi người còn nhớ. Đây là hình ảnh một thanh niên hàng ngày lặn lội lừa dê vào núi, trên tay ôm một cuốn sách tiếng Pháp dày cộm".

Theo thân nhân kể lại thì lúc vợ ông sinh con và mất, ông không ở cạnh vợ mà đang ở Bình Định, Phú Yên gì đó, gia đình chẳng biết ông ở đâu mà tìm. Có lẽ điều đó ám ảnh ông, khiến ông ân hận. Lúc ở Sài Gòn, người ta hỏi ông, ông bảo rằng không có vợ.

Bà Phạm thị Ninh chỉ sống với chồng được ba năm. Theo gia đình kể lại, tuy ông rất thương vợ nhưng vì tâm trí bất thường, có khi áp bức vợ quá đáng. Một lần vợ ông uất ức quá, đón đờ dọc về mét với gia đình chồng rằng ông không cho vợ mua cá thịt ăn mà bắt ăn toàn rau quả (có lẽ vì thế mà vợ ông thường xuyên đau yếu, nhất là khi có thai). Khi biết được vợ xuống đờ về Vĩnh Trinh, ông cũng xuống theo để năn nỉ vợ quay lại, nhưng vợ ông cương quyết

không nghe lời. Vậy là ông nhảy xuống sông, vịn be thuyền suốt từ Trung Phước về Vĩnh Trinh, trên ba chục cây số. Khi thuyền ghé bến, gia đình ông ngạc nhiên thấy con dâu thì khóc lóc, ông thì ướt mem.

Lúc vợ còn sống với mình thì không biết thương yêu, đến khi vợ chết, dù có hối tiếc, ân hận cũng không kịp. Chúng tôi trích đăng sau đây những bài thơ ông viết về người vợ đã mất mà mỗi giòng thơ là mỗi giòng nước mắt nhớ thương.

BỜ LÚA

Em chết bên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruộng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang

BÊN NÀY

Ta đứng lại bên này chờ đợi
Ồ phải không? Em đó phải không
Ta đếm lại từng ngón tay lấy bấy
Đời chúng ta là mấy trăng tròn

Ngày vui ngắn?
Lòng đã vui mấy bận
Ngày vui đi?
Mấy bận giữa lòng ta
Đỏ lây lất mưa về xuân lấm tẩm
Ồ thiếu quang
tan biến vội sao mà

Em có khóc?
Ta xin em đừng khóc
Em nhìn ta? Lệ chảy có vui gì
Trang phượng mở
giữa nguồn em hãy đọc
Nước xuôi giòng
ngàn thu hận tan đi.

MƠ VỀ PHƯƠNG ẤY

Con gái khóc bữa nào
Bây giờ nhắc chi nữa
Chuyện ngày trước chiêm bao
Chuyện ngày sau mộng úa

Em chết bên bờ lúa
Em chết dưới triều xanh
Giòng sông kia ấy của
Mộng ước vỡ tan tanh

Ở bên đường ngồi lại
Những người đếm tóc nhau
Kỷ niệm về kinh hãi
Màu mắt thuở xa nào

Xin ngó bóng mây trời
Xin nhìn con cá nhảy
Xin thấy ở khắp nơi
Miệng cười thơ dại ấy

Con gái khóc bữa nào
Bây giờ xin nhắc lại
Xin dựng một hàng rào
Để mở về phương ấy.



CÂY TRỨNG CÁ

** Lê Thị Kim Oanh (Australia) **



Theo tài liệu về khoa học thực vật, cây trứng cá hay được gọi là Mật sâm, có tên khoa học là *Muntingia calabura* là một loài thực vật có nguồn gốc từ Mexico, Caribe, Trung Mỹ và về miền Tây Nam Mỹ. Là một loài cây phát triển trên những vùng khô hạn, những vùng đất không giàu dinh dưỡng. Nói chung cây trứng cá rất thích hợp với những vùng nhiệt đới. Loài dơi và chim ăn trái và phát tán

hạt khắp nơi... bao gồm cả vùng Đông Nam Á. Người ta lấy gỗ từ thân cây, bên ngoài vàng nhạt, trong tâm màu đỏ nhạt, cứng và chắc nhưng trọng lượng nhẹ nên được dùng làm hộp, vách, làm củi để nhóm, ít khói, vỏ cây làm dây thừng.

Riêng nhỏ, thì cây trứng cá là một niềm vui ngọt ngào của tuổi thơ, là những kỷ niệm, hạnh phúc một thời trong ngôi làng nhỏ thân yêu. Cây trứng cá không cao chót vót, tàng rộng lá xanh che mát quanh năm cho dù nắng nung quái ác. Mùa thu lá cũng đủ vàng lựa thưa, lể loi rơi rụng theo mùa nhưng không làm trụi hết cây.

Làng nhỏ, hầu như nhà nhà đều có cây trứng cá trước sân. Trước khi kết trái, hoa màu trắng, nhụy vàng mong manh. Mỗi khi có cơn gió dù nhỏ hay lớn, cánh hoa như đàn bướm chao liệng, bay lượn trên không rồi nhẹ nhàng đáp xuống nền đất xám cần... từ từ được lửa theo từng lớp đi...đi... khắp sân làng.



Trái trứng cá to bằng đầu ngón tay cái, khi trái còn xanh con gái thích hái để chơi nhà chòi, con trai dùng làm đạn. Ông thụt được làm bằng cây trúc nhét trái trứng cá vào, một chiếc que vuốt như chiếc đũa, đầu quấn vải và thụt... những tiếng bốp...bốp như pháo

nổ phát ra. Sức ép cũng đủ là rát cả da, mà nạn nhân là bọn con gái của nhỏ.

Khi trái bắt đầu hườm hườm, sang đỏ, mọng nước căng tròn thu hút đám con nít bu quanh, đũa leo trèo, đũa vói hái, đũa này đũa

lượng công đưa kia tóm thu không sót. Những sáng kiến nảy ra, làm một chiếc lồng bằng cây tre, chỉ cần nhẹ nhàng xoay chiếc lồng là những trái tuốt trên cao cũng nằm êm ái mà lũ dơi và chim không có cơ hội để ăn.

Một ngày có đoàn xe ghé vào làng Trung Ngãi đóng quân, trên đường cô bé đi học về, chợt thấy dưới gốc cây có người ngồi, chiếc nón sắt úp lên mặt ngủ trưa. Tò mò con nít bu quanh... cười khúc khích, đưa sờ chiếc bi đồng, sờ cái ba lô, sờ bá súng... một tiếng hú "đùng", đám con nít thích chí cười vang... nhỏ đứng xa xa tò mò cười mỉm... Chú lính đưa tay vẫy gọi cô bé kèm nụ cười đầm ấm, nó không e dè bước lại gần, chú đội chiếc nón lên đầu nó, che hết khuôn mặt non nớt, chỉ còn thấy cái miệng nó hở hê cười thật tươi. Không biết đoàn quân ấy đến và đi bao nhiêu bận, nhưng có một điều nổi nhớ vẫn chỉ một lần gần mãi nơi đây. Vẫn choàng ôm kỹ ức thơ ngây và đi với cô bé suốt đời.

Lớn lên rời làng, cái bình dân, giản dị dường như bị lãng quên. Nhất là khi rời làng lên tỉnh học, tâm hồn xôn xao mơ mộng cũng theo cảnh vật mới thắm hoa. Những đoá Hồng, Ngọc Lan.. những đoá hoa xinh đẹp rực rỡ khác choáng ngợp lòng thanh, thiếu nữ đương xuân. Trái ngon: xoài, mận, cóc ổi... lấn áp trái trứng cá. Cây trứng cá quê mùa một chiều vắng bóng cô bạn tí hon. Tất cả đã phai pha? Sau bao mươi năm trở lại làng quê, cô giáo nhỏ về nhận nhiệm sở nơi ngôi trường ngày cũ, nơi cô đã một thời cấp sách đi học.



Cây trứng cá vẫn còn, căn nhà cũ đã thay chủ. Mỗi buổi tan lớp về nàng thường đi ngang qua căn nhà đó, cây trứng cá giờ đã được bao bọc bởi một hàng rào gạch cao, nàng len lén với tay hái trái trứng cá cho vào miệng chợt nghe lòng đau nhói... rồi ngày qua ngày trái chín đỏ ối de ra khỏi rào, nàng lải sạch không còn. Có hôm nàng tựa vách rào lấy bình tĩnh để lén thò tay vào ô vuông gạch trống hái. Thành linh một nhúm trái

trứng cá nằm gọn trong bàn tay nhỏ bé của nàng. Vừa hốt hoảng vừa quê ... nàng đứng chết trân. Một đôi mắt nhìn xuyên qua ô trống hàng rào, đôi mắt biết cười ... "cô giáo đừng ngại, mỗi ngày tôi sẽ tặng cô". Nàng lí nhí cảm ơn rồi vội vã quay lưng như chạy trốn. Sượng sùng và quê mặt làm sao. Vậy là nàng đã bị theo dõi từ lâu, "người ta còn biết cả nghề nghiệp của mình".

Kể từ hôm ấy, mỗi buổi tan lớp nàng đi ngang qua nhà không dám dừng chân ... đi như chạy... nhưng rồi người ta lại chặn bước chân nàng để gửi cho những trái trứng cá đỏ ối gọi mời. Nàng nhận quà cũng lú lú "cảm ơn chú" rồi lồm lũi bước đi vì cái xấu hổ vẫn còn vương. Tiếng nói người ta vớt theo:

- Cô bé đội nón sắt ngày xưa phải không?

Đôi chân nàng như ai đổ xi măng, bị khô cứng không thể nào di chuyển. Nàng im lặng không ngoái đầu lại được vì toàn thân như pho tượng, mồ hôi giã ra đầy mặt, nóng bừng, miệng không nói thành câu.

Người ấy đứng trước mặt nàng, nụ cười đầm ấm ... ánh mắt thu hút như ngày nào đã nhìn con nhỏ và vẫy gọi con nhỏ đến gần ... Ôi cái kỷ niệm như cuốn phim quay về quá khứ thơ ngây.

- Mời cô giáo vào nhà nghỉ chân và uống ly nước mát nhe?

Nàng ngập ngừng chưa biết tính sao. Trong nhà một cô bé, bé An là học trò của nàng, chạy ủa ra níu lấy tay nàng lay lay van nỉ.

- Cô, vào nhà em đi cô.

Đi từ ngõ ngàng này đến ngõ ngàng khác. Vậy chú là....

Câu hỏi chưa kịp dứt, một người thiếu nữ từ trong nhà bước ra mời thêm.

- Mời cô giáo vào uống miếng nước.

- Dạ, cảm ơn anh chị.

Nàng chợt thấy nhẹ lo, vò đầu cô học trò nhỏ và bước vào sân. Nàng nhìn gốc trứng cá và chợt bắt gặp ánh mắt biết cười của người ấy rợn rợn. Nàng cúi xuống tránh né, vì có vợ người ta bên cạnh. Chân vừa chạm ngạch cửa tự nhiên nước mắt nhỏ tuôn dài, bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ, hình ảnh cha mẹ nàng như đang hiện diện nơi đây, bóng dáng anh chị em nàng đang tung tăng chạy nhảy. Căn nhà ký ức nàng đây sao?

Người phụ nữ đánh tiếng.

- Cô giáo có muốn nhìn lại căn nhà không? Mời cô.

Chị vừa đưa tay mời vừa nắm lấy tay nàng dẫn đi. Căn phòng khách, rẽ trái bước vào phòng ngủ, rẽ phải là cái trảng xê mà gia đình nàng đã trú ẩn những khi súng hai phía chạm nhau. Đi thẳng xuống nhà sau là nơi gia đình nàng hay ngồi quay quần bên mâm cơm đầm ấm cũng là nơi ngồi học hàng đêm. Nhìn ra sân vườn là chiếc giếng nước, cũng nơi giếng nước này, ba má nàng thường quăng xuống giếng những quần áo, hình ảnh, giấy tờ được bọc nylon cẩn thận, mỗi khi hô cháy nhà hay chạy loạn. Nhờ ba má nàng nhanh trí nên anh em nàng vẫn còn những kỷ niệm xa xưa. Một kho tàng quý giá để đời. Bước qua khỏi nhà mát là căn bếp, cái bồ lúa nằm cạnh, tấm ngựa gỗ ngồi xay bột làm bánh vẫn còn nguyên trong trí nàng, tuy nay không còn nữa. Đi đến đâu nước mắt

nàng rơi đến đó... Nhìn hết cảnh vật chung quanh nàng đứng thờ người, chủ nhà rất tế nhị chỉ im lặng đi theo nàng, họ tôn trọng cảm xúc của nàng và chia sẻ nỗi đau. Cái nhìn của người đàn ông có chút gì chua xót... vì người cũng đã có những ngày đóng quân trong căn nhà này thuở xa xưa, ngồi chái nhà sau thổi lửa nấu cơm, ngủ ở hàng hiên trước, tắm nước giếng này....

- Cô giáo lên phòng khách uống nước nhe.

Lời dịu dàng của chị chủ nhà, làm nhỏ quay về với hiện tại, trò chuyện cùng nhau, nhỏ hỏi:

- Anh chị về đây bao lâu? con anh chị học ngoan lắm. Xin lỗi anh chị vì em mới về làng không lâu nên chưa biết hết phụ huynh. Cám ơn anh chị hôm nay cho em vào để nhìn lại căn nhà kỷ niệm của mình. Chị chủ nhà đập vào vai nàng cười ...

- Trời ơi, hồng phải cô giáo ơi. Đây là anh em đó. Sau khi ảnh bị thương giải ngũ về, rồi ba má em chết hết trong chiến tranh, ảnh thua buồn quá mong về đây ở tìm kỷ niệm, nhưng không ngờ gia đình chị ly tán hết, người chủ mới bán căn nhà này, anh em nhứt định mua và cho hai mẹ con em tá túc đó.

Nàng xin lỗi rồi rít và nhìn ánh mắt cười... ngạo của người ta, mặt nàng đỏ bừng xấu hổ.

- Chị ngồi đây nói chuyện với anh em, em chạy mua nước nhe. Uống cà phê đá nhe chị.

Nhỏ chưa kịp ngăn thì cô em nắm tay bé An: “theo mẹ bé An”, nhanh như chớp hai mẹ con biến dạng.

- Ngồi đi cô bé, đứng chào cờ hoài sao?

- Sao chú không nói cho biết trước ... quê quá.

- Cô bé có hỏi đâu. Mà sao hỏi nãy gọi anh mà bây giờ kêu chú rồi.

Nhỏ ấp úng chóng chế.

- Thì...

- Thì sao?

- Thì tại hồi nãy chưa biết quen... Bây giờ biết quen nên gọi chú, vì quen miệng gọi “chú lính” rồi... Mà sao chú gọi người ta bằng cô giáo mà.

- Cô bé giỏi đáp lắm nhe, nhưng bướng cũng không chừa hé.

- Mà sao chú biết nhỏ là cô bé hồi xưa ở căn nhà này?

- Thì nhờ cây trứng cá báo mật. Mỗi ngày anh đứng sau bức rào nghe một người đứng tỉ tê với cây trứng cá, vừa ăn trứng cá vừa kể chuyện đời xưa.

- Trời ơi, chú nghe lén người ta.

- Có người nói lén, mình không nghe thì tội.

Cả hai im lặng trong giây phút, mắt cùng hướng về tàng cây trứng cá ngoài sân ... rồi nàng bẽn lẽn cúi đầu và chột nghe lòng rộn rã

niềm vui. Ngày buồn trong ngôi làng bé nhỏ này cũng bắt đầu tươi màu như loài trái trứng cá chín mọng ươm mật ngọt kia. Tâm hồn cô giáo trẻ bồng nhẹ nhàng như hoa trắng tinh lượn bay theo gió mới.

* * *



Ánh nắng xuyên qua tàng cây trứng cá soi rọi những hình ảnh tuổi thơ, chập chờn trước mắt... Thì ra những đóa hoa Mai, Hồng, Lan, Cúc và những loài hoa khác rực rỡ sắc hương, thơm nồng quyến rũ như những người con gái rộ tuổi dậy thì. Tuy hoa trứng cá không hương nồng nhưng vẫn dịu dàng tha thướt

với gió mơn, nhẹ bay, màu trinh trắng điểm nhẹ sắc nhụy vàng cũng đủ gợi tình góp ý với thi nhân. Trái xoài, mận, cóc, ổi vừa chua vừa ngọt như tuổi đời thăng trầm của nàng đã đi qua... nhưng chắc chắn một điều trái trứng cá chẳng bao giờ có vị chua, mà mãi mãi ngọt ngào như tuổi ấu thơ.

" Nếu là hoa

Xin hãy khoan là trái

Hoa nồng hương

Mà trái lắm khi chua" (Tôn Nữ Thu Hồng)

Riêng với cây trứng cá thì nàng chẳng cần van xin, chẳng cần nhắn nhủ, vì...

Nếu là hoa

Em xin làm ngọt trái

Đỏ ối lòng,

Tươi mãi với tuổi xanh

Cánh mong manh

Nhẹ nhàng lay trong gió

Gắn bó đời

Hạnh phúc đẹp long lanh (Kim Oanh)

Lê Thị Kim Oanh

Melbourne, Australia

Xin Một Nụ Cười

Chỉ một ngày thôi không gặp em
Đã nghe sầu lắng tận trong tim
Ba năm tôi sống đời cây cỏ
Chỉ một ngày thôi... vạn nỗi niềm!

Em đến đời tôi, cơn bão tố
Trào lên u uất những ngàn xưa
Đời tôi, tôi đã quên rồi đấy
Sao nữa, em vào gọi giấc mơ!

Giấc mộng đời nào không chợt tỉnh
Tôi nghe đau xót tự bây giờ
Em đến rồi đi tôi biết thế
Mà sao mê đắm mãi duyên hò!

Thôi cũng đành thôi, giấc mộng đời
Dù cho giây phút cũng đành thôi
Em đi, tôi sẽ vào miền viễn
Khoảnh khắc yêu em cũng đủ rồi!

Chiều nay tôi đến tìm em nhé!
Xin hãy cho tôi một nụ cười
Tôi sẽ ôm em vào giấc ngủ
Thiên thu, tôi sẽ mãi yêu người...

Grant Me A Smile

Unable to see you for just one day
Suffices to lade my heart with sorrow.
I had lived a rubbish life for many years,
Until one day: much grief for the morrow.

You came into my existence as a gale
For far-off melancholy to surge.
I had already forgotten my karma;
You had the heart me to fancy you to urge!

Which dreamers don't later wake up?
I have felt anguish from now on rise high.
You arrived then you left, I knew it, but
Why I got infatuated with this fleeting tie!

I will content myself with life's vision
Although in a twinkling I consent to.
You break off, I will go into eternity;
A short moment is enough to love you.

Let me come to see you this evening!
And please grant me a smile, however!
I will embrace into my sleep my dearest
Whom I will still cherish for ever...

YÊN BÌNH

Verse translation by **THANH-THANH**



Xin Mãi Còn Nhau

Thơ Hồng Thuý
Nhạc: Nguyễn Tuấn

Tango

Chiều lạng bước chân biệt ly Dạ sầu héo hon người
đi Nghe bao gió mưa tới bời
Ngện ngào sương khói trắng chơi vơi Nhặt nhòa tháng trời, ngày
qua Một thời dấu yêu vội tan
Dư âm tiếng khuya muộn màng Chạnh lòng ai giữa đêm dài
sâu Kỷ niệm gọi mãi hoa nắng giấc mơ
hồng Dịu dàng ngọt thấm hương sắc mắt môi người Tình yêu ngỡ xuân

nồng Nào đâu ta biết trước phong ba?

Ngoài trời lạnh giá, đông đến xám mây ngàn Từng lời hạnh

phúc theo cánh tuyết bay tàn Người sao nỡ vô tình

Ngậm ngùi riêng nỗi đau mình ta! Đợi chờ, nhớ thương, người

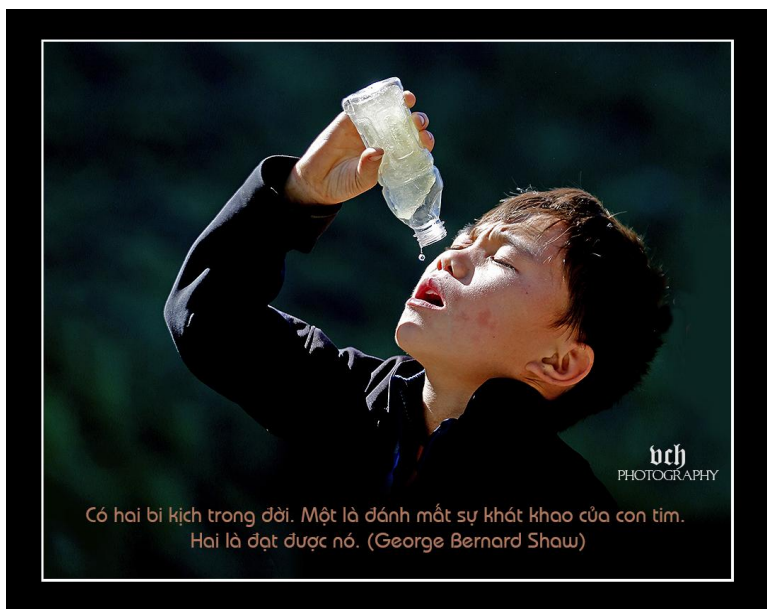
hay? Cuộc tình mãi xa tầm tay Trong tim khát khao xum

vầy Vườn tình xanh lối ta còn nhau

Mời nghe **Ngọc Mỹ** hát XIN MÃI CÒN NHAU
 Thơ: **Hồng Thúy - Nguyễn Tuấn** (Pennsylvania, USA) phổ nhạc:

<https://www.youtube.com/watch?v=HmT0ai6ux8A>

Nghệ Thuật Nhiếp Ảnh của Vũ Công Hiền





bch
PHOTOGRAPHY

Càng sống lâu, càng đọc nhiều, kiên nhẫn hơn
và tìm hiểu nhiều hơn, tôi dường như càng biết ít đi...
Hãy biết vừa phải. Có lòng khoan dung. Sống nhún nhường. Như thế là đủ.
John Adams



bch
PHOTOGRAPHY

Người đi xa nhất thường là người dám làm và mạo hiểm.
Con thuyền chỉ muốn an toàn không bao giờ rời được xa bờ.
Dale Carnegie



Nàng chén trà ngon hỡi người tri kỷ
Hết thụ rồi ta sẽ đốn đổng sang



Chết chẳng là gì. Không thực sự sống mới đáng sợ.
Victor Hugo

CHUYỆN ÔNG ĐỒ GIÀ TRÊN ĐẤT MỸ

** Trần Ngọc Ánh **

Khi nói đến một lớp học như thế, ai cũng đều tròn mắt ngạc nhiên. Có thật là lớp chữ Nôm mở ra giữa thành phố này, chỉ duy nhất trong tiểu bang này, nơi mà người ta nói đủ thứ tiếng như Nhật, Hàn, Anh, Pháp, Tàu, Nga, Ấn Độ, Á Rập...

Khi mà chữ Nôm như bóng mờ trong quá khứ hàng mấy trăm năm của người Việt cổ, thì ông Đồ già còn cặm cúi bên bàn gỗ hàng ngày với mớ ngôn ngữ nét dọc nét ngang, mà mới nhìn qua thấy hao hao như chữ của “cắc chú”, một thời đô hộ Việt Nam. Công việc chăm chỉ và lòng kiên nhẫn tuyệt vời của con ong thợ nhỏ nhoi với hoài bão to lớn là muốn giữ lại chút di sản còn có thể giữ được trong phần văn hóa nguyên thủy của cả một dân tộc. Đây chính là tấm lòng đáng quý mà chúng ta nên trân trọng khi nhắc đến tên Ông.

Khi nghe vài anh em trong Viện Việt Học đề nghị mở lớp dạy chữ Nôm, thú thật ông không tin rằng sẽ có người đến học, bởi vì trước đây Viện đã từng mở lớp Nôm online, lớp Nôm hàm thụ, người học rải rác, lựa thưa rồi cũng im vắng vì khó mà nuốt nổi mớ chữ nghĩa lổn thò, chẳng đem lại chút lợi ích gì cho thực tế cuộc sống..

Vậy mà ngày đầu tiên khai giảng, sĩ số học viên tuy khiêm tốn trên dưới 30 trò nhưng ông Đồ lòng mừng khắp khởi, dự tính chương trình học chừng vài tháng, và mỗi tuần ông chịu khó lái xe đi về hơn 170 mile với tuổi “thất thập cũng ok”!

Là người tha thiết với nền văn hoá cổ sắp bị mai một theo gió bụi thời gian, và sự vô tâm hững hờ của nhân thế, ông sẫm soi trân quý từng bìa sách Nôm ố vàng có nguyên bản từ hơn trăm năm trước của ông cha mình, mà duyên may ông còn giữ được trong tay, để ngày đêm miệt mài phiên âm chú giải từng con chữ, từng áng văn hay với khao khát sách được in ra cho thời nay biết được người xưa đã sống, đã nghĩ như thế nào, thể hiện qua văn học trong từng thời kỳ nổi trôi vận nước...

Là một lớp học đặc biệt nên số người ngồi dưới lớp cũng có nhiều khác thường, có bác lớn hơn tuổi Thầy gần cả chục, có em còn rất trẻ, nên họ đến lớp cũng khác cả mục đích. Người trẻ thì tò mò về môn học lạ, người già thì muốn tìm chỗ giải khuây, ít ra cũng dịp để trở lại thời “làm học trò không sách cầm tay” (thơ Đinh Hùng). Có anh chị đã từng đứng trên bục giảng, biết rành về chữ Hán, có người muốn tìm hiểu thêm về chữ Nôm để nghiên cứu chuyên ngành cho công việc của mình... Nhưng dù lý do gì thì khi ngồi lại cùng nhau trong lớp học này, mọi người thật thân thiện, thoải mái.

Nếu có dịp ghé qua một buổi học, người ta dễ dàng cảm nhận ra sự thú vị của cả Thầy lẫn trò khi trao đổi về thứ chữ mà ai cũng nghe, cũng nói hàng ngày, nhưng không phải ai cũng biết đúng cái nghĩa hay viết đúng cái mặt chữ mà ngày xưa ông bà mình đã dùng trước khi có chữ Quốc ngữ Latin công khai xuất hiện vào cuối thế kỷ 19.

Có bác biết qua chữ Hán rồi, nên khi theo học vài tuần chữ Nôm là dễ dàng bắt kịp bài giảng về nét, về bộ, nhìn tuồng chữ là đọc ra nghĩa được, nhưng đối với các bạn trẻ lớn lên sau thời di tản, hay khi qua Mỹ còn ở tuổi thiếu niên thì việc cảm nhận văn học VN rất mù mờ, huống chi “nét ngang chưa biết, chữ a chưa từng” thì nhìn vào vài trang trong tuồng Nôm “Nhị Độ Mai” hay mấy đoạn thơ “Chinh Phụ Ngâm” hoặc phân biệt chữ Hán với chữ Nôm qua bài một bài thơ của Nguyễn Trãi hay của Nguyễn Bình Khiêm chẳng chịt nét đọc nét ngang giống như ma trận thì... có nước ngọng luôn! Nhưng bù lại cả lớp rất hào hứng khi bàn về văn chương tiếng Việt, khi Thầy nói về câu thơ trong tuồng Nhị Độ Mai “chiếm vũ trường danh hiệu Thạch Lân” có trò buột miệng “hồi xưa cũng có vũ trường hả Thầy?”, Thầy cất nghĩa “vũ là võ, võ trường là nơi các quan võ thi thố tài năng...”. Còn ‘can chi?’ (trong cách tính năm của người Tàu) có phải tiếng Việt mình là “không can chi”, tiếng Huế là “không can chi mô...” tiếng Anh là “no star where” không? Mỗi người một câu vui vẻ nói cười, hỏi mà không sợ bị chê dốt, bị quê độ...

Trong những tất bật lo toan bận rộn của đời sống hàng ngày, đến được lớp học cuối tuần không hẳn là điều dễ dàng đối với một số người. Có anh than đi học phải lén vợ vì bà xã không hài lòng, bảo

rằng già rồi còn chữ nghĩa đâu mà nhét vào đầu, có người không lái xe được, chờ ông bạn cho đi có giang (quá giang), bữa nào bạn nghĩ là ông bó chân luôn. Ngược lại có bác may mắn được vợ con quan tâm nhắc đi học, sợ trễ giờ, “lớn tuổi rồi, có chỗ để khuây khỏa cũng tốt cho sức khỏe của Bố”, đưa con bọc bạch khi đưa bố tới lớp.

Thương nhất là chị Ngự Bình, trước kia chị là cô giáo dạy Văn, qua đây lớn tuổi rồi, ở nhà cũng buồn nên khi nghe có lớp Nôm mừng quá ghi tên ngay, được đến lớp mỗi tuần là niềm vui của chị, “thấy như mình trở lại thời đi học ngày xưa”, chị chân tình bày tỏ. Quả đúng như vậy, có khi chị đi bộ đến lớp rất sớm, mặc áo dài nghiêm chỉnh, khoác áo len mỏng bên ngoài giống như nữ sinh Đalat, có hôm chị đạp chiếc xe mini nhỏ xíu (chắc mượn của cháu nội / ngoại) xe được khóa cẩn thận ở chân cầu thang và hai ống quần được cột thắt để khỏi bị “ăn sên” (sao mà y chang thời áo trắng đến thế!) và lần nào đến lớp chị cũng mang cho Thầy khi thì trái táo, chùm nho, khi thì vài trái mận hái ở vườn nhà để bày tỏ tấm lòng quý mến.

Thấy học trò tóc bạc da môi nhưng một điều Thầy hai điều Thầy, làm trái tim ông Đồ già cảm kích hết sức. Sợ các bạn trẻ nản lòng bỏ học, Thầy luôn khuyến khích sự cố gắng trong câu chuyện kể “bình đựng nước trà lâu ngày nếu đem đựng nước lạnh thì khi uống vào cũng nghe thoang thoang mùi thơm của trà, giống như học chữ Nôm, lâu ngày thế nào cũng thấm, cũng thoang thoang cái hương hoa của hồn quê đất nước, tư tưởng cổ nhân Việt tộc.”

Và cuối cùng thì khóa học cũng kết thúc trong luyến tiếc bịn rịn của mọi người, dù thời gian đến lớp không nhiều, học không được bao nhiêu, nhưng mà vui quá phải không? Nếu gom hết những chữ nghĩa học được trong các buổi bỏ lên sàng sậy, chữ quên rớt xuống và chữ nhớ đọng lại không đầy bụm tay thì các bạn ơi, xin đừng thất vọng, đừng như ngày xưa trả chữ cho Thầy, xin hãy cất giữ đâu đó trong trí nhớ bạn cái vốn quý của quê mình, thứ tài sản quốc gia mà không phải ai cũng nhận ra chân giá trị của nó.

Thầy đã chọn con đường khó đi và ít ai đi, nhưng với những công trình biên khảo, tìm tòi, lưu giữ những tác phẩm Nôm quý hiếm mà Thầy đã và đang lọ mọ một mình, thì việc đến lớp học chữ Nôm của các bạn quả là sự khích lệ đầy lạc quan. Ít ra Thầy cũng đỡ thấy cô đơn trên con đường thênh thang phía trước, và ít ra trong số trò còn can đảm ngồi lại lớp “chiến đấu đến giây phút cuối cùng” thì vẫn có người viết được mấy câu đối bằng chữ Nôm vừa mới học được để trịnh trọng tặng Thầy nhân ngày mãn khóa:

**“Chữ Nôm còn văn hoá Việt thêm vững 字喃群文化越添凭.
Ráng bước theo chí cả của Thầy ta 霸趾遶誌奇古傑參.”**

**“Học trò học chữ Nôm còn chưa khá 学徒学字喃群渚可
Thầy ta lo lắng ngủ không yên 傑參群炉湖惴昨空安.”**

Mấy câu đối như viên ngọc thô sơ chưa mài dũa nhưng mà quý lắm thay tấm lòng Tôn Sư Trọng Đạo của “bác học trò” vừa mới qua tuổi 80. Như một chút nắng mùa đông làm ấm Nghĩa Thầy Trò, hâm lại cái chí nhỏ mà y mò ba quyển sách cũ xưa của thầy Đồ già lạc lõng trên đất khách quê người. Âu cũng là cái duyên chữ nghĩa và Ông Đồ già cố gắng để làm người dẫn đường trong áng sáng leo lét của ngọn đèn dầu giữa thời đại mà tia chớp laser nhanh trong tích tắc.

Hơn chục năm nay ông đã làm việc chăm chỉ như con ong thợ xây cái tổ mật ngọt cho đời, giữ cái hương hoa tinh túy của nền văn hoá xưa cũ sắp mai một theo thời gian, trong bối cảnh xã hội Việt Nam ngày càng suy sụp về nhiều mặt từ kinh tế, tài nguyên, môi trường... đến giáo dục, văn hoá, đạo đức... vì những tham vọng chính trị đen tối của một nhóm người đang lãnh đạo làm nghèo đất nước, hư hại đến tiền đồ dân tộc.

Con đường ông đi có vẻ như đơn độc vì lớp bạn già trang lứa đã mệt mỏi chùn tay, có người yên nghĩ trong giấc ngủ dài từ mười năm trước, tụi trẻ thì hăm hở với những điều mới lạ trong cuộc sống xô bồ vây quanh, chúng nó học ngoại ngữ Anh, Tàu, Pháp, Đức, Hàn, Nhật nhanh như học hát trong karaoke, mấy đứa nhỏ còn nhớ

vanh vách tên các ngôi sao ca nhạc hay cái váy thời trang của người mẫu, nhưng nếu hỏi về lịch sử cận đại của VN thì ám ố đến tội nghiệp!

Ông thương đám con cháu của ông quá nhưng vòng tay ông nhỏ nhoi không bao bọc hết lũ trẻ dại khờ đang u mê sa đọa trong hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước. Gia tài mà ông theo đuổi không biểu hiện bằng vàng bạc kim cương mà nó lại quý hiếm giá trị gấp trăm lần, có những bản Nôm tuổi hàng thế kỷ, do thời cuộc chiến tranh thất thoát lưu lạc khắp nơi, VN từng bị Tàu bị Tây đô hộ nên chuyện lâu lâu tìm thấy vài bản Nôm trong thư viện bên Paris cũng là nỗi vui mừng khôn xiết của kẻ sưu tầm như ông.

Mỗi năm thay vì đi du lịch đó đây cho thư thả tuổi già, ông lại về Việt Nam lân la trong các thôn xóm heo hút hay lục tìm trong bao “ve chai” hoặc góc chợ trời để may ra vớ được cuốn sách cũ mèm bám bụi mà ưng ý cũng khiến ông trằn trọc cả đêm vì thích thú. Có lần một lão nông ở trong quê xa hút, biết ông rành chữ Nôm lật đặt sai con trèo lên đòn dông (xà ngang trên trần nhà) lấy xuống một bó giấy đen thui từ đời ông cố tổ để lại mà lão không biết nói cái gì trong đó, nhờ Thầy đọc dùm, thời xưa các cụ hay viết lại mấy toa thuốc Nam thuốc Bắc, tử vi tướng số này nọ, nhưng thỉnh thoảng cũng có lạc vài cuốn thơ phú nổi tiếng thì đúng là quý hơn lượm được vàng, Thầy Đồ mừng rơn trong bụng...

Rồi khi trở qua Mỹ ông lại ngồi suốt trên computer để phiên âm từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ từng áng văn hay của người xưa, rồi bỏ tiền ra in thành sách phổ biến ra cho mọi người đọc để biết hỏi đó ông bà mình đã sinh sống ra sao, suy nghĩ ra sao, những khuyên dạy của người xưa về nền tảng đạo đức có phần thay đổi theo thời gian nhưng không phủ nhận luân lý tốt đẹp của nó.

Sách phiên âm chú giải của ông được phát hành khá nhiều bản, nói bán cho vui chứ thật ra đa phần đều lỗ vốn, cuốn nào “chạy” lắm thì huê tiền hay lâu lâu có ai đó ký check ủng hộ vài trăm là ông vui như trẻ nhỏ được quà, để dành tiền cho lần in kế tiếp. Tuy không có đông đảo người đọc như những cuốn tiểu thuyết mang đậm tính thời sự gay gắt như hiện nay, nhưng qua sự chuyển tải của ông

khiến những ai quan tâm tới nền văn hóa nước nhà sẽ nhận ra giá trị của những bản văn Nôm hiếm hoi mà ông bỏ công sức ra sưu tập và gìn giữ bấy lâu nay, tuy không quý như trống đồng thời vua Hùng hay cái bình cổ thời nhà Tống nhưng giá trị văn hoá của những bản Nôm này sẽ khó mà tìm thấy về sau, nếu chúng ta cố tình quên đi cái gốc của cội nguồn dân tộc Việt Nam, và tiếc thay lớp trẻ bây giờ không ai nhắc chúng phải biết yêu quý đất nước và gìn giữ quê hương thoát khỏi họa xâm lăng, không ai dạy chúng phải biết bảo vệ nhân phẩm, biết sống đạo đức và biết ngẩng cao đầu trước những bất công áp bức...

Việc làm của ông có vẻ như không phù hợp với nhịp sống hối hả sinh động của thời này nhưng ông vẫn miệt mài với mớ chữ nghĩa mà theo ông rất đáng được trân trọng gìn giữ, vì nó được hình thành từ tầng lớp trí thức yêu nước thời xa xưa, những người đã sáng tạo ra chữ viết đầu tiên của Việt Nam trước khi chữ Quốc ngữ abc đến được đất nước mình qua những linh mục truyền giáo.

Quyển “Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn” được soạn thảo công phu và hoàn thành sau 6 năm trời ròng rã giữa ông và nhóm bạn quen thân trên mạng, có người chưa hề gặp nhau ở ngoài đời, có người còn rất trẻ, họ sống rải rác ở khắp nơi như Đài Loan, Pháp và các tiểu bang xa xôi trong nước Mỹ, nhưng tất cả đều có chung tấm lòng với việc giữ gìn nguyên bản gốc chữ Nôm của dân tộc mình.

Hãy nghe họ nói về cuốn Tự Điển mà nhóm họ đã dày công tìm tòi gạn lọc trong điều kiện khó khăn ở hải ngoại, trong khi những chuyên gia học vị cao cấp của Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa có cả một thư viện Hán Nôm đồ sộ với rất nhiều tài liệu quý hiếm bị bỏ xó đã không thực hiện nổi:

“Chưa kể đến thứ chữ cổ khác còn ở trong vòng nghiên cứu, người Việt Nam đã dùng ba thứ chữ viết có chứng tích rõ rệt là chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc Ngữ, trong đó nền văn học chữ Nôm đã để lại những tác phẩm văn học quan trọng hàng đầu như Quốc Âm Thi Tập, Truyện Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm v.v. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn hàng ngàn văn bản Nôm nằm rải rác tại các Thư Viện trên thế giới hay trong các tủ sách tư nhân mà chưa từng được phiên âm ra chữ Quốc ngữ, và việc phiên âm các tác phẩm này như là một công việc khai quật những chứng tích văn

hoá...Nguyên tắc của Ban Biên Tập là đãi lọc những chữ Nôm nào đã từng có mặt trong một văn bản Nôm với xuất xứ rõ rệt để làm bằng cứ vững chắc cho công việc nghiên cứu chữ Nôm, tiếng Việt, cũng như văn học cổ Việt Nam, cái kho tàng ngữ văn của người Việt trải dài suốt bảy thế kỷ”.

Công trình trên mạng hoàn thành nhưng làm sao in nó ra khi các font chữ trong Google không hề có font chữ Nôm? Ban Biên Tập có bảy người nhưng chỉ có bạn nữ duy nhất đã làm được công việc tuyệt vời này. Cô “chế” ra bàn phím để gõ thành công các font chữ Nôm. Và cuốn sách dày cộm “Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn” đã được in ra năm 2009 do Viện Việt Học phát hành tại miền Nam California. Quả thật đây là điều đáng tự hào cho những ai còn quan tâm tới sự tồn vong của văn hoá Việt trên đất nước tạm dung này.

Câu chuyện về ông Đồ già lạc lõng trên xứ người có lẽ cũng bình thường như bao người già khác đang sống mòn mỏi trong nursing home, nhìn mỗi ngày lặng lẽ trôi qua chờ đến cuối đời để ra đi trong thẳm lặng. Nhưng ông lại khác những bạn già của ông khi ông còn sức lái xe trên xa lộ hàng trăm cây số, lòng vui vì cuộc sống an nhiên mà ông nghĩ mình đã chọn lựa đúng.

Như chiều nay sau một buổi ra mắt sách thành công theo cái nghĩa lạc quan của tác giả, không phải vấn đề ông đã bán được bao nhiêu cuốn sách để tính lời tính lỗ, mà là có bao nhiêu người đến nghe ông nói về những câu chuyện chữ nghĩa văn chương có tự bao đời, những tác phẩm văn học mà lớp trẻ 30-40 tuổi ở quê nhà hay lớn lên bên nước Mỹ này không chắc gì đã biết tường tận... Ông thong dong lái xe trở về nhà trên đoạn đường dài, lòng vui vì vừa gặp lại vài đồng nghiệp cũ, thêm mấy đứa học trò Petrus Ký đến chào Thầy với lòng kính trọng quý mến như ngày xưa, cái thời mà họ đã được giáo dục tử tế để trở thành người có nhân cách.

Ông thật sự hài lòng về sự chọn lựa của mình, cả đời ông chỉ biết dạy học và dạy học cho đến khi buồng cục phẩn ra thì tóc ông cũng bạc trắng, nhưng nào đã chịu nghỉ hưu, ông lại tiếp tục mày mò với những trang giấy ó vàng nhòe mực, chữ Nôm và cái gia tài cổ ngữ đồ sộ mà ông mê đắm từ thời trẻ nhưng chưa có thời gian để tìm tòi, lục lọi trong ngăn tủ thời gian đã bị mối mọt, nhện giăng.

Về nhà ông ngồi thong thả đọc thư bạn bè, bỗng ông thấy tim mình nhói đau và trời đất quay mòng... Vợ vã đưa ông vào Emergency kịp thời, sau bao nhiêu là xét nghiệm với dây nhợ quanh

người, gia đình một phen lo lắng hú hồn, bác sĩ bảo ông bị một cú stroke nhẹ, xuất viện về nhà mà ông cứ bần thần buồn bã không nói đến mấy hôm, gặng hỏi mãi mới biết có email tới lui của người bạn cùng thời với vài câu ngắn:

–“Quý vị coi tên anh ta nè... mỗi năm anh ta về Việt Nam làm gì bên đó?” kèm theo là danh sách 60 nhân vật tiêu biểu của trường ĐHVK, trong đó có tên ông “bị” vinh danh bởi nhóm học trò cũ, ngưỡng mộ công trình nghiên cứu văn học của Thầy từ trước 1975, dĩ nhiên đó không phải là lỗi của ông, không phải là điều ông ao ước. Chuyện cũng chẳng có gì àm ĩ nếu ông đang sống ở Sài Gòn với những tung hô sáo rỗng kiểu đó, nhưng đảng này ông đang ở một nơi mà người ta gọi là Thủ đô tị nạn nên công cuộc chống Cộng là một điều kiên quyết và cũng có lăm cấp độ chống khác nhau, chửi ra rả như bà Lisa trên Youtube, hay thâm thúy như mấy ông nhà báo, nhà văn, hoặc có bài bản như mấy bác H.O một thời xương máu. Nói chung thì ai cũng có tấm lòng với đại cuộc, nhưng nè ông Đồ già trời gà không chặt này mà tặng ông cái mũ cối thân Cộng thì quá đáng.

Câu hỏi gặng của cái email chiều nay như vết cứa vào lòng tự trọng của ông làm tim ông đau nhói nếu không muốn nói là sự nhấn tâm đâm sau lưng bè bạn của ai đó đã khiến ông Đồ tổn thương phần uất huyết mạng vong, “Cây cỏ thụ chữ Nôm” hay “Người giữ lửa cho nền văn hoá cổ” mà mọi người vừa khen tặng cho ông trong buổi ra mắt sách vừa qua xem chút nữa đã tiêu điều miền cực lạc thì thật đáng tiếc biết bao!

Ơn Trời! Ông Đồ vẫn sống sau cú choáng ngợp ngã đó, lời nói như gió thoảng, ông đã tỉnh dậy và lại ngồi vào máy gõ mãi miết những con chữ nửa Ta nửa Tàu như một niềm vui bất tận và chưa bao giờ ông tự hỏi “trăm năm sau có còn ai nhớ đến ta như ta đã nhớ đến ai?” Nhưng tôi biết chắc một điều: công việc ông làm hôm nay không phải là vô nghĩa! Lớp trẻ sau này sẽ có lúc cầm cuốn Tự Điển chữ Nôm “made in USA” mà tự hào “thời xưa thiệt xưa có một thứ ngôn ngữ gọi là chữ Nôm của người Việt chúng ta, mà các bậc tiền nhân đã mang theo trong một cuộc di dân lịch sử, và nó đã không bị đồng hóa để lẫn lộn với font chữ của bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới này.”

(9/2018)

Trần Ngọc Ánh - California, USA



CHO TRÒN CHỮ HIẾU MỚI LÀ ĐẠO CON

** Tâm Minh Ngô Tằng Giao **

Ngày lễ Vu Lan trong Đạo Phật là ngày “Phật Hoan Hỷ”, ngày “Tự Tứ”. Tăng, Ni tập trung vào sự tu niệm và thỉnh cầu những bậc trưởng thượng chỉ dạy mọi lỗi lầm để mình thành tâm sám hối.

Ngày Vu Lan cũng là ngày “Báo Hiếu”, gọi lại lòng hiếu thảo của người con Phật. Nhân dịp này Phật tử nhớ lại công ơn cha mẹ sinh thành nuôi dưỡng cực khổ mà nhờ đến sức chú nguyện của chư tăng, ni để phụ lục mà độ cho cha mẹ.

Cha mẹ quá vãng dù đã qua bảy đời thì nếu có sa vào đường khổ cũng nhờ phúc đức này mà được thoát khỏi, được siêu thăng. Còn nếu cha mẹ không đi trong đường khổ thì nhờ phúc đức này mà được tăng trưởng thiện căn. Nếu cha mẹ còn sống, chưa qua đời, thời nhờ phúc đức đó mà tăng trưởng tuổi thọ và phát tâm Bồ Đề.

Hiếu thảo thường được hiểu là lo đầy đủ mọi thứ về vật chất cho cha mẹ. Nhưng cha mẹ sẽ qua đời một ngày nào đó. Theo Đạo Phật, chúng ta không chỉ có mặt ở một đời này mà còn có mặt ở vô số kiếp về trước và sau nữa, mất thân này sẽ mang thân khác. Bởi vậy người con hiếu còn phải lo cho cha mẹ cả về tinh thần, làm sao thức tỉnh cha mẹ hướng về đường thiện, tin vào nhân quả tội phước, quy y tam Bảo, niệm Phật làm lành để trong đời hiện tại cha mẹ được yên vui và khi mất đi sẽ được hạnh phúc, an lành trong đời sau.

“Tâm hiếu là tâm Phật. Hạnh hiếu là hạnh Phật”. Với truyền thống người Việt ta, hiếu thảo là một nền tảng đạo đức rất cần thiết, rất thiêng liêng và cao cả. Có hiếu trong gia đình thì mới có thể là một công dân tốt ngoài xã hội. Hiếu là bước đầu để xây dựng một gia đình tốt đẹp, một xã hội văn minh và tiến lên thành một quốc gia cường thịnh.

Trong dân gian từ bao đời nay đã có câu:

*“Công cha như núi Thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*.

Rõ ràng chữ “hiếu” được xác lập bằng “đạo con”, tức là đạo làm con, bằng sự thể hiện của tâm hiếu rất cụ thể mà cha ông ta từng nhấn mạnh:

*“Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”.*

Đạo Phật là đạo Hiếu, nên trong kinh Đại Tập có câu: *“Sanh đời không có Phật, khéo thờ Cha Mẹ là thờ Phật”.* Cũng như kinh Nhẫn Nhục cũng có câu: *“Cùng tốt điều Thiện không gì hơn Hiếu. Cùng tốt điều Ác không gì hơn Bất Hiếu.”*

Trong kinh Bồn Sự có dạy: *“Giả sử có một người một vai cõng Cha, một vai cõng Mẹ, suốt đời như vậy, không có dừng nghỉ, lại cung cấp cho Cha Mẹ đồ ăn đồ mặc thuốc thang, hết thầy các món Cha Mẹ cần dùng. Như vậy cũng chưa đủ báo đáp ân sâu của Cha Mẹ. Vì sao? Vì Cha Mẹ đối với con ân đức cao nặng sâu dày: ân đức sanh sản, từ tâm cho bú mớm, ân đức tắm giặt, nuôi nấng trưởng thành, ân đức cung cấp các món cần dùng, ân đức chỉ dạy cách sống ở đời. Cha Mẹ luôn luôn muốn con rời khổ được vui, không bao giờ xao lãng nhớ con thương con như bóng theo hình”.*

*

Thử điểm qua một vài chuyện đời thực tế về chữ Hiếu: từ cô Hoa Hậu xinh đẹp, đến chàng Cử Nhân Đại Học và cậu trai tốt nghiệp Trung Học.

Hoa hậu Thái Lan quỳ gối trước người mẹ nhặt rác



Mint Kanistha, 17 tuổi, đăng quang Miss Uncensored News Thailand 2015. Đây là cuộc thi không phân biệt giới tính, dành cho các người nữ và các người chuyển giới nam sang nữ (ladyboy) tranh tài cùng nhau để tìm ra người vừa xinh đẹp vừa giỏi giang.

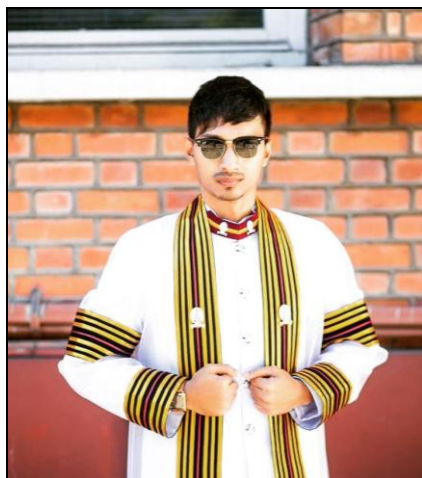
Cô Mint sinh ra trong gia đình nghèo, từ nhỏ đã theo mẹ đi nhặt đồ nhôm, đồng sắt, nhựa vụn vặt ở các bãi rác để kiếm sống. Sau khi giành ngôi vị ở cuộc thi sắc đẹp, cô về quê, quỳ dưới chân người mẹ, bày tỏ lòng biết ơn công dưỡng dục. (*Mint did not hesitate to kneel down to thank her mother in front of a row of dirty trash cans*). Đây thật quả là một hình ảnh đẹp về lòng hiếu thảo và hành động đáng tự hào của cô Hoa hậu.

Câu chuyện và hình ảnh của Mint sau đó được chia sẻ rộng rãi trên mạng xã hội. Trả lời phỏng vấn Thairath, Mint cho biết cô tốt nghiệp cấp ba. Mẹ của Mint kiếm sống bằng nghề nhặt rác và bán sắt vụn cùng quần áo cũ để có tiền cho cô học hết trung học. Vì nghèo khó nên cô không có điều kiện, không có tiền để thi và học tiếp lên đại học. Trước đây, mỗi khi rảnh rỗi cô đều đi nhặt sắt vụn, phân loại rác giúp mẹ.



Cô hoa hậu nói: "*Nếu ai đó hỏi tôi có xấu hổ vì công việc của mẹ không, tôi sẽ trả lời là không. Tôi có ngày hôm nay chính là nhờ công việc này. Tôi làm việc chính đáng và kiếm tiền trong sạch, tại sao lại thấy xấu hổ?*". Hoa hậu nói thêm chính vì công việc nhặt rác của mẹ mà nhờ đó, cô mới được học hành và có ngày chiến thắng trong cuộc thi sắc đẹp này. Hiện tại, mặc dù đã là người nổi tiếng nhưng Mint và gia đình vẫn sống trong căn nhà tồi tàn, đơn sơ chứa đầy ve chai, phế thải. Mint còn thường xuyên giúp mẹ phân loại và dọn dẹp đồng rác của bà.

Cử nhân đại học quỳ gối trước xe chõ rác của Cha



Câu chuyện của Mint gợi nhớ tới Kalangnalong, chàng trai người Thái, sinh viên vừa tốt nghiệp trường Đại học Chulalongkorn danh tiếng của Thái Lan. Chàng mặc nguyên cả bộ đồ tốt nghiệp cử nhân và chạy tới trước xe rác của cha, quỳ gối xuống bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với công ơn sinh thành dưỡng dục của ông. Hình ảnh này lan truyền mạnh mẽ trên mạng xã hội khiến cộng đồng xúc động.

Đại học Chulalongkorn ở Bangkok là trường Đại học cổ nhất và từ lâu nay vẫn được xem là một trong những ngôi trường danh tiếng nhất, tốt nhất và tuyển chọn nhất Thái Lan. Trường Đại học gồm có 20 khoa và là nơi thu hút các học sinh giỏi hàng đầu Thái Lan.

Cha của Kalangnalong, mới chỉ học hết lớp 4, là một người lái xe chõ rác. Ông làm công nhân vệ sinh môi trường đã nhiều năm, công việc của ông tiêu hao nhiều thể lực, lại phải tiếp xúc với những thứ ô uế, độc hại hàng ngày. Tuy nhiên, ông chưa từng than vãn. Ông luôn nỗ lực chăm chỉ kiếm tiền để chăm sóc gia đình và nuôi con ăn học đầy đủ, để con không bị thua kém bạn bè. Ông luôn dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho con. Ông đã nuôi nấng người con trai giỏi giang tốt nghiệp đại học hạng ưu.

"Khi còn nhỏ, đã có lúc tôi cảm thấy xấu hổ khi có một người cha làm nghề chõ rác. Tôi đã từng tự hỏi bao nhiêu lần rằng tại sao cha tôi không thể được đàng hoàng như cha người khác." Kalangnalong bồi hồi nhớ lại. Anh cũng tiết lộ rằng anh đã từng có ý định gia nhập quân đội để giảm bớt gánh nặng cho gia đình nhưng không thể

vượt qua bài kiểm tra thể lực. Lúc đó cha anh đã buồn đến rơi nước mắt vì quyết định của anh.

Biết được nguyện vọng lớn nhất của cha là thấy con trai thi đỗ Đại học, Kalangnalong tự nhủ phải không ngừng phấn đấu và chàng trai đã thi đỗ vào trường Đại học. Khi nhận được tin báo anh trúng tuyển vào trường Chulalongkorn, cha của anh đã không kìm được những giọt nước mắt hạnh phúc. Sau đó, người cha già lại càng cố gắng hơn nữa để kiếm đủ tiền nuôi con suốt 4 năm Đại học.

Anh chàng đã viết lên Facebook những lời cảm ơn cha mình: “Cảm ơn Cha vì đã là Cha của con. Cảm ơn những giọt mồ hôi lẫn nước mắt mà Cha đã rơi xuống vì con. Con là con của một người lái xe chở rác và sẽ luôn như vậy. Cha không cần phải tự ti, Cha là người Cha tuyệt vời nhất thế giới và con muốn Cha tự hào về điều đó”.

Con trai mời Mẹ làm partner dạ vũ 'prom'



Theo tập quán ở Mỹ, lễ “prom” được tổ chức cho học sinh tốt nghiệp trung học, và trong đêm dạ vũ đó người nam sinh chọn người nữ mà họ hãnh diện nhất để cùng đi cặp.

Tại Twin Falls, Idaho (NV) với đêm dạ vũ “prom” nhân lễ tốt nghiệp trung học, Dylan Huffaker, 17 tuổi, biết rõ chỉ có một “cô gái” duy nhất xứng đáng để cậu mời làm “partner” và quàng tay sánh bước với cậu trong đêm ấy không ai khác hơn chính là mẹ mình, bà Kerry. Bà mẹ bị ung thư não ở vào thời kỳ cuối (stage 4 brain cancer) và cuộc sống sẽ không kéo dài.

Dylan đi thẳng đến bệnh viện, nơi bà Kerry đang được điều trị bệnh và đang trong thời gian chịu xạ trị. Trước mặt mẹ, Dylan mở hộp bánh doughnut trên mỗi bánh có ghi chữ bằng kem, nội dung

viết: “Mẹ có bằng lòng cùng dự lễ prom với con không?” (“Will you go to prom with me?”)

Trước hành động bất ngờ như vậy của đứa con trai, bà Kerry có hỏi là: “Con muốn đi prom với một bà mẹ vừa già vừa rụng hết tóc mà không thấy mắc cỡ hay sao?”. Cậu con trai nói: “Con chẳng ngại gì vì con sẽ có một cái date đẹp nhất ở nơi đó” (I'll have the prettiest date there). Bà Kerry chỉ biết cảm động chấp nhận và cảm ơn sự ngọt ngào của con trai.

Thế là ngay sau khi hay tin về lời thỉnh cầu của cậu con trai bà Kerry, cả cộng đồng thị trấn Twin Falls bắt đầu chuyển động. Dylan quay sang bà cán sự xã hội Melissa Rowe của Viện Ung Bướu Mountain States nhờ giúp đỡ. Bà Rowe liên lạc với đại lý bán xe tại địa phương, Middlekauff Ford Lincoln. Chủ nhân hãng xe không những đồng ý cung cấp một chiếc xe mà còn bỏ tiền trả cho bà Kerry mua chiếc áo dài, kể cả buổi ăn tối.

Kể đó tiệm móng tay Lovely Nails ở Twin Falls đề nghị làm miễn phí và cô Jeni Boisvert ở tiệm ảnh Brink Studio đồng ý chụp ảnh cho cặp đôi. Vào đêm 30 Tháng Tư, sau khi chụp hình xong, hai mẹ con được ông Mike Fenello, tổng giám đốc ST Luke's Magic Valley Hospital, đích thân chở đến buổi dạ vũ prom ở trường Canyon Ridge High School. Trong đêm prom, sản phẩm đặc biệt dành tặng để riêng hai mẹ con khiêu vũ, trong khi người hoạt náo viên cho chạy bản “The Dance” của Garth Brooks.

*

Nhân dịp được nghe những chuyện trên người ta nhớ lại một bài thơ của một tác giả “vô danh” có tiêu đề là **“The time is now”** trong đó ghi:

If you ever going to love me,
Love me now while I can know
The sweet and tender feelings
Which from true affection flow.
Love me now
While I am living.
Do not wait until I'm gone
And then have it chiseled in marble,
Sweet words on ice-cold stone.
If you wait until I am sleeping
Never to awaken,
There will be death between us
And I won't hear you then.
So, if you love me, even a little bit,

Let me know while I am living
So I can treasure it.

Bài thơ này đã được Tâm Minh chuyển ngữ thành bài “**Lúc này đây**”:

*Nếu con yêu Mẹ con ơi
Hãy yêu khi Mẹ còn nơi cõi trần
Mẹ còn cảm nhận tình chân
Ngọt ngào, êm dịu con dâng tràn đầy.
Hãy yêu Mẹ lúc này đây
Khi mình chung sống vui vầy một nơi
Đừng chờ khi Mẹ qua đời
Rồi con mới tỏ những lời yêu thương
Khắc vào nền đá hoa cương
Mộ bia lạnh lẽo khó vương tình người.
Nếu chờ khi Mẹ ngủ vùi
Nghìn thu an giấc dưới nơi suối vàng
Âm dương chia cách đôi đàng
Mẹ nào nghe được con than khóc gì.
Tình con dù ít sá chi
Hãy trao cho Mẹ ngay đi con à!
Khi mà Mẹ chưa lìa xa
Để ta trân quý, thăng hoa cõi lòng!*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(Virginia, USA - Mùa Vu Lan 8-2016)





Đón Xuân Về

Tranh: **Nguyễn Thị Hợp** - California, USA

Tưởng Niệm Thánh Tổ Âm Nhạc CECILIA

Phát Minh Ra Đàn Organ Tiên Thân Đàn Piano Ngày Nay

**** Linh Phương** sưu tầm **

Một trong những huyền thoại truyền tụng từ các nhà thờ cổ xưa nói về Thánh nữ Cecilia, Thánh tổ âm nhạc và của các nhạc sĩ Âu Châu khắp thế giới.

Nữ Thánh Cecilia được các tín đồ Công Giáo hoan nghênh vào thế kỷ thứ 3. Trong thời gian kế tiếp, thiên hạ đã thêm thắt vào những chi tiết về cuộc đời của bà, người viết chỉ xin kể lại những điều đã sưu tầm.

Bà Cecilia thuộc dòng dõi quý phái ở La Mã dưới thời vua Alexander Severus, cha mẹ bà đã lén lút truyền đạo, dạy dỗ và mang đến cho bà lòng tin Chúa Trời. Từ thuở ấu thơ, bà luôn luôn giấu trong quyển Phúc Âm, tự hứa gìn giữ sự trinh tiết, xả thân làm việc xã hội và né tránh các khoái lạc hư danh của cuộc đời. Bà rất giỏi về âm nhạc và dùng tài năng để ca ngợi vinh danh Chúa Trời, bà sáng tác nhiều bản Thánh Ca vừa đàn vừa hát một cách êm ái đến nỗi các thiên thần trên trời bay xuống để nghe hoặc hòa ca với bà. Bà xử dụng tất cả nhạc cụ thời đó; nhưng không nhạc cụ nào có thể bộc lộ được suối nhạc hoà âm tràn đầy trong tâm hồn bà. Vì thế, bà đã phát minh ra đàn Organ, tiền thân của nhạc cụ Piano những thế kỷ sau này. Bà sáng tác nhạc trên đàn organ dành cho nhà thờ làm lễ mục đích phụng vụ Chúa.

Khi bà đến tuổi 16, cha mẹ gả bà cho một thanh niên giòng dõi quý phái giàu có tên là Valerian chưa biết về đạo. Bà nghe lời cha mẹ thuận lấy Valerian, nhưng đã mặc bên trong áo cưới một đồ thô sơ tầm thường khổ hạnh, và đến nhà thờ cầu Chúa ban cho đủ nghị lực giữ vững sự trinh tiết như đã thề từ trước. Bà đã thành công vì những lời thuyết phục trôi chảy về đạo, không những đã làm cho Valerian kính trọng lời thề của bà mà còn mang lại cho chồng một niềm tin Chúa. Bà nói với Valerian rằng bà đã có một vị thiên thần bảo vệ bà ngày đêm và không muốn người yêu thương nào trên trái đất được gần bà.

Khi chồng bà muốn được gặp vị thiên thần ấy, bà bảo Valerian đến gặp một tu sĩ già tên là Urban phải lẩn trốn trong hầm mộ vì bị người vô đạo truy bắt. Chồng bà đã làm lễ gia nhập đạo sau khi nghe những lời giảng của tu sĩ. Valerian trở về nhà, vừa bước vào

cửa đã nghe tiếng nhạc thanh thoát từ phòng bà Cecilia thì thấy một vị thiên thần đứng gần bà mà người không tin đạo không nhìn thấy được. Thiên thần đặt hai vòng hoa thơm ngát lên đầu bà Cecilia và Valerian trong khi hai người quì gối và nói với Valerian:

- Vì con đã nghe theo lời khuyên giữ gìn trinh tiết cho vợ, vậy con muốn cầu điều gì sẽ được.

Valerian trả lời: “Con có một người em tên Tiburtitus mà con thương mến, xin thiên thần hãy mở mắt cho cậu ấy nhìn thấy sự thật.”

Vị thiên thần mỉm cười trả lời:

- Hỡi Valerian, Chúa Trời đã thuận lời cầu xin của con, và chúng ta sẽ thấy được hiện diện của Chúa chết trên cây Thánh Giá vì chúng ta. Nói xong vị thiên thần biến mất.

Không bao lâu Tiburtitus đến nhà Cecilia thì ngửi thấy mùi hương của hoa hồng và lấy làm lạ lùng vì không thấy hoa, biết rằng lúc đó không phải là mùa hoa nở. Bà Cecilia giảng cho Tiburtitus nghe những điều mà Chúa đã làm cho chúng ta. Bà nói lưu loát thuyết phục Tiburtitus vâng lời xin Tu sĩ Urban làm lễ rửa tội gia nhập đạo. Từ đó, cả ba người đều đi làm việc bố thí khuyến khích các người sẵn lòng chết vì Chúa, xác họ được chôn cất một cách danh dự. Lúc bấy giờ, Thị trưởng La Mã là Almachius cầm quyền trong khi hoàng gia vắng mặt. Almachius ra lệnh cho hai vợ chồng và em trai không được làm việc từ thiện cho đạo nữa. Cả ba đều nói rằng: “Sao chúng tôi có thể từ bỏ công việc từ thiện được, đó là bổn phận của chúng tôi. Chúng tôi không sợ bất cứ chuyện gì người có thể làm hại chúng tôi.”

Hai người đàn ông đã bị quan tòa là Maximus ra lệnh cho vào ngục tối, bắt cả hai người lẫn bà Cecilia bước qua cây Thánh Giá, nhưng cả ba người nhất định từ chối, Maximus hạ lệnh tử hình Valerian và Tiburtius. Cecilia tự rửa xác cho hai người bằng nước mắt, và quần xác hai người bằng áo của bà cũng chôn trong nghĩa trang Calixtus.

Thị trưởng Almachius để ý đến sự giàu có của Cecilia nên tịch thu tài sản, bắt bà bỏ vào ngục tối cho đói lạnh, nhưng Cecilia chỉ cười mỉm trả lời: “Chúa sẽ sắp đặt mọi sự”. Những tội nhân trong ngục cũng muốn chia xẻ miếng bánh, ngụm nước cho bà nhưng bà từ chối. Suốt ngày trong ngục bà đã làm cho tội nhân đi theo Chúa và có 40 người sẵn sàng tử vì đạo với bà.

Lúc Amachius hành hình bà, thấy bà cương quyết chống trả nên hắn hỏi:

- Bà kia, bà có sức mạnh nào mà chống trả ta?

Bà trả lời: “Tôi là người La Mã quý phái, là kẻ thần phục Chúa Trời, lẽ nào ông đui điếc không thấy, không nghe danh Chúa?”

Amachius tức giận vì sự trả lời khôn ngoan của bà nên ra lệnh đưa bà về nhà và nấu nước nóng đổ vào trong bồn tắm, bắt bà vào trong bồn cho chết, nhưng hình thức đó không thành công, vì thân thể bà không bị phỏng, trái lại bà đã trả lời đang được tắm trong nước suối trong lành.

Amachius đem bà ra pháp trường cho chặt đầu nhưng bàn tay đao phủ run lên không chặt đầu nổi nên chém bà ba vết thương ở cổ và ngực, xong hắn chạy trốn mất để cho bà nửa sống nửa chết máu đổ chan hoà trong ba ngày.

Tuy vậy, bà vẫn cầu nguyện và nghĩ đến những người nghèo khó nên bà gọi Tu sĩ Urban vào thăm và trời là bà muốn nhà bà trở thành nơi thờ phượng Chúa. Bà dùng tàn hơi cuối cùng để hát lên lời ca ngợi Chúa sau ba ngày khổ hình. Những người đồng đạo đã tổng táng, Tu sĩ Urban đã chọn bà trong nghĩa trang nơi chôn bà yên nghỉ.

Như sự mong mỏi của bà Thánh Cecilia, nhà bà trở thành nơi thờ phượng, và nơi khổ hình trở thành nơi tôn kính đặc biệt. Sau nhiều năm lâu đài trở nên mục nát, nhưng đến thế kỷ thứ 9, lâu đài đã được trùng tu qua lệnh của Giáo Hoàng Paschal Đệ Nhất.

Trong khi lâu đài được trùng tu, Giáo Hoàng Paschal đã nằm mơ thấy bà Cecilia xuất hiện và bảo hãy mở cửa nơi bà được chôn cất, và cuộc đào xới đã tìm ra được nghĩa trang Calixtus chung với mộ Valerian, Tiburtius và cả Maximus. Tất cả đã được chọn trong ngôi mộ lớn sau hai lần xây dựng lại mà bấy giờ được biết là Thánh đường Cecilia ở Trastevere.

Đến thế kỷ 16, những cửa mộ bằng đá bồng mở ra trước mặt viên chức Cardinal Baronius, người được chứng kiến sự rõ ràng thi hài bà như mới được táng xác ngày hôm qua, thân thể bà nằm trên mặt quan tài, đầu có vòng hoa tươi như ai vừa đặt lên, những tấm vải bằng vàng và bạc được Giáo Hoàng tìm thấy trong quan tài như mới. Đức Giáo Hoàng thời ấy là Clement VIII cho trám lại ngôi mộ, niên quan tài lại bằng loại chì chắc chắn với nghi thức làm lễ trọng thể cho bà. Người tài giỏi về xây dựng lại Thánh đường thời ấy là

ông Stefano Maderno đã tự tay xây dựng cho ngôi mộ bà, giữ gìn lâu dài với các vật liệu giá trị hiếm có, đã dựng cho bà 96 ngọn đèn sáng luôn như tưởng nhớ tới bà vì đức tin đã hi sinh làm sáng danh Chúa, như tấu nhạc khúc với các thánh thiên thần ca tụng Chúa trên Nước Trời.

Thánh Cecilia được người thời đó xem như là Thánh Tổ Âm Nhạc vì bà có công sáng chế ra đàn Organ thánh thót, nhưng mạnh mẽ nhất là đến năm 1502, trong thế giới âm nhạc ở thành phố Belgium tỉnh Louvain nơi bà Cecilia thường bảo trợ cho người nghèo và là khách quý của thành phố xưa, đã dấy lên phong trào ca kịch diễn về lịch sử của bà và lấy ngày 22 tháng 11 là Ngày Kính Thánh Tổ Âm Nhạc Cecilia.

Đầu tiên ở Evreux Norman, Pháp vào năm 1571, nhạc trưởng danh tiếng là Orlando Lasso đã thắng giải âm nhạc trong đại hội âm nhạc Cecilia, và ở Anh vào năm 1683 những nhạc trưởng Anh đã làm cho ngày đại hội âm nhạc Cecilia trình diễn vĩ đại, các nhà thơ danh tiếng thời đó như Dryden, Shadwell, Congreve và các nhà thơ khác. Cùng với âm nhạc do hai nhạc trưởng khét tiếng phối âm phối khí là Purcel và Blow đã trình diễn 3 ngày liên tiếp với dàn diễn đồng đảo.

Các Thánh đường ở Pháp cũng đã tưởng niệm Thánh Tổ Âm Nhạc Cecilia trong ngày 22 tháng 11 mỗi năm có Nhạc sĩ Adolphe Adam, Gounod Ambroise Thomas với đại lễ hết sức trọng thể.

Tại Đức, Spohr cùng Moritz Hauptmann cũng vinh danh bà bằng những tác phẩm ca tụng nữ Thánh Nhạc, nhất là Nhạc sư Haydn cũng viết cho buổi lễ Cecilia đầy ấn tượng sâu sắc không thể quên được.

Bà Jameson, một nữ sĩ nói: “Bắt đầu từ thế kỷ 15, Thánh Cecilia là biểu tượng cho các ngành nghệ thuật thời đó. Trong dân gian truyền tụng đã nức tiếng, mà trong thơ văn, trong âm nhạc, và trong hội họa, các họa sĩ đã vẽ Thánh Cecilia với khổ hình, rồi với tranh hội họa. Bà đàn nhiều nhạc cụ khác nhau như Organ, Harp, Sáo, Violin, Bass. Bức hình danh tiếng được trưng bày ở Louvres với họa sĩ Misnard về bà đang hát với đàn Harp. Rất nhiều tranh vẽ về Thánh nữ Cecilia đang đàn organ, luôn luôn với cây đàn nhỏ khi bà đàn do Họa sĩ Raphael vẽ lại.



Hơn 600 năm, từ thời Cimabue đến thời đại chúng ta, nhiều họa sĩ đã cho chúng ta thấy vẻ đẹp thanh cao trình tiết của Thánh Cecilia nhưng không có bức tranh nào động tuyệt bích như bức họa của Raphael. Ông cho ta thấy Thánh Cecilia đứng ngẩng mặt nhìn lên nước Thiên Đàng, trong tay đang còn cầm đàn Organ, và trên mây xanh có sáu vị Thiên Thần đang hợp ca. Bên phải là Thánh Paul đang trầm tư, bên hông có thanh kiếm, giữa Thánh Paul và Thánh Cecilia, chúng ta thấy Thánh John truyền giáo. Đứng trước Thánh John bên cạnh có

người nữ Mary Magdalen tay đang cầm bình dầu sau lưng Thánh Augustine vị Giám mục nhìn về Thánh John. Dưới chân nữ Thánh Cecilia ngổn ngang các nhạc cụ như Violin, Cymbals, Triangle, sáo và nhạc cụ khác.”

Mỗi năm trên thế giới đều trình diễn nhạc hay làm lễ tưởng niệm nữ Thánh Cecilia người sáng chế ra đàn Organ, không những là anh hùng tử vì đạo mà còn là Thánh Tổ Âm Nhạc của thế giới.

Linh Phương tôi xin Ông Trên gìn giữ tinh thần âm nhạc, sáng tạo, dẫn thân cho đời và phụng vụ Chúa luôn luôn dù có xảy đến mọi cảnh đời.

Linh Phương

Texas, USA - Hè 2019



*dù sao vẫn cảm ơn đời
cỏ cây và gió mặt trời và hoa
cảm ơn những đám mây xa
đang bay về phía quê nhà
chiều nay
cảm ơn những sớm heo may
lạnh se sắt lạnh
bên này đại dương
cảm ơn giọt nắng vô thường
lung linh
ở cuối con đường khổ đau*

*mười năm nước chảy qua cầu
chuyện về đất nước
là câu chuyện buồn
mười năm sống kiếp tha phương
thân nơi biển bắc
mà hồn biển đông
mười năm
thương ruộng nhớ đồng*

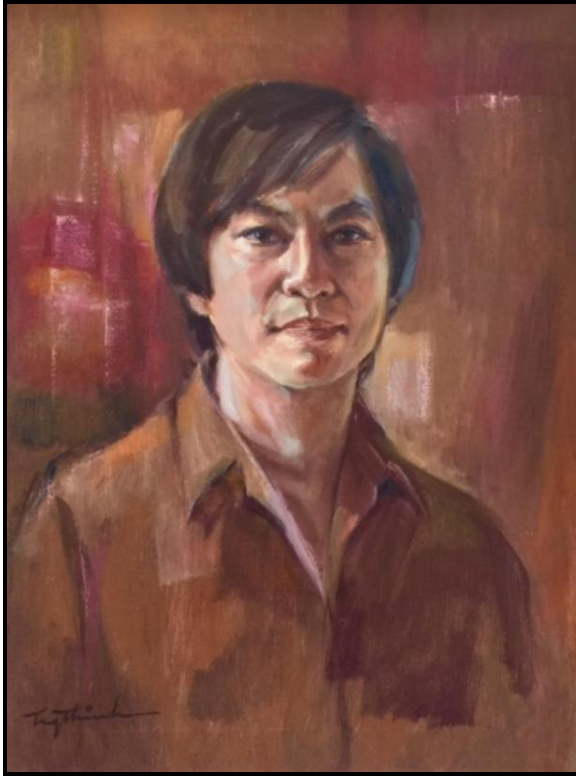
*lòng còn ở lại sao không quay về
mười năm nhớ đất thương quê
bước đi một bước
nặng nề đôi chân
mười năm một thoáng phù vân
tiếng chim vườn cũ
mùa trăng quê người*

*dù sao vẫn cảm ơn đời
biển xanh và sóng núi đồi và em
cảm ơn những sáng êm đềm
khói cà phê quỵện
bên hiên nhà mình
đứng bên bờ vực tử sinh
vẫn nghe em hát bản tình ca xưa
mười năm như một giấc mơ...*

Phạm Cao Hoàng
Virginia, USA - 2009

MƯA ƯỚT VỊ THÀNH

**** Trương Vũ ****



Chân dung Trương Vũ
tranh **Trương Thị Thịnh**, sơn dầu trên bố, 24" x 30", 1986

Cách đây hơn 20 năm, tôi bắt đầu tham dự khá thường xuyên vào các sinh hoạt văn học ở hải ngoại, trong suốt một thời gian khá dài kể cả lúc còn làm việc toàn thời gian ở NASA trước khi về hưu. Hợp tác với Wayne Karlin để thực hiện tuyển tập văn chương chiến tranh *The Other Side of Heaven*, hợp tác với giáo sư Huỳnh Sanh Thông của đại học Yale cho tập san Việt Học The Vietnam Review, viết bài và hợp tác với một số tạp chí văn học Việt Nam ở hải ngoại, thuyết trình ở một số hội thảo về văn học, v.v... Sự tham dự tương đối năng động vào những sinh hoạt đó có vẻ như bất bình thường, vì văn học là một lãnh vực tôi không hề được đào tạo ở trình độ cao. Mà, ngay cả ở trung học, bạn bè đều biết tôi là một đứa học trò rất

tầm thường về môn văn. Từ bé tới lớn, tôi chưa bao giờ có ý nghĩ trở thành một nhà văn hay một giáo sư văn chương.

Một hôm, trong một hội thảo hè dành cho các nhà văn trẻ tổ chức ở đại học St. Mary thuộc tiểu bang Maryland, một nhà văn trao đổi với tôi về trường hợp của cô. Cô mê văn chương, viết rất nhiều truyện ngắn, đang vật lộn với đời sống và phấn đấu với chính mình để xem có nên tiếp tục sống toàn phần cho văn chương và bán phần cho sinh kế, hay ngược lại. Cô muốn tôi lấy kinh nghiệm cá nhân để giúp cô ý kiến. Rất tiếc, hôm đó tôi chẳng giúp gì được vì chẳng có kinh nghiệm nào về chuyện này. Câu trả lời của tôi khá mỏng lung. Văn chương có giữ một vị trí đặc biệt trong đời sống của tôi thật nhưng không phải để tôi trở thành nhà văn, mặc dầu đôi khi, do những gì đã viết ra, nhiều người trong văn giới gọi tôi là nhà văn. Tuy nhiên, nhân câu chuyện trên, tôi thấy cần viết một bài về đề tài này, về cái vị trí của văn chương trong đời sống của mình, để từ kinh nghiệm riêng chia sẻ được gì với người khác. Đặc biệt, tôi muốn chia sẻ với những bạn trẻ giống như tôi trước đây, không được đào luyện tốt về văn chương ở trường ốc và sống với những ngành nghề gần như trái ngược. Tôi xin viết một cách tản mạn, và tản mạn từ những chuyện rất riêng tư.

Tôi tin mỗi người trong chúng ta đều mang trong tim mình những dấu ấn, những tí vết gây ra từ một biến cố trong đời, một chấn động mạnh hay có thể chỉ là một hình ảnh đến rất nhanh, như một nụ cười, một giọt nước mắt, ... Để rồi, sau đó, vào một lúc rất bất chợt, con tim nhói lên, cái cách vui buồn thương ghét trong cuộc đời bỗng thay đổi. Một bài thơ, một cuốn sách đã đọc vào một lúc nào đó cũng có thể làm nên chuyện như vậy.

Tôi xuất thân là một thầy giáo toán, được gọi nhập ngũ khi có lệnh tổng động viên lúc chiến tranh ở miền Nam trở nên tàn khốc. Sau hơn hai năm, được biệt phái trở về dạy học lại. Cách sống của tôi thay đổi hẳn. Đời sống trong quân ngũ có làm tôi thay đổi thật, nhưng ảnh hưởng lớn nhất thật ra là từ một bài thơ, của một nhà thơ sống cách đây hơn ngàn năm ở một nơi xa lắm.

Cách đây gần 50 năm, sau khi tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi đi trình diện đơn vị ở một hải đảo xa. Tôi nhớ, đó là một buổi

sáng mưa nhẹ hột. Trên đường đi đến đơn vị, tôi và một người bạn cùng khóa mang ba-lô đi bộ lên một ngọn đồi, trên đó có một quán ăn nhỏ. Chúng tôi vào quán uống cà phê. Ngồi khá lâu vì mưa bắt đầu nặng hột. Đơn vị ở cách đó không xa nhưng qua mưa không nhìn thấy. Cả hai châm thuốc hút, rồi bỗng nhiên, tôi nhớ tới một bài thơ của Vương Duy. Tôi đọc lên. Bạn tôi chỉ mỉm cười, im lặng, phả khói thuốc, rồi lãng đãng nhìn những giọt mưa rơi từ mái tôn xuống bậc thềm. Năm đó, dù đã dạy học một thời gian trước khi động viên, tôi chỉ mới vừa qua tuổi 26. Bạn tôi, cũng cùng tuổi và cả hai đều đã có gia đình. Tôi nhớ rất rõ bản tiếng Hán, *Vị Thành Khúc* (渭城曲), của Vương Duy:

渭城朝雨浥輕塵，*Vị Thành triều vũ áp khinh trần*
客舍青青柳色新。*Khách xá thanh thanh liễu sắc tân*
勸君更盡一杯酒，*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu*
西出陽關無故人。*Tây xuất Dương Quan vô cố nhân*

Và, cả bản dịch của Ngô Tất Tố:

Trời mai mưa ướt Vị Thành
Xanh xanh trước quán mấy nhánh liễu non
Khuyến chàng hãy cạn chén son
Dương Quan đến đó không còn ai quen

Đây chắc không phải là bài thơ hay nhất của Vương Duy và càng không phải là bài thơ hay nhất của Đường Thi. Chắc cũng không có bao nhiêu bạn đọc cảm xúc gì nhiều khi đọc bài này. Nhưng, với tôi, khi đọc lên tôi xúc động. Tôi biết tôi đã đọc nó lần đầu tiên từ cuốn Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc của Nguyễn Hiến Lê, lâu lắm rồi, khi còn ở trung học, trong căn nhà cũ gần bờ biển Nha Trang, nơi tôi đã sống suốt tuổi thơ. Bài thơ đó, thời gian đó, không gian đó, với những xúc cảm của lúc đó, tưởng quên đi, nhưng không. Cũng từ đó, tôi đọc nhiều sáng tác văn học hơn mỗi khi rảnh và nhớ lại nhiều bài thơ đã học và đã quên.

Ở hải đảo có một thời gian tôi làm sĩ quan tuần tra. Tôi nhớ, một buổi tối, mưa tầm tã, khi hết phiên trực, tôi ghé vào lều của một ông

thượng sĩ già, xin cà phê uống. Ở đó, người sĩ quan trực kế tiếp, MDT, cũng đang ngồi uống cà phê. MDT trước khi động viên dạy Pháp văn ở Huế. Trong khi trò chuyện, bỗng nhiên T. nói về những tiểu thuyết Pháp đang ăn khách như *Bonjour Tristesse*, *Un Certain Sourire*,... của Françoise Sagan, rồi quay trở lại nói về những tác phẩm học ở thời trung học, những tác phẩm của Alphonse Daudet hay Anatole France, rồi Nguyễn Du của ngày xưa, rồi Bùi Giáng của ngày nay, rồi quay sang nói về Sartre, về Camus, v.v... Chúng tôi nói say sưa, ông thượng sĩ già châm thêm cà phê, lặng lẽ nghe và thỉnh thoảng nở nụ cười độ lượng. Trước khi chia tay và bắt đầu phiên trực của mình, T. nói với tôi: "*Tại mình... à la recherche de la jeunesse perdue!*" Tôi cũng thấy mình già đi thật. Bây giờ, mỗi lần nghĩ lại, thấy... tếu tếu. Tuy nhiên, những câu chuyện theo kiểu câu chuyện trong lều của ông thượng sĩ già đó, đã giúp tôi rất nhiều để những ngày tháng nơi hải đảo bớt đi cái nhớ nhà, cái lo sợ, cái nhàm chán. Và, dù hể mở miệng là thích nói về cái tuổi trẻ đã mất, nhưng chính vào thời gian đó, từ những câu chuyện văn chương đó, tôi thấy cái tuổi trẻ thật sự của mình bắt đầu bừng lên một sức sống mãnh liệt. Tôi nghĩ đến những ngày tháng tới, khi không còn chinh chiến, hay khi được trở về với đời sống thường dân, tôi sẽ sống khác, nhìn cuộc đời cách khác. Và, quả thật, khi về lại, tôi vẫn tiếp tục dạy toán, nhưng tôi có khác.

Trên sách vở, trong nghiên cứu, toán học và văn học có một lần ranh rõ rệt, nhưng trong mỗi con người, lần ranh đó có thể rất mờ nhạt. Khi tìm hiểu về cuộc đời các nhà toán học, tôi ấn tượng nhất về một thiên tài mà cuộc đời ngắn ngủi của ông có thể là đối tượng tuyệt vời cho một tác phẩm văn chương. Một thiên tài đã sống tận cùng cho sự đam mê về toán học, về những lý tưởng nhân bản, và về chất lãng mạn trong tình người và tình yêu. Tôi muốn nói về Evariste Galois. Ông sinh ngày 25/10/1811 ở Bourg-la-Reine, Pháp. Năm 14 tuổi đã bắt đầu có những ý niệm mới và nghiêm chỉnh trong toán học. Đến năm 19 tuổi ông đã công bố những công trình quan trọng làm nền tảng cho "Lý Thuyết Galois" và "Lý Thuyết Nhóm" trong đại số trừu tượng (abstract algebra). Trong lúc chăm chú vào những phát kiến toán học, ông vẫn tham gia vào chính trị Pháp, tranh đấu cho nền cộng hòa Pháp, đi đầu trong cuộc biểu tình chống đối vua Louis Philippe. Bị bắt và bị xử sáu tháng tù. Trong tù,

ông ngồi viết tiếp những công trình toán học. Ra khỏi tù tháng 4/1832. Qua tháng sau, để bệnh vực danh dự của người yêu, Stephanie-Felice du Motel, ông chấp nhận tham dự một cuộc đấu súng. Năm ngày trước cuộc đấu, ông viết thư cho một người bạn, tâm sự về mối tình này. Đêm trước khi đấu, biết rằng mình sẽ chết, ông thức suốt đêm để hoàn tất những công trình toán học còn dở dang. Sáng sớm hôm sau, ông bị bắn ở bụng, mọi người bỏ đi, để ông nằm một mình ở đấu trường. Đến 10 giờ, một nông dân nhìn thấy đưa đến bệnh viện gần đó. Chỉ có người em trai, Alfred, được thông báo. Câu cuối cùng ông nói với em: “*Đừng khóc, Alfred! Anh cần sự can đảm để chết ở tuổi hai mươi.*”

Một trăm bốn mươi năm sau, ở Nha Trang, tôi bắt đầu dạy sinh viên Lý Thuyết Nhóm của Galois. Chương trình trung học Pháp đưa Lý Thuyết Nhóm vào năm cuối của ban toán trước đó vài năm. Chương trình trung học Việt thì chưa.

Tôi không phải là một thiên tài như Galois, dĩ nhiên, nhưng toán học ảnh hưởng vào đời sống tôi rất nhiều. Những hiểu biết cơ bản về toán học cũng đã giúp tôi không ít khi đi vào các chuyên môn khác như vật lý hạt nhân, như kỹ sư điện hay như kỹ thuật không gian mà sau này tôi phải sống với nó một thời gian khá dài. Tuy nhiên, điều tôi muốn chia sẻ ở đây với các bạn trẻ là tinh thần toán học, nhất là, thói quen tìm giải đáp cho những nghi vấn, đã giúp tôi đến với văn chương thi vị hơn. Xin kể một câu chuyện. Thời còn ở trung học, tôi được đọc bản tiếng Việt một tác phẩm của Leo Tolstoi, nhan đề *Một Bản Đàn*, do nhà văn Trương Bảo Sơn chuyển ngữ, có lẽ từ một bản tiếng Pháp. Tôi đọc say mê. Tác phẩm xây dựng trên thảm kịch của một cặp vợ chồng. Vì nghi ngờ vợ mình có tình ý với một ông thầy dạy nhạc, một nhà quý tộc giàu có nổi cơn ghen giết vợ. Một truyện dài rất hay. Rất thích nhưng tôi luôn tự hỏi tại sao nhà văn TBS lại đặt nhan đề là *Một Bản Đàn*. Vì, sau này, sau khi được đọc bản dịch tiếng Pháp *La Sonate à Kreutzer*, tôi ngờ rằng Tolstoi rất có cố ý khi lấy tên một bản sonate của Beethoven, “*Bản Sonate cho Kreutzer*”, làm nhan đề cho cuốn tiểu thuyết. Nó phải là bản sonate đó chứ không phải một bản đàn nào cũng được. Ý của Tolstoi, theo tôi, là chính bản nhạc đó, bản sonate đó của

Beethoven, đã đóng góp vào thảm kịch. Nhưng, tôi không chắc lắm, vì không biết gì về bản sonate này.

Hơn hai mươi năm sau, khi sống ở Philadelphia, một hôm có dịp vào thư viện thành phố. Tình cờ, thấy bản tiếng Anh, *The Kreutzer Sonata*, tôi nhớ lại cái nghi vấn ngày nào. Tôi vào phòng thính âm, xin được nghe bản sonate này. Bản “Sonate cho Kreutzer” được Beethoven soạn cho dương cầm và vĩ cầm. Bản tôi được nghe do Arthur Rubinstein và Henryk Szeryng trình tấu. Rubinstein phụ trách dương cầm, Szeryng vĩ cầm. Tôi nghe đi nghe lại nhiều lần. Tiếng dương cầm hòa với tiếng vĩ cầm một cách tài tình, réo rắt, tha thiết, làm ruột gan người nghe thắt lại. Tôi hình dung ra buổi hòa nhạc trong ngôi nhà vị quý tộc. Tôi tưởng tượng ra cảnh ông quý tộc ngồi nhìn vợ mình với ông thầy dạy nhạc say sưa trình tấu, như không cần biết có ai xung quanh. Ông quý tộc giàu có nhưng trong người ông không có bao nhiêu chất âm nhạc, chất thi ca. Ông nhìn cảnh vợ ông (chơi dương cầm) với ông thầy (chơi vĩ cầm) để hết tâm hồn vào bản nhạc. Tiếng nhạc quyện lẫn vào nhau da diết mãnh liệt. Ông hình dung ra một cảnh khác. Ruột gan ông bắn lên nhưng ông ghìm lại. Sau buổi trình tấu, ông vẫn giữ cung cách của một quý tộc, cười nói khen ngợi vợ. Một thời gian ngắn sau đó, thảm kịch xảy ra.

Cách đây ba năm, tôi lên Amazon tìm mua CD bản *The Kreutzer Sonata* cũng do Rubinstein và Szeryng trình tấu để nghe lại. Tôi tin rằng tôi hiểu được ý của Tolstoi khi chọn bản sonate này làm nhan đề cho cuốn tiểu thuyết. Tôi tin rằng cái nghi vấn của tôi đúng. Nhưng, thật ra, đúng hay sai không quan trọng. Quan trọng là chính cái nghi vấn đó đã cuối cùng mang đến tôi một niềm vui, một may mắn, được thưởng thức một bản sonate tuyệt vời. Riêng đối với nhà văn Trương Bảo Sơn, dù vẫn không đồng ý với ông về cách đặt tên cho bản dịch cuốn tiểu thuyết, tôi luôn kính trọng ông, và rất cảm ơn ông đã đem đến cho lớp trẻ chúng tôi vào thời đó một món ăn tinh thần rất có giá trị của Leo Tolstoi.

Leo Tolstoi và Fyodor Dostoyevsky là những tên tuổi lớn của văn học cổ điển Nga, và của cả nhân loại. Ngoài hai nhà văn này, sự hiểu biết của tôi về văn học Nga vào thời còn đi học rất giới hạn. Về sau, do tình cờ, tôi đọc Anton Chekhov qua các bản dịch tiếng Anh

và thích tác giả này, đặc biệt các kịch phẩm của ông như *Three Sisters* (Ba Chị Em), *The Cherry Orchard* (Vườn Anh Đào)... Do thích vở *Three Sisters* nên khi biết vở này được trình diễn tại một kịch viện nhỏ, *The Studio Theatre*, tôi đến xem. Nhân vật chính trong kịch là một gia đình có ba chị em và một em trai. Thời trẻ họ sống ở Moscow khi ông cha chỉ huy một lữ đoàn ở đó, cho đến khi ông về hưu cách đó mười một năm. Sau đó họ mất cả cha lẫn mẹ. Giấc mơ của ba chị em là một ngày nào đó họ sẽ về lại Moscow. Nhiều tình tiết và bi kịch được dựng lên từ đó. Lời lẽ trong vở kịch trình diễn ở *The Studio Theatre* hơi khác trong bản dịch tiếng Anh trong sách một chút. Tối hôm đó, sau khi dự vở kịch xong, về lại nhà, nghĩ lại vở kịch, tôi nhớ nhất câu nói và cách nói của người đóng vai Irina (cô em út) nói với Olga (cô chị cả): "*Chị Olga, em sẽ lấy Nam Tước, em sẽ về Moscow. Tụi mình sẽ về Moscow.*" Và rồi, tôi nghĩ đến một buổi tối ở giảng đường của trường Đại Học Duyên Hải trên đường Yersin, Nha Trang. Tối hôm đó, bạn tôi, giáo sư Bửu Ý, thuyết trình một đề tài đặc biệt: "*Văn Chương Trên Giấy, Văn Chương Trên Sàn Gỗ.*" Trong phần thuyết trình, một sinh viên Việt Hán, Dương Đề, được Bửu Ý chọn lên trình bày vài diễn xuất ngắn. Những câu nói trong phần diễn xuất của Dương Đề luôn chấm dứt bằng câu "*Ngày mai tôi sẽ về Sài Gòn.*" Bao nhiêu năm đã trôi qua, tôi vẫn còn nhớ khá rõ dáng điệu của Dương Đề khi vừa đi vừa nói câu đó trên sân khấu. Bửu Ý là một học giả nổi tiếng, dạy văn chương Pháp ở Đại Học Huế, và cũng là một kịch tác gia. Kịch phẩm *Sương Hồng và Tuyết Địa* của Bửu Ý đã được xuất bản và trình diễn ở Sài Gòn trước 1975. Bửu Ý được mời phụ trách tín chỉ nhiệm ý về kịch nghệ cho sinh viên Duyên Hải và cùng với thầy Bửu Phi giúp sinh viên thực hiện một vở kịch cho đại học. Sau 1975, Bửu Ý có thời gian làm chủ nhiệm ban Văn Chương Pháp ở Đại Học Huế, nhiều lần được mời sang giảng dạy ở Pháp. Anh cũng được tưởng thưởng một huy chương cao quý của Pháp do chính đại sứ Pháp tại Việt Nam đích thân trao tặng. Tuy nhiên, không thấy Bửu Ý còn dính dáng gì đến kịch nghệ. Vở kịch năm xưa chắc chắn không thể nào được tái bản. "*Văn chương trên sàn gỗ*" cùng với trường Đại Học Duyên Hải đã hoàn toàn đi vào quá khứ.

Nhiều thứ đã đi vào quá khứ nhưng vẫn để lại những dấu vết sâu đậm trong tim mình. Tôi muốn nói về một câu chuyện thật, được kể

lại để làm nền cho tác phẩm *The Bridge on the Drina* (Chiếc Cầu trên sông Drina) của nhà văn Nam Tư (Yugoslavia) Ivo Andrić, giải thưởng văn chương Nobel 1961. Tác phẩm lấy bối cảnh của thành phố Visegrad của Bosnia từ thế kỷ 16 trở về sau. Đây là nơi thường xuyên chứng kiến những tranh chấp tàn bạo giữa hai đế chế Thổ và Áo-Hung, và cũng là tranh chấp giữa Hồi Giáo với Thiên Chúa Giáo (gồm Công Giáo và Chính Thống Giáo) liên tục suốt 400 năm. Để ngăn chặn sự phát triển của Thiên Chúa Giáo, người Thổ tổ chức bắt cóc những đứa con nít thuộc gia đình Thiên Chúa Giáo, thường là những gia đình nghèo, đưa sang vùng cai trị của Thổ, bên kia sông Drina. Những đứa bé này được cải sang đạo Hồi và lớn lên như người Thổ. Rất nhiều bà mẹ đưa con đi chợ với mình, quay nhìn lại không thấy con đâu, rượt theo kẻ cướp cho đến bờ sông Drina, dừng lại, ngơ ngác nhìn theo chiếc phà chở con qua sông. Lúc đó, phà là phương tiện duy nhất để qua sông. Bên kia là vùng cai trị của đế quốc Thổ.

Thời gian đầu ở Mỹ, cả gia đình tôi còn lại Việt Nam. Hình ảnh những bà mẹ đứng ngơ ngác bên này sông Drina luôn ám ảnh. Có nhiều đêm, tôi nằm mơ thấy dẫn các con đi chơi, đang ngồi ăn uống vui vẻ, chợt nhìn lại không thấy con mình đâu. Tôi thức dậy, tim còn nhói. Mãi sau này, bao nhiêu năm sau khi đã đoàn tụ đầy đủ với gia đình, những giấc chiêm bao như vậy thỉnh thoảng vẫn hiện ra. Tôi đồng cảm với cái nhói tim của ông Tể Tướng Thổ, Mehmed-paša Sokolović. Một trong những đứa bé bị bắt qua sông Drina như đã nói trên đây được một gia đình quyền quý Thổ nhận làm con nuôi, đổi đạo, đổi tên. Lớn lên, nhờ tài năng, thăng lần lên đến bậc thang cuối cùng của danh vọng, giúp đế quốc Thổ bành trướng tận Trung Âu, giữ chức Tể Tướng (First Grand Vizier) cho Thổ. Với ông Tể Tướng Thổ, chuyện đứa bé bị bắt đưa qua sông ngày nào tưởng đã hoàn toàn đi vào quá khứ. Nhưng không, có người nói là ông thường bị những cơn nhói tim. Vào một lúc như vậy, có lẽ, ông làm một quyết định lớn là cho xây một chiếc cầu qua sông Drina. Xây từ năm 1566 nhưng mãi đến 5 năm sau mới hoàn tất. Và, từ đó, cây cầu cũng như con sông tiếp tục chứng kiến bao đổi thay, bao bi hài kịch của cuộc đời, và cả bao tàn phá lẫn xây dựng.

Ở trên, tôi có nói về buổi thuyết trình của Bửu Ý trong một giảng đường của Đại Học Duyên Hải. Cũng chính trong giảng đường đó, một người bạn khác, nhà thơ Huy Tường, đã trình bày một đề tài về Thi Ca. Tôi xin kể lại đây câu chuyện mở đầu của Huy Tường. Có một ông thần, một buổi tối đẹp trời ông bay qua một con sông, nhìn xuống thấy một người con gái đang tắm dưới ánh trăng. Ông đoán đó là một hình ảnh đẹp và ông muốn biết nó thực sự đẹp như thế nào, ông muốn tận hưởng nó. Ông phải đến gần. Sợ gây tiếng động mạnh làm cô gái hoảng sợ, ông biến thành một con chuột, nhẹ nhàng đến gần cô gái. Tuy nhiên, là chuột thì cái ham thích chỉ là những rác rưởi trên bờ sông, nó không màng gì đến cô gái, nó không thấy cô gái đẹp chỗ nào. Thất bại. Ông biến ra nhiều hóa thân khác. Có hóa thân là một vị hoàng đế trẻ đẹp, quyền uy. Nhưng, khi thấy cô gái, vị hoàng đế chỉ muốn ra lệnh đưa nạp cô vào cung. Thất bại. Và, nhiều thất bại tiếp theo. Cuối cùng, ông quyết định biến thành một thi sĩ. Người thi sĩ thấy được cái hồn nhiên, thanh thoát của cô gái, và cái đẹp tuyệt vời của sự quyện lẫn giữa thân xác mịn màng với trắng vàng long lanh trên mặt nước. Ông thành công.

Huy Tường! Bạn đang ngồi đâu đó, nếu có đọc những dòng chữ này xin đừng cười. Dĩ nhiên là tôi... cương. Bao nhiêu năm tháng đã qua rồi, làm sao tôi nhớ cho đúng hết những gì bạn nói. Nhưng, tôi tin là tôi không sai ý. Dầu sao, tôi cũng chỉ muốn mượn câu chuyện này để nói đôi lời với các bạn trẻ. *Hãy đem văn chương vào đời sống. Dù có làm thơ hay viết văn hay không, hãy đến với cuộc đời bằng tâm hồn của một thi sĩ. Bạn sẽ thấy cuộc đời đẹp hơn. Bạn sẽ thấy con người đẹp hơn.* Dĩ nhiên, bạn vẫn có thể làm thơ hay viết văn mà lại không đến với cuộc đời bằng tâm hồn một thi sĩ. Nhưng, đây là câu chuyện khác.

Khi nhắc đến thành phố Visegrad, nơi có cây cầu được xây qua sông Drina, tôi nhớ đến cái thành phố tôi đã sống suốt tuổi thơ. Như nhiều người, tôi thỉnh thoảng vẫn có một ước mơ biết là không thể có, là có lại cái tuổi trẻ của mình. Của những ngày mà ba má tôi còn, tất cả anh chị em tôi còn và cái hồn nhiên của tôi còn. Chỉ là mơ ước, dĩ nhiên! May mắn là bên cạnh những cái không còn đó, có những cái vẫn còn. Những con sông chảy qua thành phố, và

biển. Từ một con sông chảy ra biển, một sớm nào tôi đã theo đó mà ra khơi. Tôi đã hò hẹn với con sông, với biển, và với bao nhiêu người là tôi sẽ trở lại. Và, tôi đã gặp lại rất nhiều trong số đó. Tôi nhớ mấy câu thơ của một người bạn Nha Trang của tôi, nhà thơ Hải Phương:

Cám ơn biển

biển trùng khơi con sóng vỗ

trăm nhánh sông hò hẹn chuyển đò qua

.....

TRƯƠNG VŨ - Maryland, USA - cuối tháng 7 năm 2017

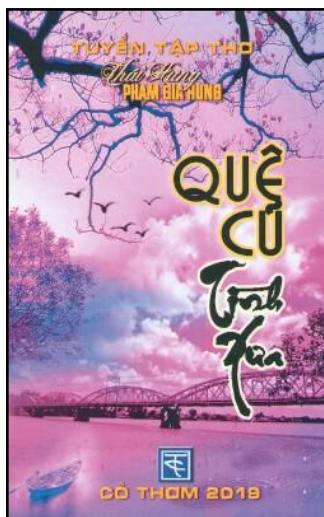
(Trích từ tuyển tập tiểu luận **ĐUỔI BÓNG HOÀNG HÔN**,
NXB Nhân Ảnh, Hoa Kỳ, 5.2019)



Bình Minh Sau Đêm Mưa

sơn dầu trên bố, 20" x 16" - Tranh: **Trương Vũ**

thực hiện xong ngày 14 tháng 6 năm 2019



Cỏ Thơm hân hạnh giới thiệu tập thơ
xuất bản năm 2019:

QUÊ CŨ TÌNH XƯA

Tác giả: **THÁI HƯNG/PHẠM GIA HƯNG**

Giá ấn phẩm: \$15

Liên lạc: phamgiahung36@gmail.com

Gồm 100 bài thơ tuyển chọn, ghi lại những kỷ niệm đẹp của tác giả với quê hương, thân phụ mẫu, gia đình, người yêu, học trò, thân hữu, thời chinh chiến, “bên trời tây nhớ trời đông” ...

Mời quý vị xem bài mở đầu trong tập thơ:

ÁO TRẮNG NGÀY XƯA

Nhớ ngày tháng cũ tuổi thơ,
Em mang áo trắng
mộng mơ tới trường.
Áo bay đi khắp phố phường,
Em như tiên nữ thiên đường
xuống đây.

Hè sang phượng nở ngát ngây,
Em cài trên áo
màu mây tuyết vời.
Ôi màu hoa đỏ nhớ đời,
Màu hoa thương nhớ
của thời học sinh.

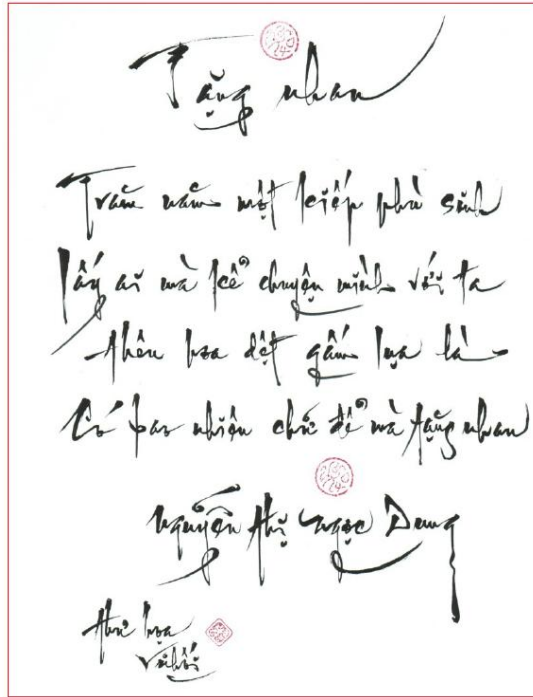
Môi hồng ánh mắt lung linh,
Tình thơ trong trắng
chúng mình bên nhau.
Quê hương chinh chiến sầu đau,
Tình nhà nợ nước
trước sau chu toàn.

Giã từ Thầy, Bạn lên đàng,
Cuộc đời lính chiến
muôn vàn hiểm nguy.
Bốn vùng chiến thuật ta đi,
Vì dân vì nước khắc ghi lời thề.

Nhớ nhau mong một ngày về,
Mơ chân trời tím vai kề cùng ai.
Người Em tóc chấm ngang vai,
Bên Anh áo trận
trần ai lạ thường.

Hai tư giờ phép yêu thương,
Ngày vui hạnh phúc
vẫn vương suốt đời.
Mai đây tạm biệt xa vời,
Anh về đơn vị mây trời nhớ Em...

Thái Hưng/PGH
Virginia, USA



“...Những đoạn văn trong tập truyện này đã được đăng trong Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ nhiều năm nay. Tất cả với hình thức tự truyện, ký sự, thư chủ nhiệm, những bài tường thuật các buổi họp mặt, ra mắt sách, các bài giới thiệu sách, giới thiệu tác giả, tưởng niệm các tác giả thân hữu quá cố, các chuyến du lịch đáng ghi nhớ của gia đình Cỏ Thơm. Nguyễn Thị Ngọc Dung muốn gom góp lại những kỷ niệm với các văn thi gia, độc giả thân quen gần xa trong thời gian 17 năm đã điều hành Tạp Chí Văn Học Cỏ Thơm và Cơ Sở Cỏ Thơm trước đây...”

Mời xem tập truyện online “NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP” của Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Tủ Sách trong website Cỏ Thơm sau đây:

<http://www.cothommagazine.com/images/stories/sachcothom/NguyenThiNgocDung/NhungKyNiemDep-NTNgocDung-July2019.pdf>

ĐỌC TẬP TRUYỆN “NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP” CỦA NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

**** Phạm Trọng Lệ ****

Vài dòng **cảm tưởng** sau khi đọc xong tập truyện **Những Kỷ Niệm Đẹp** của tác giả **Nguyễn Thị Ngọc Dung**, ấn bản online trên **Cỏ Thơm**, ấn hành tháng Bảy năm 2019.

(Nguồn: **Tạp Chí Cỏ Thơm**, năm thứ 24, số 85, tháng 7, 2019, trang 146). Link dưới dạng PDF sau đây:

<http://www.cothommagazine.com/images/stories/sachcothom/NguyenThiNgocDung/NhungKyNiemDep-NTNgocDung-July2019.pdf>)

Tuyển tập 293 trang **Những Kỷ Niệm Đẹp** gồm trên 30 đoạn văn, đầu góp lại những bài viết của tác giả đã đăng trên các số tam cá nguyệt san **Cỏ Thơm** trong 17 năm qua trong khi bà nhận nhiệm vụ chủ bút và chủ nhiệm của tập san văn học tại miền Đông Hoa Kỳ.

Tập truyện gồm nhiều thể loại như tự truyện, ký sự, thư chủ nhiệm, những bài tường thuật các buổi họp mặt, ra mắt sách, xum họp trong gia đình tác giả, giới thiệu các tác giả, các chuyến du lịch thăm danh lam thắng cảnh, kỷ niệm với các văn thi sĩ ...những chuyện mắt thấy tai nghe, tất cả được viết với văn phong giản dị, trong sáng và quyến rũ.

Điều đáng nể phục là tuyển tập này chỉ là một trong chín tác phẩm của một nhà văn nữ, một mình đi làm nuôi con, và sau khi lập lại cuộc đời mới với ông Robert Senser trong ngành ngoại giao, lo công việc nội trợ, săn sóc các con ăn học, và khi các con lên đại học hay đã tốt nghiệp, thì bà mẹ nhận trách nhiệm chủ bút và chủ nhiệm tờ báo văn học. Mấy lời khen này tuyệt nhiên không có ý coi nhẹ công trình văn học của một nhà văn nữ, nếu ta nhận rằng vì nền giáo dục cổ xưa cùng tục trọng nam khinh nữ, cho đến đầu thế kỷ 20, đã khiến không có nhiều nữ văn sĩ trong lịch sử văn học nước nhà. Ngược lại, mấy dòng nhận xét này nhấn mạnh đến sự bền bỉ và kiên nhẫn trong việc theo đuổi mục đích làm văn học của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Nhìn từ một khía cạnh khác, đây là một “ký sự tâm huyết” **Xác Nhận sự Hiện Hữu và Sinh tồn của Bản Ngã một Phụ nữ Việt** -- một tâm hồn nhạy cảm đã can đảm vượt qua sóng gió của cuộc đời, lo cho gia đình, rồi nhận trách nhiệm lo cho tập san và Tủ Sách Cơ Sở **Cỏ Thơm**. Không chỉ chọn lựa các bài viết, liên lạc với nhà in, in ấn tập san đúng hẹn, gửi sách đi cho các thân hữu hội viên mà còn phỏng vấn, giới thiệu sách, ghi lại kỷ niệm với một số nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ, biên khảo, còn sống hay đã mất, và những kỷ niệm của các buổi ra mắt sách hay du ngoạn. Tóm lại, đây là 17 năm hoạt động văn nghệ của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung. Người đọc sẽ thấy một nhóm văn thi nhạc

họa sĩ và nhiếp ảnh gia, đa số tại miền Đông, một số từ miền Tây và Nam Hoa Kỳ và một số từ Đức, Anh, Pháp, Canada, Úc, và những nơi khác, đã cùng nhau góp tài nghệ riêng của mình dưới sự điều khiển mềm mỏng, trì chí và tận tụy của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung để trở nên một cộng đồng văn học sống động tại hải ngoại.

Và cũng từ khía cạnh đó, những truyện ngắn, truyện dài, khảo cứu, những bản nhạc, lời thơ, nét họa hay hình ảnh có thể coi như những cố gắng của một nhóm người làm văn nghệ cung hiến tác phẩm của mình, và như tất cả những người cầm bút, ai cũng mong được cộng đồng đón nhận, thưởng thức và, như nhà thơ Mỹ Robert Frost từng nói, cũng là những cố gắng của con người tự do suy tưởng muốn “tạm thời trì hoãn sự rối loạn” của một thế giới biến chuyển không ngừng (“a temporary stay against the confusion” of a rapidly changing world).

Ấn bản online có nhiều ưu điểm hơn ấn bản in trên giấy: nhiều hình màu; những sửa đổi, nếu có, có thể bổ chính kịp thời và không tốn thêm. Hơn nữa, là một quà tặng của tác giả, ấn bản này miễn phí và có thể phổ biến cho nhiều người đọc khác. Nếu chuyển xuống máy iPad thì có thể mang theo khi ra khỏi nhà đọc lúc nhàn rỗi hay khi ngồi trên xe buýt hay xe điện ngầm trên đường đi làm hay khi ở sở về.

Những dòng viết này, trộm nghĩ, sẽ trở nên thừa vì **Những Kỷ Niệm Đẹp** với những câu văn giản đơn và chân thật, đôi lúc dí dỏm, tự nó dư sức lôi cuốn người đọc, nên tôi không ngạc nhiên thấy mình đã bắt đầu thì không muốn đặt sách xuống.

Đọc giả chưa đọc tập truyện này xin mời bước lên **Con Tàu Thời Gian Time Machine** để cùng tác giả và những bạn văn của bà, nhìn lại thời gian qua và tìm thấy vài nét tâm tư của tác giả, và của bạn hữu trong hai thập niên. Bạn sẽ nghe thấy những lời thơ, giọng nhạc hay tiếng cười của chính mình hay của bạn mình, những người không để tuổi đời và lòng nhớ quê cũ làm chùn bước; trái lại, ngoài công việc mưu sinh hàng ngày, họ đã chia sẻ thời giờ, ý nghĩ, âm thanh và màu sắc, ghi lại đời sống tri thức của một cộng đồng nhỏ bé, ban đầu còn là người di cư/tỵ nạn, nay là công dân của những xứ dân chủ tự do, gắng ghi dấu sự hiện hữu của mình nơi quê hương thứ hai trên quả đất này.

Cám ơn nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã kể lại những kỷ niệm khó quên của Cỏ Thơm trong tác phẩm online thứ ba của bà.

GS **Phạm Trọng Lê**
Virginia, USA 8/15/2019



MƯA ĐÊM LẮT PHÁT

*Đêm khuya mưa lất phát rơi,
Chắc là mây ở trên trời đang bay;
Chắc là em đã ngủ say,
Đã nguôi ngoai chuyện buồn ngày hôm qua.
Em buồn trông đẹp thêm ra,
Anh lầy rồi đó, thật là buồn ghê!
Dùng dằng tới lúc anh về,
Từ khi anh đến không hề hôn nhau!
Cầm tay em cũng ngại lâu,
Hững hờ nghe kể vài câu vui đùa...*

*Đêm khuya lất phát còn mưa,
Sáng mai gặp lại...muộn chưa cô mình?*

NGUYỄN PHÚ LONG

Virginia, USA

(Trong tập “Biết Bao Nhiêu Tình” – 2001)



Hồng Mơ hát “MƯA ĐÊM LẮT PHÁT”

Thơ: **Nguyễn Phú Long** - Phổ nhạc: **Dương Quang Cát**

<https://www.youtube.com/watch?v=3Pfo9EOFZn8>



VỀ LẠI DÒNG SÔNG

** Trần C. Trí **

Xe đồ vừa vào Phan Rang thì kỷ niệm cũng vừa tràn về thốc tháo trong lòng bà, như làn gió nóng của miền Trung nắng cháy đang lùa vào các khung cửa xe một cách hăm hở. Bà gỡ đôi kính mát xuống để nhìn hai bên đường cho rõ hơn. Phan Rang. Con đường Thống Nhất. Bốn mươi năm. Nhưng bà ngạc nhiên vì thấy mình không đến nổi lạc lõng sau những năm tháng dài như thế. So với nhiều thành phố khác, Phan Rang dường như không thay đổi gì mấy. Rõ ràng là con đường cũng như mấy thập kỷ qua, không được mở rộng ra chút nào. Từng hàng cây cổ thụ để đến trăm năm vẫn còn lác đác chạy dài theo hè phố. Nhà cửa có lô nhô nhiều căn cao hơn trước, nhưng chưa đủ để thành phố có một khuôn mặt khác lạ đối với người lữ khách lâu ngày vừa trở lại.

Bà không còn nhớ nhà Khanh ở khúc nào. Nhớ sao được, khi thời gian đã chập chùng chồng lên nhau, chồng lên ký ức, chồng lên cảm xúc, chồng lên biết bao nhiêu cảnh vật, chồng lên biết bao nhiêu con người ẩn hiện trước sau trong những đoạn đời khác nhau. Nhưng có một điều bà còn nhớ rất rõ. Đó là hình ảnh bà và Thủy Trúc ngại ngùng đứng trước nhà Khanh, một căn phố mặt tiền bày bán những mặt hàng tạp hoá. Bà còn nhớ cảm giác buồn buồn lúc đó, khi nắng trưa đang dần thắm màu trên con phố ngái ngủ của đường Thống Nhất. Khanh rất ngạc nhiên khi thấy hai cô bạn cùng lớp đứng thập thò trước cửa. Thủy Trúc nhanh miệng chào Khanh trước và vào đề ngay:

- Tụi này mới đi thăm Vũ ở Phước Thiện về. Đi xe ôm hai vòng hết cả tiền. Cảm phiền Khanh cho tụi này mượn một ít mua vé xe lửa về lại Nha Trang.

Bà cũng nhớ là vì Thủy Trúc đã nói hết những điều khó nói rồi, lúc ấy bà chỉ biết nở một nụ cười gượng gạo với Khanh như để thăm phụ hoạ với bạn. Khanh cũng biết tình cảnh đó khá tế nhị nên vồn vã mời hai cô vào uống nước, ân cần hỏi thăm về những ngày hè vừa qua của hai cô ở Nha Trang, và không quên giúi nhanh vào tay Trúc mấy tờ giấy bạc còn nguyên nếp gập.

Không biết bây giờ Khanh còn ở đây hay không, làm gì, vợ con ra sao. Bà nghe mình thở dài thật nhẹ, hai mắt thoáng cay cay. Chiếc

xe đò rời đường Thống Nhất, rẽ trái, đi thêm một đoạn rồi từ từ đổ vào bến xe. Bây giờ cũng là buổi xế trưa như mấy mươi năm trước. Cũng là trời đất Phan Rang. Nắng vẫn còn một màu vàng như mật ong như ngày nào. Thủy Trúc bây giờ đã vĩnh viễn nằm trong lòng đất ở một nơi xa nơi đây lảng lác, một thành phố nhỏ ở tiểu bang Florida. Bà đang quay lại chốn cũ. Bà đón chuyến xe khách cuối cùng trong ngày về Phước Thiện để gặp lại Vũ. Giờ này chắc ông cũng đang trông bà lấm đây.

Ngày trước, bà có hẹn lòng là sẽ tìm gặp lại Vũ khi tự thấy tình cảm của mình đã hoàn toàn nguội lạnh. Thật ra, chuyện đó xảy ra nhanh hơn bà tưởng. Thuở ấy, bà tự cho mình năm năm để quên Vũ, nhưng mới một năm sau, tình yêu của Hồ đã làm bà quên Vũ đi thật chóng vánh. Không có liều thuốc nào chữa căn bệnh tình yêu hiệu nghiệm bằng một tình yêu khác. Đến khi nhận được lá thư của Vũ gửi đi từ Việt Nam sau nhiều năm không liên lạc, bà đang ở California, mới bắt đầu bước vào tuổi bốn mươi. Bà lạnh lùng nhìn dòng chữ nắn nót quen thuộc của Vũ từ thời còn đi học. Lúc đọc thư, một lần nữa bà thấy rõ trong lòng mình không còn mảy may sót lại một chút cảm xúc nào. Lúc ấy, bà bỗng mỉm cười một mình với ý nghĩ rằng giá mấy mươi năm trước mình được điểm phúc đọc những dòng chữ của Vũ như thế này thì tuổi mới lớn của bà chắc đã vui thêm biết mấy! Sau đó ít lâu, Vũ và bà hẹn nhau ngày giờ để nói chuyện qua điện thoại viễn liên. Thời đó Internet ở Việt Nam còn hiếm hoi, Vũ phải chạy ra một quán café internet để gọi cho bà. Đường dây không nhạy, mỗi lần ai nói một câu xong phải đợi thật lâu người bên đầu dây kia mới trả lời. Chẳng khác gì một cuộc đối thoại từ hai thế giới khác nhau. Câu chuyện hai bên trao đổi thật lạt lẽo, bà nói như người không hồn, chỉ mong mau kết thúc cuộc điện đàm. Cúp máy xuống, bà bùi ngùi tiếc nhớ những cảm xúc bùng bột nhưng cũng thật nồng nàn thời thanh xuân, giờ không tìm đâu thấy nữa.

Nhưng năm tháng rồi cũng có thể đổi thay những suy nghĩ, những tình cảm sâu kín trong lòng. Cuộc sống của bà khép lại sau cuộc ly dị với người chồng trong một cuộc hôn nhân không tình yêu, không con cái. Bà lao vào những hoạt động từ thiện trong cộng đồng địa phương để bớt đi những giờ phút trống trải. Đây là lần đầu bà trở về Việt Nam, theo chân một nhóm bác sĩ chữa mắt miễn phí cho trẻ em trong các viện mồ côi ở phía Nam. Ở Sài Gòn, bà tình cờ gặp lại

Vương, một bạn học cũ của bà và Vũ. Quê của Vương ở Hộ Diêm, không xa Phước Thiện của Vũ là mấy. Khi bà hỏi thăm về Vũ, Vương cho biết là Vũ vẫn khỏe, nhưng vợ Vũ là Ái mới mất vài năm nay. Lúc chia tay, Vương cho bà số điện thoại của Vũ.

Buổi tối hôm ấy, sau khi làm việc với nhóm bác sĩ ở một viện mồ côi ở Gò Vấp, bà trở lại khách sạn với một tâm trạng bồi hồi khó tả. Sau bữa cơm chiều ăn vội vàng, bà ngồi thẩn thờ trên chiếc sofa cạnh cái cửa sổ kính, nhìn xuống thành phố đã lấp loáng lên đèn. Xe cộ như mắc cửi ngược xuôi qua lại. Không dưng bà thấy thật lạc lõng và cô đơn trong căn phòng máy lạnh đang chạy vù vù. Trong cả nước Việt Nam mênh mông này, lần đầu tiên bà mới cảm nhận được sự cô độc của mình. Bà không còn gia đình hay bà con thân thuộc gì ở đây nữa. Bạn bè ngày xưa mỗi người một ngã. Như một phản xạ, bà với tay lấy chiếc điện thoại, tìm số của Vũ để bấm vội bấm vàng dãy số dài.

Và đó là lý do bây giờ bà đang ngồi trên chiếc xe khách nhỏ, cùng với những hành khách dưng dưng như đã mệt nhoài sau một ngày dài nóng bức. Từ Phan Rang đến Phước Thiện, bây giờ người ta có thể đi lại thuận tiện hơn trên đường tráng nhựa. Ngày xưa, bà và Thủy Trúc, hai cô gái mới lớn, đã thật là liều lĩnh khi ngồi sau lưng một người đàn ông xa lạ đi xe ôm từ ga Tháp Chàm về thôn Phước Thiện. Bà nhắm mắt lại, cố hình dung ra hình cảnh vừa buồn cười, vừa tội nghiệp đó. Hồi đó chiếc xe gắn máy chở hai cô gái trên đường đất, chỗ lồi, chỗ lõm, chỗ chênh vênh, hai bên gần như là đồng không mông quạnh. Bây giờ, chạy dọc theo con lộ là nhà cửa san sát, hàng quán hết cái nọ tới cái kia. Bà chợt cảm thấy xa lạ trong chiếc xe ngọt ngào, trong cảnh vật hai bên đường, mặc dù bà hiểu hết ngôn ngữ lao xao của những người chung quanh mình.

Chiếc xe uể oải đậu lại ở đầu thôn khi những tia nắng cuối cùng cũng vừa buông xuống. Nhiều đứa trẻ trần trụi đang đá banh trên khoảng đất trống còn lại, cạnh một vài chiếc xe khác như đang thiu thiu ngủ trong nắng quái chiều hôm. Hành khách lục tục bước xuống. Vũ nhác thấy bà vừa xuống xe. Ông vội vàng đi tới, thốt lên:

- Thủy Linh!

Bà nhớn nhác nhìn ông, rồi cũng khẽ nói như reo:

- Anh Vũ!

Vũ mau mắn đỡ lấy cái túi xách trên tay bà. Ông chỉ về phía trước:

- Xe tôi đậu đằng kia. Từ đây về nhà đi bộ cũng hơi xa.

Xe của Vũ là một chiếc gắn máy cũ kỹ hiệu Honda. Bà vừa đi vừa cười bảo Vũ:

- Ngày xưa Thuỷ Trúc và tôi đi xe ôm đến thăm anh. Bây giờ anh lại làm tài xế xe ôm cho tôi.

Vũ nheo mắt:

- Chuyện gì cũng có thể xảy ra được há. Thuỷ Linh đi xe có mệt không?

Bà lắc đầu:

- Không mệt bằng chuyến xe từ Sài Gòn ra Phan Rang đâu anh.

Vũ cột cái túi xách của bà vào yên sau xe, chừa một chỗ vừa vịn cho bà ngồi. Chiếc xe phóng đi, để lại một làn bụi mỏng phía sau. Trời nhá nhem tối, bắt đầu có những làn gió mát như để bù đắp lại một ngày oi bức của quê hương gió cát. Bà vòng tay ôm eo Vũ, nhưng chỉ giữ hờ, lỏng lẻo chứ không dám ôm chặt. Mùi đồng ruộng và mồ hôi toát ra từ chiếc áo khaki sờn rách trên người Vũ. Chợt bà lại có cái ước ao đầy tiếc nuối như cảm giác lúc đọc lá thư của Vũ, rằng giá như ngày xưa bà có dịp tựa đầu vào tấm lưng trai tráng của Vũ trong những ngày tình yêu đang là trái đắng...

Xe chỉ chạy một thoáng là đến nhà Vũ. Vẫn là căn nhà của bao nhiêu năm về trước, khi Thuỷ Trúc và bà bỡ ngỡ bước vào. Căn nhà tăm tối, ánh sáng của hai chiếc néon không đủ xua tan vẻ ảm đạm, u trầm đang bao phủ khắp nhà. Mùi ẩm mốc hăng hăng bay vào mũi bà. Bà nhìn quanh quất. Không có ai trong nhà ngoài chủ nhân của nó. Bà có cảm tưởng thời gian đã quên ghé qua căn nhà câm lặng này trong ngần ấy năm trời. Tưởng như ngày xưa lúc bà đến là một cô gái, nay bà trở lại là một phụ nữ đứng tuổi, không có gì xảy ra trong đó cả.

Vũ đặt cái túi xách của bà xuống một chiếc ghế, kéo tay bà đến gian phòng thờ ngay giữa nhà, chỉ cho bà xem một bức ảnh bên cạnh những bức đã cũ hơn:

- Hình của Ái đó. Ái mắt cũng ngót nghét ba năm rồi.

Bà hỏi xin Vũ một cây nhang. Vũ giúp bà mời lửa. Bà chấp hai tay lại, nâng cây nhang lên ngang vầng trán, lâm râm khấn vái, thầm xin phép bà chủ nhà đến thăm gia đình. Cắm cây nhang vào bát nhang xong, bà quay lại nói với Vũ:

- Xin chia buồn cùng anh nhé. Chắc anh không nhớ đâu, nhưng tôi vẫn còn nhớ như in ngày anh đưa tôi và Thuỷ Trúc qua thăm Ái, lúc hai ông bà sắp lẩy nhau.

Vũ nhìn bà đăm đăm:

- Linh nhớ gì?

Bà nhìn thẳng vào bức chân dung của Ái. Đôi mắt của người chết trong ảnh lúc nào cũng như thật có hồn, luôn luôn hướng về người đang nhìn ảnh, dù người đó đang đứng chỗ nào đi nữa. Bà nói như đang trong giấc mơ:

- Tôi nhớ Ái thật dịu dàng, có phần nhút nhát nữa. Ái xưng hô với tôi và Thuỷ Trúc rất trịnh trọng. Tôi còn nhớ là ngay lúc đó, Ái đang nghe một bài nhạc Pháp trong máy cassette mà tôi rất thích.

Vũ hỏi, giọng cũng như đang mê ngủ:

- Linh còn nhớ bài đó là bài gì không?

Bà say sưa đáp:

- Làm sao tôi quên được. Bài đó là bài « Ensemble » do Art Sullivan hát. Bài hát đó trở thành một ám ảnh của tôi, cùng với bài « Une belle histoire » của Michel Fugain.

Bà quay lại nhìn Vũ :

- Ở bên Mỹ, lâu lâu có dịp nghe lại một trong hai bài này, lúc nào tôi cũng nghĩ đến những ngày chúng ta còn đi học với nhau.

Vũ nhìn lại bà, rồi nhìn chân dung vợ trên bàn thờ :

- Tôi cũng thích hai bài này lắm. Chính tôi đã tặng cho Ái băng cassette đó. Tôi biết là hôm ấy Ái cố tình để nhạc lúc Linh và Trúc ghé chơi.

Đoạn Vũ nhắc bà :

- Linh vào trong rửa mặt cho khoẻ. Tôi dọn cơm ra ăn nhé.

Lúc bà trở ra, khoẻ khoắn trong bộ pyjama màu hồng, Vũ đã ngồi đợi sẵn bên mâm cơm đạm bạc : một đĩa rau muống luộc, hai khứa cá kho và một tô canh bí với tôm khô, lỏng bỏng nước nhiều hơn cái. Vũ mời bà cầm đũa :

- Ở Mỹ lâu năm về, hy vọng Linh đừng chê cơm nhà quê nhé !

Bà nhìn Vũ :

- Nãy giờ tôi chưa hỏi thăm con cháu anh thế nào.

Vũ vừa xới cơm vào chén cho bà, vừa đáp :

- À, hai thằng con trai của tôi ở cũng gần đây thôi. Thằng lớn có ba đứa con, thằng nhỏ hai đứa. Con gái út của tôi ở Sài Gòn, mới lẩy chồng năm ngoái.

Bà cười nhẹ :

-Vậy anh là ông nội của năm đứa cháu lận !

Vũ nheo mắt :

- Ông nội này bây giờ ốm o gầy mòn, không còn là « gấu bông » như cô Thủy Linh ngày xưa vẫn thường gọi đùa nữa đâu !

Sau bữa ăn, mọi việc diễn ra gần giống như mấy mươi năm trước, giống một cách dị thường. Cũng là một đêm có trăng, Vũ và bà cũng ngồi trên bậc thềm trước nhà. Chỉ thiếu Thủy Trúc. Bà ngậm ngùi kể lại cho Vũ nghe vì sao Thủy Trúc chết. Khi đêm sâu lắng hơn, cả hai không nói gì thêm nữa. Trăng đã lên thật cao. Vũ đưa bà vào chiếc giường mà ngày xưa bà đã ngủ lại, cùng với Thủy Trúc. Bà lại nằm thao thức trong bóng đêm, như ngày xưa đã từng thao thức. Rồi bà chợt tự hỏi : « Tại sao ta lại trở về nơi đây ? Một nơi ta đã về và đã trốn chạy như trốn cái bóng của chính mình ? » Bà nằm miên man mãi như thế rồi mới chớp mắt được một chút khi tiếng gà trong thôn đã bắt đầu eo óc gáy.

Khi bà mở choàng mắt, ánh nắng đã vào sâu trong gian phòng ảm thấp. Bà nằm lặng đi một chút mới định thần biết mình đang ở đâu. Lần này bà đang thật sự ở Việt Nam, không như bao nhiêu giấc mơ trước bà thấy mình về lại quê nhà, tưởng là thật rồi cuối cùng tỉnh dậy cũng chỉ là một giấc mơ. Vũ đi ngang qua phòng, đứng lại ở ngưỡng cửa, nói vọng vào :

- Thủy Linh dậy chưa ? Sủa soạn rồi mình đi ăn sáng nhé.

Khoảng mười lăm phút sau, Vũ và bà tản bộ trên con đường chính trong thôn. Buổi sáng ở thôn quê khá êm ả, một vài người đi ngang tò mò nhìn người đàn bà ăn mặc khác với những cô gái quê cần mẫn, làm lụng suốt ngày. Vũ đưa bà đến một quán nhỏ ở giữa thôn, gọi cho hai người bữa sáng. Một cô bé loắt choắt mang đến cho hai người cà-phê và hai đĩa trứng ốp-la kèm hai ổ bánh mì nóng hổi. Bà thích thú ngắm nghía cái phin cà-phê mà lâu rồi bà không nhìn thấy. Vị cà-phê nồng nàn làm bà tỉnh táo hẳn. Vừa ăn, bà vừa hỏi thăm Vũ thêm về các con cháu của Vũ. Vũ cũng hỏi lại về gia cảnh của bà. Bà vừa trả lời vừa nghịch những vụn bánh mì trên tay :

- Không biết phải nói là hên hay xui, nhưng tôi đã gặp vài người đàn ông, mà rốt cuộc cũng chẳng trọn vẹn với ai. Tôi sống một mình ở bên Mỹ, không con cái gì hết.

Câu trả lời của bà khiến không khí trở nên nặng nề một chút. Khi hai người đã uống hết cà-phê, Vũ đứng dậy bảo :

- Bây giờ tôi đưa Linh đi một vòng thăm thú xem Phước Thiện ngày nay khác với hồi xưa Linh về chơi thế nào nhé.

Hai người đi một quãng xa mới đến một vườn cây rậm rạp, sum sê những trái đủ màu, vàng có, cam có, đỏ có. Vũ chỉ vào những lùm cây xanh mướt, nói với bà :

- Sắp đến mùa thu hoạch hạt điều rồi đó Linh. Hồi giờ Linh đã thấy trái đào lộn hột chưa ?

Bà cười nhẹ :

- Có, anh ạ. Ngày xưa tôi tưởng hột điều và trái đào lộn hột là hai thứ không ăn nhập gì đến nhau cả.

Vũ nói, giọng đều đều :

- Bao nhiêu năm nay, nhà tôi phải thay đổi canh tác theo xu hướng của thị trường. Ngày trước tôi trồng thuốc lá, lúc Linh với Trúc về đó. Sau tôi đổi qua trồng nho một thời gian. Bây giờ hột điều là mặt hàng xuất cảng phổ biến nên tôi chuyển qua loại này từ mấy năm nay.

Ông khẽ thờ dài, nói tiếp :

- Tôi cũng sắp giao lại mảnh đất này cho hai cháu, để cho tụi nó lo. Lâu nay làm lụng như vậy cũng đủ rồi.

Bà làm thính nghe Vũ nói. Bà như say nhè nhẹ trong bầu không khí thính lặng, bàng bạc mùi hương của cây trái, lẫn với mùi nồng nồng của đất. Cả hai quay trở lại, đi ngang ngôi nhà thờ cổ kính trong thôn. Bà chợt nhớ lại ngày xưa, bà hay theo Thủy Trúc đi nhà thờ chỉ vì... Vũ. Vũ lúc ấy là một chủng sinh tại một chủng viện phải giải tán vì chính quyền cộng sản địa phương thời đó không mặn mà gì với một cơ sở như vậy. Bà vừa ngó về phía nhà thờ, vừa nói với Vũ :

- Chắc anh Vũ không ngờ ngày xưa tôi hay đi nhà thờ với Thủy Trúc mặc dù không không có đạo.

Đoạn bà cười to trước khi nói :

- Bây giờ tụi mình già hết rồi, tôi mới có thể thú thật với anh. Ngày xưa tôi yêu anh lắm. Anh là mối tình đầu của tôi. Nói một cách sến súa, đó là một mối tình đơn phương !

Vũ cười tủm tỉm :

- Tôi biết chứ.

Bà nghe như tim mình mới thoát khỏi một sợi dây vô hình buộc vào một tảng đá nặng mấy chục năm trời. Bà miên man nói tiếp :

- Tôi có hai điều muốn hỏi anh về ngày xưa, lúc tụi mình còn đi học chung lớp ở Nha Trang. Anh còn nhớ lúc đó mình chơi với nhau khá thân, phải không ? Vậy mà hôm đi lao động ở Suối Dầu, tại sao có bữa anh đột ngột giận tôi không duyên cớ gì hết vậy ? Cho đến mấy tuần sau luôn. Thế rồi, điều thứ hai tôi muốn hỏi anh, tại sao ngay trong bữa liên hoan trong lớp trước khi mọi người nghỉ hè, anh lại mang một đĩa bánh ngọt đến cho tôi để làm hoà và nói lời xin lỗi tôi ? Hai câu hỏi này ám ảnh tôi bao nhiêu năm trời nay, anh có biết không ?

Vũ tránh không nhìn bà, vẫn hướng mắt về phía trước, hắng giọng mấy cái rồi mới đáp:

- Thuỳ Linh à, tôi không ngờ hôm nay tôi lại có dịp bộc bạch về những điều khi chúng ta còn là con nít như ngày xưa đó. Linh cũng biết là sau năm học đó, tôi về nhà cưới Ái làm vợ. Ở nhà quê này chuyện lấy vợ lấy chồng khi chưa tròn đôi mươi là chuyện thường tình. Ái và tôi chơi với nhau từ khi còn thò lò mũi xanh. Hai gia đình coi như chuyện chúng tôi lớn lên, trở thành vợ chồng là điều cố nhiên. Nếu như Linh vừa thố lộ là ngày xưa Linh có yêu tôi, thì tôi cũng phải thú thật rằng hồi đó tôi cũng có cảm tình rất nhiều với Linh. Tình cảm đó có lên tới mức tình yêu chưa thì tôi không chắc, nhưng nhất định nó đã vượt qua tình bạn bình thường. Linh còn nhớ cái đêm ở Suối Dầu, khi mọi người kéo nhau đi qua xã bên cạnh coi phim, chỉ có mình tôi và Linh ở lại trại để nói chuyện với nhau không ? Sau đêm đó tôi thấy lòng mình thật xao xuyến, và tôi cảm thấy có lỗi thật nhiều với Ái khi để trái tim mình đi lạc như vậy. Tôi đã cố giải quyết sự giằng xé đó bằng cách hết sức trẻ con là làm mặt giận với Linh, để hai bên khỏi có cơ hội nào mà gần gũi với nhau nữa.

Bà nghe mắt mình cay cay và giọng mình nói với Vũ như một lời kêu thương:

- Anh ác lắm, anh biết không ? Cái ác độc của anh vẫn còn làm tôi đau ngay trong giây phút này. Nỗi đau mà tôi tưởng đã quên mất từ lâu. Nhưng tại sao anh lại làm hoà với tôi chứ ?

Vũ quay qua nhìn bà :

-Bộ Linh tưởng tôi sung sướng lắm khi phải giả vờ giận Linh sao ? Chính vì bị giày vò với việc đó mà tôi nghĩ phải xin lỗi Linh,

cho dù tôi biết sau hôm đó có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Ít nhất giữa chúng ta còn có được một kết thúc đẹp, còn hơn là chia tay một cách khó chịu như vậy.

Bà đưa tay lên ngăn một giọt nước mắt sắp lăn xuống má, cố phá lên cười một cách gượng gạo :

- Anh Vũ nè, giá bây giờ mà có đứa cháu nội nào của anh nghe được câu chuyện của hai ông bà già mình, chắc nó tưởng đang coi phim « Luy Tình Chưa Dứt » quá !

Vũ cũng cười theo. Mặt ông nhăn nheo, da đen sạm vì thời gian, mưa nắng. Bà thầm nghĩ, còn đâu chú Gấu Bông trắng trẻo, tròn trịa, thư sinh ngày xưa đã làm mình một thời điên đảo. Vũ nhìn lại bà. Thuý Linh còn đẹp lắm, nhưng bây giờ xa cách với ông làm sao, tuy đang đi sánh đôi với mình. Ông giấu tiếng thở dài, không biết nói gì hơn. Bà bỗng nói :

- Ô, anh Vũ đưa tôi ra thăm lại dòng sông một chút nhé.

Vũ nhếch miệng cười :

- Dòng sông bây giờ khác lắm rồi. Linh ra xem sẽ rõ.

Hai người đi đến một dãy hàng quán nằm chắn ngang trước mặt, Vũ nhìn bà nói:

- Dòng sông nằm sau dãy nhà này đó Linh.

Bà đưa hai tay lên ôm ngực. Trời đất, ngày trước, bờ sông rộng thênh thang, thoáng đãng. Bà còn nhớ cùng Thuý Trúc lững thững đi dọc ven bờ, nhìn bọn trẻ chơi đùa, hay những cô gái ngồi giặt bên sông. Bây giờ, bà và Vũ phải len lách qua một lối đi chật hẹp giữa hai quán ăn, mặt đất lầy lội, bẩn thỉu. Dòng sông buồn bã hiện ra trước mắt bà, nhếch nhác, đầy rác rưởi, mặt nước đen ngòm. Vũ ngậm ngùi nói:

- Con sông êm đềm ngày xưa đã mất rồi Linh ạ, giống như những tháng ngày học trò hồn nhiên của chúng ta vậy, không sao tìm lại được nữa.

Lúc hai người quay trở lại, bà nói, giọng khô khốc;

- Anh Vũ à, tự nhiên tôi có một ý nghĩ hết sức ích kỷ là tôi phải tìm lại dòng sông này, phải tìm lại anh để hỏi cho được những điều tôi hằng thắc mắc. Một lần thôi, để rồi tôi không còn phải nuối tiếc gì nữa. Trong giây phút này, tôi thấy như một cánh cửa vô hình nào đó của quá khứ vừa khép lại, để tôi không còn vương vấn gì đến nó nữa.

Vũ nói, giọng băng khuâng:

- Rồi Thủy Linh lại trở về bên đó à? Linh nhận nước Mỹ làm quê hương sao?

Bà nhìn về phía trước như nhìn vào khoảng không:

- Anh Vũ biết quê hương mới tìm thấy của tôi là ở đâu không? Đó chính là thân xác của tôi đây này. Cho dù tôi có đi đâu cùng trời cuối đất đi nữa, tôi vẫn ở trong quê hương tôi. Anh biết không, mỗi buổi tối khi tôi được lên giường nằm sau những công việc hằng ngày, tôi thấy đó là thời khắc an bình nhất. Lúc đó tôi hoàn toàn thuộc về tôi. Không ai có thể bắt tôi làm điều gì trong lúc đó nữa. Tôi đã trở về quê hương của tôi hằng đêm như vậy đó, lúc thân xác và tâm hồn lắng đọng lại thành một. Cảm giác đó thật tuyệt vời. Cố nhiên, cho đến một ngày nào, rồi tôi cũng bỏ quê hương đó mà đi, như bao nhiêu người khác...

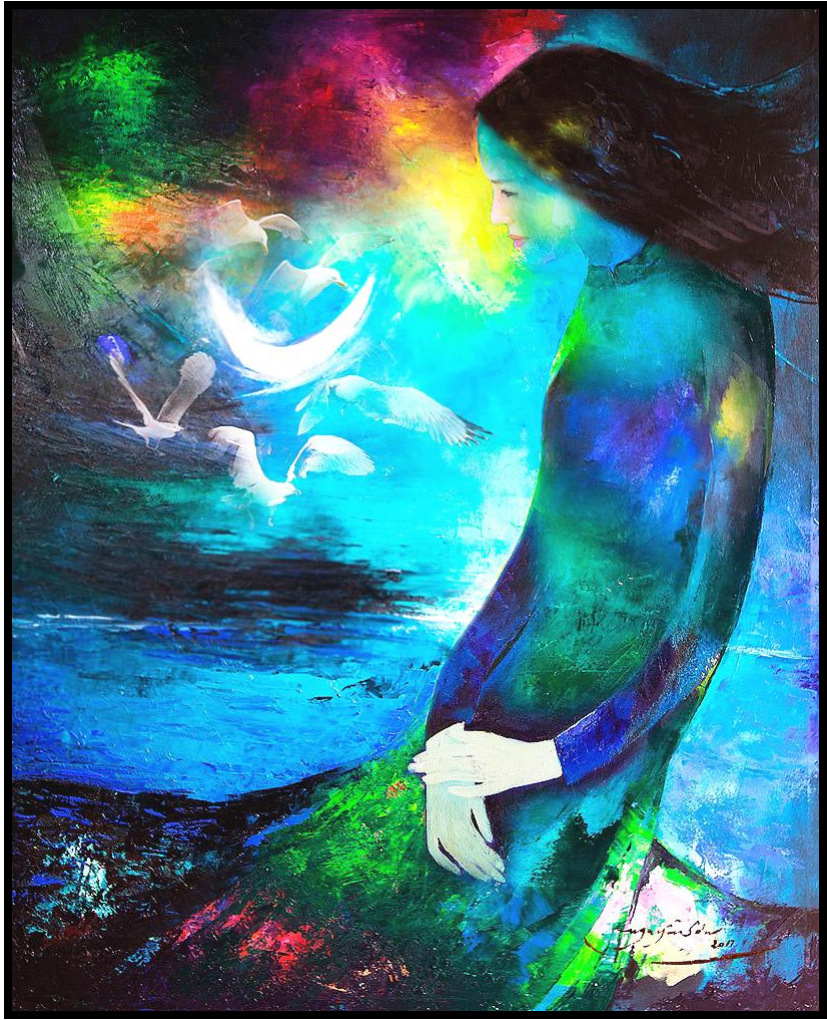
Ánh nắng buổi xế trưa ở thôn Phước Thiện chợt đậm đặc lại một chút, y như nắng trên đường Thống Nhất ở Phan Rang. Xin giã từ Phước Thiện. Giã từ Vũ. Giã từ những giấc mơ vụng dại ngày xưa. Bà chợt nhớ đến câu hát “Dòng sông trước kia tôi về, bỗng giờ đây đã khô không ngờ” của Trịnh Công Sơn. Dòng sông Phước Thiện chưa khô cạn, nhưng cũng không còn như ngày xưa nữa. Gấu Bông không còn nữa. Thủy Trúc không còn nữa. Thủy Linh cũng coi như không còn nữa. Chỉ có màu nắng vàng như hổ phách bây giờ là dường như từ trước đến giờ chẳng hề nhạt phai.

Trần C. Trí - California, USA

HÀNH TRÌNH

*Gậy trúc chống lưng còng
Tìm đường ra biển đông
Đã tràng còn gờn cát
Sóng giạt nguyệt bình bồng
Lên núi kiếm nguồn sông
Thành thơ cánh hạc hồng
Thấy ngân hà lấp lánh
Châu ngọc sa muôn dòng*

LÝ HIẾU – Virginia, USA



BIỂN VÀNG TÌNH EM

Tranh: **NGUYỄN SƠN** Germany

BÂY GIỜ

NOWADAYS

Bây giờ lỡ một bước về
Đàn rung rức khóc bên lê ly tan
Nhiều khi trong giấc mơ màng
Tưởng còn vang dấy mộng vàng son xưa

Now that the opportunity to return is lost,
Restless resonance on sad separation is the cost.
My spirit, many times, the echoes in a slumber
Of the old golden dreams do still encumber.

Gió bay bụi phấn tro thừa
Trầm ngâm đứng đón chiều đưa qua đời
Man man câu chúc tiếng cười
Âm thầm gió cuốn khuất lời buồn tênh

Redundant powder with the wind is gone;
Musing upon evenings in life I stand drawn.
The congratulations, the laughter grown grey:
In the thin air all sweet sounds are swept away.

Bỗng dung lòng trở thác ghềnh
Giám ta chết giữa mấy đèo cô đơn
Tháng năm xếp lớp ven đường
Bàn tay quẩn quýt giữ vườn xuân xanh

Suddenly my heart bursts into rapids, cascades,
To detain me lonely to death between palisades.
Months and years are layered along the road:
I thus hasten trying to safeguard my prime abode.

Xin cho một giấc mơ lành
Dù sương khói sẽ tan thành ngày mai
Bây giờ lỡ mộng tương lai
Nằm ôm dĩ vãng thờ dài mà thôi

May I win and enjoy a dearly desirable dream
Albeit such fog to fade next day will deem.
Now that my reveries of the future have failed,
I lie sighing with my thoughts on the past nailed.

Bây giờ lỡ một môi cười
Sắt se tim nhỏ dấu đời phơi pha
Ta về riêng mỗi mình ta
Lặng nghe thơ trẻ chết già từ lâu

Nowadays even a smile has lost its own time;
World imprints are dilute on my soul tiny clime.
On the way home I walk alone, a lonely shadow
Calmly feeling that the young has died long ago.

Dẫu cho còn chỉ nỗi sầu
Vẫn xin trở lại buổi đầu bình yên.

However, even though there only remains smart
I still long to return to peaceful days at the start.

LÊ MAI

Translation by *THANH-THANH*



TRÚC ĐÀO VƯỜN CŨ

Tang thương mấy cuộc bể dâu
Trắng khuya quạnh quẽ giấc sầu trở trăn
Chân mây giá buốt lạnh căm
Nhớ dòng sông vũ xa xăm ngày nào.

Thu sang vàng lá trúc đào
Vèo bay lá úa xạc xào bên tai
Thoáng nghe như tiếng thở dài
Vi vu tiếng gió ai hoài về đâu.

Dòng đời thấp thoáng bóng cầu
Mộng chưa tròn mộng héo sầu xót xa
Trúc đào vườn cũ phôi pha
Sương khuya giăng mắc người xa chưa về.

QUỲNH ANH

NGƯỜI HIỀN VÀ NGƯỜI ĐẸP

Nơi tôi ở có khá nhiều hiền triết
Có rất nhiều mỹ nữ với kiều nhi
Phần riêng tôi chỉ là người hiểu biết
Lại cũng là người vương nợ tình si.

Những hiền triết thường vào rừng trú ngụ
Họ luận bàn về triết lý nhân sinh
Nhưng người đẹp thường khoe khoang, quyến rũ
Ồi! biết làm sao vượt khỏi lưới tình?

Nơi tôi ở có nai vàng ngơ ngác
Có những sóc nâu từng cặp vờn nhau
Có nhiều quạ trong rừng chiều xao xác
Tiếng yêu đương nghe chẳng khác bồ câu.

Tối đến cạnh em, đứng trông đàn quạ.
Em ngừng đầu nghe dàn nhạc thiên nhiên.
Những hiền triết đã đi xa vắng cả
Chỉ còn tôi và chỉ còn em.

HÀ BÌNH TRUNG (1922-2012)

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")
1/2 trang trong: US \$30.00
1 trang trong: US \$60.00
Trang trong bìa trước: US \$100.00
Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**



CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 24 - SỐ 85

Tạp chí Cỏ Thơm số 85
đã phát hành ngày 30 tháng 7, 2019

MUA ỦNG HỘ TẠP CHÍ CỎ THƠM (BÁO IN)
Một năm 4 số, 40 USD, gửi tận nhà - xin liên lạc:
dathphan1@gmail.com
Phan Anh Dũng, 9020 Cardiff Rd, Richmond VA 23236

**

Tạp Chí Cỏ Thơm có bán tại tiệm Washington Music
trong Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26 - Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-4979

TỦ SÁCH CỎ THƠM

9020 CARDIFF ROAD

RICHMOND, VA 23236

Tel. (804) 276-7960 / dathphan1@gmail.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)

ĐIỂM TRANG LÂM ĐĂNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung

TRẮNG NHỚ ĐÊM RẪM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên

NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân

TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An

VẤN KHẢO (2000) - Trần Bích San; GIẤC MƠ ĐỔI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên

MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung

TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐÁY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YẾU EM (2002) - Thơ Kim Vũ

BẾN ĐỒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ Phan Khâm; SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm

HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,

Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An

ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRỜI ĐI (2005) - Thơ Việt Bằng

PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005) - Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung

SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỞNG (Tái bản 2005) - Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung

GIẢI THOẠI VẤN CHUÔNG (2006) - Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,

Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.

DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) – Thơ Phan Khâm

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung

NÁO NỨC HỘI TRẮNG RẪM (2007) - Bút khảo của Hồ Trường An về các tác giả:

Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,

Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.

KHÚC VÕ THANH (2008) , 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)

ĐÀ LẠT NGÀY THẮNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao

GIỮ MÃI GIỮM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt

CA ĐAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm

NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết

(2013)

DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC & TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ

GIỚI & NHÀ VĂN & NHÀ THƠ VÀ TÁC PHẨM 2018: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn

MÙA XUÂN/ SPRING RAIN - Thơ song ngữ Tâm Minh Ngơ Tăng Giao

MONG MANH & TỰ NHIÊN - Thơ Ý Anh

BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung

LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên khảo của Nguyễn Văn Thành

TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC - Ý Nguyên; BẾN KIA BỜ NHỚ - Bút ký Phạm Bá & Ý Nguyên